VĂN HỌC

tạp chí sáng tác
nhận định văn nghệ

KỶ NIỆM 11 NĂM QUỐC HẬN

NHƯ CHI • LÊ DIỆP CẨM • NGỌC DŨNG
PHẠM DUY • VÕ DÌNH • THẠCH HÃN
HẠ QUỐC HUY • THÁI TÚ HẠP
NGUYỄN XUÂN HOÀNG • NGUYÊN KHAI
STEPHEN O. LESSER • BÌNH NGUYÊN LỘC
NGUYỄN THỊ NGỌC LAN • ĐỊNH NGUYÊN
NGUYỄN PHƯỚC NGUYÊN
PHAN CUNG NGHIỆP • VŨ HUY QUANG
HOÀNG XUÂN SƠN • NGUYỄN VĂN SÂM
NGUYỄN BAN SƠ • TẠ TỴ • THÁI TUẤN
BỬI BẢO TRÚC • KIỆT TẤN
ĐỖ QUÝ TOÀN • PHAN NI TẤN
TRẦN VĂN TÍCH • NGUYỄN BÁ TRẠC
XUÂN VŨ • NGUYỄN VĂN

số 4 tháng 5-1986

SỐ ĐẶC BIỆT : KỶ NIỆM 11 NĂM QUỐC HẬN

TRONG SỐ NÀY :

Brancusi:*Chim không gian, tượng (trang 1)* ; **Văn Học** : *Thư Toà soạn (trang 3)* ; **Tạ Tỵ** : *Biết đến bao giờ, tùy bút (trang 4)* ; **Hoàng Xuân Sơn** : *Tay trái, thơ (trang 10)* ; **Thái Tuấn** : *Tranh (trang 11)* ; **Xuân Vũ & Văn Học** : *Thực trạng giới nhà văn cộng sản Miền Bắc trước 1975 (trang 12)* ; **Ngọc Dũng** : *Tranh (trang 18)* ; **Bùi Bảo Trúc** : *Xa nhà đọc thơ Hạ Trì Chương, thơ (trang 19)*; **Stephen O. Lesser & Thạch Hãn** : *Văn học Trung quốc sau Mao Trạch Đông (trang 20)* ; **Định Nguyên** : *Ru người tháng Tư, thơ (trang 27)* ; **Kiệt Tấn** : *Một người rất bận, tùy bút (trang 28)* ; **Nguyễn văn Sâm** : *Ngày tháng bồng bềnh, truyện ngắn (trang 31)* ; **Võ Đình** : *Tranh (trang 41)* ; **Đỗ Quí Toàn** : *Tiếng nói thơ (trang 42)* ; **Nguyên Khai** : *Tranh (trang 59)* ; **Như Chi** : *Sinh nhật yêu thương, thơ (trang 60)*; **Phan Ni Tấn** : *Hôn Lễ, thơ (trang 61)* ; **Bình Nguyên Lộc** : *Với cái giá phải chết, truyện ngắn (trang 62)* ; **Nguyễn Ban Sơ** : *Cuối cùng chỉ toàn là mây bay, thơ (trang 69)* ; **Nguyễn thị Ngọc Lan** : *Một chút hạnh phúc nhỏ, truyện ngắn (trang 70)* ; **Hạ Quốc Huy**: *Từ nước mắt em xa, thơ (trang 74)*; **Phạm Duy** : *Xu hướng nhạc hùng (trang 75)* ; **Thái Tú Hạp** : *Những chặng đường quê hương, thơ (trang 80)* ; **Trần văn Tích** : *Vài nét về Nguyễn Hiến Lê sau 1975 (trang 85)* ; **Vũ Huy Quang** : *Bèo nước, truyện ngắn (trang 90)* ; **Nguyễn Phước Nguyên** : *Trận chiến, truyện ngắn (trang 96)* ; **Lê Diệp Cẩm** : *Cây hoa giấy và trái xoài, tùy bút (trang 105)* ; **Phan Cung Nghiệp** : *Xuân về nào có hay, thơ (trang 109)* ; **Hoàng Liên** : *Ánh sáng và bóng tối, hồi ký (trang 110)* ; **Nguyễn Xuân Hoàng** : *Giới thiệu Tháng Ba Gãy Súng ,điểm sách (trang 119)* ; **Nguyễn Bá Trạc** : *Thư gửi bạn từ San Jose (trang 123)* ; **Nguyễn Văn** : *Thời sự văn học nghệ thuật* ; **Văn Học** : *Thư của Ban Quản lý (trang 134).*

Số đăng ký tại Thư viện Quốc hội Hoa kỳ :ISSN : 0885-128X

LƯU Ý : BẮT ĐẦU TỪ SỐ NÀY, BÁO TĂNG TRANG, GIÁ MỖI SỐ TĂNG LÊN US $ 2.50.

DI'S PRINTING, 10104 Westminster Ave., Garden Grove, CA 92643 • (714) 636-7932

KINH BIEU

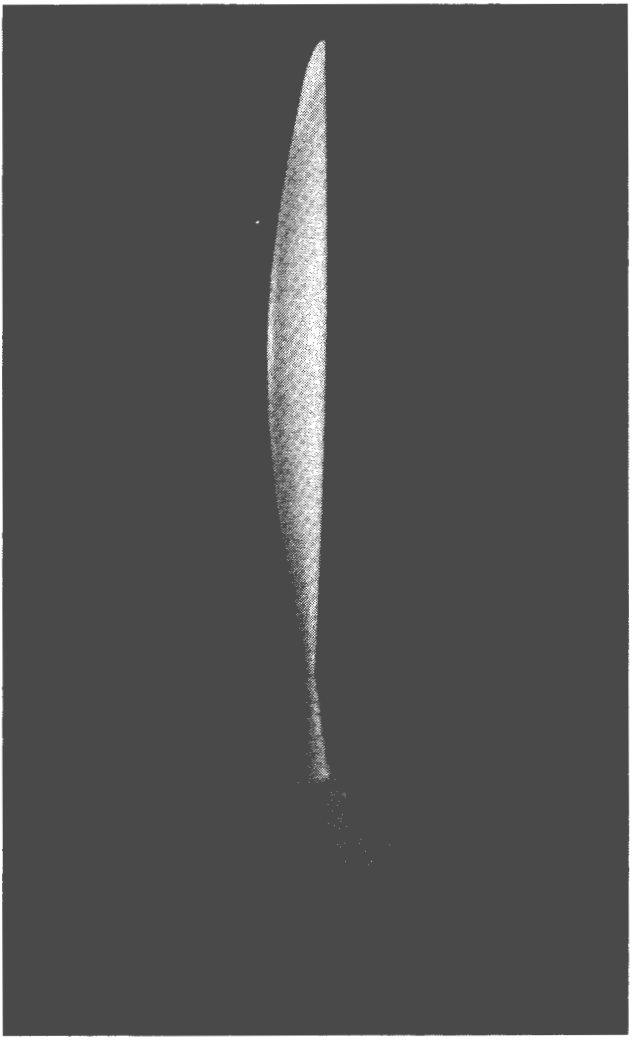

Chim Không gian , Tượng của Brancusi
(National Gallery of Art, Washington).

Thư toà soạn

Đầu tháng 5 năm 1985, Văn Học Nghệ Thuật bộ mới tái ngộ bạn đọc hải ngoại, qui tụ được rất nhiều văn hữu ở khắp nơi trên thế giới nhờ uy tín của nhà văn Võ Phiến và nhà văn Lê Tất Điều. Sau một thời kỳ tạm ngưng , lần này Văn Học Nghệ Thuật đã có thêm sự cộng tác của một số văn hữu mới vượt biển đến bờ tự do, cùng những cây bút trẻ có sức sáng tác dồi dào phong phú mới bắt đầu viết tại hải ngoại.

Nhờ thế, Văn Học Nghệ Thuật trở thành nơi gặp gỡ của nhiều thế hệ, và càng ngày càng được bạn đọc bốn phương chú ý, hỗ trợ.

Khi Văn Học Nghệ Thuật đổi thành Văn Học, có lẽ bạn đọc đã nhận thấy chủ trương của tờ báo vẫn không đổi, chỉ có điểm cải tiến là phần nội dung chú trọng nhiều hơn đến các sáng tác, nhất là sáng tác của giới trẻ. Tầm biên tập của tờ báo cũng thu hẹp hơn trước, chú tâm nhiều hơn đến văn học , vì chúng tôi tự nhận thấy không đủ khả năng bao gồm tất cả các bộ môn văn nghệ.

Một năm trôi qua với biết bao khó khăn ! Lần giở lại 12 số báo, chúng tôi không khỏi lâng lâng xúc động khi nghĩ tới sự đóng góp quí giá của văn hữu bốn phương, và sự hỗ trợ tinh thần cũng như tài chánh của bạn đọc. Không có lòng nhiệt thành và ưu ái của quí bạn, chắc chắn tờ tạp chí này không thể đến tay quí bạn đều đặn suốt 12 tháng qua.

Số Văn Học quí bạn cầm trên tay phát hành đúng vào hai mốc thời gian quan trọng :

** Ở chỗ riêng tư, đây là số báo kỷ niệm đệ nhất chu niên của tờ tạp chí này.*

** Trong vận mệnh chung của dân tộc, số báo này kỷ niệm 11 năm lưu vong, 11 năm xót xa uất hận, 11 năm bơ vơ nơi xứ lạ nhưng cũng là 11 năm âm ỉ rồi bừng sáng niềm tin một ngày về. Các sáng tác đăng trong số báo này là dấu vết của những tâm trạng trong những hoàn cảnh khác nhau, từ thế hệ lớn tuổi như Tạ Tỵ, Bình Nguyên Lộc, cho đến thế hệ trẻ như Nguyễn thị Ngọc Lan, Nguyễn Phước Nguyên.*

Đây là tiếng cười tiếng khóc chung trân trọng gửi đến bạn đọc, với tất cả lòng cảm tạ chân thành.

VĂN HỌC

Tạ Tỵ

Biết đến bao giờ.

*T*hấm thoát đã mười một năm rồi đó! Dòng thời gian cứ di hành theo chu kỳ của nó, nhưng con người đã trải qua một hoàn cảnh đặc biệt trong khoảng thời gian ấy, lại ngưng đọng trong tâm trí những khắc khoải, ưu tư và cay đắng nữa, cơ hồ như không cách nào gỡ bỏ. Mười một năm, cơn ác mộng dài, thật dài cứ ám ảnh mỗi lần chợt nghĩ, chợt thấy con số ghi trên tờ lịch. Tất cả những hình ảnh và sự việc không hề phai mờ, trái lại, càng ngày càng lún sâu, ghi đậm nét như lưỡi dao sắc nhọn cắm lút vào trí nhớ làm nhức nhối đến tận cùng cảm giác. Mặt trận Xuân Lộc đã trở thành vô dụng khi địch thấy mình không có khả năng chọc thủng nó, đành đi vòng qua sông Đồng Nai để tiến chiếm phi trường quân sự Biên Hòa và từ đó, đánh thẳng vào Saigon. Chiếc phi cơ vận tải cuối cùng chở các vị sĩ quan và vợ con họ, cất cánh tại phi trường Tân Sơn Nhất sáng ngày 29-4, đã bị những viên đại liên và trung liên bắn theo xối xả, do các chiến sĩ có nhiệm vụ bảo vệ phi trường nổi cơn tức giận, khi thấy mình bị bỏ rơi, bị phản bội! Hình như tất cả đang rạn vỡ, đang tan nát, rã rời !...

Mới hôm qua, cả Sài gòn lên cơn sốt cao độ. Tất cả mọi ngã đường đều ứ nghẹn bởi dòng người, dòng xe chạy chen lấn, hỗn loạn để tìm cách tháo thân qua cổng Tòa Đại Sứ Mỹ hoặc bến Bạch Đằng! Nhưng buổi sáng nay, 30-4-75, thành phố Sài gòn như chìm lắng vào sự hoang vắng đến lạnh người. Tiếng súng giao tranh vọng từ xa, nghe rời rạc, yếu ớt! Từ chiếc radio, Dương văn Minh đang kêu gọi "người anh em phía bên kia"hãy ngưng bắn để điều đình, với giải pháp: Hòa giải Dân Tộc! Các chiến sĩ Dù vẫn có mặt tại các nút chặn quan trọng, nhằm ngăn cản sự tiến quân của cộng sản vào thủ đô. Tôi đứng trên bao lơn nhìn xuống mặt lộ, thỉnh thoảng có chiếc xe gắn máy lao vút, rồi biến mất như ảo ảnh. Mọi cánh cửa đều đóng kín, trừ vài ô cửa sổ trên cao mở he hé với vài nét mặt nhớn nhác nhìn đây đó. Tôi ngước mắt lên cao. Màu

trời xanh ngắt, rải rác những cụm mây trắng trôi bềnh bồng như mọi ngày. Những chiếc phản lực cơ chiến đấu của hải quân Mỹ không còn lồng lộn với những tiếng động cơ rú rầm trời như muốn xé rách không gian. Chắc người Mỹ cuối cùng đã rời khỏi Sài gòn theo lời yêu cầu của chính phủ Dương văn Minh và cũng là sự giao ước của quân cộng sản đối với người Mỹ. Cũng kể từ giờ phút này, chỉ còn ta và địch đối mặt, trong một hoàn cảnh vô cùng bất lợi về phía Quốc Gia. Một nỗi phân vân khó tả, chợt xâm nhập vào tâm trí làm tôi khó chịu. Cả tuần nay, những tin tức về mặt trận không mấy khích lệ, thêm vào đó, còn những cảnh hỗn loạn, cướp ...Quân ta cứ rút, địch cứ tiến, nhiều khi tiến không kịp. Những viên đại pháo 130 ly rơi khắp nơi, ngay cả thành phố Sài gòn, gây nên bao nhiêu tang tóc và những ngọn lửa cao ngất, thiêu rụi cả một khu rộng lớn. Thủ đô Sài gòn như chết cứng trong màng lưới bao vây của quân cộng sản, mỗi phút mỗi tăng áp lực. Trái tim miền Nam đã rướm máu vì những trái đại pháo, sự hy vọng ngăn chặn và đẩy lui địch quân ra xa tầm đạn, quả là mong manh, nhất là giải pháp "hòa giải"! Không có đối phương nào ngu ngốc lại ngưng hạ độc thủ khi biết kẻ thù của mình sắp rớt đài! Các tiểu đoàn Dù với vài khẩu 105 ly và các đơn vị lẻ tẻ cùng lực lượng Cảnh sát dã Chiến, liệu có đủ sức để phòng ngự, bảo vệ Sài gòn, bảo vệ mảnh đất tượng trưng cho uy quyền quốc gia, chứ đừng lạc quan đến nỗi tưởng rằng họ có thể đẩy lui được bước tấn công của các sư đoàn bộ binh cộng sản. Quả thực, trận tuyến lúc này đã lung lay như bức tường sắp sập !

Mặt trời vẫn chói chang rọi từng tia nắng rực rỡ xuống cảnh vật. Cây thánh giá trên nóc nhà thờ Chợ Quán vẫn ngạo nghễ đâm thẳng lên vòm cao như một thách đố. Những tàng cây rải rác đó đây lay nhẹ theo cơn gió buổi sớm. Để tránh bị lôi cuốn vào những ám ảnh bi phẫn, tôi quay vào nhà, ngồi vào chiếc ghế quen thuộc, cho tay tắt máy radio, cứ léo nhéo một luận điệu, kêu gọi các chiến sĩ ta buông súng, tránh đổ máu nhiều hơn nữa! Tôi cầm cuốn sách đọc dở đưa lên mắt. Tất cả trang giấy biến thành màu đen kịt. Không một dòng chữ nào hiện ra. Tôi quăng nó vào góc nhà. Tôi đốt thuốc. Hơi thuốc đắng nồng trong cuống họng. Tôi vội dụi nó vào chiếc gạt tàn đã đầy ứ mẩu thuốc hút dở dang. Hình như chưa bao giờ tôi hút thuốc nhiều như mấy hôm nay. Miệng tôi khô cong, lưỡi tê mất cảm giác. Tôi đứng dậy, đi quẩn quanh trong căn phòng hẹp, y hệt con thú mắc bẫy. Chữ "đi" chợt thoáng hiện trong đầu. Nhưng đi đâu? Với phương tiện nào? Hình như đã quá trễ đối với riêng tôi? Nếu không đi được, những không may nào sẽ chụp xuống đời tôi? Tất cả những câu hỏi cứ quay cuồng trong óc làm tôi choáng váng! Trong khi đó những tràng A.K. và tiếng pháo

kích vẫn âm vọng đến tai, khi ở phía này, khi phía khác. Tôi nhìn đồng hồ, đúng 10 giờ sáng. Đột nhiên ở bên ngoài có tiếng chân chạy rầm rập, mỗi lúc mỗi gấp gáp. Tôi nhoài người ra phía bao lơn, nhìn xuống. Cách chỗ tôi đứng chừng vài chục thước, ngay đầu con hẻm nhỏ, các chiến sĩ Dù đang vội vàng tháo nón, cởi quần áo trận, tụt giầy saut. Súng M16, dây lưu đạn, dây lưng, chất đống, sát bức tường của căn nhà đầu, nơi đó, thường ngày là chỗ tụ tập của lũ trẻ đánh bi, đánh đáo. Sau khi cởi bỏ hết, với bộ đồ thường dân mặc sẵn bên trong, các chiến sĩ Dù chạy chân đất, tản mác vào các lối ngõ nhỏ, xuyên qua con phố khác. Nhìn cảnh tượng đó, ruột tôi đau như xé! Như vậy, giờ phút sụp đổ của miền Nam đã điểm! Binh chủng Dù, đoàn quân thiện chiến nhất của miền Nam, trong suốt cuộc chiến trên 20 năm, đã tung hoành khắp các nẻo đường đất nước, rất ít khi chiến bại, thế mà trước giờ phút nguy khốn này, họ đã từ chối chiến đấu, như vậy còn đơn vị nào có đủ khả năng để đối mặt với quân thù? Các sư đoàn bộ binh đã vỡ hết chỉ vì một quyết định sai lầm của các cấp lãnh đạo cũng như chỉ huy khi cho lệnh rút lui khỏi Pleiku và Kontum, trước khi có giao tranh. Tôi cứ đứng như pho tượng dưới cái nắng hừng hực. Vài cánh cửa hé mở. Những con mắt ngơ ngác ngó ra !

Không thể chờ đợi lâu hơn, tôi xuống đường, đi men theo lề nhà, đến ngã tư Cộng Hòa—Trần Hưng Đạo. Biết vậy là nguy hiểm, nhất là mình không có nhiệm vụ gì. Tiếng súng A.K nổ từng chập. Những tràng đại liên từ các ụ chiến đấu ở Tổng Nha Cảnh Sát thỉnh thoảng lại rú lên từng cơn rồi tắt lịm. Tôi đứng núp vào một góc tường..., nhìn xuôi về miệt Chợ Lớn. Mặt đại lộ rộng rinh, những chiếc lá vàng đuổi nhau dưới cơn gió. Không một bóng người qua lại. Chừng mươi phút sau, mắt tôi đã nhìn thấy những bộ quân phục màu xanh nhạt và những chiếc nón cối thấp thoáng di động sát mé nhà, ở cả hai bên vỉa hè. Tuy không gặp sức kháng cự nào, nhưng họ tiến rất chậm. Đến ngã tư, tất cả đều dừng lại. Những khẩu B40 và trung liên bố trí, yểm trợ cho từng tên băng qua đường. Quy luật chiến trường buộc họ như vậy để tiết kiệm xương máu, nếu bất trắc xẩy ra. Các tên bộ đội lần lượt đi qua mặt tôi, tên nào cũng trẻ măng, quân phục nhầu nát, miếng vải đỏ được gài trên mép áo để dễ phân biệt bạn,thù. Chúng đi cả giờ mà chưa hết quân. Những tên chỉ huy đeo K54 với chiếc sà-cột lủng lẳng bên hông, trông nét mặt tương đối già dặn. Nhiều cánh cửa đã mở. Những cặp mắt tò mò nhìn ra. Một đám trẻ con vì chưa ý thức được sự nguy hiểm của trò chơi, chạy túa ra mặt lộ,qua góc đường bên kia, nhặt những chiếc thắt lưng, những sợi dây biểu dương do quân Dù vứt lại, quấn đầy người, miệng la hét om sòm! Tiếng máy radio từ trong căn nhà vọng ra cho tôi biết: Chính phủ miền Nam

đã đầu hàng vô điều kiện! Thế là hết!

Tôi quay về nhà với từng bước uể oải. Leo khỏi mươi bậc cầu thang, tôi đến phía chiếc đi-văng, gieo mạnh người, nằm bất động như một xác chết! Nhưng tôi không nằm lâu được vì những suy nghĩ không đâu làm rối loạn đầu óc. Tôi lại ra bao lơn nhìn lên vòm cao, nhìn xuống thấp. Những mái nhà nhấp nhô với màu sắc khác biệt trải dài trước tầm mắt. Bỗng có một khối lửa khổng lồ từ miệt Phú Lâm lao về hướng Sài gòn. Trước mắt tôi là một cảnh tượng vừa đẹp vừa ghê rợn. Khối lửa hạ dần cao độ. Đó là chiếc C119, chiếc máy bay cuối của Không Lực Việt Nam bị bắn hạ ở những phút cuối của cuộc chiến. Chiếc máy bay đã khuất sau những tòa nhà cao. Một tiếng nổ lớn vọng đến. Thế là cả chiếc C119 và phi hành đoàn anh hùng đã đi vào tro bụi !

Trang sử đã lật! Những cái gì phải đến, đã đến. Nhưng có điều mọi người không thể hiểu, tại sao miền Nam lại thua nhanh như vậy? Nếu quân đội cứ nghiêm túc chiến đấu, nếu dân hết lòng tin tưởng vào chính quyền, nếu đừng có tham nhũng, nếu đừng chia rẽ vì quyền lợi đảng phái hay cá nhân, hoặc tôn giáo v.v... thì sự chiến thắng của cộng sản còn lâu mới xẩy ra, vạn nhất nó đến, thì lực lượng của cộng sản chắc chắn cũng không còn nguyên vẹn. Giữa lúc tôi đang suy nghĩ vẩn vơ, những tràng súng đủ loại nổ ầm vang. Những viên đạn rơi lộp bộp trên mái tôn rộn ràng. sau một hồi bắn tán loạn, tiếng súng chợt im. Xung quanh tôi lúc này, hình như tất cả đều lắng đọng, một sự lắng đọng bi thiết đến rợn người !

Lẩn quẩn mãi không chịu được, tôi xuống thang mở cửa đi ra. Tôi thả bộ lòng vòng theo đại lộ Cộng Hòa. Ở góc ngã tư Võ Tánh—Cộng Hòa, bên trong chiếc "lô-cốt" bê-tông, một tên "cách mạng 30", tay đeo băng đỏ, ôm khẩu trung liên của Cảnh sát dã Chiến để lại. Những viên đạn vàng chóe nằm dài trên thân súng. Một chiếc xe Jeep M2 lướt qua, những tên "30", cầm M16, nghênh ngang cười nói. Lá cờ giải phóng phấp phới nơi kính xe như chứng tỏ uy quyền! Đối diện với khu đại học Khoa Học là một dẫy T54. Những tên bộ đội trông mệt mỏi. Vài chiếc xe đạp buộc bên pháo tháp. Lá cờ cắm vào cột ăng-ten cố nương sức gió bay lên, nhưng gió quá yếu, nó lay động như một miếng vải màu sặc sỡ! Vài tên, không đội cối, tóc rối bù đi nhởn nha ở mép lộ, khẩu A.K. xệ một bên vai.

Một số người hiếu kỳ đứng bên kia đường ngó những chiếc tăng dính đầy bùn đất, một số người khác đi lượm những bộ đồ trận, những đôi giầy saut, nón sắt chất đầy chiếc xe ba-gác, rồi chở đi đâu chẳng biết? Người ra đường mỗi lúc một đông, có lẽ mỗi người muốn được ghi nhận về phần mình những cảm nghĩ riêng biệt về sự có mặt của quân "cách mạng" trong những giờ phút thứ

nhất chăng? Tôi bước vòng theo bờ cong của mép lộ, đi lên phía Hồng Thập Tự. Tôi ngó bức tượng trắng toát của ngành cảnh sát, vẫn đứng nguyên giữa bồn cỏ xanh tươi. Tôi đi như kẻ mộng du, nhưng trong đầu lại nặng trĩu ưu tư, phiền muộn! Những người có trách nhiệm với miền Nam lúc trước đã vọt hết với tài sản, nhiều, ít tùy người. Vài ông tướng đã tự tử vì không chịu nhục trước kẻ thù. Sự tự sát này, chỉ riêng các vị đó được tiếng khí tiết, nhưng các chiến sĩ thuộc quyền còn lại, chắc chắn sẽ phải gánh chịu nhiều đắng cay, nhục nhã. Theo ý riêng tôi, hai chữ "Anh Hùng" chỉ thuộc về những ai dám chiến đấu, chiến đấu trong cả điều kiện khắc nghiệt nhất để giữ gìn màu cờ Tổ Quốc. Anh hùng là những ai chết giữa sa trường, poncho bọc xác! Anh hùng là những ai đã nằm dưới ba tấc đất nơi Nghĩa Trang Quân Đội !...

Vừa đi vừa suy nghĩ vẩn vơ, tôi đã đến góc vườn Tao Đàn lúc nào không hay. Những chiếc xe gắn máy đủ loại phóng vun vút, tuy không điên loạn, nhưng tiếng động cơ cũng ầm vang cả khu phố. Những tên bộ đội đứng gác nơi phía cổng và toàn thể khu vực. Không phải chúng gác vườn Tao Đàn mà canh phòng phía hậu của dinh Độc Lập cũ, lúc này các tên đầu sỏ của Mặt Trận Giải Phóng đang có mặt trong đó, buộc chính phủ Dương văn Minh phải đầu hàng vô điều kiện trên giấy trắng mực đen! Tiếng thắng xe ren réc ngay bên cạnh làm tôi giật mình, quay nhìn. Trên chiếc Jeep có bốn chiến sĩ Dù, người nào cũng ghì chặt khẩu M116 như đi tác chiến, ngoại trừ người lái xe. Một bóng người to lớn, bỏ tay lái, nhẩy ra khỏi xe. Bộ đồ hoa tác chiến lao nhanh đến phía những tên lính cộng sản. Tôi nhìn thấy nơi cổ áo gắn cấp bậc thiếu tá. Khẩu súng Colt đeo xệ đến ngang đùi. Với sắc mặt đỏ gay, lộ vẻ tức giận cùng cực, vị đó cho ngón tay chỉ vào mặt tên bộ đội, nói thật lớn để phân trần:

— Thưa Bà con, Cô, Bác, chúng tôi phải thua những thằng lính nhãi ranh này à? Chúng tôi buông súng vì phục tùng lệnh của thượng cấp chứ đâu có thua!

Nói xong, vị đó quắc mắt nhìn đám bộ đội như thách thức! Vì sự việc xẩy ra quá nhanh và bất ngờ, những tên lính cộng sản chưa kịp phản ứng thì vị sĩ quan Dù đã nhẩy lên xe rồ máy trước sự ngạc nhiên của những người có mặt. Tôi thầm cảm phục tinh thần bất khuất của vị sĩ quan Dù bữa đó. Thời gian sau, hồi tưởng đến chuyện này, tôi không biết vị sĩ quan ấy có vù được không, hay cũng bị đi cải tạo mút mùa, và trong thời gian cải tạo, liệu còn giữ được khí phách trước những cơn đói hành hạ và gian khổ trường kỳ?

Tôi đi từng bước chậm rãi men theo vỉa hè cánh trái Dinh Độc Lập. Ở mỗi cây trụ, có một tên bộ đội đứng gác. Tôi liếc nhìn qua

hàng chấn song. Những khuôn cỏ đầy lá vàng. Những tàng cây cao trải bóng mát bình yên như không có chuyện gì đang xẩy ra. Những chiếc T54 và xe Jeep kiểu Liên Xô đậu gần kín chiếc sân lớn trước cửa Dinh.Những bộ đồng phục nhầu nát chạy lăng xăng, bận bịu. Nhìn toàn bộ khu vực, toát ra một cái gì tang thương, buồn bã. Cái không khí trang nghiêm thuở nào, nay không còn! Đến góc đường, tôi nhìn về phía đại lộ Thống Nhất. Trên khuôn viên những bãi cỏ, nhiều người đang tụ tập, những tấm biểu ngữ được giơ lên cao cùng với lá cờ giải phóng. Những tiếng hò hét náo nhiệt!... Lúc nầy, quả thực tôi không muốn nhìn, muốn nghĩ gì nữa vì mọi suy nghĩ đều vô ích. Tôi lầm lũi quay gót trở về. Để tránh sự nhàm chán của con phố mình vừa đi, tôi tạt ngang, rồi xuôi theo con đường Phan Đình Phùng. Tôi đi suốt một dọc dài, qua nhiều ngã tư, không chỗ nào còn màu vàng, thỉnh thoảng lại bắt gặp lá cờ nửa xanh, nửa đỏ với ngôi sao vàng ở giữa cắm trên chiếc xích lô máy, lao vun vút với tiếng nổ chát chúa. Khi gần tới ngã tư Đoàn Thị Điểm—Phan Đình Phùng, trước một tòa nhà khá lớn, khẩu đại bác 105 ly nằm chình ình bên vệ cỏ với những chiếc đui đạn nám đen. Nòng súng hếch lên cao, hướng về phía Nam thành phố. Rải rác bên vệ đường, những chiếc xe hơi bụi đất bám đầy, có chiếc cửa kính bể nát, có chiếc bị tháo hết bốn bánh, có chiếc bị đốt cháy dở dang. Đến đường Lê văn Duyệt, tôi quẹo trái để theo đường Võ Tánh trở về nhà. Qua chiếc building cao ngất, tôi nghe tiếng đập phá rầm rầm. Rất đông đảo người và xe ba-gác. Những chiếc tủ lạnh, quạt máy, bàn ghế bằng sắt kiểu Mỹ, quạt bàn, máy lạnh được chuyển từ bên trong ra với tiếng kêu gọi rầm rối. Những giấy tờ quăng bừa bãi theo gió cuốn vương vãi đầy đường. Người dân đang "làm thịt" cơ sở của người Mỹ để lại. Tôi nghĩ: như vậy còn hơn để cho cộng sản lấy.

Gần về tới nhà thì trời xập tối. Đến đầu hẻm, tôi thấy bác Tư Nghĩa, người chuyên gánh nước mướn cho cả xóm, tay đeo băng đỏ, đang khum hai bàn tay làm loa, hô thật lớn: — Alô, Alô, nghe đây,nghe đây, bà con cô bác theo lệnh của cách mạng, sáng mai đúng 7 giờ, tất cả mọi gia đình đều phải đến trụ sở khóm để khai lý lịch, làm hộ khẩu. Những người trước kia đi lính Ngụy phải trình diện đăng ký. Nếu bất tuân, sẽ bị cách mạng nghiêm trị! Nghe đây, nghe đây!...

*
* *

*R*ồi cứ mỗi năm đến ngày ô nhục, khi cộng sản làm lễ ăn mừng chiến thắng, thống nhất Việt Nam, thì vết thương trong lòng mỗi người dân miền Nam lại tấy lên làm nhức nhối, đớn đau. Đã

mười một năm rồi, ai cũng nghĩ, phải làm một cái gì để xóa bỏ cái ngày ô nhục đó, phải cắt bỏ cái nhọt bọc đang âm ỉ, đục rỗng tâm trí biết bao nhiêu con người ở trong nước cũng như lưu vong. Nhưng biết đến bao giờ ?...

Tạ Tỵ

Hoàng Xuân Sơn

Tay trái

Ở đây lâu bỗng thấm nghề tay trái
Cũng có sở trường sở đoản như ai
Sáng mở mắt ra ào ào chạy máy
Đạp thấu tương lai cho hạnh phúc đổi đời

Ô chí lớn trong đường kim mũi chỉ
Góp mãi chưa đầy một túi càn khôn
Này kéo này dao chớ buồn van vỉ
Sẽ có một ngày cắt hết nhọt ung

Chẳng nhẽ ngồi đây suốt đời ăn bám
Nợ nước, tình quê vẫn đó, chưa hề...
Cái khó mưu thân đã làm ngao ngán ?
Câu hát ân tình mỏi giọng tào khê

Có ngọn đèn khuya thay lời chứng giám
Ở giữa đấu trường sống thực làm chơi
Sĩ khí tân toan gom vào một trận
Lộn trắng ra đen cho rõ mặt đời

Manh áo quê xưa đã đành tơi tả
Biết tới chừng nào vá lại cho xong
Vốn liếng tay chân cầm bằng chưa rã
Cũng rán may sao cho đẹp tấm lòng.

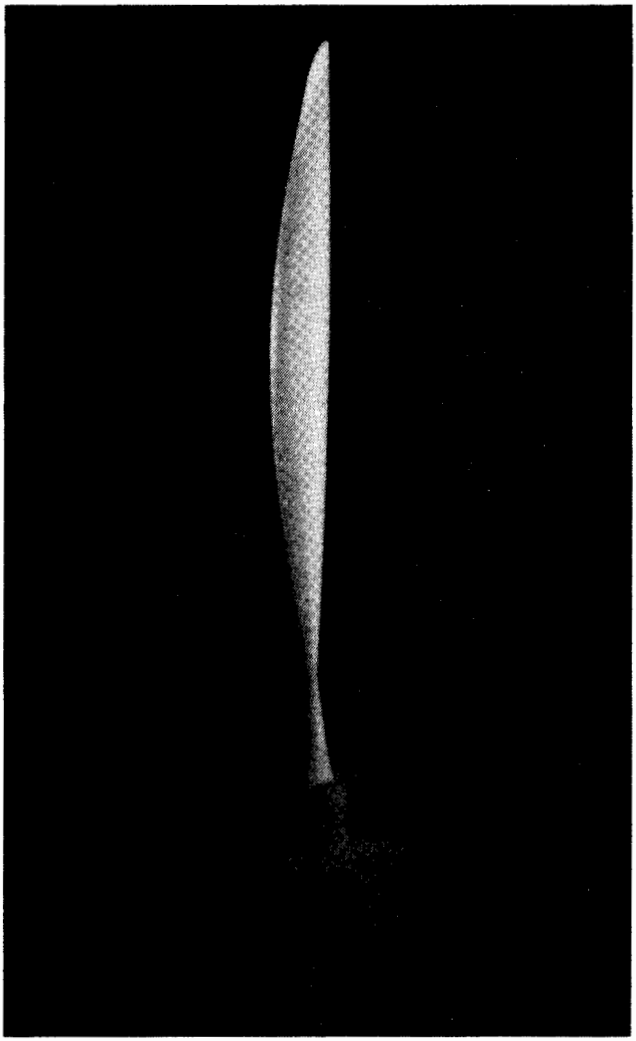

Chim Không gian, Tượng của Brancusi
(National Gallery of Art, Washington).

Xuân Vũ

Thực trạng giới nhà văn cộng sản Miền Bắc Việt Nam trước 1975.

Sau đây là phần trích đoạn bản ghi âm cuộc phỏng vấn nhà văn Xuân Vũ về thực trạng giới nhà văn cộng sản Miền Bắc, qua kinh nghiệm sống của Xuân Vũ suốt thời gian từ sau hiệp định Genève cho đến 1968. Cuộc phỏng vấn này được thực hiện dưới sự bảo trợ của Social Science Research Council, Indochina Studies Program.

Văn Học: Thưa anh Xuân Vũ, trước hết xin anh cho độc giả Văn Học biết qua tiểu sử của anh .

Xuân Vũ : Tôi là Xuân Vũ, sinh năm 1930 ở Bến Tre. Tôi bắt đầu viết văn hồi 20 tuổi. Tôi đi kháng chiến chống Pháp ở Nam bộ và tập kết ra Bắc, sống và viết văn ở đó 10 năm. Trong 10 năm đó, tôi đã có ý định và hành động trốn khỏi chế độ cộng sản 3 lần nhưng cả 3 lần đều không thành. Lần cuối cùng là khoảng năm 1958, sau cải cách ruộng đất. Tôi có ý định lội qua sông Bến Hải, nhưng khi đến được bờ sông, tôi bị cái chết của Vũ Anh Khanh ám ảnh nên không thực hiện được dự tính.

Văn Học : Vũ Anh Khanh tác giả *Nửa Bờ Xương Khô* ?

Xuân Vũ : Vâng, Vũ Anh Khanh của *Nửa Bờ Xương Khô, Trắc Bá Diệp* và nhiều bài thơ nổi tiếng khác. Tôi quen với Vũ Anh Khanh trong thời kháng chiến ở Nam bộ, lúc đó anh học ở trường quân chính võ bị Trần Quốc Tuấn .Nghe người ta nói là anh Khanh đã bị bắn chết khi lội sông Bến Hải về lại Miền Nam, và cộng sản đã vùi thây anh đâu đó ngay bờ sông.

Văn Học : Lần cuối cùng anh trở về với chế độ tự do là vào năm nào ?

Xuân Vũ : Sau Tết Mậu Thân. Lúc đó tôi đã đi khắp hết tỉnh nhà của tôi rồi. Hồi đó, Hà nội gửi tôi vào Nam với phận sự phải viết

một cuốn tiểu thuyết về "đồng khởi". Về tới nơi, sau một thời gian, tôi viết cũng gần xong cuốn truyện, chưa kể gần 100 truyện ngắn cũng viết xong nhưng chưa in. Khi ra hồi chánh, tôi bỏ các bản thảo đó lại, vì chính tôi thấy tất cả những điều đã viết đều không thật. Tôi bịa nhiều hơn, thực tế không có gì.

Văn Học : Trong chuyến vô Nam, anh cùng đi với những nhà văn nào ?

Xuân Vũ : Tôi đi cùng đoàn với hầu hết văn nghệ sĩ, trí thức . Tôi đi cùng với Nguyễn Quang Sáng, vào rừng anh ta lấy bút hiệu Nguyễn Sáng. Đinh Quang Nhã thì đi chuyến sau. Phía nhạc có Hoàng Việt, cùng một đoàn ca vũ ballet mới học ở Nga về. Ngoài ra có mấy nhà quay phim và một số nhà thơ tôi quên mất tên.

Văn Học : Trong cảnh chiến trường như vậy, họ gửi đoàn vũ ballet vào làm cái gì ?

*Xuân Vũ :*Họ tính vào lấy Sài gòn mà ! Năm 1960, năm tôi rời Hà nội, họ bảo là vào để chuẩn bị tiếp quản Sài gòn. Cho nên gửi đoàn ca vũ ballet vào biểu diễn ở Sài gòn chứ đâu phải ở trong rừng !!

Văn Học : Anh về vùng quốc gia sau Mậu Thân. Như vậy thì hồi Mậu Thân anh ở đâu ?

Xuân Vũ : Tôi ở Kiến Hoà .

Văn Học : Có một số người thuộc giới văn nghệ theo quân xâm nhập vào tận các thành phố. Số nào ở lại rừng , số nào phải theo về?

Xuân Vũ : Lúc đó theo sự phân công đâu trên rừng. Tôi ở Kiến Hoà tôi không biết. Nghe nói trong vụ Mậu Thân, nhiều văn nghệ sĩ chết lắm. Có Nguyễn Thi, Lê Anh Xuân...

Văn Học : Trong thời gian tập kết ra Bắc, anh viết được bao nhiêu tác phẩm ?

Xuân Vũ : Tôi có in cuốn *Người Miền Nam,* một tập truyện ngắn. Ngoài ra có viết được hai ba cuốn nữa.

*Văn Học :*Giả sử với tập truyện *Người Miền Nam* anh đã in, từ lúc anh viết xong cho đến lúc được nhà xuất bản in cho, thời gian mất bao lâu ?

Xuân Vũ : Tất cả tùy ở lập trường .Trong tập truyện đó tôi có được phép nói chút xíu sai lầm khuyết điểm nào của họ đâu ! Toàn tập viết những chuyện "anh hùng", chuyện đó có khuôn sẵn, ai viết chẳng được ! Còn nếu mình đi sâu vào những khía cạnh xam xám một chút, không "lạc quan cách mạng", không vỗ tay hoan hô rào rào , thì nhất định không in được. Hồi đó Hà Minh Tuân có cho in cuốn truyện *Vào Đời*. So với cuốn *Đứng Trước Biển* của Nguyễn Mạnh Tuấn bây giờ thì *Vào Đời* thấm thía gì. Hà Minh Tuân chỉ nói sơ sơ mấy nét xấu xa của đám đảng ủy, vậy mà anh ta mất luôn chức bí thư đảng Hội liên hiệp văn học nghệ thuật toàn quốc, mất

luôn chức giám đốc nhà xuất bản Văn Học. Anh ta gốc lớn, trung tá chính ủy trung đoàn đó . Cho nên bọn nhà văn xoay ra viết những chuyện "gương anh hùng" có sẵn !

Văn Học : Trong thời gian ở Bắc, anh có chân trong Hội nhà văn?

Xuân Vũ : Có.

Văn Học : Đời sống của anh lúc đó ra sao? Chúng tôi được biết những người có trong Hội nhà văn lãnh lương như một công chức để viết. Như vậy, thì ràng buộc trách nhiệm như thế nào ? Chẳng hạn mỗi năm phải nộp cho Nhà nước bao nhiêu bài?

Xuân Vũ : Người cầm bút dưới chế độ cộng sản ăn lương Nhà nước thì phải làm việc trong một cơ quan văn học hay báo chí nào đó. Ăn cơm chúa thì phải múa tối ngày. Thí dụ như tôi, hồi đó còn trẻ lắm, tôi làm phóng viên. Chẳng hạn hồi đó có hợp tác xã Đại Phong ở Quảng Bình được coi là lá cờ đầu của các hợp tác xã Miền Bắc thì họ gửi tôi vào viết ký sự, hay truyện ngắn để đề cao. Hoặc hồi đó xây cái cầu Hàm Rồng ở Thanh Hoá, tôi phải vào tiếp xúc với mấy ông chuyên gia Trung quốc, mấy ông công trình sư Việt Nam, đi tới đi lui coi núi coi non viết một bài. Hội cử đi làm cho cơ quan nào thì làm cho cơ quan đó, nhưng bấy giờ, lãnh lương của Hội nhà văn.

Văn Học : Anh vừa nói đến chuyện "đi thực tế" tại các nơi cần đề cao để viết bài ca tụng. Chắc anh được các nơi đó đón tiếp long trọng lắm ?

Xuân Vũ : Không có đâu. Họ biết chắc bọn nhà văn nhà báo không bao giờ dám viết cái xấu, nên không sợ. Thứ hai nữa, họ đâu có đọc báo đọc sách đâu mà tốt với nhà văn nhà báo. Họ lo cái ăn cái mặc không thôi cũng đủ mệt rồi. Đâu cần biết nhà văn là cái hạng người gì ! Lại thêm bọn viết lách xuống hỏi tới hỏi lui chỉ mất thì giờ. Họ coi bọn viết lách chẳng ra cái gì cả !

Văn Học : Nếu như vậy thì tại sao trên sách báo chính thức của Nhà nước, lúc nào cũng nghe đề cao vai trò của người cầm bút, của văn nghệ sĩ, vai trò của những " kỹ sư tâm hồn" ?

Xuân Vũ : Tôi nói thật, theo kinh nghiệm của tôi hồi đó, dân chúng không màng tới chuyện đọc báo đọc sách .Không có cái gì ăn hết, bụng đói, đọc sách sao vô ! Nói những điều dao to búa lớn như "kỹ sư tâm hồn" chỉ để loè thôi, chứ có cuốn chỉ in 1000 bản cho mấy chục triệu người, thì bao nhiêu người đọc cuốn đó. Quanh quẩn cũng chỉ có một số người đọc ở Hà nội, ở các thành phố, cán bộ các tỉnh, công đoàn ...vậy thôi. Tôi vô trong nhà một nông dân Miền Bắc. Thê thảm lắm cơ ! Làm gì có chỗ để đặt một cuốn sách. Làm gì có thì giờ để đọc báo Nhân Dân chữ nhỏ như con kiến. Thành ra làm văn học nghệ thuật ở Miền Bắc là cho ai chứ không phải cho dân chúng .

*Văn Học :*Cho cấp lãnh đạo ?

Xuân Vũ : Đúng. Cho cấp lãnh đạo vui lòng. Với lại cho cán bộ công đoàn tại các thành phố đọc chơi chứ dân chúng không có đọc đâu ! Tôi tin chắc tới nay vẫn vậy.

*Văn Học :*Là một nhà văn Miền Nam đi tập kết, chắc anh có biết Anh Đức ?

*Xuân Vũ :*Có. Bùi Đức Ái (tên thật của Anh Đức) với Nguyễn quang Sáng và tôi là ba người viết văn Miền Nam tập kết ra Hà nội ở tuổi thanh niên. Nhưng tôi biết chắc Anh Đức không thể đi xa được, tuy được Nhà nước đề cao.

Văn Học : Vì sao vậy ?

Xuân Vũ : Vì công thức quá. Hễ viết tới "ngụy "thì phải tả cho ác ! Như trong cuốn *Hòn Đất* đó. Trung úy "ngụy" thì phải mổ tim ăn sống ! Còn chị Sứ thì nằm chiêm bao thấy cụ Hồ ! Tôi không dám nói sợ anh ta tâu lên trên phiền phức, vì Anh Đức lúc đó được đề cao. Nhưng dám tưởng tượng chị Sứ nằm chiêm bao thấy cụ Hồ, thì tôi "phục" anh ta quá ! Trong cuộc đời có bao giờ mình nằm chiêm bao thấy người mình chưa bao giờ gặp được đâu ! Có bao giờ chiêm bao thấy Lý Thái Bạch đâu ! Hay là chiêm bao gặp Mao Trạch Đông !

*Văn Học :*Anh Đức viết *Hòn Đất* , theo anh, phải chăng chỉ là tô vẽ cho một thứ "thực tế" không hề có ?

Xuân Vũ : Thực tế nào ? Nhân đây tôi cũng xin nói về chuyện " đi thực tế". Ở các nước cộng sản, thường nghe nói muốn viết cho hay thì phải "đi thực tế". Đây là một kiểu Hà nội cóp nhặt của Trung quốc, cũng như vụ cải cách ruộng đất. "Đi thực tế" đâu phải là cái linh phù của việc sáng tác ! Đâu phải hễ đi thực tế là giải quyết được tất cả mọi vấn đề. Nhiều khi phản ứng ngược.

Văn Học : Xin anh nói rõ hơn vấn đề này .

Xuân Vũ : Nhiều khi đi vào thực tế lại không viết được. Anh hăm hở đi thực tế, thấy chuyện xấu mà viết không được, viết ngược lại thì bị kỷ luật. Đó là cái khó cho người cầm bút dưới chế độ cộng sản.

Văn Học : Dĩ nhiên cũng có những người cầm bút trung thực dám viết sự thực chứ ?

Xuân Vũ : Có chứ. Họ chỉ dám viết một phần, cái phần chưa được phép như trường hợp nhóm Nhân Văn Giai Phẩm và một số người khác. Họ đều bị trừng trị, bị kỷ luật. Vụ Nhân Văn Giai Phẩm nhiều người đã biết, tôi khỏi cần nhắc lại. Nhưng còn có những trường hợp khác, như Nguyễn Huy Tưởng. Sau đợt cải cách ruộng đất, Nguyễn Huy Tưởng về lại quê để xem cải cách ruộng đất "thắng lợi" ra sao. Về lại Hà nội, ông viết những lời nhận xét như sau :

Tiếng gà gáy buổi trưa êm dịu ngày xưa không còn nữa. Tình hàng xóm qua dậu thưa quả ớt trao qua quả cà trao lại cũng không còn nữa. Không khí ngờ vực bao trùm xóm thôn. Chỉ có thế thôi mà các nhà phê bình của Đảng cũng nhặt ra, đánh cho Nguyễn huy Tưởng phải cụp mặt, và sau đó mất chức đại biểu quốc hội tỉnh Bắc Ninh. Kim Lân cũng dùng hình tượng *con chó xấu xí* (chính Kim Lân cũng có sắc diện xấu xí) để trách khéo Đảng đã bội nghĩa vong ân với văn nghệ sĩ, nhưng mặc dù vậy, con chó vẫn trung thành. Thế mà Kim Lân cũng bị quất cho tơi bời.

Nguyễn Tuân vốn không ưa sự can thiệp trắng trợn của các ông Chính trị bộ vào văn nghệ, nên đã tìm mọi cách nói xéo, ông đã viết : *Khi nhớ đến một người nào đó, người ta thường nhớ đến việc anh ta đã đánh vỡ một cái gì.* Ý ông muốn nói là các nhà lãnh đạo khi đánh giá văn nghệ sĩ chỉ nhìn thấy khuyết điểm của họ thôi.

Tuy vậy nhìn chung, những lời viết trung thực ít ỏi ấy vẫn chỉ là những sự thực hiếm hoi được tiết lộ, do kẽ hở của guồng máy Nhà nước hay do Nhà nước cho phép để giải toả phần nào sự bất mãn.

Văn Học : Xin trở lại vấn đề " đi thực tế". Giữ thực tế đúng nghĩa và thực tế ghi lại trong văn chương Miền Bắc, sự cách biệt lớn lao ra sao ? Xin cho biết ngay kinh nghiệm của anh về chuyện này.

Xuân Vũ : Tôi xin kể kinh nghiệm của chính tôi. Hồi đó, tôi và Nguyên Ngọc được cử đi viết về những anh hùng quân đội. Nguyên Ngọc viết truyện anh hùng Núp, còn tôi, vì gốc Nam bộ, nên họ giao cho tôi viết về một anh hùng gốc Miên tên Sơn Ton ở Sóc Trăng. Sau khi ba cùng (nghĩa là cùng ăn cùng ở cùng làm) với anh này một thời gian, tôi mới khám phá anh ta chẳng anh hùng gì hết. Ngược lại anh ta chỉ là một thằng chết nhát ! Tôi hỏi tại sao anh được tuyên dương anh hùng ? Anh ta nói : "Tôi đâu có thành tích gì đâu ! Tôi không biết tại sao tôi là anh hùng, tại sao họ khiêng tôi lên vai đi như thế này. Tôi không hiểu ! Ở trên nói tôi là anh hùng thì tôi biết tôi là anh hùng, thế thôi".

Nghe Sơn Ton nói vậy, tôi ngạc nhiên quá, lần lên trung đoàn hỏi, trung đoàn họ mới lần ra nữa, cuối cùng mới khám phá ra là ông phụ trách thi đua đã đem thành tích của cả huyện gán cho một người , thành ra anh Sơn Ton này có thành tích lớn quá. Không ai làm nổi bao nhiêu chuyện như vậy. Tôi không viết được , về báo cáo lý do vì sao không viết được. Sơn Ton vẫn cứ là người anh hùng được tuyên dương, nhưng về sau, họ bắt anh ta đi học xa khỏi đơn vị để khỏi kể lăng nhăng những chuyện ấy ra.

Phần những người khác được giao cho viết về anh hùng tôi không hiểu họ có gặp những chuyện oái oăm như vậy không. Có một số sáng tác thuộc loại đó được ca tụng lên mây xanh, như cuốn

Đất Nước Đứng Lên của Nguyên Ngọc viết về Đinh Núp. ...*Văn Học :* Xin cảm ơn anh Xuân Vũ. Mong một ngày nào đó, anh sẽ ghi lại các kinh nghiệm này thành sách để bạn đọc hiểu thêm về thực trạng giới nhà văn cộng sản Miền Bắc.

Nguyên Ngọc và Anh Đức hiện nay là hai cán bộ văn nghệ cao cấp của cộng sản Việt Nam. Nguyên Ngọc là bí thư đảng Hội Nhà văn Việt Nam ở Hà Nội, còn Anh Đức là bí thư đảng Hội văn nghệ TP. HCM.

tuổi hoa

TỜ BÁO CỦA GIỚI TRẺ VÀ TUỔI THƠ VIỆT NAM TẠI HẢI NGOẠI

do các nhà văn, nhà thơ, nhà giáo tha thiết với tuổi trẻ thực hiện

Bài vở chọn lọc kỹ lưỡng, vui tươi, xây dựng, bổ ích
Hình thức trình bày tuyệt đẹp, công phu, với bìa offset 4 màu của họa sĩ Vi Vi

Chủ nhiệm: QUYÊN DI *Chủ bút:* NHẬT TIẾN

*

PHIẾU MUA & TẶNG BÁO DÀI HẠN

- *Xin gửi Tuổi Hoa từ số ..... cho tôi:*

Tên: _____

Địa chỉ: _____

_____ *Điện thoại:* _____

- *Xin gửi Tuổi Hoa từ số ..... cho người được tôi tặng báo:*

Tên: _____

Địa chỉ: _____

_____ *Điện thoại:* _____

Chi phiếu, thư từ xin gửi về TUỔI HOA MAGAZINE
10104 Westminster Ave., Garden Grove, CA 92643 USA

***GIÁ BÁO:** * Giá báo dài hạn 1 năm tại Hoa Kỳ và Canada: 24 Mỹ kim (kể cả cước phí.) * Báo gửi đi Âu châu: — Máy bay: mỗi số $4.60, — Tàu thủy: mỗi số $3.20 * Úc và Á châu: — Máy bay: mỗi số $5.25 — Tàu thủy: mỗi số $3.20.*

Tranh Ngọc Dũng

Bùi Bảo Trúc

Xa nhà đọc thơ Hạ Tri Chương

Tặng Bùi Vĩnh Phúc

Tưởng tượng mai về khu Ngã Sáu
Chiều ra đầu ngõ đứng trông xe
Có người quen hỏi :"Lâu không gặp ?"
Đáp khẽ : " Đi xa mới trở về".

Cũng hệt trong "Hồi hương ngẫu thư"
Tóc xanh giờ đã bạc như tơ
Tiếng quê nghe vẫn đầy âm cũ
Mà cũng lạ tai câu trẻ thơ

Ô hay, "tiền bối" Hạ Tri Chương
"Tiền bối" xa quê thuở Thịnh Đường
Sao thơ hệt chuyện bây giờ nhỉ
Thời ấy mà sao cũng não lòng

Tôi cũng như ông đời biệt xứ
Trẻ ra đi, già vẫn tha hương
Hơn chục năm buồn trên đất lạ
Tôi đọc thơ ông,nát cả hồn

Hạ Tri Chương là một nhà thơ thời Thịnh Đường. Ông có một bài thơ rất hay, bài Hồi Hương Ngẫu Thư, mà cụ Trần Trọng Kim khen là " Cả bài lời nói tự nhiên không điêu trác".Bài đó như sau :

Thiếu tiểu ly gia, lão đại hồi
Hương âm vô cải, mấn mao thôi.
Nhi đồng tương kiến bất tương thức
Tiếu vấn khách tòng hà xứ lai.

Nghĩa là " Hồi niên thiếu ra đi, bây giờ già mới trở về. Tiếng quê hương cũ không thay đổi, chỉ có mái tóc là bạc. Lũ trẻ gặp ta mà không biết ta. Chúng nó cười và hỏi ta từ đâu tới

Stephen O. Lesser

Văn học Trung quốc sau Mao Trạch Đông

Bản dịch: Thạch Hãn

tiếp theo kỳ trước

II

Thế hệ thứ ba của các văn gia hiện đại Trung quốc chỉ xuất hiện vào cuối thời Cách Mạng Văn Hóa. Họ bắt đầu xuất bản tác phẩm của mình vào năm 1978, và tức thời thu hút được tầng lớp độc giả đang nóng lòng tìm kiếm một sự phản ảnh những gì xảy ra ở Trung quốc qua văn chương. Có hai nữ sĩ xuất hiện vào thời kỳ này. Cả hai đều đã thành danh, nhưng lại có hai chủ đề khác biệt. Một người quan tâm đến vai trò của tình yêu, người kia chú trọng đến vai trò của nghĩa vụ.

Trong suốt mười năm cách mạng văn hóa, tình yêu được định nghĩa là tình cảm yêu thương và phục vụ đại chúng. Tiếp theo sự sụp đổ của Tứ nhân bang, không có chủ đề nào ăn khách hơn là vai trò của tình yêu. Tình yêu không còn có nghĩa tìm kiếm một người bạn đời có cùng chung quyết tâm xây dựng xã hội chủ nghĩa. Người ta có quyền chọn lựa một người để yêu, và yêu chỉ vì yêu mà thôi. Một truyện ngắn biểu hiện cho chủ đề này là *"Đừng quên tình yêu,"* của Zhang Jie, hiện là một cây viết nổi tiếng của Trung quốc. Sinh năm 1938, bà theo học ngành kỹ sư, và trước ăm 1978, bà không xuất bản một tác phẩm nào. Nhưng sau khi truyện *"Đừng quên tình yêu"* xuất hiện, bà trở thành một văn sĩ gây nhiều sôi nổi. Một tuyển tập truyện ngắn của bà sẽ được xuất bản bằng tiếng Anh trong một ngày gần đây.

"Đừng quên tình yêu", (1980) là một câu chuyện về một người con gái đã ngoài ba mươi, tranh luận với chính mình về việc có nên nhận lời, hay từ chối một cuộc hôn nhân. Lý trí buộc cô phải chấp nhận. Kẻ cầu hôn là một người đàn ông hợp nhãn. "Chỉ gương mặt và thân hình của chàng không thôi cũng đủ thu hút nhiều cô

gái trẻ khác". Nhưng cô lại không yêu chàng ta. Cô tự hỏi, "Tôi thường thấy mình nghĩ ngợi về những điều mẹ tôi sẽ nói, nếu bà còn sống, về lời cầu hôn của Giao Liu và những nghi hoặc của chính tôi. Liệu mẹ tôi có muốn cho tôi nhận lời chăng?"

Bà mẹ của nhân vật chính đã chôn đời mình vào một cuộc hôn nhân không có tình yêu. Bà yêu một người đàn ông khác, có địa vị cao, nhưng người đó lại đã không đáp ứng được những cảm quan của bà. Ông ta đã lập gia đình, và không thể bỏ vợ để cưới bà được. Suốt đời, bà vẫn nghĩ đến ông ta, cứ đọc đi đọc lại những tác phẩm của Chekov chỉ vì ông ta đã tặng cho bà. Cô gái suy nghĩ nhiều về lời cầu hôn kia và bằng vào kinh nghiệm của mẹ, cô đã từ chối :

"Nếu người ta chịu chờ nhau thay vì trôi nổi vào những cuộc hôn nhân, biết bao thảm cảnh đã không xảy ra. Hãy kiên nhẫn đợi chờ cho đến khi gặp được kẻ tâm đầu, và cho dù có khi không tìm được đi nữa cũng đừng nên mù quáng vội vã chấp nhận hôn nhân. Sống độc thân cũng chưa đến nỗi nào?"

Câu chuyện toát ra một phẩm tính cá nhân và kịch liệt, gần như là tiếng lòng gào thét của một người chịu nhiều khổ lụy. Truyện này gần giống với các truyện đã xuất bản trước năm 1949, cố giành lại cho người con gái quyền chọn lựa người yêu làm chồng. Ngay cả trước 1949, người con gái phải chấp nhận một kẻ cầu hôn do cha mẹ chọn lựa. Phần lớn văn chương hiện đại của Trung quốc (và Việt Nam) đã dùng chung đề tài cá nhân đòi hỏi quyền được quyết định vận mạng của chính mình.

Riêng câu chuyện này đã nổi tiếng khắp Trung quốc vì sứ điệp của nó: việc theo đuổi tình yêu của một cá nhân là một việc có giá trị đạo đức trong xã hội chủ nghĩa. *"Đừng quên tình yêu"* mô tả một chuyện tình bi ai, một tình yêu bị đè nén. Đây là một thí dụ táo bạo của tiểu thuyết thời hậu cách mạng văn hóa, mà vẫn giữ được những nét đặc thù của văn chương Trung quốc. Cũng như các truyện khác viết về tình yêu, truyện này tránh không đề cập đến tình dục. Những truyện tình của Tây phương vốn có bản chất kích dục, nhưng truyện tình của Trung quốc lại không (tuy rằng Trung quốc cũng đã có một thời kỳ dài đầy những truyện tình kích dục, nhưng loại này đã chấm dứt từ năm 1949). Những sự mô tả tình yêu có tính cách gợi hình đều không được chấp nhận. Tình yêu trong văn học hiện đại Trung quốc là một sức mạnh tinh thần, những cảm xúc, chứ không phải là những thôi thúc đòi hỏi của thể xác. Tình yêu chính là tiếng kêu đòi quyền tự do cá nhân. Kết cuộc tích cực của câu chuyện, khi cô gái quyết định từ chối lời cầu hôn, đã nhấm đòi hỏi quyền tự do cá nhân nhiều hơn, không chỉ riêng cho nữ giới thôi, mà còn chung cho cả tập thể sáng tác nữa.

Một thí dụ khác về thế hệ văn sĩ hiện đại của Trung quốc là

Chen Rong. Tác phẩm *Nửa đời* của Cheng Rong đã trở nên một trong những tác phẩm được ưa chuộng nhất trong vài năm qua. Câu chuyện đề cập đến những quyết tâm, những trách vụ, và sự tận tụy trong nghề nghiệp của một nữ y sĩ, hy sinh ngay cả sức khỏe của chính mình để săn sóc sức khỏe của bệnh nhân. Bà làm việc cho đến lúc kiệt sức, rồi lên cơn đau tim. Tuy vậy, bà chẳng được đền bù gì, lại còn bị hiểu lầm và bạc đãi trong nhiều năm. Bác sĩ Liu Wenting, nhân vật chính, là biểu tượng cho một thế hệ trí thức và chuyên gia của Trung quốc, đã hy sinh chính mình trong nhiều năm xây dựng một xã hội Trung quốc tiến bộ, để rồi thấy mình bị liệt vào hạng "hôi hám, thuộc loại thứ chín của những kẻ thù giai cấp." Liu Wenting may mắn mà không bị liệt vào hạng đó, nhưng lại bị đau tim vì làm việc quá độ.

Tác giả *Nửa đời*, Chen Rong, sinh năm 1935 ở tỉnh SiChuan. Bà tốt nghiệp Bắc Kinh Nga ngữ viện, nơi bà đã có dịp học hỏi về các văn sĩ hiện thực thế kỷ 19 của Nga .Truyện của Bà chịu ảnh hưởng những kỹ thuật của Chekov, Tolstoi, nhất là trong lối mô tả những hình ảnh gợi cảm của cuộc đời người nữ bác sĩ, của những tận tụy không được đền bù, chấp nhận số mệnh mà không than vãn.

Cậu chuyện *Nửa đời* lồng trong khung cảnh cơn đau tim của bác sĩ Liu. Câu chuyện bắt đầu từ lúc bác sĩ Liu hoa mắt, thấy "những vì sao lấp lánh trên không", dấu hiệu báo trước một cơn đau tim sắp đến, kết thúc lúc bác sĩ hoàn phục và rời bịnh viện, diễn tiến từng giai đoạn một. Ở lúc khởi đầu, cũng như lúc kết thúc, bác sĩ Liu luôn nghĩ đến một đồng nghiệp của mình, cũng là một bác sĩ nhãn khoa, Jiang Yafen, người đã được chính phủ cho phép rời Trung hoa sang Gia Nã Đại. Bác sĩ Jiang, sau những nổi trôi trong thời kỳ cách mạng văn hóa, cho rằng mình không thể tiếp tục sống ở Trung quốc được nữa. Thái độ này trái hẳn với thái độ bất di dịch của bác sĩ Liu.

Nửa đời dịu dàng, ngọt ngào, buồn thảm, nhưng hơi thiếu thực tế. Câu chuyện theo gót cuộc đời bác sĩ Liu kể từ lúc bà bắt đầu dấn thân cho y khoa. Bà được xem như là một người vị tha, không than vãn, tận tụy với bệnh nhân. Chồng của bạn bà có lần bảo :

Chỉ có ai giống như chị, sống trong căn nhà tồi tàn, làm việc siêng năng, chịu đựng những chê bai dè bĩu, không mưu tìm danh lợi hay địa vị cho mình, mới đúng là người phục vụ dân đích thực."

Bác sĩ Liu đại diện cho thế hệ trung niên, những người đã dẫn dắt Trung quốc vào con đường xây dựng xã hội chủ nghĩa, để rồi bị vùi dập trong mười năm cách mạng văn hóa. Nỗi đau khổ của bác sĩ Liu có vẻ thầm lặng, chịu đựng mà không than van. Bà

không bao giờ chống đối, ngay cả những lúc bị khiêu khích quá độ. Một bà vợ của một viên chức cao cấp có lần chế diễu bà, cho rằng bà không đủ khả năng làm bác sĩ. Vậy mà bác sĩ Liu đã chịu đựng những sỉ nhục cố tình đó một cách bình thản. Tác giả Chen Rong đã dựng nên một mẫu người đàn bà quá thánh thiện. Chỉ cần một hành động chống đối cũng đủ làm cho nhân vật có tính người hơn. Tuy thế, người ta không thể phủ nhận được câu chuyện rất cảm động, bi thảm trong cách thế riêng của nó, không những chỉ riêng cho bác sĩ Liu mà chung cho rất nhiều người khác trong đời sống thật mà bà là người đại diện.

Câu chuyện được quay thành phim, và được trình chiếu ở Los Angeles trong kỳ đại hội phim ảnh Trung quốc gần đây. Trên màn bạc, khán giả Hoa Kỳ theo dõi được tình tiết của câu chuyện, nhưng tôi chắc là chuyện này được ưa thích ở Trung quốc nhiều hơn là ở Los Angeles. Lý do chỉ vì khán giả ở đây không thấu triệt được bối cảnh lịch sử để có thể hiểu được những khổ đau của cả một quốc gia làm nền cho câu chuyện bi đát trong phim.

III

*N*hững sáng tác kể trên đều được xuất bản trước 1983, hay đúng hơn, trước thời điểm đánh dấu "chiến dịch đả phá sự ô nhiễm tinh thần," một cố gắng yếu mệnh ngăn chặn sự bành trướng của khuynh hướng buông thả trong văn học Trung quốc. Kể từ khi chiến dịch này chấm dứt vì chính sự thất bại của nó, văn giới Trung quốc đã có những nỗ lực rõ rệt và canh tân hơn trong việc sáng tạo những tác phẩm có ý nghĩa.

Trong kỳ đại hội các nhà văn Trung quốc gần đây nhất vào năm 1985, những cán bộ cao cấp nhất của đảng đã cho phép văn giới Trung quốc biểu lộ bút pháp và sở thích cá nhân của mình qua những sáng tác của họ. Vì thế, những cây bút trẻ, mới xuất hiện, trở nên bạo dạn hơn các bậc đàn anh của họ.

Một trong những cây bút trẻ đã xuất bản tác phẩm của mình bằng Anh ngữ là Sha Yexin. Ông sinh năm 1939 ở Namjing, tốt nghiệp đại học sư phạm Đông Hoa năm 1961. Ông là một kịch tác gia, với nhiều vở kịch làm rạng danh, như vở *"Nếu tôi sống thực"*, là một. Ông dựng kịch về Karl Marx, nhìn Marx như một con người, chứ không phải như một nhân vật lịch sử xa vời được tôn sùng, thánh hóa. Tạp chí *Chinese Literature*, chuyên đăng tải những dịch phẩm từ văn chương Trung quốc, trong một số gần đây, đã đăng vở *"Đối thoại"* của ông.

Trong vở kịch, tác giả ngồi trên một chiếc ghế băng trong công viên, lắng nghe lời "đối thoại" ở quanh ông. Một bên có một cặp

vợ chồng trẻ, đắm đuối yêu thương. Bên kia, một đôi vợ chồng già, tóc bạc da mồi, mỗi người để một chiếc gậy cạnh chỗ mình ngồi. Cả hai cặp vợ chồng đang thủ thỉ tâm sự, và tác giả lắng nghe.

Những điều họ nói chẳng có gì đáng chú ý. Nhưng ở trong cái giản dị và chân tình của ngôn ngữ, trong cái chân thật biểu lộ cảm xúc qua lời đối thoại, người ta thấy được những đức tính phổ quát. Câu chuyện đã vượt ra khỏi biên giới Trung quốc, với tay đến những kinh nghiệm nhân sinh phổ quát của nhân loại ở khắp nơi. Câu chuyện đã làm cho tôi nhớ đến một vở kịch Mỹ nổi tiếng, nhan *"Phố ta"("Our Town"*, của *Thorton Wilder)* trong đó những chân lý sâu xa nhất được biểu lộ qua những mong ước và hy vọng giản đơn của các nhân vật. *"Phố ta"*, cũng như *"Đối thoại"* chẳng có chút gì gọi là tuyên truyền cả. Cả hai đều nắm bắt những cảm quan của con người một cách sâu xa nhất.

Câu chuyện có nhắc đến một vì sao băng xẹt ngang qua vòm trời rồi biến mất, khiến đôi vợ chồng già phẩm bình :

Ông lão: Chúng ta là những vì sao sắp lìa trời.

Bà lão: Mình,... có phải mình sợ chết ?

Ông lão: Đúng, nhưng điều đáng sợ nhiều hơn cái chết, là e rằng mình trước đây đã không sống cho trọn vẹn.

Tiêu điểm của câu chuyện nhắm ở chỗ thường tình, cho nên đã rất hữu hiệu. Tác giả đã dệt những lời đối thoại bình thường, những ý nghĩ của giới trẻ và của tuổi già, thành một lời bình phẩm sâu sắc về cuộc nhân sinh. *"Đối thoại"* không có hậu ý chính trị, trái lại mang nhiều nhân tính, như một lời phát biểu phổ quát về thân phận con người.

Nếu *"Đối thoại"* của Sha Yexin đại diện cho một lối nhìn đằm thắm, êm ả về những kinh nghiệm chung của con người thì tác phẩm của Zhao Zhenkai đưa chúng ta đến những khía cạnh tối ám hơn của thực tại Trung quốc. Zhao là một trong những nhà văn có tài nhất hiện nay ở Trung quốc. Ông còn là một nhà thơ lớn, với những thi phẩm được ký dưới bút hiệu Bei Dao và Ai Shan. Ông còn là chủ biên của tạp chí *Ngày Nay* thường đăng tải những sáng tác mới có dụng ý phê bình xã hội trước khi bị chính quyền đóng cửa.

Zhao Zhenkai sinh năm 1949, năm cộng sản nắm chính quyền ở Trung quốc, trong một gia đình trí thức. Sau khi tốt nghiệp trung học ở Bắc Kinh, ông gia nhập Vệ Binh Đỏ. Cuối thời cách mạng văn hóa, Zhao rời bỏ chính trị và vùi đầu vào văn chương. Lúc ban đầu, ông nghiên cứu các nhà văn đối kháng của Nga sô, sau chú ý đến các tác giả đương thời của Âu châu và Hoa kỳ, đặc biệt chú trọng đến những thử nghiệm của họ về cách hành văn.

Khi làm thơ, Zhao truyền đạt một cách trực tiếp và riêng rẻ

đến độc giả. Thơ của ông khúc mắc, mang một sắc thái cá biệt. Chẳng hạn, trong bài thơ nổi tiếng có nhan *Lời Đáp*, ông viết :

Tôi vào đời,
chỉ mang theo giấy, cuộn thừng và một hình bóng
nói lên lời người bị phán
trước khi án tòa truyền ban:
Hãy lắng nghe ta, hỡi cuộc đời
Chẳng có gì để ta cậy tin.

Mới đây, một cuốn tiểu thuyết của Zhao được dịch ra tiếng Anh, dù chỉ lưu hành ở Hương Cảng *Những đợt sóng*, Bonnie S. McDougall và Susette Ternent Cooke dịch, Đại học Trung quốc ấn quán xuất bản, Hongkong). Tôi chưa đọc cuốn này nên xin tạm miễn bàn. Tôi chỉ có thể trích lời một nhà phê bình đăng trong tạp chí *Viễn Đông Kinh Tế:*

"Sách của ông... là một trong những cuốn sách viết về đời sống ở Trung quốc hiện thời một cách thảm não, ê chề đến độ kinh hoàng nhất. Đó cũng là một cuốn sách mang nhiều hy vọng và thoát khỏi cảnh tro tàn của thời kỳ cách mạng văn hóa. Zhao không những chỉ phơi bày những cảm quan sâu xa, những chiêm nghiệm triết lý mà còn biểu lộ tài năng khác thường về ngôn ngữ. Ông vượt hẳn lên trên những người đương thời với ông, ngay cả những bậc trưởng thương của ông trong làng văn nữa."

Nhà phê bình Ian Buruma còn nói tiếp, *"Zhao có thiên phú trở nên một đại văn hào."* Chúng ta có thể hy vọng rồi đây cuốn sách này sẽ xuất hiện ở Hoa Kỳ.

Bài tiểu luận này chỉ trình bày được một vài nét đại cương về những biến chuyển quan trọng trong văn học Trung quốc mà thôi. Qua việc giới thiệu các tác giả quan trọng đương thời, tôi đã cố gắng trình bày đường hướng tiến hóa của tiểu thuyết Trung quốc sau Mao Trạch Đông như thế nào. Trong lúc Trung quốc đang xét lại chủ thuyết của Mao, thì văn chương cũng đã nới rộng biên cương của vùng đất giới hạn đề tài sáng tác. Tiểu thuyết Trung quốc ngày nay chân thật hơn, và giới cầm bút trẻ sẵn sàng học hỏi những lỗi lầm của quá khứ. Họ chú tâm đến những vấn nạn của đời sống cá nhân, tránh luận điệu tuyên truyền chính trị. Chính quyền cũng tỏ ra rộng rãi hơn với văn giới, cho phép họ tự do hơn trong việc chọn lựa đề tài. Hu Gili, một ủy viên thường vụ trung ương đảng; và người có lẽ sẽ kế vị chủ tịch đảng, ông Ho Yaobang, đã tuyên bố: *"Sự sáng tạo cần phải được tự do, có nghĩa là tác giả phải dùng trí óc của mình để suy nghĩ, phải được tự do chọn lựa đề tài, chủ điểm, cũng như phương thức phát biểu".*

Mặc dầu có nhiều thay đổi như vậy, độc giả Mỹ ít khi đọc sách Trung quốc. Về tiểu thuyết, chúng ta chỉ thích những sách của các tác giả Hoa kỳ, các truyện viết về các cuộc phiêu lưu, như *Noble House* của James Clavell chẳng hạn. Những cái nhìn về Trung quốc và Á châu ở bên kia bờ Thái Bình Dương. Nhật Bản là một ngoại lệ. Người ta có nghe đến, đôi khi còn đọc cả sách của Yukio Mashima, hay nhà văn được giải Nobel Kawabata, chẳng hạn. Nhưng ít ai biết đến các tác giả Trung quốc, những người đã thành danh cũng như những cây bút trẻ đang nỗ lực phát triển tài năng Thật là một điều đáng buồn./.

CHÍNH CA

Thơ Bắc Phong

Cơ sở Xuất Bản Đông Tiến sẽ ấn hành tuyển tập thơ ***Bắc Phong****, mang tên* **Chính Ca***. Tập thơ sẽ xuất hiện vào thượng tuần tháng Tư, gồm 72 bài thơ sáng tác trên nhiều năm, với chủ điểm nêu cao chính nghĩa của công cuộc đấu tranh của người Việt Nam chúng ta.*

Đây là một tin mừng cho giới yêu thơ và một nỗ lực của người cầm bút để khôi phục giá trị của một nền văn học tự do và nhân bản. Đây cũng là một đóng góp của Bắc Phong cho đại cuộc đấu tranh giải phóng của toàn thể dân tộc.

Tập thơ được trình bày trang nhã, với 8 phụ bản mỹ thuật và hai bài thơ được các nhạc sĩ Nguyên Chương và Phan Ni Tấn phổ nhạc. Đây là một tập thơ của mỗi gia đình và phải có mặt trong những tủ sách giá trị. Đồng bào muốn mua tập thơ, xin liên lạc với Cơ sở Đông Tiến. Ấn phí: 5 Mỹ kim tại Hoa Kỳ. Ngoài Hoa Kỳ thêm 2 Mỹ kim cước phí.

ĐÔNG TIẾN
P.O. Box 4708
San Jose, CA. 95150-4708
U.S.A.

Định Nguyên

Ru người tháng Tư

Gửi T C

Ru em quanh giọt mưa đầu
Tháng Tư xanh lá me đau nỗi buồn
Ru em ngày vẫn nhọc nhằn
Dấu son xưa đọng vết hằn trên môi
Ru em áo lụa ngậm ngùi
Mười năm xếp lại nhớ người ra đi
Ru em lãng đãng cơn mê
Chập chùng hơi thở thầm thì thịt da
Ru em nắng trắng đường xa
Đời buồn như những sân ga vắng người
Ru em lá cũng qua đời
Tủi thân thư mỏng vàng lời hư hao
Ru em còn đó cơn đau
Tan trong đáy cốc xanh màu mắt xưa
Ru em lửa Hạ tháng Tư
Có giòng sông chợt nhớ mùa đao binh.

Định Nguyên

Kiệt Tấn

Một người rất bận.

Tùy bút.

"*L*ại thêm một tháng Tư! lại thêm một sinh nhật!" tôi tự nhủ thầm, như tôi vẫn thường nhủ như vậy trong nhiều dịp khác: "lại Tết nữa rồi, lại thêm một tuổi, mới đây đã lại cuối tháng, trời đã lại lập đông", vân vân... Giọng nói lộ vẻ băn khoăn, hối tiếc — hối tiếc một cái gì đó mà mình muốn làm mà không kịp, làm không kịp rồi băn khoăn.

Tôi muốn làm gì? Cũng không phải lần đầu tôi tự hỏi (lẩm cẩm) như vậy. Cổ nhân có dạy: "Người không lo xa ắt có buồn gần." Vậy, (đáng lẽ phải hai chấm xuống hàng chỗ này) muốn cho hợp lý, hành động ta phải hướng về tương lai. Nhất là ở xứ này tôi thấy nhan nhản cái cảnh bô lão lê gót (nghĩa đen) lủi thủi dưới trời Paris lạnh cóng, không phải như ở xứ ta "Ba má già thì ba má ở với tui." Lần này, không biết lần thứ mấy (hay năm thứ mấy) tôi tự bảo mình phải thân hành tới nhà băng mượn tiền mua nhà, kẻo rồi càng già càng khó mượn. Ý định hãy còn đấy. Và cái viễn ảnh tôi và vợ (vừa hiền vừa già) chống gậy xích-xích trên vỉa hè Montparnasse cũng hãy còn đấy.

Một con người sinh ra đâu phải chỉ để đi cày và đóng hưu liễm. Con người sinh ra trên trái đất, trái đất chạy quanh mặt trời, mặt trời nằm ở ngoại ô Ngân Hà, và Ngân Hà ta chỉ là một trong muôn tỉ thiên hà khác trong vũ trụ. Do đó mối liên hệ giữa ta và vũ trụ, cái cứu cánh của ta trong đời sống chắc phải phức tạp hơn nhiều ba cái vụ hưu liễm. Có rảnh tôi phải tìm hiểu thêm cái "thế sự đại mộng" này mới được — mặc dù thực thể tối thượng của vũ trụ, nếu có, nó nằm ngoài ngôn ngữ của con người. Tuy nhiên tôi cũng phải tìm đọc các thuyết mới nhất. Nghe nói thay vì phình ra như thuyết cũ, vũ trụ có thể xọp vô, và đã không ngừng xì xọp như vậy từ muôn thuở — như mấy ông chà-và đã nói từ thuở Tây Mỹ ở lỗ.

Có rảnh tôi phải nghiên cứu thêm, kẻo không rồi tới ngày tan ra thành tro bụi mà vẫn còn mê muội.

À, nghe nói muốn thoát khỏi bến mê, cần phải tham thiền và suy tư dữ lắm. Có khi phải ngồi ngó vách tường sáu bảy năm, lột hết mi mắt cho khỏi buồn ngủ, hoặc phải ẩn thân nơi cổ tự cheo leo sườn núi. Hình như khi ngồi thiền và đạt tới tiêu diêu trán các vị này phát ra những làn sóng cực lạc ghi nhận được bằng máy đo khoa học, có thừa phát lại lập vi bằng — có vậy Tây Mỹ mới chịu tin. Tôi cũng muốn thử tu thân, nếu có rảnh. Nhưng theo kinh nghiệm bản thân thì dù có cạo đầu khoác áo cà sa, cùng lắm tôi cũng sẽ chỉ là một thứ sư hổ mang, khi ở núi vắng thì tịnh, khi sa chân vào chỗ chị em ta thì tâm thần lại hôn mê. Chẳng trách gì Lê Ngọa Triều, thả yêu nữ làm *"test"* các sư như trong sử ta còn chép.

Không hiểu mắc mớ gì mà tôi hay lo những chuyện bao đồng như vậy. Những đề tài nói trên cộng thêm các mục, thiên văn (địa võng), triết lý (chết lý), ái tình (canh chua cá kho), chính trị (chính em), văn nghệ (văn gừng)... được đem ra bàn thường xuyên với mấy thằng bạn dạy học ở trường Tân Văn, những năm 70, quanh một bàn ghép dài có la-de xí quách và mấy em cắn hột dưa lắc cắc, ở Chợ Đũi khít bên trường.

Một bận nhân bàn về Trang Tử nói qua tới con bướm, thằng bạn dạy vạn vật cho rằng cái nhìn của nó về con bướm là sát thực nhứt, còn thằng bạn dạy tâm lý thì cho rằng cái nội tại của con bướm mới là trung thực nhứt; tụi nó lôi tôi ra làm trọng tài. Tôi nói con bướm hay đời sống gì đều có trước con người và lời nói cả, vì vậy bây giờ khoa sinh-lý-bướm hay tâm-lý-bướm có hay không thì con bướm vẫn là con bướm (bướm?) và nó vẫn sẽ bay sẽ lượn như nó đã bay đã lượn như vậy từ... khuya. Tụi nó nhìn nhận tôi có lý, nhưng là cái lý của con cua. Cũng bởi hay tranh luận nhì nhằn vậy đó mà một bận Tạ Ký nổi nóng vác ghế rượt tôi chạy ngờ ngờ trong Chợ Đũi. Bây giờ Tạ Ký đã bỏ mạng trong trại cải tạo. Tạ Ký ơi! nếu ngày nào trở lại xứ mình, ta sẽ khuân một két la-de ra mả anh, ta sẽ uống một chai rót một chai xuống nấm mộ tàn, như lời anh đã dặn bạn bè "nếu một mai tao chết"... và nhắc thơ anh *"Ai làm cho tóc bạc đầu, cho câu kỳ ngộ thành câu giã từ"*.

Tôi chợt nhớ tới một số bạn bè, đứa còn ở trong trại "học tập", đứa đã được thả, mà tôi tự hứa là sẽ tìm cách bắt liên lạc trở lại, hoặc thư từ — khi rảnh (lại khi rảnh!). Chắc tôi bối rối không ít khi phải viết thư. Viết để an ủi (tụi nó cần an ủi?), để mang đến hy vọng (hay ảo vọng?), để trấn an (nói dóc?) hay viết nói huỵch toẹt như mình nghĩ. Nhưng điều chắc chắn là phải làm một cái gì đó, chẳng lẽ ngồi khoanh tay bó gối.

Tôi cũng tự hứa khi rảnh sẽ nghiên cứu chiến lược vùng Đông

Nam Á trong cuối thế kỷ này để đi tìm một triển vọng cho Việt Nam (có lẽ phải nhân một cuộc khủng hoảng trong vùng mà tìm giải pháp cho ta). Nhưng tìm hiểu là một lẽ, thiết thực làm một cái gì là một lẽ khác. Nằm đêm tự chất vấn nhiều khi thấy xấu hổ. Thiết thực nhất là gửi thuốc men quần áo cho bè bạn và vợ con nheo nhóc của tụi nó (vẫn biết cứu nước đâu phải chỉ có vậy).

Tôi còn phải viết thư cho cô bồ cũ của tôi nữa. Từ năm ngoái nàng mời tôi sang Gia Nã Đại chơi mùa hè này, nàng chịu giấy khứ hồi — nàng đã thôi chồng. Tôi còn dụ dự mà bà xã tôi lại... bàn ra (phải hiểu cho vợ nhà). Bên tình bên hiếu. Ngót nghét ba tháng nữa là hè rồi mà tôi vẫn cứ chờ khi rảnh. Hồi đó cũng suýt vì nàng mà tôi đã vì tình bỏ mạng. Tuổi hai mươi yêu sao quá thể! Bây giờ không biết tim ta có còn rung động vì đàn bà hay thiếu nữ được chăng? (lại nằm đêm tự hỏi).

Mà hơn cả năm nay nhịp đập của tim tôi cũng kỳ lạ lắm — vốn biết chút đỉnh nhạc lý nên tôi cố ý nghe thử. Thói thường tim người ta chỉ đập nhịp hai (đít-cô?), mà tim tôi cứ độ mươi mười lăm phút lại chêm một nhịp ba làm tôi chới với. Tôi cũng định bụng khi rảnh sẽ đi khám bác sĩ chuyên khoa về tim xem sao. Năm trước có khi cả ngày mới có một nhịp ba, sao đó rút xuống còn nửa ngày, rồi kế đó cả giờ, bây giờ cứ độ mười lăm phút là *"tập-tập-xình!"*

Nghĩ cho cùng, nhịp tim của tôi có thể là kết quả của lối làm việc thiếu kế hoạch của mình — nói nôm na là thiếu *"bờ-lanh-ninh"*. Lẽ ra tôi phải kê hết mọi thứ "phải làm khi rảnh", rồi khi rảnh tôi sắp xếp lại cho có thứ tự, sau đó cứ thế mà thi hành. Kìa xem khi xưa Khổng Minh hạ bút thảo cẩm nang ban cho các tướng trước khi xuất chinh; đoạn quân sư bèn tọa lầu... khảy đờn! Nhưng điều cốt yếu là phải bắt đầu — dù bận tới đâu cũng phải "bắt đầu", dù bắt đầu không đúng khúc đầu cũng chẳng sao. Vì trọng tâm là "bắt đầu".

Tôi thay quần áo xuống đường. Để bắt đầu tôi sẽ đi tới phòng mạch bác sĩ chuyên tim cách đây mấy dãy phố để lấy hẹn. Tôi ghé ở tiệm cà-phê đầu đường gọi cái bia giải lao. Nghĩ tới Tạ Ký, tôi nâng ly nốc một mạch láng te. *Người ta sinh ra ở đời là để sống* (không phải vậy sao?), *mọi thứ khác chỉ là bày đặt* (tôi gọi thêm cái bia nữa). Sống cái đã rồi hẵng từ từ tính sau, nếu có rảnh. Tim tôi lại chêm một nhịp ba. — *Biết rồi! bộ gấp lắm hả cha nội?*

Kiệt Tấn

Nguyễn Văn Sâm

Ngày tháng bồng bềnh.

truyện ngắn

1

Những người muôn năm cũ, Hồn ở đâu bây giờ? Câu thơ xót xa cho hình ảnh quá khứ bị vùi chôn chợt hiện lên như phép lạ đánh dậy dĩ vãng lâu nay lấp kín dưới sâu thẳm của địa tầng ký ức khi người ca sĩ có vẻ mặt rất trẻ thơ vừa mới được hoan nghinh nồng nhiệt trên sân khấu một hai màn trước rụt rè hỏi tên tôi, rồi mừng rỡ xác nhận nàng từng ngồi trong giảng đường nghe thầy thao thao trên bục giảng.

Thầy giảng hay lắm. Cách nói xác định, trang phục lộng lẫy nổi bật vẻ sang trọng đối diện bộ quần áo bình thường, bày bán trong những tiệm bình dân nhan nhản khắp nước Mỹ trên mình tôi lúc đó, cộng với bộ mặt bơ thờ - chợt nhớ lại khi mình chắc lưỡi chải vội mái tóc trước khi đến đây - khiến tôi mỉm cười, vừa tội nghiệp vừa chua xót. Tội nghiệp cô học trò cũ, thật thà như đếm. Chua xót mình, tang thương, lạc lõng, vẫn còn mang bộ mặt ngái ngủ, dật dờ trong cuộc mộng du mười năm dưới lời trù ếm của những tên phù thủy thời đại.

Người ca sĩ vẫn đứng yên trong vị thế cũ, ké né, khép nép, tay chân như thừa thãi, trái hẳn với vẻ mặt tươi mát, tự tin lúc trình diễn. Thấy một chút gì đó hãnh diện về quá khứ. Ít ra điều mình nói đã có người nghe, thời gian làm tròn vai trò người thầy đã tạo được hảo tượng - hay nhờ nền giáo dục, luân lý Việt Nam? Tôi lại mỉm cười. Câu nói thiệt tình, nhưng chuyện xưa đã nhạt nhòa, mất hút theo những đổi thay. Chỉ còn chuyện có thật là nãy giờ tôi đã ngồi im, mắt dán chặt lên sân khấu, đắm chìm trong âm thanh ngọt ngào, tươi trẻ, phủ tràn không khí tình tứ của những điệu ngâm,

chẻ, láy duyên dáng, ngọt lịm. Tiếng hát thuần túy quê hương, tiếng hát của tuổi trẻ yêu đời, của duyên hải nên thơ rót thành chuỗi âm thanh sóng vỗ rì rào trong đêm trăng lặng gió, trên bờ cát hun hút dài, hòa điệu tiếng thùy dương xào xạc gợi nhớ bãi Dứa thân mật, bãi Dâu sang trọng, bãi cát mộng mơ trong những đêm thức suốt sáng thưởng thức nhạc sóng bất tận, mơ làm một con tàu băng mình vào những cuộc hải hành... Lời ca đam mê, hóa thân vào hoàn cảnh, đã đùa giỡn, xô đuổi, lả lướt, mê hoặc lòng tôi sau thời gian dài chai đá, kéo hồn ra khỏi xác, lâng lâng với nỗi buồn nhè nhẹ, xao xuyến về cuộc tình tan vỡ xa xưa...

Ngó khán giả chung quanh, nhìn người trước mặt, cảm nhận về mình, bất giác mặc cảm xa cách len lỏi vào lòng. Cuộc đời đổi thay dìm mình và biết bao người khác xuống tận cùng xã hội, lột bỏ kiến thức thủ đắc lâu nay liệng vào xó xỉnh lãng quên, nâng bổng cô học trò trắng tay vào đời thập niên trước lên đỉnh cao danh vọng. Tôi lạnh nhạt ừ hữ đóng lại cánh cửa thâm tình vừa mở.

Những câu hỏi dồn dập về chuyện cũ, về đời sống bây giờ, bằng một sự nồng nhiệt khó ngờ - tuy dùn duỗi đứt khoảng bởi hình ảnh mấy ngày hấp hối của chế độ và sự lơ đãng cố tình của tôi - theo diễn biến câu chuyện cột lại tình thầy trò cũng là tình thân của những người có một vài kỷ niệm chung về một trường hợp nào đó của đời sống riêng đáng nhớ.

Dựa lan can lầu ba của giảng đường II, tôi xót xa nhìn đám sinh viên dưới đất. Lố nhố, như trên nầy, đông nghẹt. Một không khí gì đó lạ lùng đang bao phủ, thiếu sự ồn ào cố hữu của lúc đổi giờ, đổi lớp. Thiếu tiếng kéo ghế ầm ầm, tiếng tập vỡ sột soạt mở ra vội vàng, tiếng ồn ào của những câu nói kết thúc cuộc trò chuyện dở dang - như điệu nhạc quân hành trật nhịp. Im lặng chết chóc, đưa ma! Cái im lặng tang thương sau một tin buồn. Những ánh mắt lo âu trên gương mặt nam, những cái nhìn thảng thốt trên gương mặt nữ. Lo âu, thảng thốt nhưng ẩn tàng vẻ chấp nhận, chịu đựng. Làm sao khác hơn được? Cả nước đang bị tê liệt vì trò chơi trao đổi quyền bính, vì những cuộc mặc cả bẩn thỉu trong bóng tối do những người dự chơi nhiều tham vọng, không cần để ý đến vực thẳm để lại cho người khác sau bước đi. Các thanh niên thiếu nữ nầy không dự phần cuộc chơi nhưng lại chịu ảnh hưởng thật sâu đậm, thật phũ phàng. Bất lực đợi chờ chuyện sẽ đến - tuy đã thoáng thấy tối tăm trong viễn tượng, nhưng họ vẫn đến trường, vẫn cần mẫn, yên lặng chăm chỉ nuốt từng kiến thức, ghi từng ý nghĩ người thầy - nhiều khi chợt đến trong trí, bùng vỡ theo lời giảng, chưa được kiểm chứng.

Đó đây chỉ còn những cặp mắt mở to, nai tơ tội nghiệp. Tiếng

cười vô tư dòn dã thường ngày bao quanh cái xe bán chè đậu đỏ ở đầu dãy lớp học tiền chế đã không còn. Thỉnh thoảng vài nụ hoa e dè nở góp khi một nhận xét hóm hỉnh được đưa ra để giải tỏa không khí. Cử chỉ giờ đây được suy tính đắn đo, bộc lộ thật giới hạn. Trạng thái người mới lớn đang phải đối đầu với khó khăn trước mặt. Tôi lắm khi ngừng nói, rít một hơi thuốc thật dài, trí lơ mơ theo làn khói tìm vui trong âm thanh sột soạt nhè nhẹ, của gió thoảng lay động tàu lá chuối trong đêm, của tiếng viết nguyên tử chạy nhanh trên giấy, đều đều, mơ hồ như tiếng suối xa xa, hay đưa mắt khám phá những cặp mắt đợi chờ trong từng cái ngước nhìn ngạc nhiên.

Bỗng nghe buồn lạ lùng! Biết đâu hôm nay ngày chót cùng nhau tụ hội ở đây, đọc bài thơ xưa, nói chuyện thời trước. Có vẻ gì đó vô bổ, thực tại đau nhức không thể khỏa lấp khi tiếng súng vẫn vọng về, sự lo âu tương lai không thể quên khi từng loạt hỏa tiễn thỉnh thoảng rớt quanh đây, bước chân người-anh-em-ruột-thịt-lạc-đường trở về sẽ là đổ vỡ tang tóc, sẽ là những đổi thay tột cùng. Cơn động đất giận dữ của ác thần, cái trở mình trật nhịp của lịch sử rồi sẽ không chừa ai. Tôi có thể rồi sẽ bị bắt, bị giết hay bị bắt buộc nói những điều hôm nay còn cho là sai trái. Điều nào cũng vậy thôi, ít nhất một thời khoảng của đời bị tước đoạt, con người thật bị bóc bỏ, cách nầy cách khác. Được thôi! Nhưng những người trẻ ngồi kia tội tình gì? Nụ mầm còn quá tươi non để chịu đựng cơn cuồng thủy! Không lâu, rồi đây chỉ còn lại những héo úa tàn tạ, những hình nộm ngác ngơ, lang thang, lếch thếch trong một xã hội mà mặc cảm phạm lỗi là yếu tính của mỗi cá nhân. Tấm màn đen kịt đầy những móc sắt đang giăng cao, dọa nạt sẵn sàng bủa sụp xuống. Sự tan tác, tản lạc như thú nhỏ chạy chết trong trận cháy rừng, hình ảnh đau xót thấy ngay không cần cầu viện đến khả năng tưởng tượng.

Âm thanh tôi xúc động nhão nhẹt, lê thê chữ nầy nối chữ kia, rè rè qua cái micro nghe càng não nề. Tay chân tôi nổi da gà, lông tay dưới lớp áo sơ mi bật dậy khi nghe chính giọng mình kết luận bài giảng. Lịch sử chỉ là sự lập lại sự kiện quá khứ. Đất nước Nam Hà xuống dốc vì Chúa Nguyễn và bầy tôi xa hoa, bất lực. Miền Nam giờ đây cũng đang có quá nhiều sai trái, sợ rằng sẽ dẫn đến ngả cụt đen tối.

Tôi đọc lại bài thơ vừa giảng nghe xót xa trong từng câu từng chữ, bài học người xưa viết ra gần ba trăm năm nay nhưng biết bao nhiêu người không thuộc.

Giảng đường im phăng phắc, tiếng gió quạt máy vù vù, tiếng thở ra nghe rõ mồn một. Một thứ huyết dịch âu sầu đang chuyển vào hồn mọi người. Nửa dân tộc thoát khỏi lưới chụp hơn hai

chục năm nay như sắp bước vào thảm trạng. Tiếng thì thầm đâu đó, giọng nữ thật ấm, thật buồn, như giọt nước mắt cố nén tới lúc phải rớt xuống:

— Giống hệt như bây giờ. Tin thua trận dồn dập, quân rã ngũ tan tác...

Cả lớp ngó dồn về phía đó, nhiều tiếng xì xào. Tôi giả tảng như không, tiếp tục tóm lược những điều đã trình bày sau khi liếc thấy cô học trò quen thuộc với cặp mắt đỏ hoe.

Lớp được giải tán bằng lời an ủi xác quyết bi kịch không thể xảy ra sớm, bàn cờ chính trị thế giới sẽ nghiêng cán cân nếu có cảnh bất lợi tuyệt đối cho miền Nam.

Nghe như mình tự dối bằng một ảo tưởng. Nhột nhạt về sự trơ trẽn mà chính mình cũng lấy làm lạ.

Ngồi nguyên trong vị thế cũ sau khi người sinh viên cuối cùng bước ra khỏi giảng đường, tôi nghĩ về đoàn người đứng dưới đường gần đó. Tòa Đại Sứ Mỹ. Thật... đông. Thật nhiều. Thật ồn ào. Hi vọng bỏ lại được nguy hiểm và đổ vỡ sau lưng, phún xuất thạch của ngọn núi lửa phun máu đã chảy đến chậm nhưng chắc chắn, họ tụ tập ở đó, ngày nào cũng vậy, cả nửa tháng nay, áo quần mốt mới, sang trọng, giấy tờ sẵn sàng trên tay. Thỉnh thoảng vài người bên trong bước ra bộ điệu hớn hở pha lẫn đôi chút hảnh diện. Càng ngày đám đông càng nở rộng, mỗi lần đến trường, chạy ngang, tôi đều có một cảm nghĩ kỳ quặc, nhào trộn giữa hai đối nghịch: ước muốn có điều kiện như họ và cảm phục những sinh viên cách đó mấy con đường ngồi trong lớp, im lặng, tâm trí thực hiện những cuộc hành trình vào thế giới văn chương.

Hai thái cực, hai khái niệm sống, hay hai hoàn cảnh?

Chiều xuống với con mắt đỏ chạy trốn ngoài sau dãy lầu trường Dược. Lác đác mấy tiếng máy xe về muộn nổ bình bịch, lạc lõng. Đâu đó vài câu nói của họ với nhau vô tình nghe mấy phút trước đập lùng bùng bên tai đau nhói: con X., con Y., đã theo chồng, theo gia đình đi Guam từ hôm qua. Thằng A., thằng B. đã nằm ở Phú Quốc mấy ngày nay....

Cuộc đào thoát nào cũng đáng được biện minh. Thiên tai đáng trách chớ không phải kẻ tìm đường sống. Cảm thức đơn độc đến tận cùng tri giác khi nhìn bàn ghế trống không lệch lạc, hun hút tới tận cuối giảng đường thênh thang, vây quanh bởi mấy bức tường cao vắng nhạt...

2

*P*hòng khách rộng. Bộ sofa nhung bông đỏ xanh nổi bật lên tương phản với màu tường. Bức hình nữ chủ nhân phóng lớn treo

phía trên lò sưởi, nụ cười hé nở nhẹ, tươi tắn phô bày hàm răng trên duyên dáng với hai cái răng thỏ xinh xinh. Mấy người đàn ông đang ngồi phun khói thuốc trước tách cà phê. Trẻ con nằm ngồi quây quần chung quanh một loại game Mỹ. Đằng sau cái quày ngăn cách giữa living room và nhà bếp hai người bạn gái và đứa em gái lớn lăng xăng với nồi phở và những món ăn phụ.

Không khí thật ấm cúng, gia đình.

Dung hỏi bạn, sau một cái liếc nhìn về phía phòng khách:

— Hải, mi có đem cuộn băng theo không, để lên cho hai thầy thấy tài của đệ tử. Hơn mười năm rồi, chuyên nghiệp chớ không phải học trò như ngày xưa.

Nụ cười che giấu bối rối :

— Mầy nói.. Nhưng mà chỉ có bản gốc chưa mix, ca sao thì nó vậy. Sợ mấy thầy chê thì quê...

— Ai không biết vậy? Đừng khớp. Mấy thầy bây giờ hiền hơn hồi đó nhiều.

— Ờ! Sao hồi đó gặp hay nói chuyện với thầy , tao run quá. Bây giờ trạng thái đó không còn nữa.

— Chắc lúc trước mi mặc cảm xin điểm chứ gì.

Cô ca sĩ không biết mình bị chọc, ngây thơ đính chính:

— Tao chưa từng xin điểm, gạo thâu đêm tới xấu như ma lem như mầy biết đó. Không biết tại sao gặp cả mấy thầy không dạy mình tao cũng run. Lính quính, láng quáng...

Dung làm tội bạn đến cùng:

— Hay mi mặc cảm là mới bước vào năm thứ nhứt Đại Học đã bày đặt bồ bịch, mèo mỡ sợ thầy biết được thì quê.

Hai người bạn gái đấm nhau thùm thụp như dạo nào còn rất trẻ ở quê nhà, vô tư với những hoạt động sinh viên và các dự phóng thật thanh bình.

Tôi rời phòng khách, định đợi điện thoại thì gặp cảnh đó, hỏi để đem không khí về vẻ tự nhiên:

— Mấy chị nói chuyện gì vui vậy? Cho nghe kẻ được không?

Ca sĩ đỏ mặt như lần đầu tiên đứng trước micro. Người bạn kể lại những đối đáp nãy giờ.

Tôi cười :

— Không phải bây giờ hiền hơn hồi đó. Ngày xưa chỉ nhờ uy. Ngày nay đâu còn uy nữa. Mà lại tang thương. Mấy chị xem, chúng tôi ngơ ngác, xác xơ. Mỗi tuần khám phá thấy dung nhan mình tàn tạ hơn.

Một cô nào đó an ủi :

— Thầy nói vậy, chứ hai thầy đâu đã già...

Tôi cảm thấy câu nói sáo ngữ, lúng túng và bốn cặp mắt thông cảm lướt qua mặt mình. Mặt tôi đỏ lên vì biết mình được thương

hại. Tại sao tôi luôn luôn bị đẩy vào cảnh nầy? Thời gian đã chất đầy chán chê cho cuộc sống lứa đôi hay hoàn cảnh mới mở ra những cửa ngỏ có vẻ đáp ứng ước mơ ấp ủ nơi người đàn bà nhiều tham vọng nọ? Tội lỗi tôi chất chồng từ muôn kiếp trước hay cuộc chạy đua với thời gian để viết lách, lãng quên nhiệm vụ làm chồng? Sự đổ vỡ đã có. Đã quất vào tâm tư tôi quá nhiều đường roi lóc thịt. Sự thương hại càng khiến cho tôi nhớ lại mình đang thiệt thòi. Tôi trốn chạy thực tế để quên sự thua thiệt đeo đẳng bao nhiêu năm nay và phủ nhận bất cứ một sự nhắc lại nào. Tôi cố lấy vẻ tự nhiên bằng cách tự động mở tủ lạnh tìm cho mình một thứ nước uống.

Cô ca sĩ vô tình hỏi tới :

— Chỉ thấy thầy và mấy em, cô có qua được không thầy ?

— Cô.

Một phút ngập ngừng và rụt rè:

— Cô ở đâu mà lâu nay không nghe thầy nhắc tới.

Ngăn chặn không cho câu chuyện đi vào riêng tư, cấm kỵ, tôi trả lời nửa đùa :

— Ở trên nước Mỹ nầy chứ ở đâu. Hai cô hỏi lạ.

Tôi cười lớn rồi cố tình gợi ý cho họ đoán. Mấy bà, mấy cô hễ gặp là hỏi chuyện đó. Câu hỏi nầy năm năm nay tôi nghe không biết bao nhiêu lần.

Tôi bưng lon coke lại bấm số điện thoại. Hai người bạn gái trao đổi cái nhìn ngụ ý đã hiểu.

Chuông reng. Một tràng tiếng Mỹ giọng bà-chã-bà-chẹt: *Tiệm X, tôi có thể giúp được gì ông? Không cần, ông có đến cà phê văn nghệ với tụi nầy thì đến. Không được ông ơi, coi ca tôi, tôi còn phải bao luôn ca của bà xã. Bữa nay bà ấy mệt, chỉ có hai vợ chồng thay phiên canh cái tiệm 24 giờ một ngày mệt đứ đừ. Thằng cu nhỏ quá chưa nhờ gì được. Thà làm ít thôi, đừng ham làm giàu. Ở* apartment, đi xe cũ như tụi nầy. Tiếng cười gượng gạo. *Chỉ cố gắng tới đâu hay tới đó. Lo làm giàu mẹ gì...* Hắn biện giải gì nữa tôi không cần nghe mà còn chọc thêm. *Hơn nửa đời người rồi, quá chậm để trở thành triệu phú. Học hành ngày xưa chẳng lẽ ông đành đoạn bỏ hết để hứng lượm bạc cắc năm nầy qua năm khác? Làm gì ích lợi hơn cho đời xem nào.* Hắn chống chế yếu ớt. *Đừng nói vậy chớ bạn, tôi làm nhiều việc lắm đó... nhưng mà lúc nầy phải rán để nữa cho con nó có cái nhà. Mình đã biết cái khổ lúc mới start rồi, muốn sau nầy con khá hơn, nhưng mà rồi ông đừng buồn nhe. Đâu phải viết lách lăng nhăng như mấy ông là có ích lợi cho đời đâu.* Không cần thiết phải khơi dậy một cuộc thảo luận về quan niệm sống, tôi chuyển câu chuyện. *Thôi chắc ông đang bận, cứ nghe mấy thằng Mỹ mua đồ và ông đếm tiền, thối tiền, nói chuyện mất hứng. Chừng nào rảnh mình đến chơi.*

Sư anh, nói dóc vừa vừa chứ, muốn tạo cho mình lại nói là vì con. Con nó thèm vào cái nhà của anh? Tốt nghiệp, đi làm chỗ nào nó mua nhà chỗ đó vừa ý chúng hơn căn nhà anh đổi mấy chục năm đời đứng tiệm.

Tôi nói một mình nhưng như để phân trần với hai cô học trò cũ:

— Vậy không! Mời họp mặt văn nghệ thì từ chối, tối ngày đứng đằng tiệm, nhưng hễ động dao động thớt chủ tịch, đại diện nầy nọ thì thấy có mặt có tên. Phải phục là họ hay, nhanh chân, lẹ miệng.

Tôi trở lại phòng khách. Câu chuyện vẫn dòn tan về tình hình văn nghệ hải ngoại, về thị trường băng nhạc, về những bài viết mới, về những người viết vì ý thức trách nhiệm và vì ước muốn thủ đắc một điều gì đó trong cuộc sống.

Tốt hơn mình nên nghe. Nhân tâm tùy ý thích, tùy bản tính và khả năng từng người. Sự tốt xấu không thể nói hết trong một buổi họp mặt gấn. Tôi lơ đãng hút thuốc, để hồn theo điệu nhạc êm đềm của những bản nhạc tình phát ra từ hai cái loa đặt ở hai góc phòng đối diện. Tiếng hát nức nở, thê lương, réo rắt phảng phất từng chút của những tiếng ca nổi danh.

Tôi hỏi T., người luôn luôn hãnh diện khi kể về những phi vụ nguy hiểm và những công tác khó khăn lúc chịu trách nhiệm phi đoàn ở miền Trung. T. lắc đầu. Tôi chịu. Người bạn văn nhăn trán như để phân biệt hơn âm thanh. K. đợi cho mọi người có một thời khoản đủ để chú ý mới thong thả :

— Ca sĩ X. đó xuất hiện từ lâu rồi nhưng không lên, cứ ở hạng B hoài.

Tôi cười :

— Như T. mới tài. Dạy vợ thế nào không biết mà ca càng ngày càng hay. Bây giờ Hải là một giọng ca ăn khách ở hải ngoại đó.

T. được dịp kể công, giọng một chút gì đó hảnh diện :

— Ca hay thì có, nhưng mình giữ hai đứa nhỏ mệt đứ đừ. Mỗi tuần mấy tối. Mới đây nàng lại làm một vòng Cali thâu băng cả tháng, hamburger làm chuẩn. Chán tới cổ họng.

K. chọc :

— Cái khổ không phải ở chỗ coi con một tháng. Khổ ở chỗ vắng nàng 30 đêm. Hèn chi lúc Hải đi Cali, cứ nghe ông than thiếu tiền. Ăn hamburger làm sao thiếu tiền được. Sợ trách nhiệm tôi đâu dám cho mượn.

Người bạn văn nhìn tôi, trao đổi ý. Có sự thân mật trong sự châm chọc. Cười cho quên đời. Hai người chồng của hai cô học trò thường nhắc lại điều nầy.

Người bạn hội nhập vào không khí vui của gian phòng thật

nhanh:

— Còn có khả năng để mượn tiền, đời còn chút nào có ý nghĩa, ông nầy tử lâu không còn khả năng để mượn tiền nữa. Đời hiu hắt từ lâu.

Cả bọn cười vang vui vẻ. Chợt nhớ đến hoàn cảnh mình. Người đi hẳn có lý do, nhưng người ở lại đối diện với nhiều vấn đề. Câu đùa trên là một. Con cái là hai. Đứa con gái lớn, nhiều khi có những chuyện không nói được với cha, nằm khóc rấm rức trong phòng. Đang tuổi lớn, những nguyên tắc căn bản của con gái, phải tự khám phá, không có một người đàn bà để giảng dạy. Cô đơn và tủi phận thiệt thòi. Tại ai? Vì sao? Tôi đưa tay sờ vào túi áo trên. Cái thư đứa nhỏ viết cho bạn, bỏ không gửi, tình cờ thấy được, giữ như một tài liệu chứng minh sự thiếu sót bổn phận của mình với con, như một sự thúc thủ trước hoàn cảnh. Theo thời gian rồi hai đứa sẽ lớn lên, bắt chộp được đó đây vài điều khôn, nhưng chắc chắn sẽ thiếu sự tế nhị cần thiết của thiếu nữ Việt, không đủ niềm tự tin và tính phớt tỉnh rất dễ sống của phụ nữ Mỹ. Tội nghiệp cho những nụ hoa đương nở thiếu bàn tay chăm sóc vun phân, tưới nước, tỉa cành. Từng chịu đựng và coi đời như không như tôi lắm khi còn xót xa lúc tự mình tìm viên thuốc khi bịnh hay khi về nhà nửa khuya sau buổi học muộn phải ăn quấy quá miếng cơm lạnh tanh, huống chi tuổi trẻ dễ dao động và nhiều mặc cảm?

Tôi hết hứng thú góp chuyện, ngã lưng vào ghế trường kỷ, đốt điếu thuốc, thả trí lông bông theo tiếng nhạc. Cuộc thảo luận bàn tán vẫn sôi nổi. Mấy đứa nhỏ vẫn cãi nhau chí chóe bằng thứ tiếng Mỹ 100%. Không ai ngạc nhiên trước chuyện đó. Trừ tôi, với một nỗi niềm tiêng-tiếc và một sự bi quan vô bờ về nền tảng gia đình và tương lai cộng đồng Việt.

Bưng hộp sữa ra tiếp tế thêm cho nhóm đàn ông, Dung nói với mấy đứa nhỏ:

— Lại gambling, các con nên chơi gì khác hơn là trò chơi đó. Cãi nhau ồn quá!

Mấy đứa được dịp nhao nhao :

— This isn't a gambling Mom! You see, this is something helps to study.

Tiếng ai đó nhận xét :

— Tụi nhỏ bây giờ như vậy không, nói tiếng Mỹ tối ngày!

Có trời mà cản nổi! Tụi nó đâu muốn bị rầy la, cũng không muốn cha mẹ bực mình, có đứa còn mắc cở khi phải nói với người lớn bằng tiếng Mỹ nữa, nhưng lỡ bị nhét vào trí 8 giờ mỗi ngày ở trường, độ 3, 4 giờ được kèm ở tư gia bằng mấy cái đài truyền hình, do một hệ thống giáo chức lẫy lừng, với một ngân khoản vô tận giảng bài cho mấy trăm triệu người thì tất nhiên không muốn

chúng cũng khó lòng không quên tiếng Việt.

Tôi thấy mình nên góp ý :

— Đó là tình trạng khó thoát qua. Như bọn mình qua đây trên dưới ba mươi, lưỡi cứng, tế bào ngôn ngữ trong não đã định hình khó sửa chữa nên phải nói ngọng nghịu - tôi tán rộng chuyện tế bào ngôn ngữ - cuối cùng thích yên lặng với người Mỹ cùng sở hơn là tía lia như gặp Việt Nam. Tụi nhỏ cũng vậy, nói, nghe tiếng Mỹ ở nhà, ở trường từ lúc còn bé thì nó sợ tiếng Việt là chuyện đương nhiên.

Người bạn bi quan :

— Điệu nầy ngại cộng đồng Việt Nam sau nầy bị hòa tan quá. Người mình mà thua những cộng đồng Á Châu khác trong việc bảo tồn thì đáng buồn thiệt.

Tiếng T. hăng hái :

— Phải viết bài kêu gọi bậc cha mẹ ngăn chận và sửa chữa chuyện con cái mất gốc. Vẽ cho họ thấy tương lai, gia đình ai lo con cái nấy thì chuyện có thể giải quyết được.

Vâng, ai cũng thấy điều đó, không ai muốn con cái mình trở thành Tây, thành Mỹ, nhưng còn công ăn chuyện làm? Rồi ra những điều viết lách hôm nay có thể trở thành vô ích. Biết vậy, nhưng làm được gì khác hơn! Đứa con gái nhỏ của mình đó. Tôi cười trong đau khổ :

— Anh em coi bức thư của con nhà văn nè. Mấy ông nghĩ sao? Cha làm thầy con bán sách? Nhiều nguyên nhân lắm, chuyện không dễ như mình tưởng đâu.

Tôi lục túi đọc lớn cho mọi người nghe :

Dear Hà, Hà có mạnh khỏe không? Vân thì same as usual. Summer nầy Vân và family của Vân sẽ đi vacation ở Illinois, chỗ nhà cousin của ba Vân để thăm họ hàng. Vân don't like it, nhưng mà ba Vân đi đâu Vân phải đi theo đó. Gần bãi trường Vân fell sad vì... thằng Jack cute với thằng John baby face đó mà. Tụi nó nice với Vân lắm. Hổng có gì, you know, nhưng mà sometime, I'm proud of myselft. Tuần trước Vân took some pictures trong lớp, this is one of them... Cho Vân xin lỗi cái gà bới hand writing của Vân... Mấy ông thấy đó...

Đâu có thể qui lỗi tại một ai! Cha mẹ, con cái, hoàn cảnh, lòng tham lam, tình quê hương càng ngày càng héo hon, và cả "tụi nó" ở quê nhà nữa, đã đẩy chúng ta trôi nổi ở đây cho nên mới có vấn đề.

Mọi người xì xào bàn tán, mỗi người một ý. Bức thư buồn cười thiệt, nhưng không ai cười. Tôi mệt mỏi đứng dậy thay băng mới vào tape. Chữ viết tay *"Những chuyện tình bé bỏng", băng mẫu, chưa mix.* A thì ra tác phẩm thai nghén mấy tháng nay. Tôi trở về ghế mơ màng trong không khí nhạc.

Từng tiếng bass, tiếng trống nâng âm thanh bài ca mới..., giọng ca véo von tái tạo những cuộc tình đẹp ngày xưa. Người tình áo tím, tóc thề, má hồng như nụ hoa tuổi sớm mơn mởn những lông tơ, thẹn thùng nắm tay nhau trên đường phố Chợ Lớn của tôi. Người tình áo trắng nữ sinh rạng rỡ khi người lính về phép của bạn, của anh. Những mối tình có thật hay ước vọng, đau đớn xót xa hay kết thúc viên mãn, nhưng chắc chắn tiếng hát đã tạo trong trí tôi một người tình để nhớ về, để quên muộn phiền tự mang hiện tại. Những ray rức chập chờn về người vợ phiêu-hốt, đứa con lớn thiếu bàn tay mẫu tử, đứa con nhỏ trên đường quên tiếng Việt, sự mất hút đã hé mở trong viễn tượng của cộng đồng, tiếng ồn nhức đầu trong xưởng máy, những nhố nhăng của người chung quanh, những tiếng kêu chới với trên biển, tiếng thở dài vọng lại từ quê nhà tù ngục. Tất cả tan biến theo tiếng hát thênh thang.

Mười năm bềnh-bồng với tảng đá ưu tư mang nặng trong hồn một phút nào đó như được trút bỏ.

Tôi uống cạn ly cà-phê bỏ dở lạnh tanh nãy giờ. Chưa bao giờ thấy ngon lạ lùng như vậy.

— Thời gian thiệt ngộ nghĩnh, mười năm trước mình đâu ngờ có ngày hôm nay, lạc lõng ở quê người, ngồi nghe tiếng hát học trò cũ để tạm quên thân phận phiêu bạc.

Không ai chú ý đến câu triết lý vụn không phải chỗ của tôi. Tiếng hát vẫn tiếp tục ru mọi người vào thời gian tươi đẹp xa xưa, âm thanh dao động không gian ấm cúng của căn phòng. Trên tường bức ảnh chủ nhân vẫn mỉm cười, nụ cười bức họa La Joconde.

Nguyễn Văn Sâm
San Marcos, TX

BÁC-SĨ NHA-KHOA
NGUYỄN D. LIÊN HƯƠNG, DDS.

9251 Bolsa Ave.
Westminster, CA. 92683

(714) 895-1264
Giờ làm việc: Thứ Hai - Thứ Bảy: 10am - 7pm

— Khám răng định kỳ, làm sạch, trám và nhổ răng.
— Giải phẫu răng khôn mọc lệch, giải phẫu nướu răng.
— Nha khoa thẩm mỹ với phương pháp Bonding.
— Nha khoa nhi đồng - Kiên nhẫn với trẻ khó tính nhất.
— Ngăn ngừa và điều trị răng mọc lệch lạc, chỉnh hàm.
— Răng giả các loại, gắn dính và tháo lắp - Bền và đẹp.

KINH NGHIỆM - TẬN TÂM - CHU ĐÁO
ỨNG DỤNG PHƯƠNG TIỆN VÀ KỸ THUẬT NHA KHOA MỚI NHẤT

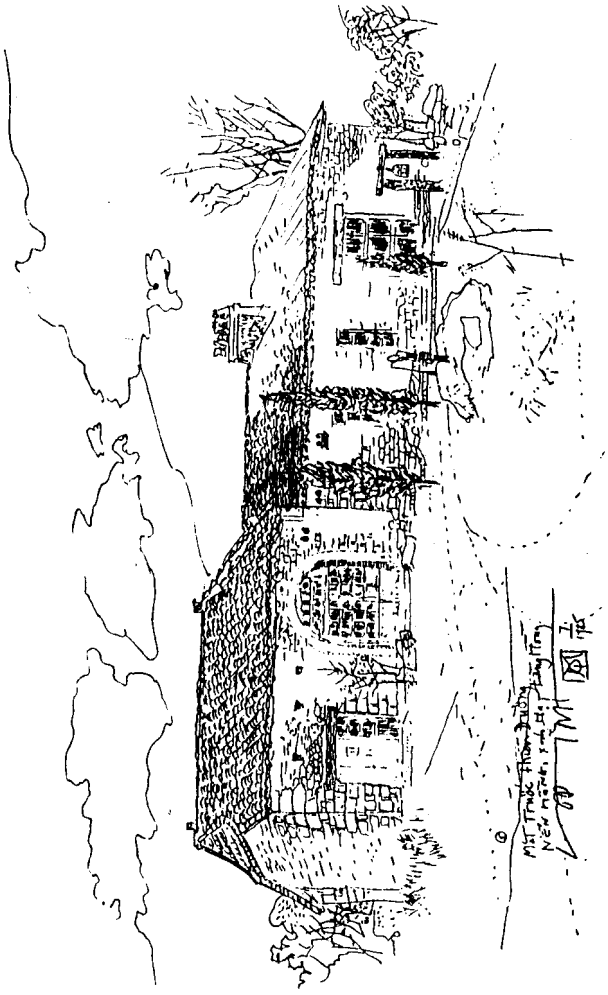

Đỗ Quí Toàn

Tiếng nói thơ.

Nói chuyện thơ (2)

Xin xem lại bài Nói chuyện thơ 1 trên Văn Học số 1

1

THỬ NÓI MỘT TIẾNG: YÊU.

Khi suy nghĩ về thơ chúng ta không thể tránh không nghĩ về tiếng nói. Vì thơ là nghệ thuật dùng tiếng nói làm chất liệu; cũng như hội họa dùng đường nét, mầu sắc, nhạc dùng âm thanh.

Hãy cứ tự đề cao mình một chút và nói rằng loài người là sinh vật duy nhất biết dùng tiếng nói — nếu ta định nghĩa tiếng nói là hệ thống ký hiệu đầy đủ như của con người thì lời khẳng định trên đúng. Các sinh vật khác cũng có ký hiệu để "nói chuyện" với nhau. Con ong dùng đường bay vòng vo để chỉ cho nhau chỗ có nhiều hoa. Con thú dùng mùi tiết ra từ thân thể và tiếng kêu để đi tìm tình "nhân". Ngay cả loài cây, không biết dùng loại ký hiệu gì, cũng "báo tin" cho nhau khi có côn trùng độc đến quấy phá, khiến các cây cùng tiết ra một chất cự độc để tự vệ. Tiếng nói của chúng ta cũng có các mục tiêu tương tự: thông tin với nhau về thức ăn, về tình dục, và để tự bảo vệ. Sau này, còn dùng để ban huấn từ, để "lên lớp", để "viết bản thu hoạch" v.v... nhưng rút cuộc cũng không xa ba mục tiêu trên là bao.

Không ai biết tiếng nói xuất hiện từ đời nào. Nhưng những con người đầu tiên phát minh ra các tiếng đều là thi sĩ cả. Những tiếng như "ăn", "ngủ", những tên gọi "cây", "nước", những tĩnh từ "lớn", "nhỏ" đã được bịa ra để chỉ các sự việc chung quanh. Tiếng nói lúc đầu hẳn rất gần, hẳn dính liền với sự việc được chỉ định. Tiếng "núi" đầu tiên chắc để gọi tên một ngọn núi cao lên như dấu sắc, ở ngay trước mặt. Rồi lần lần, người ta mới dùng tiếng "núi" để gọi tất cả những chỗ đất nhô lên giống như ngọn núi quen thuộc.

Rồi khi người ta nói "núi của" thì lại chẳng liên quan gì đến địa thế nữa. Tiếng nói càng ngày càng trở nên tổng quát, trừu tượng, xa cách người nói, và vật được nói tới.

Thử tưởng tượng một thi sĩ Việt trước đây cả trăm ngàn năm khi ngài mở miệng thốt ra một tiếng "yêu". Thử tưởng tượng cụ thi sĩ đó cảm thấy phiêu diêu khoái trá như thế nào khi thốt lên "khẩu quyết" "yêu" kỳ diệu này, với bao cảm xúc rạo rực náo nức muốn bung ra mời người khác chia sẻ. Kỳ diệu hơn nữa là cái người khác kia, nghe tiếng "yêu" bèn chia sẻ ngay được những xúc động nôn nao, dào dạt, âu yếm, mê man. Cả hai bên, người nói và người nghe, đã cùng trải qua những giây phút rung động rộn rã, mãnh liệt mà (sau khi tiếng *yêu* được phát minh) chúng ta gọi là *yêu*. Và bây giờ, với tiếng nói mới phát minh, thì riêng động tác phát âm ra một tiếng "yêu" cũng gây cho người nói với người nghe những xúc cảm đê mê. Sau này, ngay cả khi hai người không làm công việc *yêu*, chỉ phát âm ra tiếng *yêu* thôi, những cảm giác và xúc động cũng bùng dậy — mạnh mẽ hay yếu ớt tùy theo tình trạng sức khỏe.

Chắc chắn rằng trong cùng thời kỳ đó (trong vòng mươi ngàn năm?) nhiều thi sĩ nữa cũng bịa ra các tiếng khác để chỉ chung một việc *yêu*. Có vị gọi nó là "ái", có ông kêu lên là "ấy", có cô gọi nó là "á à" v.v... Thời đó người ta không có những hội nghị về điển chế và thống nhất ngôn ngữ, cho nên chắc phải mấy chục ngàn năm dần dần mọi người mới đồng ý rằng cái chuyện "ái", "á à", "ấy"... nếu nói là "yêu" coi bộ ổn nhất, đẹp nhất, thật nhất. Thật và đẹp nhất vì nó mang lại nhiều xúc động bồi hồi tương tự như việc làm hơn những tiếng khác, và không lẫn lộn với những sự việc khác.

Khi nhiều người đã đồng ý dùng tiếng *yêu* để chỉ một việc mà ai cũng hiểu (đã nhất trí!) thì tiếng nói đó được dùng để thông tin với nhau. Một cô gái nhút nhát có thể nhìn vào mặt chàng trai, nói "yêu", rồi chạy mất không bao giờ trở lại. Một cậu trai mới lớn mặt mũi thẫn thờ, sẽ có người chỉ trỏ và nói nhỏ với nhau "yêu", và ai cũng biết trong đầu cậu cái gì đang xảy ra. Người ta bắt đầu dùng tiếng "yêu" để nói chuyện của người khác. Người ta dần dần nói đến chuyện của những người xa lạ, đến loài người yêu nhau nói chung. Cũng một tiếng *yêu* đó được nói lên mà người nói và người nghe không cần phải cảm thấy xúc động dào dạt như thuở ban đầu nữa. Thế rồi các triết gia bắt đầu phân tích tình yêu nó thế nào, có bao nhiêu loại yêu, bản thể của tình yêu v.v... Các y sĩ dạy người ta "tất cả những cái gì bạn muốn biết về..." Càng ngày cái lời âu yếm rộn ràng càng mất bớt mùi vị. Như một miếng "kẹo cao su" (chewing gum) đã nhai mấy chục ngàn năm. Tiếng "yêu" không còn đủ gây xúc động nữa. Vì vậy, một nhân vật của Nhật Tiến (tôi không nhớ trong truyện nào) hỏi "Thế đã *gì gì* chưa?". Đó, lại một

tiếng mới được phát minh. Nó lại rộn rã, vang vang, nghe sướng cái lỗ tai, tay chân lại cuống quít: *Gì gì.*

Để dễ bàn luận, chúng ta đã tạm chia mỗi lời nói, mỗi câu, mỗi bài, mỗi cuốn sách ra hai phần: phần ý (nội dung) mà người nói truyền tới người nghe, và phần lời (hình thức) mà người nói phát âm bằng miệng (sau, viết thành chữ để ghi các âm trên), để truyền đến tai (hay mắt đọc) của người nghe. Với cái khung tạm chia đó, ta sẽ phân biệt tiếng nói thường ngày và tiếng nói thơ.

2

TIẾNG NÓI THƯỜNG NGÀY - TIẾNG NÓI THƠ

Cùng một tiếng "yêu" chúng ta có thể nói lên hai cách khác nhau. Một là để tường thuật, như "thằng chả yêu con nhỏ, hổng được, nó...". Hai là để tỏ tình :

Nàng yêu chàng có hờn như biển
Đôi mắt thơ chàng chư ải vân.

(Phạm Hầu)

Hai loại tiếng nói, hai cách dùng tiếng nói. Điều đó đã được các thi sĩ và các nhà ngữ học phân biệt từ lâu. Paul Valéry gọi loại thứ nhất là tiếng nói thường ngày: "Đó là những dụng cụ thiết thực, để giải quyết các vấn đề tức thời. Nói xong rồi thì các lời nói có thể vứt đi, ý nghĩa của lời mới là quan trọng!" Mục đích nói là để truyền ý tưởng — dĩ từ hội ý. Giống như những bảng chỉ đường. Khi đã hội được ý rồi thì lời nói không quan trọng nữa.

Loại thứ hai là "tiếng-nói-thơ", khi mà cái mục đích thiết thực không phải là mối quan tâm chính. Chính lời nói, cách xếp đặt của các lời, tương quan giao thoa giữa lời nọ với lời kia, cũng quan trọng như những ý trong thông điệp muốn nói. Lời và ý là một, bỏ lời đi thay bằng lời khác, xếp đặt câu nói khác đi, thì cái thông điệp cũng thay đổi. Vẫn Paul Valéry, ông bảo "Cái mà người ta gọi là hình thức, đối với tôi là nội dung". Valéry, trong bài tựa cho cuốn *Essai d'Explication du Cimetière marin* của Gustave Cohen (1933), viết rằng: "Nếu ai hỏi tôi *muốn nói* gì trong một bài thơ nọ, tôi trả lời tôi không *muốn nói* gì cả, nhưng *muốn làm* một cái gì đó, và vì muốn làm nên tôi nói". Bài thơ, như vậy, chính là thông điệp. Chính lời nói, cách xếp đặt chúng là điều chủ yếu. Chúng không phải là những phương tiện để truyền một thông điệp nào khác. Nói, hành động nói, là thông điệp. Ý tưởng này làm tôi nhớ một câu chuyện về Beethoven. Ông trình tấu một bản đàn piano xong, có người hỏi: Ông "muốn nói gì" với bản đàn đó? Beethoven trả lời: "Tôi muốn nói như vầy..." và ông ngồi xuống diễn tả lại trên phím đàn. Thơ giống với nhạc, với sân khấu và khác với hội họa,

điêu khắc ở chỗ đó. Thơ cũng như nhạc được diễn tả liên tục trong thời gian. Hội họa thuộc về không gian. Một bức tranh vẽ xong là một *vật*. Mỗi bài thơ, mỗi màn kịch là một hành động. Hành động nói, tiếng nói là quan trọng. Nếu quý độc giả cho phép đi xa một chút nữa, tiếng nói thơ thuộc phạm vi mà nhà ngữ học Saussure gọi là *Lời*, (Parole), nó tùy thuộc sáng tạo cá nhân, có tác dụng cả tâm lẫn sinh lý. Saussure phân biệt *Lời* với *Tiếng* (Langue), *tiếng* tùy thuộc quy ước xã hội, không cá tính, và thuần tâm trí. Sự phân biệt đó cho phép ta tìm những quy luật riêng của hai loại tiếng nói: tiếng nói thường, và tiếng nói thơ. Sự phân biệt nào cũng có tính cách giả tạo và tạm bợ. Chúng ta sẽ thấy tiếng nói hàng ngày không phải là không có tác động thi vị.

Tiếng-nói-thơ gắn liền với những tình tự, xúc động của người nói, người nghe.

Tiếng-nói-thông-tin (thường ngày) được sử dụng như đôi dép cũ, đi xong rồi là quẳng đi. Tiếng nói thơ là hai bàn chân ta đi, động tác đi, những hệ quả của việc đi trên tâm, thân ta. Tiếng nói thông tin theo lý trí, có hệ thống được xã hội công nhận. Tiếng nói thơ có sức sống, có dẫn dụ khêu gợi, nó sống với người nói, lúc nói. Khi ta nói "đau lắm", đó là ta thông tin. Còn khi nói "ái đau!" tức là ta đang làm thơ!

Không cần biết đến Paul Valéry, người Việt chúng ta vẫn nói: "làm thơ" chứ không ai nói "viết thơ".

Thủa làm thơ yêu em
Trời mưa chưa ướt áo
Hoa cúc vàng chân thềm
Gió may lưng bờ dậu

(Trần dạ Từ)

Hồi 17, 18 tuổi tôi đưa Trần Dạ Từ coi một bài thơ (bây giờ đã mất). Tôi chỉ nhớ một câu thôi, vì câu đó Trần Dạ Từ thích lắm: "Yêu em làm thơ và làm thơ yêu em". Nhớ lại câu này, tôi nhận ra nó phù hợp với ý tưởng tôi mới nêu trong đoạn trên; làm-thơ-yêu-em là một hành động chứ không phải hai hành động tách biệt — và hành động đó khác với yêu-em-làm-thơ. Ở cái thủa "làm-thơ-yêu-em" đó, làm-thơ, và yêu-em (em: một nhân vật cụ thể chứ không phải phụ nữ nói chung) chỉ là một việc, và vì ta làm thơ mà ta yêu một người nào đó "dữ dội" hơn !

(Tới đây tôi cũng hơi băn khoăn. Có lần tôi đã "làm thơ" như vầy :

Anh muốn viết những bài thơ trong đó có em
Có mặt trời đỏ hiện sớm mai
Gió thổi qua run rẩy những biển sóng xanh
Run rẩy bất tận trên hàng cây.

Xin quý vị thử nghĩ hộ "làm thơ" và "viết những bài thơ" khác nhau thế nào? Nó có khác với "viết những bài thơ trong đó có em" hay không?

Nhìn vào tác dụng của tiếng-nói-thơ, và phân tích gốc của chữ "làm thơ: *dichten"* trong tiếng Đức (từ chữ *condensare* trong latin), thi sĩ Ezra Pound định nghĩa tiếng nói thơ như là nước cốt, là tủy của tiếng nói. Nó là tiếng nói đã được cô đọng lại. Nhưng tại sao tiếng nói đã được cô đọng lại thành thơ; đó là điều cần phải phân tích cặn kẽ hơn. Tiếng nói hàng ngày nó loãng, nó ở ngoài da, là vì người ta dùng nó chỉ để chuyên chở thôi. Nó giống như loại thực phẩm ta ăn cốt lấy no bụng và bổ dưỡng. Thức ăn không phải là quan trọng. Còn tiếng nói thơ là *haute cuisine,* nghệ thuật nấu ăn: mắm muối, gia vị, chín tới hay là tái tái, bày món ăn cách nào (xin đọc lại Tản Đà bàn về ăn). Hàng ngày ai cũng ăn, cũng nấu nướng, nhưng thi sĩ mới là "chef" của tiếng nói.

3

TÔI ĐI TÌM TIẾNG NÓI

Tới đây chúng ta có thể tạm tóm tắt những ý trong đoạn trên bằng một mệnh đề, MĐ2, như sau: "Thơ là tiếng nói hiển hiện sự vật, là da thịt của sự vật, không như tiếng nói thường ngày chỉ là ký hiệu bên ngoài dùng để chỉ sự vật".

Tôi hy vọng MĐ2 làm rõ MĐ1 hơn một chút. Trong MĐ1 chúng tôi nghĩ khi thay đổi lời; chỉ giữ ý thôi thì tình tự do bài thơ gây nên cũng biến đổi. Trong MĐ2 ta thêm lời giải thích, rằng thơ không phải chỉ là ký hiệu dùng làm phương tiện truyền đạt, tiếng nói thơ chính là thông điệp.

Như tôi đã tưởng tượng câu chuyện về lúc con người sáng tạo tiếng nói, những tiếng nói đầu tiên bao giờ cũng là thơ. Nói lên làm sự vật hiển hiện. Nhưng dần dần tiếng nói đã suy đồi, trở nên những ký hiệu trừu tượng. Thi sĩ là người đi tìm những tiếng nói mới.

Tôi đi tìm tiếng nói
Cho cổ họng của tôi
Tôi khóc mãi, khóc mãi
Hết linh hồn mới thôi
Tôi đi tìm tiếng nói
Cho ra tới ban ngày
Người ta xúm lại hỏi
Cớ sao chịu đọa đầy ?
....

(Thanh Tâm Tuyền. Chép theo trí nhớ)

Sư anh, nói dóc vừa vừa chứ, muốn tạo cho mình lại nói là vì con. Con nó thèm vào cái nhà của anh? Tốt nghiệp, đi làm chỗ nào nó mua nhà chỗ đó vừa ý chúng hơn căn nhà anh đổi mấy chục năm đời đứng tiệm.

Tôi nói một mình nhưng như để phân trần với hai cô học trò cũ:

— Vậy không! Mời họp mặt văn nghệ thì từ chối, tối ngày đứng đằng tiệm, nhưng hễ động dao động thớt chủ tịch, đại diện nầy nọ thì thấy có mặt có tên. Phải phục là họ hay, nhanh chân, lẹ miệng.

Tôi trở lại phòng khách. Câu chuyện vẫn dòn tan về tình hình văn nghệ hải ngoại, về thị trường băng nhạc, về những bài viết mới, về những người viết vì ý thức trách nhiệm và vì ước muốn thủ đắc một điều gì đó trong cuộc sống.

Tốt hơn mình nên nghe. Nhân tâm tùy ý thích, tùy bản tính và khả năng từng người. Sự tốt xấu không thể nói hết trong một buổi họp mặt gấn. Tôi lơ đãng hút thuốc, để hồn theo điệu nhạc êm đềm của những bản nhạc tình phát ra từ hai cái loa đặt ở hai góc phòng đối diện. Tiếng hát nức nở, thê lương, réo rắt phảng phất từng chút của những tiếng ca nổi danh.

Tôi hỏi T., người luôn luôn hãnh diện khi kể về những phi vụ nguy hiểm và những công tác khó khăn lúc chịu trách nhiệm phi đoàn ở miền Trung. T. lắc đầu. Tôi chịu. Người bạn văn nhăn trán như để phân biệt hơn âm thanh. K. đợi cho mọi người có một thời khoản đủ để chú ý mới thong thả :

— Ca sĩ X. đó xuất hiện từ lâu rồi nhưng không lên, cứ ở hạng B hoài.

Tôi cười :

— Như T. mới tài. Dạy vợ thế nào không biết mà ca càng ngày càng hay. Bây giờ Hải là một giọng ca ăn khách ở hải ngoại đó.

T. được dịp kể công, giọng một chút gì đó hảnh diện :

— Ca hay thì có, nhưng mình giữ hai đứa nhỏ mệt đứ đừ. Mỗi tuần mấy tối. Mới đây nàng lại làm một vòng Cali thâu băng cả tháng, hamburger làm chuẩn. Chán tới cổ họng.

K. chọc :

— Cái khổ không phải ở chỗ coi con một tháng. Khổ ở chỗ vắng nàng 30 đêm. Hèn chi lúc Hải đi Cali, cứ nghe ông than thiếu tiền. Ăn hamburger làm sao thiếu tiền được. Sợ trách nhiệm tôi đâu dám cho mượn.

Người bạn văn nhìn tôi, trao đổi ý. Có sự thân mật trong sự châm chọc. Cười cho quên đời. Hai người chồng của hai cô học trò thường nhắc lại điều nầy.

Người bạn hội nhập vào không khí vui của gian phòng thật

thi vị. Ngay tiếng nói hàng ngày của chúng ta cũng thường có tác động thi vị, bên cạnh các tác động khác. Vẫn mượn lối phân tích của Jakobson, tiếng nói có các tác động sau :

Người nói

↓

1/ Tác động tham chiếu: nói về một cái gì.
2/ Tác động thi vị: tùy theo lời, theo cách nói năng
3/ Tác động tương giao: liên hệ người nói với người nghe
4/ Tác động ngữ hệ: hai bên có chung một hệ các ký hiệu.

↓

Người nghe

Trong lời nói hàng ngày, cả bốn tác động trên đều có mặt. Khi nào tác động thi vị nổi bật lên, các tác động khác trở thành thứ yếu, khi đó tiếng nói trở thành tiếng-nói-thơ. Khi đó chính các lời và cách ghép đặt các lời đóng vai trò chủ yếu. Khi đó tất cả các yếu tố của tiếng nói đều cần thiết để người nghe nhận được toàn thể thông điệp, và chính cái thông điệp toàn thể đó ấn định phải nói lời nào, theo cách xếp đặt nào v.v... Nếu thay đổi một yếu tố (vần, điệu, ngắt câu...) thì nội dung thông điệp cũng đổi mất rồi, vì thi vị đã thay đổi.

4

KHI MAI HOA KHÔNG PHẢI LÀ HOA MAI

Xin kể một kinh nghiệm riêng để nói rõ hơn về tác động thi vị của cách ghép các từ trong thơ.

Trên một chuyến xe đò Sài gòn - Bà Rịa tôi đọc lần đầu bài thơ "Thăm chùa Thiền tông" của Nguyễn Du. Hai câu Thực làm tôi thích thú :

Cổ-tự mai-hoa, hoàng diệp lý
Tiên-triều tăng-lão, bạch vân trung

với hiểu biết ít ỏi về chữ Hán, tôi hiểu như thế này:

Hoa mai ở ngôi chùa cổ, trong đám lá vàng
Vị sư già triều trước, giữa cõi mây trắng

Tôi rất yêu những hình ảnh này. Thầy Châu Toàn đi cùng xe với tôi, một người rất nghệ sĩ, kể tôi nghe về ngôi chùa ở ngoại vi thành phố Huế đó, nhưng không nói thêm gì về bài thơ. Mấy năm sau, có dịp ra Huế, và sau khi thầy Châu Toàn đã mất, tôi đến tận chùa Thiền tông để bồi hồi nhớ thầy, nhớ Nguyễn Du, chia sẻ nỗi ngậm ngùi của thi sĩ khi nhìn cái chuông ghi niên hiệu Cảnh Hưng triều đại cũ.

Trong vòng hơn mười năm, tôi vẫn nhớ lại bài thơ, nhất là hai câu Thực. Ở Montréal tôi đọc cho Đinh ngọc Mô nghe, và Mô

cũng khoái trá. Chúng tôi đã thử cố dịch bài thơ đó mà chưa bao giờ hài lòng:

Cổ-tự mai-hoa, hoàng diệp lý
Tiên-triều tăng-lão,bạch vân trung

Thế rồi một bữa Mô cho biết cách tôi hiểu hai câu thơ đó là sai. Hắn đã đọc bài thơ cho một nhà nho nghe. Cụ Đàm đã trên 80 tuổi, may quá cụ ở gần đây. Cụ bảo hai câu Thực phải đọc như thế này :

Cổ-tự-mai / hoa hoàng diệp lý
Tiên-triều-tăng / lão bạch vân trung

Chỗ ngắt câu là ở sau tiếng thứ ba, và trong hai câu đó, tiếng thứ tư là động từ chứ không phải danh từ. Cho nên phải hiểu như sau :

Cây mai ở ngôi chùa cổ *nở hoa* trong đám lá vàng
Vị sư triều đại trước *già đi* giữa cõi mây trắng

Đối với tôi lúc đó là cả một thế giới bị đảo lộn. Chắc tôi sẽ phải thăm chùa Thiền tông lần nữa, đứng đó khấn vái, tạ tội với hương hồn cụ Nguyễn Du. Thế ra con người tài tình đó đã tặng cho tôi một bảo vật, mà tôi chỉ chờn vờn ngắm nghía cái vỏ đựng bên ngoài. Như sờ mó một hòn đá mà không biết bên trong còn có ngọc. Vậy ra *mai hoa* không phải là hoa cây mai, mà là cây mai nở hoa. *Tăng lão* không phải ông già đi tu mà là vị sư ngả tuổi già. Thay đổi một chỗ ngắt câu, đổi danh từ thành động từ, cả bài thơ bỗng chuyển hóa! Không gian biến thành thời gian. Tĩnh hóa thành động. Hình ảnh đang đứng yên bỗng rung chuyển. Cái nỗi phù du của con người, của triều đại chánh trị càng thêm thấm thía. Một câu thơ bỗng nối dài bao vòng quay của trái đất quanh mặt trời. Nếu nhìn từ cõi biến đổi, thì mái tóc bạc kia là lớp lớp biển dâu. Còn như nếu nhìn bằng con mắt bất biến thì hoa mai năm năm vẫn cứ nở trong cõi lá ngả vàng, có khác chi đâu? Không dùng danh từ mà dùng động từ, Nguyễn Du chẳng cần nhiều lời hùng biện như Tô Đông Pha (Tự kỳ biến giả nhi quán chi... tự kỳ bất biến giả nhi quán chi...).

5

THẤY NÚI LÀ NÚI, SÔNG LÀ SÔNG

Hãy tiếp tục câu chuyện đang nói dở. Tại sao thi sĩ phải đi tìm tiếng nói mới. Làm sao những tiếng *yêu, ăn, chiều, sớm*... cũ kỹ đó lại có lúc trở thành tiếng-nói-thơ ?

Trong một đoạn trên tôi đã nhắc tới tên Victor Shklovský. Tôi

cứ tưởng mình đã tìm ra mấy ý mới, gần đây được biết từ 1917 Shklovský đã từng nói tới: Tiếng nói, sau khi được phát minh, được sử dụng hoài hoài, trở thành mòn, phai màu, nhạt nhẽo hết cả mùi vị. Ông Victor.Shklovský bảo rằng tiếng nói hàng ngày tạo ra những cái nhìn tự động hóa (automatic), như cái thế giới quen thuộc hiện ra trước mắt ta đều đều hàng ngày. Ta nhìn thế giới đó mà không thấy, không *tỉnh thức* — nếu tôi được phép dùng một chữ nhà thiền vẫn dùng. Ta nhìn thế giới như một cái máy hình tự động khiến ta có lối suy tưởng mà Victor.Shklovský gọi là suy tưởng lối đại số học (algebraic). Ta không nhìn thế giới như nó có thật trước mắt, mà nhìn nó qua một cái khung ký hiệu có sẵn. Ta không nhìn thấy cái toàn thể, mà chỉ nhìn thấy mấy cái qui thức mà ta đã ghi sẵn trong đầu — đã thành chương trình (program — danh từ điện toán).

Trong lời nói hàng ngày những "chương trình" đó tiện lợi vì nó tiết kiệm khá nhiều thời giờ nói và nghĩ. Miễn là ta đạt được ý, còn lời thì nói sao cho đúng "program" là được. Truyền tin bằng ký hiệu có sẵn, người nhận giải ra bằng quy ước có sẵn, xong, vứt bản tin đi. Đó là lời nói hàng ngày, là "văn xuôi", rất tiện dụng.

Ta có thể đẩy sự phân biệt trên đi xa chút nữa để thấy rõ hơn. Những người sử dụng máy điện toán (computer), ít nhất các máy thế hệ thứ ba, biết rằng máy chỉ trả lời theo những dấu hiệu định sẵn. Máy không nhận những cách nói mới. Nhà ngữ học Noam Chomsky còn cho rằng các con vật cũng bị quy định bởi một hệ thống thông tin có sẵn. Con này thông cảm với con kia được vì chúng cùng có thể phản ứng với những ký hiệu chúng có sẵn. (Có thể tôi không hiểu rõ Chomsky vì ngữ học không phải nghề của tôi, nhưng tôi cứ xin góp ý là biết đâu loài vật chúng khá hơn tình trạng mà Chomsky mô tả). Riêng loài người, Chomsky nói, có khả năng vượt lên trên tình trạng ngôn ngữ-máy đó. Loài người có khả năng đặt ra các dấu hiệu mới, xếp đặt cái kho ký hiệu cũ theo cách mới, *biến đổi* cách nói nguyên thủy, hiểu nó theo một lối mới. (Xin coi *Cartesian Linguistics).*

Theo Victor Shklovský thì cái khéo của nghệ thuật là nó (chúng) làm sự vật hiện ra ở ngoài hệ thống quen thuộc (programmable). Thơ bắt ta phải ngẩn người một chút, ngỡ ngàng chút nữa. Và ta bỗng thấy sự vật hiện ra không phải là như ta vẫn ghi sẵn nó trong đầu. Ta phải sống thật cái phút ta nhìn sự vật. Sống tỉnh thức. Sống chính cái sự vật ta nhìn, chứ không phải ta coi nó chiếu lên bằng dấu hiệu. Khi thi sĩ viết về bông hoa :

Đứng im ngoài hàng dậu
Em mỉm nụ nhiệm mầu
Lặng nhìn em kinh ngạc

(Quách Thoại)

thì thi sĩ là bông hoa, thi sĩ đứng im, thi sĩ mỉm nụ nhiệm mầu, thi sĩ kinh ngạc thấy mình mầu nhiệm... Còn người đọc, nếu người đọc không cảm thấy như vậy, chỉ vì người đọc còn coi bài thơ như một đối vật (object) chứ không sống bài thơ, không sống tỉnh thức cái lúc đọc bài thơ. Người đọc đó đã đọc bài thơ theo một "program" cũ, như đọc văn xuôi.

Hàng ngày chúng ta sống theo lối văn xuôi (Tôi xin các bạn viết văn xuôi tha lỗi). Sống mà không sống. Ngôn ngữ mòn, phai, nhạt nhẽo, tự động. Thơ làm cho ta kinh ngạc, bắt ta phải bật thức dậy. Giống như người đệ tử đi tìm gỗ để đốt lò sưởi mà không thấy, rồi nghe vị thiền sư bảo: "Thì tượng Phật là gỗ đó!" Chợt tỉnh ngộ!

Kinh nghiệm thi ca (và nghệ thuật nói chung) có nhiều chỗ tương tự kinh nghiệm thiền. Thử nhớ lại lời vị thiền sư nào đó nói: *Trước, tôi nhìn núi thấy là núi, sông thấy là sông. Trong lúc đang tỉnh thức tôi thấy núi không phải là núi, sông không phải là sông. Xong, tôi mới thấy núi thực là núi, sông thực là sông.*

Núi và sông lúc đầu là núi, sông văn xuôi. Lúc sau, nó là núi, sông thơ. Ở đoạn giữa, đó là núi và sông trong khi ta vừa mới đọc bài thơ. Như bông hoa thược dược của Quách Thoại, như bông mai nở, mái đầu nhuốm bạc trong thơ Nguyễn Du. Người đọc chợt kinh ngạc, chợt băn khoăn, và thức dậy, sống thật. Những sự vật quanh ta bỗng linh động, như phong cảnh dưới ánh nắng, sau một trận mưa chiều.

6

LÀM SAO ĐẾN NGỠ NGÀNG ?

Trong đoạn 5, chúng ta đã nói đến ý kiến rằng thơ làm chúng ta ngỡ ngàng. Đối chiếu với đoạn 3, với phân tích của Jakobson, ta sẽ tìm hiểu thơ làm thế nào khiến cho ta ngỡ ngàng, khiến ta bật dậy, bước ra khỏi cái "program" có sẵn. Đó là nhờ thơ mang đến những lời nói mới, và trộn trạo các âm tử theo một lối mới. Nói như các nhà ngữ học thuộc nhóm thành Prague khoảng giữa hai trận đại chiến, thì thơ làm mới tiếng nói vì đã làm nổi bật lời nói, đưa lời nói ra tiền cảnh (foregrounding). Làm tiếng nói nổi bật như thế nào ?

Có khi chỉ vì tiếng nói hàng ngày của ta bỗng xếp đặt lại có vần, có điệu, có đối, có ngắt :

Đêm qua ra đứng bờ ao
Trông cá, cá lặn; trông sao, sao mờ
(Ca dao)

Thôi, con còn nói chi, con
Sống nhờ đất khách, thác chôn quê người
(Nguyễn Du)

Có khi vì tiếng nói hàng ngày bị đảo lộn :

Màu thời gian không xanh,
Màu thời gian tím ngắt
(Đoàn Phú Tứ)

Tiếng nói bị đảo lộn vì, tuy đúng văn phạm, nó không hợp với lý luận thông thường. Thông thường, thời gian là một phạm trù không có mầu. Người đọc sách ngữ học hẳn nhớ đến thí dụ nổi tiếng của Noam Chomsky: "Những ý xanh không mầu ngủ mãnh liệt — Colorless green ideas sleep furiously). Đúng văn phạm, nhưng nó kỳ quá! Thi sĩ ít khi phải dùng đến xảo kỹ này. Vì còn biết bao nhiêu cách khiến tiếng nói làm cho ta kinh ngạc :

Ơ kìa bóng nguyệt trần truồng tắm
Lộ cái khuôn vàng dưới đáy khe
(Hàn mặc Tử)

Người quen giảng thơ sẽ bảo thi sĩ "nhân cách hóa" mặt trăng. Chẳng cần biết nhân cách hóa là cái gì, chúng ta chỉ ngạc nhiên sao cái hình ảnh mặt trăng tắm truồng lồ lộ như vậy mà ta chưa bao giờ nhìn! Cũng vậy :

Một trái trăng thu chín mõm mòm
(Hồ xuân Hương)

Có phải là phép ẩn dụ không? Vừa vừa thôi, trái trăng thu chín mõm mòm như vậy ai chẳng từng thấy. Chỉ tiếc con mắt ta vẫn nhìn "theo chương trình" nên cứ bỏ qua. Bà Hồ xuân Hương đã vén tấm màn mở mắt ta ra. Bằng tiếng nói mới.

Người làm thơ là nghệ sĩ dùng tiếng nói, cho nên tiếng nói được thả ra tung vãi, gom lượm, sắp xếp, kéo dài, thu ngắn, đẩy nhích lên, hạ xuống, v.v... Người đọc thơ sẽ nhận một thông điệp gồm cả những lời và cơ cấu xếp đặt của chúng. Nhưng lời nói, cách nói nổi bật lên như là yếu tố quan trọng - chứ không phải chỉ có ý nghĩa đằng sau các lời mới quan trọng.

Cây mạnh như vòi nước khổng lồ
Cánh rừng chiều hạ hương chiêm bao
Tô thùy Yên)

Chính hình ảnh vòi nước khổng lồ khiến cách nói nổi bật. Câu nói thiếu động từ và giới từ "Cánh rừng chiều hạ (...) hương (...) chiêm bao" làm ta ngỡ ngàng.

Hơi thở mới nguyên của đồng tiền mừng tuổi
(Nguyên Sa)

làm mới tiếng nói vì đồng tiền xưa nay ta vẫn nghĩ là không thở. Thi sĩ đã làm mở con mắt hồn nhiên của ta, tay ta rung rung cầm

đồng tiền mới, ngày mới của một năm mới, và nếu áp đồng tiền vào má trẻ thơ của ta, nó thở hơi ấm áp đê mê.

Tôi e rằng bạn đọc sẽ cảm tưởng chỉ những gì kỳ lạ mới tạo ra tiếng nói thơ. Không, tôi không có ý như vậy. Sự giản dị cũng làm cho ta kinh ngạc. Nói như kiểu Boris Paternàk: *"Chỉ những gì tầm thường mới thật kỳ diệu, khi được bàn tay của thiên tài chạm tới"*. Ai cũng thuộc bài mùa thu câu cá của Nguyễn Khuyến:

Ao thu lạnh lẽo nước trong veo
Một chiếc thuyền câu bé tẻo teo
Sóng biếc theo làn hơi gợn tý
Lá vàng trước gió sẽ đưa vèo
Từng mây lơ lửng trời xanh ngắt
Ngõ trúc quanh co khách vắng teo
Tựa gối ôm cần, lâu chẳng được
Cá đâu đớp động dưới chân bèo.

Một yếu tố của bài thơ làm cho ta kinh ngạc là lời thơ sao mà giản dị, sao mà trong veo. Nếu ta đã trải qua kinh nghiệm "gò" thơ Đường luật bẩy chữ tám câu thì ta lại càng kinh ngạc vì lối nói đơn sơ chân chất của Nguyễn Khuyến hơn.

Hồi thơ tự do xuất hiện ào ạt (1955-57) nhiều người chỉ trích các nhà thơ viết cầu kỳ, bí hiểm, làm khó anh em. Nhưng bình tâm mà xét, thơ tự do đọc lên lạ tai vào thời đó, nhưng không có gì cầu kỳ. Thí dụ, thử đọc Thanh tâm Tuyền :

Biển trập trùng hằng thế kỷ xưa
Người lên tiếng khóc.

Nói như vậy không giản dị thì thế nào mới giản dị? Phải chăng người ta muốn hai câu đó liên hệ với nhau hơn :

Biển trập trùng hằng thế kỷ xưa
(Tôi nghe thấy như)
(Trên tấm phông của biển đó)
(Vì biển trập trùng như vậy nên)
.....
Người lên tiếng khóc.

Hay người ta muốn hai câu đó phải có vần, phải đúng luật bằng trắc :

Biển trập trùng hằng thế kỷ xưa
Người lên tiếng khóc (khóc như mưa)
(khóc u ơ)
(rất lâm ly)

Nhưng đổi lối nói như vậy mới là cầu kỳ, điệu bộ, rườm rà hơn. Và chắc chắn không diễn đạt được cái điều giản dị mà thi sĩ muốn nói, điều đó là :

Biển trập trùng hằng thế kỷ xưa

Người lên tiếng khóc.

Có những lối nói giản dị đến kinh ngạc như trong bài thơ "Phạm văn Thông" của Quách Thoại. Bài thơ quá dài và tôi không chắc thuộc hết nguyên văn nên không chép đủ ra đây. Quách Thoại kể chuyện một người bị đấu tố và chôn sống, bắt đầu :

Anh có thấy không
Hai tay nó thò trên mặt đất kìa
Giữa khoảng đồng không.

Anh có biết không
Lúc người ta dắt nó ra ngoài đồng
Thì nó vẫn còn sống

Lúc người ta lấp đất vào
Thì nó vẫn còn sống

Nó gào, nó hét
Nó la, nó thở
Toàn đất là đất

Tôi Phạm văn Thông
Tôi không !
Tôi không !

Những tiếng thét "Tôi không! Tôi không!" để riêng là lời nói hàng ngày. Nhưng đặt vào đúng vị trí đó, trong bài thơ đó, sau những câu, những đoạn, những âm thanh và hình ảnh ở trên đó, làm chúng ta bàng hoàng, như nghe tiếng sấm sét.

Tôi cũng có cảm giác bàng hoàng ngơ ngẩn như vậy khi đọc bài thơ "Chuỗi hạt bồ đề Thái Lan" của Nguyễn bá Trạc trong *Ngọn Cỏ Bồng* (1985). Năm, sáu dòng cuối cùng của bài thơ chỉ là những câu niệm Phật: "Nam mô A Di Đà Phật", v.v... Nhưng đặt 5 câu niệm Phật quen thuộc sau mấy đoạn thơ kể truyện, đúng là tiếng sấm sét. Nó làm tôi muốn bật khóc. Muốn sụp lạy:

... Bọn cướp biển Thái lan lột truồng tất cả
mọi người trên tàu để khám xét cướp bóc
xong chúng ngả rượu ra
bảo những người trần truồng ngồi xuống ca hát
cho chúng uống rượu chơi
Tôi hỏi vậy các cháu có hát không ?
Các cháu nói lúc đầu cũng mắc cỡ nhưng
mọi người đều hát
chúng cháu cũng hát
Tôi không hỏi họ đã hát những bài gì
để giúp vui bữa tiệc

Đêm hôm nay tôi lần chuỗi hạt bồ đề này
Chuỗi hạt làm ở Thái lan cả thẩy có 110 hạt
Tôi niệm :
Nam mô A di đà Phật
Nam mô bổn sư Thích ca Mâu ni Phật
Nam mô cứu khổ cứu nạn Quan thế âm Bồ tát
Nam mô A di đà Phật
Nam mô A di đà Phật

Tới đây tôi tóm lại ý kiến ở mấy đoạn trên vào mệnh đề thứ ba, MĐ3, như vầy :*"Thơ làm sự vật hiển hiện vì các lời và cách xếp đặt các lời làm lạ tai, chính lời nói trở thành yếu tố quan yếu của thông điệp".*

Trước khi chấm dứt đoạn này chắc tôi phải nói thêm để tạ lỗi các bạn viết văn xuôi. Trong đoạn 5 tôi dùng chữ "sống văn xuôi" và "sống thơ". Thực ra, văn xuôi cũng có thi vị. Nếu đọc lại đoạn 3, nhắc đến ý của Jakobson, mọi câu nói đều có tác động thi vị. Chỉ khác là trong thơ tác động thi vị là tác động chính, và *cách nói* trùm lên *ý định nói.* Văn xuôi Âu Tây từ thế kỷ 19 cũng mang đầy thi vị. Đọc văn Việt Nam, nhất là sau khi thơ tự do xuất hiện, mỗi nhà văn đều có một lối nói riêng. Lối nói khác lạ không phải ở cách xếp đặt một ít chữ, một ít câu, mà còn ở cách kể chuyện này trước, nói chuyện khác sau. Có nhà văn cho nhân vật xuất hiện trước mắt chúng ta rồi sai nó vô việc liền. Có ông còn bắt nó dừng chân, quay qua quay lại cho ta ngó đủ bốn phía, vạch túi nó ra cho coi trong túi nhét cái gì. Có ông bắt nó phải đọc bảng kê khai lý lịch tam tứ đại...vân vân. Những cách kể khác nhau đó cũng là những cách ghép nối mà người viết chọn, làm cho lạ tai. Nó tạo nên thi vị. Nếu có thời giờ chắc các nhà ngữ học nên phân tích cho chúng ta coi tại sao thi vị của *Bếp lửa* (Thanh Tâm Tuyền) khác với *Nhan sắc* (Dương Nghiễm Mậu), khác với *Tháng Giêng Cỏ Non* (Mai Thảo), khác với *Giã Từ* (Võ Phiến), khác với Bình Nguyên Lộc, Thụy Vũ, Túy Hồng v.v...

Và ngược lại có những bài thơ không có thi vị. (Hầu hết những bài thơ tôi đã viết thuộc loại này - rất may tôi vất bỏ cả đi rồi).

7
ÔI TỰ-DO THẬT VÔ CÙNG QUYẾN RŨ

Bàn về câu "Thiên hà ngôn tại — trời có nói gì đâu" (Khổng tử) nhà văn Hoài Đồng Vọng bảo: *Chẳng qua là cụ Khổng sống phải cái thời người ta nói nhiều quá, nói dối nhiều quá! (Ai có qua cầu).*

Chúng ta sống ở cái thời mà người ta không những nói nhiều,

nói dối nhiều, mà còn nói đi nói lại nói tái nói hồi nhàm tai chỉ một giọng một điệu. Những khẩu hiệu hô đi hô lại. Đến đá cũng phải mòn chứ đừng nói chữ nghĩa. Tôi nhớ có lần Nehru (cố thủ tướng Ấn) bàn bạc chuyện này. Đại ý ông nói những danh từ *Tự Do, Cách Mạng, Công Lý*... ngày nay đã là những khẩu hiệu vô hồn, nhưng chúng ta đừng vì thế mất niềm tin vào tự do, công lý và khả năng con người thay đổi vận mạng của mình. Vì, ông nhắc nhở, cái hồi mà những chữ đó lần đầu tiên được hô thành khẩu hiệu, chúng đều chứa đựng nội dung. Chúng rúng động tâm can. Nung sôi dòng máu. Chuyển gió thành bão. Cuốn sông thành biển. Như niềm hy vọng thánh linh trên đầu bốc lửa.

Đó là cái thời mà thi sĩ viết chữ Tự Do trên bắp tay, trên vầng trán, trên trái tim, trên thềm đá nhà thờ, trên ruộng, trên núi. Đó là lúc người ta đọc tên Tự Do như tên của người yêu :

Ôi Tự Do thật vô cùng quyến rũ

(Quách Thoại)

Không phải chỉ những chữ "độc lập, tự do" mới bị số phận biến thành những tiếng khôi hài nhạt nhẽo. Tất cả ngôn ngữ loài người đều bị số phận đó. Một ngày chúng ta phải nghe bao nhiêu câu hỏi: "Khỏe không?" (How are you? Ça va? Wie geht es Ihnen? Nị hào ma?). Có bao nhiêu người thực sự hỏi "Khỏe không?"?

Một ông nhạc trưởng, trong cuộc tiếp tân sau buổi hòa nhạc, hỏi thính giả nghĩ sao về cuộc trình tấu. Một bà nói: "Tuyệt vời!" (Wonderful!). Ông nhạc trưởng ngạc nhiên: "Chỉ tuyệt vời thôi ư?" Người kể câu chuyện (tôi nghe thoáng trong radio BBC, quên cả tên nhân vật) bình luận rằng cái nhà anh nhạc trưởng này tự cao quá đáng.

Tôi nghĩ khác. Chẳng qua là ở Bắc Mỹ cái chữ "Wonderful" bị mòn hết từ lâu rồi. Bà coi cái áo này sao? Wonderful! Thằng con tôi mới chiếm giải ba về hội họa trong lớp! Wonderful! Sáng nay tưởng bị sổ mũi, bây giờ thấy hết? Wonderful! Tội nghiệp, hồi mới qua đây, nghe ai nói mình wonderful tôi cứ tưởng thật!

Bao nhiêu tiếng bị biến thành "độc lập, tự do" theo lối đó. Nghe ai hỏi "is it wonderful?" bao giờ tôi cũng thấy ngẩn ngơ tiếc rẻ. Cái lời đó, đáng lẽ nó phải *wonderful* biết bao nhiêu, mà bây giờ thực sự nó chỉ còn wonderful mà thôi.

Ước gì mỗi ngày chúng ta lại được nghe ít tiếng giản dị, chân thành. Ước gì có ai yêu mình đến mức không gởi cho mình một tấm thiệp in sẵn. Ước gì mỗi ngày, mọi người đều nói với tất cả tấm lòng thành. Tiếng nói chí thành là thơ. Vì người nói sống mãnh liệt những lời nói đó. Sống văn xuôi là sống bằng thiệp in sẵn, các bức tranh in lại. Sống thơ là vẽ lấy tranh của mình, tự mình cất tiếng hát.

8

THỬ NÓI LẠI : YÊU

Bây giờ ta lại đọc Đinh Hùng chơi :

Tôi thả chim xanh lượn trước nhà
Điểm trang lòng, đợi ái tình qua.

Tôi không biết các cô, các chú còn trẻ bây giờ trước khi đi hẹn hò (date) có chuẩn bị kỹ lưỡng như vậy không. Nếu thiếu chuẩn bị, các chú sẽ không nhìn thấy được như Đinh Hùng :

Em đi, mắt có thơ mùa hạ
Má phấn hồng in bóng phượng hoa.

Nếu không chuẩn bị, các cô các chú sẽ không thể thấy :

Cây im nghe chim kể chuyện tình duyên
(Tô Thùy Yên)

Trong cả mấy câu thơ trên chả câu nào nhắc lại động từ yêu hết. Nhưng chúng cũng làm ta nôn nao, rạo rực, như là :

Mùa đông tuyết giết người phương Bắc
Nàng giết ta bằng nước xối lưng
(Hà Thúc Sinh)

Cũng như người chinh phụ của Đặng Trần Côn than "Thiếp hận bất như câu... thiếp hận bất như châu" chàng thi sĩ đời nay xuýt xoa: "Cái vòi nước hoa sen nó có phúc quá!"

Sự việc cũ kỹ nhất bỗng trở thành mới. Từ mấy triệu năm nay người ta yêu, rồi yêu, lại yêu. Tại sao thi sĩ cứ đòi hỏi: *Tôi phải làm mới tình yêu* (T.T.T.)? Bởi vì hồi xưa người ta yêu như thế :

Ngàn liễu rung cương sóng gợn tình
(Chu mạnh Trinh)

Lại có người xưa yêu theo lối :

Bóng gương lấp ló sau mành
Cỏ cây cũng muốn nổi tình mây mưa
(Nguyễn gia Thiều)

Cho tới lúc có người đời nay vừa yêu vừa đo lường lẩm nhẩm :

Yêu là chết ở trong lòng một ít
(Bởi vì các lý do sau...)
(Xuân Diệu)

Vậy nên phải có người yêu và năn nỉ :

Đừng trói anh vào trần gian bằng mắt em nhìn kia
Đừng ngồi trước mặt anh, Minh Châu.
(Thanh Tâm Tuyền)

Nhờ cái thi sĩ chúng ta chỉ sống một đời mà ta đã sống qua bao nhiêu cuộc tình. Tôi đã mê Trác văn Quân, đã yêu Kiều Nguyệt Nga, với Tố của Hoàng, với Barbara (em nhớ không, bữa đó mưa

rơi hoài xuống Brest) và hỡi Liên, những Liên và Liên...

Yêu nhau hết một đời
Hết một đời chẳng đủ
Còn kiếp nào gặp nhau
(Thanh Tâm Tuyền)

Rất tiếc ở đây tôi không định bàn đến chuyện yêu. Hình như hồi này đó là đề tài dành cho các y sĩ và dược sĩ (đôi khi, luật sư). Nhưng, tôi xin kể chuyện, ngày xưa yêu là câu chuyện để cho các thi sĩ nói. Và tất cả những người đã yêu đều mấp máy muốn mở miệng làm thơ, muốn đọc thơ, ngâm thơ :

Em được thì cho anh xin
Hay là em để làm tin trong nhà
(Ca dao)

Gặp đây mận mới hỏi đào
Vườn hồng đã có ai vào hay chưa ?
(Ca dao)

Và người ta đã tỏ tình bằng cách chép tay cả ngàn câu thơ để tặng nhau. Không chụp bằng máy xerox.

Không có gì lạ! Tiếng nói thơ, muốn làm hiển hiện một tình trạng sống, đòi hỏi người ta phải sống mãnh liệt tình trạng đó. Và có gì mạnh mẽ, có gì chiếm trọn cả tâm hồn, cả thân thể mình (ám ảnh đến mê mẩn đời) hơn là yêu (trừ khi đói quá, hay khát nước quá, hay học tập cải tạo lâu quá!) và làm-thơ-yêu.

Vì mỗi người đều có thể sống mãnh liệt cái rung động của ái tình, nên thi sĩ vẫn cứ tiếp tục nói lại về một chuyện đó. Nói đi, nói lại. Những lời mới bật ra. Những cách nói mới xuất hiện. Nhờ đó chúng ta không phải chỉ sống một cuộc đời, chúng ta sống bằng trăm, ngàn cuộc đời. Nhớ lại ý của Czeslaw Milosz :

Thơ là để nhắc ta nhớ rằng
Sống như chỉ là một người thật khó
Vì căn nhà ta mở, cửa không khóa
Và bao người khách vô hình thong thả ra vô
(Ars Poetica)

Đỗ Quý Toàn

Tranh Nguyên Khai

Như Chi

Sinh nhật yêu thương

Em muốn viết một bài thơ chứa trọn trời đất huy hoàng để tặng anh làm quà sinh nhật. Ở đó anh sẽ đọc thấy mặt đất chở hoa cỏ xinh tươi núi non hùng vĩ rừng rậm thâm trầm và các sinh vật sung sướng hồn nhiên. Anh sẽ đọc thấy bốn mùa phân biệt mỗi mùa nở các sắc hoa mà mọi sắc hoa đều biểu tượng tình em yêu anh say đắm. Anh cũng sẽ đọc thấy những buổi sáng hân hoan tràn ngập nắng vàng những trưa nồng hàng cây nằm ngái ngủ, những buổi chiều em mơ mộng nhìn qua kính cửa ngắm hoàng hôn. Anh cũng sẽ nghe tiếng im lặng của đêm khuya khi em ngồi chống tay ôm cằm trên bàn viết mà hồn thì bay bổng dạo chơi giữa bốn mùa phất phơ tinh tú.

Em không hiểu tại sao suốt ba mươi năm em chỉ thấy cuộc đời toàn những trầm luân thống khổ. Nhận thức em giây phút này đầy mật ngọt yêu thương đã cho em biết thế nào là hạnh phúc, bởi trong tâm hồn em Thiên đường đã mở cửa cho hương hoa Thiên đường ban rải ấm êm. Dù em vẫn thấy cuộc đời đầy dẫy vô thường sinh diệt nhưng trong đó em không còn lý do nào để khóc than cay đắng. Mây từ lâu vẫn điểm trang bầu trời, chim vẫn hiến dâng trần gian tiếng hót, hoa vẫn êm ái toả hương và con người vẫn có thể mỉm cười sung sướng trong những hoàn cảnh dù rất khắc khe.

Bài thơ em viết sẽ ca tụng tình yêu muôn đời bất diệt, tình yêu chan hoà không gian thời gian, ngạo nghễ dẫm tan ghét ghen thù hận. Thế giới này chỉ là chỗ ở của tình yêu và chỉ dành cho tình yêu ngự trị. Thế giới sẽ chỉ có nụ cười anh rực rỡ tươi vui và ánh mắt anh tưng bừng thắp sáng. Thế giới ngợp hương hoa yên bình tràn đầy thánh thiện. Như tình yêu anh đã trân trọng trao em.

Phan Ni Tấn

Hôn lễ

ĐIỀM LÀNH

Đôi hài đi bộ xuống trần
Xách giỏ lát đựng đủ phần bài ca
Hẹn nhau dưới cội hoàng hoa
Đôi con chim trắng bay qua bầu trời

NỖI MỪNG

Nỗi mừng từ đó mọc ra
Một cành xúm xít trổ hoa hương trời
Bàn tay anh lại ra đời
Tưới cây nhật nguyệt cho người mắt xanh

DẶN DÒ

Về thưa cha mẹ đôi lời
Rằng trong anh đã có người tào khang
Từ anh là rể đông sàng
Thõng tay vào chợ ngâm tràn câu thơ

TẶNG PHẨM

Áo em hoa nở mấy trời
Nụ trầm hương cũng xanh ngời tóc mây
Hồn anh rụng cái hoa bay
Nở ra thành bát trăng đầy trao em

Bình Nguyên Lộc

Với cái giá phải chết.

"Hello, phải Ba đó không Ba ?

"Phải, đứa nào đó? Con Anh đó hả?

"Dạ. Bữa nay Ba có ở nhà không Ba?

"Chớ Ba mà còn đi đâu nữa, con khéo hỏi.

"Ba lên con, ở tới chiều được không Ba?

"Được, có tiệc tùng gì đó? Sanh nhựt cho đứa nào?

"Không phải Ba à. Hôm qua cha sắp nhỏ của con phải thình lình đi San Diego vì bà nội của chúng nó đau nặng...

"Vậy à...

"Sáng nay bà Jeany cũng thình lình đau nặng. Bà ấy cần con. Con bé Túy còn bé quá, để nó ở nhà một mình bất tiện.

"À, ba hiểu rồi. Ba sẽ lên chỗ con ngay bây giờ.

"Dạ, nhưng con sẽ rước Ba, Ba đừng có đi xe bart, trời lạnh lắm.

"Xe đâu mà con rước?

"Thì xe của con chớ xe đâu.

"Còn thằng đó, nó đi San Diego bằng gì?

"Bằng tàu bay. Tám trăm mai mà xe quá cũ. Đi bằng ô-tô thì xe sẽ nằm đường.

"Bà Jeany liệu qua khỏi hay không?

"Con sợ rằng không. Bà ấy vừa mở chương mục cho các cháu. Bà ấy muốn cho chúng nó thêm cái gì nữa đó cũng chẳng biết. Nghe giọng thì bà ấy yếu quá, chắc là cho số tiền mà bà ấy còn lại. Con có thể đưa bà ấy đi bịnh viện rồi thì rảnh tay. Nhưng bà ấy lại rất ghét bịnh viện. Chắc là con phải ở lại với bà ấy hơi lâu. Ơn nghĩa lớn mà ba. Bốn chương mục cho bốn cháu của ba lận mà...

"Ờ... ờ... muốn ở bao lâu thì ở."

Ông Linh vội thọc chơn vào đôi ủng rồi mở tủ lấy áo choàng khoác lên người. Con ông ở cách nhà ông có hai "mai". Nó sắp đến

nơi rồi.

*
* *

Ông Linh vào nhà con ông một mình, còn con ông thì đạp ga chạy luôn. Con bé Túy reo lên:

— Welcome, grandpa.

— Nói tiếng Việt Nam.

— Cũng được. Mừng ông.

— Nào, ông cháu ta chơi cái gì cho vui coi nào.

— Ông hổng biết chơi đâu. Con Tiny thì biết, để lát nữa nó lại chơi với con.

Ông Linh nhìn xuống thảm thì thấy những gì lút chút dưới ấy, xanh, đỏ, trắng, vàng, tím, lu bù màu. Quả thật ông chẳng biết chơi với những thứ nầy. Nhưng nó sắp có bạn thì thôi vậy. Ông bước vào bàn ăn, ở bên trong, nhìn lên chiếc đồng hồ, đoạn bước tới vài bước nữa, chụp lấy máy nói. Ông hỏi giờ. Hỏi giờ để làm gì? Để giết thì giờ. Trẻ con nó không thèm chơi với ông thì ông còn biết làm gì nữa bây giờ. Thình lình, qua tấm kính, ông thấy chim trắng đáp xuống sân sau hơi nhiều. Đó là chim hải âu, ở ngoài khơi vịnh San Francisco. Trời hôm nay u ám, có lẽ biển động nên chúng nó vào tận đây ẩn núp. Chim. Ông Linh bỗng nghe có cái gì khác lạ nơi lòng ông. Ông vội mở cửa để ra sân sau, dẫm lên cỏ, đi lại dưới hai cây gì đó không biết. Rồi đứng yên. Trời có hơi lạnh, nhưng ông bất kể, tự biến thành một pho tượng không chân đế. Nhà phía sau, tuy không lớn hơn nhà con ông, nhưng họ có được một cái sân rất rộng, cây cối được trồng trên đó khá nhiều, năm, bảy cây gì đó. Ông Linh bền chí đợi.

Gần một tiếng đồng hồ sau, con bé Túy ra đây với bạn nó là con Tiny. Hai đứa nó nhìn ông, ông chợt thoáng thấy như vậy, nhưng ông vẫn bất kể. Một bàn tay nhỏ xíu thọc vào túi quần của ông.

— Ông, ông làm gì đó ?

— À, ơ hơ... ông rình tu hú.

— Tu hú là cái gì ?

— Là một thứ chim.

— Cũng trắng như mấy con nầy ?

— Không, nó đen và nhỏ hơn.

Con bé Tiny tròn xoe đôi mắt xanh ra để nhìn hai ông cháu nhà nầy, họ nói với nhau những gì líu lo mà nó không thể hiểu. Một cái đầu vàng hoe, nhìn hai cái đầu đen thủi, đen thui và rất là kỳ dị.

— Thôi đi vô ông, ở đây, ông sẽ lạnh. Mẹ bảo con coi chừng

Bình Nguyên Lộc

Với cái giá phải chết.

"Hello, phải Ba đó không Ba ?

"Phải, đứa nào đó? Con Anh đó hả?

"Dạ. Bữa nay Ba có ở nhà không Ba?

"Chớ Ba mà còn đi đâu nữa, con khéo hỏi.

"Ba lên con, ở tới chiều được không Ba?

"Được, có tiệc tùng gì đó? Sanh nhựt cho đứa nào?

"Không phải Ba à. Hôm qua cha sắp nhỏ của con phải thình lình đi San Diego vì bà nội của chúng nó đau nặng...

"Vậy à...

"Sáng nay bà Jeany cũng thình lình đau nặng. Bà ấy cần con. Con bé Túy còn bé quá, để nó ở nhà một mình bất tiện.

"À, ba hiểu rồi. Ba sẽ lên chỗ con ngay bây giờ.

"Dạ, nhưng con sẽ rước Ba, Ba đừng có đi xe bart, trời lạnh lắm.

"Xe đâu mà con rước?

"Thì xe của con chớ xe đâu.

"Còn thằng đó, nó đi San Diego bằng gì?

"Bằng tàu bay. Tám trăm mai mà xe quá cũ. Đi bằng ô-tô thì xe sẽ nằm đường.

"Bà Jeany liệu qua khỏi hay không?

"Con sợ rằng không. Bà ấy vừa mở chương mục cho các cháu. Bà ấy muốn cho chúng nó thêm cái gì nữa đó cũng chẳng biết. Nghe giọng thì bà ấy yếu quá, chắc là cho số tiền mà bà ấy còn lại. Con có thể đưa bà ấy đi bịnh viện rồi thì rảnh tay. Nhưng bà ấy lại rất ghét bịnh viện. Chắc là con phải ở lại với bà ấy hơi lâu. Ơn nghĩa lớn mà ba. Bốn chương mục cho bốn cháu của ba lận mà...

"Ờ... ờ... muốn ở bao lâu thì ở."

Ông Linh vội thọc chơn vào đôi ủng rồi mở tủ lấy áo choàng khoác lên người. Con ông ở cách nhà ông có hai "mai". Nó sắp đến

Phan Ni Tấn

Hôn lễ

ĐIỀM LÀNH

Đôi hài đi bộ xuống trần
Xách giỏ lát đựng đủ phần bài ca
Hẹn nhau dưới cội hoàng hoa
Đôi con chim trắng bay qua bầu trời

NỖI MỪNG

Nỗi mừng từ đó mọc ra
Một cành xúm xít trổ hoa hương trời
Bàn tay anh lại ra đời
Tưới cây nhật nguyệt cho người mắt xanh

DẶN DÒ

Về thưa cha mẹ đôi lời
Rằng trong anh đã có người tào khang
Từ anh là rể đông sàng
Thõng tay vào chợ ngâm tràn câu thơ

TẶNG PHẨM

Áo em hoa nở mấy trời
Nụ trầm hương cũng xanh ngời tóc mây
Hồn anh rụng cái hoa bay
Nở ra thành bát trăng đầy trao em

Bình Nguyên Lộc

Với cái giá phải chết.

"Hello, phải Ba đó không Ba ?

"Phải, đứa nào đó? Con Anh đó hả?

"Dạ. Bữa nay Ba có ở nhà không Ba?

"Chớ Ba mà còn đi đâu nữa, con khéo hỏi.

"Ba lên con, ở tới chiều được không Ba?

"Được, có tiệc tùng gì đó? Sanh nhựt cho đứa nào?

"Không phải Ba à. Hôm qua cha sắp nhỏ của con phải thình lình đi San Diego vì bà nội của chúng nó đau nặng...

"Vậy à...

"Sáng nay bà Jeany cũng thình lình đau nặng. Bà ấy cần con. Con bé Túy còn bé quá, để nó ở nhà một mình bất tiện.

"À, ba hiểu rồi. Ba sẽ lên chỗ con ngay bây giờ.

"Dạ, nhưng con sẽ rước Ba, Ba đừng có đi xe bart, trời lạnh lắm.

"Xe đâu mà con rước?

"Thì xe của con chớ xe đâu.

"Còn thằng đó, nó đi San Diego bằng gì?

"Bằng tàu bay. Tám trăm mai mà xe quá cũ. Đi bằng ô-tô thì xe sẽ nằm đường.

"Bà Jeany liệu qua khỏi hay không?

"Con sợ rằng không. Bà ấy vừa mở chương mục cho các cháu. Bà ấy muốn cho chúng nó thêm cái gì nữa đó cũng chẳng biết. Nghe giọng thì bà ấy yếu quá, chắc là cho số tiền mà bà ấy còn lại. Con có thể đưa bà ấy đi bịnh viện rồi thì rảnh tay. Nhưng bà ấy lại rất ghét bịnh viện. Chắc là con phải ở lại với bà ấy hơi lâu. Ơn nghĩa lớn mà ba. Bốn chương mục cho bốn cháu của ba lận mà...

"Ờ... ờ... muốn ở bao lâu thì ở."

Ông Linh vội thọc chơn vào đôi ủng rồi mở tủ lấy áo choàng khoác lên người. Con ông ở cách nhà ông có hai "mai". Nó sắp đến

nơi rồi.

*
* *

Ông Linh vào nhà con ông một mình, còn con ông thì đạp ga chạy luôn. Con bé Túy reo lên:

— Welcome, grandpa.

— Nói tiếng Việt Nam.

— Cũng được. Mừng ông.

— Nào, ông cháu ta chơi cái gì cho vui coi nào.

— Ông hổng biết chơi đâu. Con Tiny thì biết, để lát nữa nó lại chơi với con.

Ông Linh nhìn xuống thảm thì thấy những gì lút chút dưới ấy, xanh, đỏ, trắng, vàng, tím, lu bù màu. Quả thật ông chẳng biết chơi với những thứ nầy. Nhưng nó sắp có bạn thì thôi vậy. Ông bước vào bàn ăn, ở bên trong, nhìn lên chiếc đồng hồ, đoạn bước tới vài bước nữa, chụp lấy máy nói. Ông hỏi giờ. Hỏi giờ để làm gì? Để giết thì giờ. Trẻ con nó không thèm chơi với ông thì ông còn biết làm gì nữa bây giờ. Thình lình, qua tấm kính, ông thấy chim trắng đáp xuống sân sau hơi nhiều. Đó là chim hải âu, ở ngoài khơi vịnh San Francisco. Trời hôm nay u ám, có lẽ biển động nên chúng nó vào tận đây ẩn núp. Chim. Ông Linh bỗng nghe có cái gì khác lạ nơi lòng ông. Ông vội mở cửa để ra sân sau, dẫm lên cỏ, đi lại dưới hai cây gì đó không biết. Rồi đứng yên. Trời có hơi lạnh, nhưng ông bất kể, tự biến thành một pho tượng không chân đế. Nhà phía sau, tuy không lớn hơn nhà con ông, nhưng họ có được một cái sân rất rộng, cây cối được trồng trên đó khá nhiều, năm, bảy cây gì đó. Ông Linh bền chí đợi.

Gần một tiếng đồng hồ sau, con bé Túy ra đây với bạn nó là con Tiny. Hai đứa nó nhìn ông, ông chợt thoáng thấy như vậy, nhưng ông vẫn bất kể. Một bàn tay nhỏ xíu thọc vào túi quần của ông.

— Ông, ông làm gì đó ?

— À, ơ hơ... ông rình tu hú.

— Tu hú là cái gì ?

— Là một thứ chim.

— Cũng trắng như mấy con nầy ?

— Không, nó đen và nhỏ hơn.

Con bé Tiny tròn xoe đôi mắt xanh ra để nhìn hai ông cháu nhà nầy, họ nói với nhau những gì líu lo mà nó không thể hiểu. Một cái đầu vàng hoe, nhìn hai cái đầu đen thủi, đen thui và rất là kỳ dị.

— Thôi đi vô ông, ở đây, ông sẽ lạnh. Mẹ bảo con coi chừng

ông đó mà.

Ông Linh bật cười. Con ông đã bắt ông trông chừng cháu ông, và mặt khác nó cũng bảo con nó coi chừng ông. "Nhứt gia liên bảo" đó mà. Chẳng biết nó sẽ tố cáo tội ác của ông ra sao.

Thình lình con bé Tiny đâm đầu chạy mất.

— Sao nó chạy đi ?

— Tại nó hết muốn chơi nữa.

— Rồi ai chơi với con ?

— Ông chớ ai.

— Nhưng ông bận rình tu hú.

— Ông rình tu hú để làm gì ?

— Để nghe chim kêu.

— Nó kêu làm sao ông ?

— Nó kêu tu hú, tu hú.

— Chỉ có vậy thôi hở ông ?

— Ừ.

— Vậy thì tội gì phải chịu lạnh để rình nó ?

— À... ơ... ơ... hơ, con không thể nào biết đâu.

— Kỳ cục.

— Ừ, kỳ cục thật đó.

Chỉ còn có ba hôm nữa là tới Tết. Ông Linh bỗng nghe nhớ xứ. Ông đã đi tìm cái gì có vẻ Việt Nam để khuây nỗi sầu quê. Nhưng ông chỉ thấy có dưa hấu. Mà dưa hấu ở đây lại chẳng mang tánh cách dưa hấu Việt Nam chút nào hết. Nó quá khổng lồ. Ở xứ nầy, cái gì cũng super cả: super market, super movie, super man, super dưa hấu. Hoa Kỳ-cục có khác! Ông thì ông cũng đang có super nostalgia đây. Rình tu hú để làm gì à? Không, không thể nào mà con bé Túy hiểu được ông đâu. Nó đã theo cha mẹ nó đi chui hồi nó lên hai, nó chẳng còn biết Việt Nam là cái gì nữa hết. Tu hú là loại chim trốn tuyết. Quê nó ở tận phương cực Bắc của quả địa cầu. Sang mùa băng giá nó tạm lánh thân xuống phương Nam và đến miền Nam nước Việt đúng vào đầu tháng Chạp ta, ở đó trọn một tháng rồi lại bay đi mất. Tu hú thuộc vào chơn trời quen thuộc của ông, thuở ông còn bé dại, thuở mà ông thường hát với trẻ con cùng làng:

Hú kêu ba tiếng hú kêu
Trông mau tới Tết, dựng nêu, ăn chè.

Con bé Túy không ham Tết, không chờ đợi Tết, không mong ngóng tu hú như ông. Nó chỉ ham lễ Ha-Lô-Vin mà thôi để nó được làm quỉ. Có một bức tường thật dày giữa ông và cháu ông, bức tường thời gian, rất là đáng sợ, chớ bức tường không gian chẳng còn nghĩa lý gì cả vào thời phi cơ phản lực nầy.

— Hình như ở đây không có tu hú ông ơi. Nhưng ông nghe nó kêu ở đâu ?

— Không, con không thể nào biết được đâu.

Giữa hai người, thật chẳng biết ai đang thương xót ai. Chắc cả hai đều thương xót. Con bé Túy thương xót người ông gàn gàn, chịu lạnh hằng giờ để rình tiếng kêu không hay của con chim gì đó. Người ông thương xót nó, vì lớn lên, nó sẽ bỡ ngỡ vô cùng, khi cha mẹ nó dạy nó phải yêu nước Việt Nam. Nhưng nước Việt Nam là cái gì mà nó phải yêu kia chớ. Chơn trời quen thuộc của nó là con sông Cyrus sau nhà, là lá thu vàng mỗi độ thu về, là chiếc tivi đã đưa nó đi thật xa, từ sa mạc Ai Cập đến núi băng Groenland. Nó chẳng hề nghe mục đồng thổi sáo buổi chiều, chẳng hề thấy cây dừa nghiêng mình soi bóng dưới nước, chẳng hề nghe tiếng các bà mẹ ù-ơ ru con...

— Thôi đi vô nhà chơi với con đi ông.

Ông Linh toan để con bé Túy kéo ông đi nhưng vừa ngước mặt lên, ông bỗng thấy cái gì ở sân nhà bên kia nên ông trì lại. Ông hóa thành quá nặng đối với con bé nên nó đành thôi làm khổ ông. Nhưng nó vẫn hỏi :

— Bộ ông thấy tu hú hở ông ?

— Không, ông thấy cây Anh Đào.

— Đâu, cây nào là Anh Đào đâu ?

Ông Linh chỉ cho cháu thấy một cây nhỏ như cây khế, toàn tàn cây đều ra hoa hồng rực rỡ. Bé Túy cải:

— Không phải đâu ông. Con có đi Washington D.C. và đã thấy cây anh đào ở bờ sông Potomac rồi. Không phải đâu, cây nầy là cây quinch.

— Té ra là cây quỳnh. Nhưng quỳnh là dây chớ đâu phải là cây. Hoa quỳnh lại mang màu vàng.

— Không phải. Con nói là cây quinch.

— Nhưng ông bắt nó phải là cây quỳnh, à không, nó phải là cây anh đào.

— Ông bắt nó sao được ?

— Cứ được như thường.

— Tại sao ông cứ bắt như vậy ?

Một lần nữa, đứa bé nầy không thể nào hiểu ông nó. Đây là hình ảnh Việt Nam đây, hay nói cho đúng, là hình ảnh Sàigòn đây. Cây anh đào mọc ở Đà Lạt. Tết nó có bông thật đẹp, và đa số các gia đình người Sàigòn đều chơi anh đào trong ba ngày đầu Xuân.

— Cây anh đào tên là cherry. Bé Túy dạy ông nó.

— Không, nó tên là anh đào.

— Thôi thì nó có hai tên vậy! Bé Túy nhượng bộ.

— Nó có nhiều tên lắm. Tàu gọi nó là cây Anh, Nhựt gọi nó là

cây Sakura, nhưng ông chỉ nhìn nhận có một tên thôi, tên Anh Đào.

— Ông kỳ cục.

— Ở, kỳ cục thật đó. Sao cha mẹ con không trồng cây nầy ?

— Ở đây, không có ai trồng cây nầy hết. Nó tự nhiên mà mọc vậy thôi.

— Xin họ một cành được không con ?

— Của bà O'Connel. Bà ấy bỏ chớ không có dùng. Nếu như trước kia thì ông lấy hết cả cây cũng được.

— Còn giờ thì sao? Bà ấy đã dọn nhà đi rồi hà ?

— Không. Nhưng bà ấy đã giận nhà bên con.

— Sao lại giận ?

— Vì anh Cương con chơi trống với kèn, làm ồn quá, bị bà ấy sang đây cự. Anh Cương con cự lại, nói rằng anh ở nhà, chớ không phải ở Apartment, và anh có quyền chơi. Bà ấy thua, nên tức giận bỏ đi... rồi kể từ ngày đó, bà ấy không còn cho con kẹo như xưa nay nữa.

— Thằng Cương ngu quá, đã làm mất kẹo của cục cưng của ông.

— Anh ấy ngang bướng lắm.

— Thôi, con cứ chạy vòng, sang làm lành với bà ấy đi, để xin cho ông một cành.

— Bà ấy không có nhà.

— Sao con biết ?

— Biết. Ông nhìn kia. Con chó được thả lỏng ngoài sân. Bà ấy thả chó để chó giữ vườn ấy mà.

— Con có quen với con chó đó không ?

— Con Kiki, con quen với nó nhiều lắm chớ.

— Vậy thì con sang bên ấy được, mặc dầu bà O'Connel đi vắng.

— Nhưng con đâu biết cách mở cổng từ bên ngoài.

— Hồi đó, bà ấy cho con kẹo bằng cách nào ?

— Bà ấy gọi phone cho con, rồi đi mở cổng sẵn.

Con chó, từ sớm đến giờ, chỉ nằm ở sân trước của nhà bà O'Connel. Bây giờ nó chầm rãi đi ra hông nhà, tức ra phía nhà của bé Túy. Ông Linh được thấy rõ nó, và ông hết cả hồn vía. Đó là một con Bouledogne. Loại chó nầy có mặt người, chớ không phải là mặt chó. Nhưng đó là mặt của hạng người đâm heo, thuốc chó, đầu trâu, mặt ngựa. Nó nhìn ông trừng trừng, khiến ông mọc gai ốc cùng mình. Thình lình, ông Linh nảy ra một ý:

— Khi nảy ông thấy trên bếp còn hai chiếc bánh ba-tê-sô của tụi bây ăn sáng còn thừa. Mau mau chạy vô lấy bánh ra cho ông.

Bé Túy dông ngay, và ông Linh với con Kiki trực diện trong

im lặng. Loại Bouledogue không biết sủa. Chúng nó chỉ lặng lẽ tấn công khi nào chúng nó thấy cần tấn công. Chúng nó chẳng hề hầm hừ dọa nạt như các loại chó khác, nên không ai biết chúng nó đang nghĩ gì, toan tính gì. Và chúng nó tấn công bằng cách chồm lên cắn lấy cổ của kẻ gian.

Bé Túy trở ra, giao bánh cho ông nó. Ông nó lấy hết cả hai chiếc, nhưng chỉ thò tay đút qua lỗ rào một chiếc thôi. Hàng rào ngăn hai sân nhà nầy là hàng rào vỉ sắt, lỗ tàng ông, mỗi lỗ to bằng trái bưởi Hoa Kỳ, nên ông Linh đưa bánh qua bên kia dễ dàng. Bấy giờ bé Túy mới hiểu ông nó muốn gì. Nó ngọt giọng nói :

— Kiki, this is grandad. Be nice with him.

Để giúp Kiki hiểu thêm, bé Túy ôm lấy chơn của ông nó:

— Kiki, this is grandad.

Con Kiki tiến tới sát hàng rào, ông Linh cũng ngọt giọng nói :

— Kiki, we are close friends..

Con Kiki dịu nét hỗ nghi nơi gương mặt hung ác của nó, và tiến thêm. Ông Linh buông bánh, nó ngoạm lấy kịp lúc, trước khi bánh rơi xuống cỏ. Ông Linh xỏ mũi ủng vào lỗ rào, bắt đầu leo lên đầu rào, chỉ cao tới cổ ông thôi. Ông bỏ chơn qua đầu rào, và bắt đầu xuống. Ông bắt đầu đi. Kiki cứ tiếp tục ăn. Ông Linh đã tới gốc cây Quinch. Màu hoa Quinch đẹp y hệt như màu Anh Đào. Cành Quinch cũng rất giống cành Anh Đào. Con Kiki đã xong bữa. Nó nhảy một cái là đến gần ông Linh, và ông lại vứt cho nó chiếc bánh thứ nhì. Rồi ông bẻ một cành Quinch vừa ý ông nhứt. Ông trở gót, mắt không rời con chó. Thình lình Kiki ngưng xơi cỏ. Nó nhìn ông bằng đôi mắt cú vọ. Kìa, nó đang ở trong tư thế tấn công kẻ trộm cành Quinch. Ông Linh vụt chạy bay như gió. Kiki chỉ nhảy một cái là bén gót kẻ gian. Nhưng nó vẫn chậm chơn hơn ông. Ông đã nhảy tới đến rào rồi. Nó chồm lên :

— Kiki, this is grandad! Bé Túy la lên.

Kiki táp lấy gấu quần ông Linh. Nhưng ông đã rơi xuống cỏ ở sân sau của nhà bé Túy. Trước sau, Kiki không hề có sủa một tiếng, không hề có hầm hừ lần nào hết. Nhưng nó cứ đứng đó, nhìn ông mà căm ghét. Ông Linh ôm thái dương, vịn vai bé Túy và vừa đi vào nhà, vừa nói :

— Chết rồi con ơi! Ông chạy nhanh quá, lại phải leo trèo. Áp huyết đã lên rồi. Ông mệt quá.

— Con ẵm ông nhé ?

Họ đã tới cửa sau.

— Con... ẵm... ông... không... không...

Ông Linh bước mau và ngã lên chiếc sofa cũ, không hiểu sao lại được kê ở buồng ăn nầy.

— Con ơi, áp huyết đã lên.

cây Sakura, nhưng ông chỉ nhìn nhận có một tên thôi, tên Anh Đào.

— Ông kỳ cục.

— Ở, kỳ cục thật đó. Sao cha mẹ con không trồng cây nầy ?

— Ở đây, không có ai trồng cây nầy hết. Nó tự nhiên mà mọc vậy thôi.

— Xin họ một cành được không con ?

— Của bà O'Connel. Bà ấy bỏ chớ không có dùng. Nếu như trước kia thì ông lấy hết cả cây cũng được.

— Còn giờ thì sao? Bà ấy đã dọn nhà đi rồi hà ?

— Không. Nhưng bà ấy đã giận nhà bên con.

— Sao lại giận ?

— Vì anh Cương con chơi trống với kèn, làm ồn quá, bị bà ấy sang đây cự. Anh Cương con cự lại, nói rằng anh ở nhà, chớ không phải ở Apartment, và anh có quyền chơi. Bà ấy thua, nên tức giận bỏ đi... rồi kể từ ngày đó, bà ấy không còn cho con kẹo như xưa nay nữa.

— Thằng Cương ngu quá, đã làm mất kẹo của cục cưng của ông.

— Anh ấy ngang bướng lắm.

— Thôi, con cứ chạy vòng, sang làm lành với bà ấy đi, để xin cho ông một cành.

— Bà ấy không có nhà.

— Sao con biết ?

— Biết. Ông nhìn kia. Con chó được thả lỏng ngoài sân. Bà ấy thả chó để chó giữ vườn ấy mà.

— Con có quen với con chó đó không ?

— Con Kiki, con quen với nó nhiều lắm chớ.

— Vậy thì con sang bên ấy được, mặc dầu bà O'Connel đi vắng.

— Nhưng con đâu biết cách mở cổng từ bên ngoài.

— Hồi đó, bà ấy cho con kẹo bằng cách nào ?

— Bà ấy gọi phone cho con, rồi đi mở cổng sẵn.

Con chó, từ sớm đến giờ, chỉ nằm ở sân trước của nhà bà O'Connel. Bây giờ nó chẫm rãi đi ra hông nhà, tức ra phía nhà của bé Túy. Ông Linh được thấy rõ nó, và ông hết cả hồn vía. Đó là một con Bouledogne. Loại chó nầy có mặt người, chớ không phải là mặt chó. Nhưng đó là mặt của hạng người đâm heo, thuốc chó, đầu trâu, mặt ngựa. Nó nhìn ông trừng trừng, khiến ông mọc gai ốc cùng mình. Thình lình, ông Linh nảy ra một ý:

— Khi nảy ông thấy trên bếp còn hai chiếc bánh ba-tê-sô của tụi bây ăn sáng còn thừa. Mau mau chạy vô lấy bánh ra cho ông.

Bé Túy dông ngay, và ông Linh với con Kiki trực diện trong

im lặng. Loại Bouledogue không biết sủa. Chúng nó chỉ lặng lẽ tấn công khi nào chúng nó thấy cần tấn công. Chúng nó chẳng hề hầm hừ dọa nạt như các loại chó khác, nên không ai biết chúng nó đang nghĩ gì, toan tính gì. Và chúng nó tấn công bằng cách chồm lên cắn lấy cổ của kẻ gian.

Bé Túy trở ra, giao bánh cho ông nó. Ông nó lấy hết cả hai chiếc, nhưng chỉ thò tay đút qua lỗ rào một chiếc thôi. Hàng rào ngăn hai sân nhà nầy là hàng rào vỉ sắt, lỗ tàng ông, mỗi lỗ to bằng trái bưởi Hoa Kỳ, nên ông Linh đưa bánh qua bên kia dễ dàng. Bấy giờ bé Túy mới hiểu ông nó muốn gì. Nó ngọt giọng nói :

— Kiki, this is grandad. Be nice with him.

Để giúp Kiki hiểu thêm, bé Túy ôm lấy chơn của ông nó:

— Kiki, this is grandad.

Con Kiki tiến tới sát hàng rào, ông Linh cũng ngọt giọng nói :

— Kiki, we are close friends..

Con Kiki dịu nét hổ nghi nơi gương mặt hung ác của nó, và tiến thêm. Ông Linh buông bánh, nó ngoạm lấy kịp lúc, trước khi bánh rơi xuống cỏ. Ông Linh xỏ mũi ủng vào lỗ rào, bắt đầu leo lên đầu rào, chỉ cao tới cổ ông thôi. Ông bỏ chơn qua đầu rào, và bắt đầu xuống. Ông bắt đầu đi. Kiki cứ tiếp tục ăn. Ông Linh đã tới gốc cây Quinch. Màu hoa Quinch đẹp y hệt như màu Anh Đào. Cành Quinch cũng rất giống cành Anh Đào. Con Kiki đã xong bữa. Nó nhảy một cái là đến gần ông Linh, và ông lại vứt cho nó chiếc bánh thứ nhì. Rồi ông bẻ một cành Quinch vừa ý ông nhứt. Ông trở gót, mắt không rời con chó. Thình lình Kiki ngưng xơi cỏ. Nó nhìn ông bằng đôi mắt cú vọ. Kìa, nó đang ở trong tư thế tấn công kẻ trộm cành Quinch. Ông Linh vụt chạy bay như gió. Kiki chỉ nhảy một cái là bén gót kẻ gian. Nhưng nó vẫn chậm chơn hơn ông. Ông đã nhảy tới đến rào rồi. Nó chồm lên :

— Kiki, this is grandad! Bé Túy la lên.

Kiki táp lấy gấu quần ông Linh. Nhưng ông đã rơi xuống cỏ ở sân sau của nhà bé Túy. Trước sau, Kiki không hề có sủa một tiếng, không hề có hầm hừ lần nào hết. Nhưng nó cứ đứng đó, nhìn ông mà câm ghét. Ông Linh ôm thái dương, vịn vai bé Túy và vừa đi vào nhà, vừa nói :

— Chết rồi con ơi! Ông chạy nhanh quá, lại phải leo trèo. Áp huyết đã lên rồi. Ông mệt quá.

— Con ẵm ông nhé ?

Họ đã tới cửa sau.

— Con... ẵm... ông... không... không...

Ông Linh bước mau và ngã lên chiếc sofa cũ, không hiểu sao lại được kê ở buồng ăn nầy.

— Con ơi, áp huyết đã lên.

— Áp huyết là cái gì hở ông ?

— Mà ông lại bỏ quên thuốc ở nhà ông.

— Để con đạp xe đạp đi lấy...

— Không còn kịp nữa. Gọi Emergency Ambulance mau lên.

Bé Túy nhảy một cái là tới bàn để máy nói.

"Hello, ambulance đó hả?" — "Ừ" — "Đến mau mau" — "Đến đâu mới được chớ" — "Ông tôi chết rồi" — "Chết rồi à? Chia buồn vậy. Nhưng đã chết rồi thì còn gọi ambulance để làm gì?" — "Ông tôi bảo gọi" — "Hử, đã chết rồi, sao còn bảo ai gọi ai được? Nầy cô bé, cô bé sợ ma lắm không thì thú thật đi, ta sẽ nhờ cứu hỏa đến ở với cô bé cho đến lúc ba má cô bé về nhá" — "Không, không, ambulance đến gấp" — "Chúa ơi, gì mà lạ lùng như thế nầy, nhưng đến đâu mới được chớ" — "Số nhà 11294, phố..."

Ông Linh ngồi dậy, bước mau tới, giành máy nói với cháu: "Hello, chẳng có việc gì đâu. Chẳng có ai chết hết. Con bé nó mad ấy mà. Xin lỗi nhé." Rồi ông trở về nằm lại ở chỗ cũ.

Bé Túy bước lại gần ông :

— Ông đã thôi chết rồi hở ông ?

— Đã qua khỏi rồi. Ông nghe như thường.

— Thật hở ông ?

— Không sao đâu con. Nó lên cũng nhanh, mà tụt cũng nhanh.

— Nó là ai ?

— Là áp huyết.

— Áp huyết là ai ?

— Lấy cành anh đào lên cho ông.

Cành hoa đã rơi xuống gạch buồng ăn lúc ông ngã trên sofa. Bé Túy cúi xuống lượm lên mà không trao cho ông nó. Nó nhìn hoa, tự hỏi không biết tại sao ông nó lại thích thứ hoa dại nầy đến thế. Ông Linh nói :

— Đó là hương của quê... của ông. Đó là quê hương.

— Nên ông rất ưa ?

— Ừ.

— Với cái giá suýt chết đó?

Câu nầy, bé Túy nói bằng tiếng Anh, vì nó không biết nói ra sao bằng tiếng Việt. Nhưng nó không có bị ông nó mắng, như bao lần trước. Ông Linh đáp lời cháu:

— Đôi khi với cả cái giá *phải chết* cũng cứ nhận.

B.N.L.

Nguyễn Ban Sơ

Cuối cùng chỉ toàn là mây bay

Có một tối ta chuyện trò với Khổng
Khổng hỏi ta đời sống được bao ngày ?
Đếm ngón tay thử mấy ngày nhập thế
Đếm ngón chân thử mấy bước hữu vi
Thân tráng sĩ tung gươm trên vó ngựa
Phải có chi cho danh tiếng để đời

Một buổi tiêu dao luận bàn với Lão
Lão hỏi ta đời sống được bao lăm ?
Đếm ngón tay nhớ lấy ngày xuất thế
Đếm ngón chân nhớ mấy chữ vô vi
Chuyện thiên hạ dành cho thiên hạ sự
Chữ công danh dành cho bọn phàm phu

Gốc vô ưu nơi tham thiền cửa Phật
Phật hỏi ta đã sống được bao ngày ?
Đếm ngón tay mấy ngày thiên hạ khổ
Đếm ngón chân mấy buổi thế gian vui
Đời u mê nhớ đến ngày xuất thế
Cứu độ người nhớ đến chữ hữu vi

Lên mây tìm thăm Ngọc hoàng Thượng đế
Ngài hỏi ta đã chán cuộc trần chưa ?
Nếu đã chán tung hoành trên vó ngựa
Sao không về bầu bạn với trăng thanh
Cõi u minh trầm tư tìm giải thoát
Nếu đủ rồi đây, là chặng cuối cùng
Sống trên cao không còn ngày với tháng
Chỉ còn mây bay lơ lửng không thôi !

Nguyễn Thị Ngọc Lan

Một chút hạnh phúc nhỏ.

Chuyến xe lửa khởi hành từ ga Sàigòn đi Hà Nội và dừng lại ở ga Huế, em lên ở đó và sẽ xuống ở ga Quảng Bình quê hương của ba, với sứ mạng ba giao, là về sửa sang lại mộ ông nội và thăm một vài người bà con của ba. Ba nói :

— Ba là lính Tây, rồi lính Ngụy, cả làng ai cũng biết, ba về lại sợ họ bắt luôn. Con là con gái nhỏ vô tội vạ không ai làm chi con, con về thăm lại giùm ba. Nhớ để ý những nơi này, nơi này... và về kể lại cho ba nghe.

Mắt ba xa xôi vời vợi và u uẩn như "đôi mắt người Sơn Tây" khi ba tả lại cho em nghe những con đường đất đi vào làng...rồi bên trái ngôi đình làng là vườn cây ăn trái của ông nội. Từ vườn cây đi thẳng xuống là ngôi nhà thờ của ngôi làng, và nhà ông nội ở ngay đó. Căn nhà ông nội là nhà rường lợp tranh mây, ba chục năm vẫn chưa hư .Ba tả cho em nghe từng chi tiết với từng kỷ niệm của ba với căn nhà, cho đến nỗi khi đến nơi, em cảm thấy quen thuộc như em đã ở đó từ bao giờ.

Gia đình chú Ton, em của ba ở trong căn nhà đó.Chú hoảng hốt khi em bước vào. Chú nói chú tưởng em là nhân viên tỉnh bố xuống, chú sợ đến xanh mặt. Em cười hỏi chú:

— Mà chú có tội chi với nhà nước.mà chú sợ ?

Chú nói với em :

— Cả mấy ngàn người trong Nam bị tù cải tạo cách làng mình có mấy chục cây số có ai có tội đâu con!

Nhìn nét khắc khổ cam phận của chú, nhìn vẻ xác xơ của thím và đàn con, em se sắt cả lòng. Bữa ăn chiều hôm đó là bữa ăn sang trọng hơn cả ăn giỗ, chú nói với em: chỉ con cá chiên và vài lát thịt heo. Bình thường khoai là thức ăn chính, gạo đắt gấp mười lần khoai, công nhân viên như chú thím, có một bữa cơm trưa độn và bữa chiều ăn khoai là khá hơn người ta rồi, vì nhà mình có ao cá chú nuôi.

Em và chú nói chuyện đến sáng đêm, và em ở lại đó một tuần rồi phải về. Một tuần sống với gia đình chú thím và đi thăm một vài người quanh làng, em bỗng trở thành người lớn .Thì từ lâu em vẫn biết có rất nhiều cảnh oái oăm, thê thảm quanh em, em vẫn nghe kể hoài hoài, rồi em cũng buồn cũng thương cho họ. Nhưng rồi em quên ngay, vì quanh em, ba me anh em bạn bè ấm áp quá, ra ngoài đi học đi chơi, phố xá vẫn nhộn nhịp vẫn ăn chơi, em lại hòa mình vào nếp sống đó và đôi khi quên bẵng.

Nhớ hôm tiễn em ra sân ga Huế, em và tụi bạn đã cười giỡn vui đùa như những đứa trẻ vô tư. Còn Ánh lém lĩnh chọc ghẹo em :

— Bữa nào mi về nhớ mang đúng bộ áo quần miền Bắc và ca cho tao nghe bài "Quảng Bình quê ta ơi" nghe !

Cả bọn cười nắc nẻ, cười giỡn như pháo như bắp rang, tiếng cười mà bây giờ em ngẫm ra chỉ có ở những con người sung sướng vô tư lự, và chắc không thể có được nơi những đứa trẻ như con chú thím em.

Em cũng thế, ngày đi em chở cả một trời vô tư mơ mộng, em nghĩ về chuyến đi như một chuyến du lịch kỳ thú. "Miền Bắc" như một nước nào xa xôi, như một thế giới rất bí mật đối với bọn trẻ như em. Từ ba mươi năm nay, người ta có thể đi du lịch khắp thế giới, nhưng có ai được đi du lịch trên nửa bên kia của quê hương đâu. Em được gọi là may mắn vì có bà con để có dịp đi thăm. Và ngày trở về em đã chở theo cả một hồn nặng trĩu ưu tư, vì em đã lỡ sống, lỡ nghe, lỡ chứng kiến mất rồi.

Buổi sáng tiễn em ra sân ga, em ngậm ngùi khóc, chú lặng lẽ buồn. Tàu lửa đến, chú ứa nước mắt nói gởi lời thăm ba me, rồi đưa em lên tàu. Qua màn lệ, em nhìn sững chú, một người đàn ông gầy gò đen đủi, nét mặt cam phận và cần cỗi, già hơn ba em cả chục tuổi. Em bỗng cảm thấy, bỗng nhận ra tất cả sự tủi nhục, cơ cực suốt ba mươi năm trời của người đàn ông này- chú em- và hàng triệu người khác. Em nói trong tiếng nấc:

— Chú thím thu xếp rồi vào sống với ba me con.

— Không được con ơi, mồ mả tổ tiên ruộng vườn ông bà mình đã hơn trăm năm ở đó, chú phải ở lại để giữ gìn.

Hỡi ơi "mồ mả tổ tiên", có phải vì những danh từ thiêng liêng này mà ông nội không chịu di cư hồi năm tư, và chú, người con út hiếu thảo đã không chịu bỏ cha già đi vào Nam để giờ này phải trả một giá như vậy. Em đứng ở thành cửa tàu lửa nhìn chú đứng giữa một đám người như chú, nhìn mãi như nhìn bức tranh của một họa sĩ tài ba diễn tả rất rõ rất thực những gì người ta không thể nói được mà chỉ cảm nhận bằng tâm hồn. Cảm giác này em đã có một lần khi nhìn bức tranh của một họa sĩ người Ý vẽ một người đàn bà nhỏ nhoi yếu đuối ngồi trên quả địa cầu, tay ôm một cây đàn chỉ

còn một dây, với câu ở dưới được tạm dịch *"Nếu chỉ còn một dây đàn, cũng phải gảy cho hết bản nhạc đời"*. Còi tàu rít lên, hình ảnh ông chú nhỏ dần nhỏ dần và nỗi chua xót của em lớn lên lớn mãi.

Tàu chạy dọc theo con sông, với những ngôi nhà nhỏ nhấn, những con trâu, những đồng ruộng, những đứa trẻ mắt nhìn ngơ ngác, hình ảnh quả là một vẻ đẹp tiêu điều. Có một vài cô gái trạc tuổi em cũng ngơ ngẩn trông theo đoàn tàu, với quần áo cụt ngủn và đuôi tóc dài. Em không biết diễn tả làm sao, nhưng em thấy họ có một sắc thái khác hẳn bạn bè em ở Nam.

Em đứng bất động rất lâu cho đến khi có một bàn tay đặt lên vai em :

— Cô bé đứng đó không tốt đâu, gió buốt thế này và cành cây có thể đánh vào người cô bé, vào đi nhá!.

Chàng ta nói và tự động đưa em vào một ghế trống. Chàng hỏi em dăm ba câu, em trả lời qua loa, và rồi chàng đã tế nhị để em yên với nỗi buồn của em.

Đến một ga nhỏ, quang cảnh bỗng nhộn nhịp hẳn lên, tiếng rao hàng, người mua kẻ bán...Chàng mua bánh mời em, em nói em không thể ăn được, để em mời chú bé bên cạnh. Em trao cái bánh cho chú bé với một lời mời lịch sự. Chú bé ngơ ngẩn nhìn em, không hiểu là chú bé không nghe được tiếng người Nam hay chưa bao giờ chú được mời một cách lịch sự như thế. Chú bé cầm cái bánh ,tần ngần chưa biết phải làm gì thì những đứa em đã xúm lại đòi ăn. Ba me chú phải can thiệp, chia cái bánh làm năm phần bé tí cho năm đứa con và phân trần với em từ sáng đến giờ các cháu không có gì để ăn cả .Em mua cho mỗi đứa bé một cái bánh và thầm thì với Chúa của em "Con chỉ cho họ một chút hạnh phúc nhỏ vì con chỉ có chừng ấy. Bao giờ Chúa cho con một cái gì đó để con mua cho những người này một chút hạnh phúc lớn hơn ,hỡi Chúa Toàn Năng của con ?".

Rồi em bắt đầu quan sát. Có một cặp vợ chồng mới bước lên, người đàn ông mang một bộ áo quần may bằng vải bao cát, thứ bao cát làm hầm hố thời chiến tranh trước khi mất nước. Người đàn bà mặc một chiếc áo mà thực sự em không thể biết được chiếc áo khi mới may ra là thứ vải gì, vì có không biết bao nhiêu mảnh vá chồng chất đủ thứ vải đủ thứ màu. Người đàn bà ẵm một đứa con nhỏ và em cũng không thể biết được da đứa bé trắng hay đen, vì ghẻ lở không chừa một chỗ nào nơi da mặt và tay chân đứa bé. Những người chung quanh tránh xa vì mùi thối của đứa bé. Người mẹ vẫn ôm đứa con đang chui đầu nơi vú mẹ, thỉnh thoảng hôn đứa con tha thiết. Tàu chạy hồi lâu, người đàn bà buồn ngủ, ngã đầu gục ngủ trong lòng người chồng. Em lại ngẩn ngơ ngắm cảnh hạnh phúc vợ chồng trong cảnh bần cùng đó.

...Rồi thì ăn mày, vô số ăn mày! Có những người mà em không dám vất vào nón họ những đồng bạc lẻ như một vài người hảo tâm vô ý, vì nhìn những bộ mặt rắn rỏi phong sương vẫn còn sót lại một nét gì rất oai hùng, em biết họ là những chiến sĩ cộng hòa đã bị tàn phế vì chiến tranh. Có một người- em không thể quên được- rất trẻ rất đẹp trai, hai chân đã mất hết lết đi bằng tư thế ngồi với hai bàn tay. Em lân la hỏi chuyện, anh ta kể anh là một sĩ quan phóng viên chiến trường bị thương đầu năm 1975 đang nằm bệnh viện thì mất nước, cộng sản vào đuổi tất cả ra khỏi nhà thương từ đó anh và bạn bè phải đi xin ăn để sống, vì đâu có làm gì được với một thân thể tàn phế.

— Dễ chi mà chết được, mà chưa chết thì phải bương chải lê lết mà sống chứ cô bé !

Giọng anh khôi hài một cách chua chát, em gật đầu... rồi cũng im lặng. Trong cái im lặng trầm ngâm ấy, em cảm nhận được một phần khổ nhục và lòng khắc khoải sống của một kẻ chiến bại...

Đoàn tàu vẫn lao vút dưới ánh nắng thiêu đốt của vùng Trị Thiên Đông Hà, đâu đó những chiếc xe rỉ sét, tàn tích của một đại lộ kinh hoàng thuở nào... Nhìn quê hương trải dài trên từng cây số đường, trên từng vầng trán, từng nụ cười héo hắt của người dân Việt hai bên cầu Hiền Lương, em nghe như một tiếng thở dài ai oán.

Tàu đến ga Quảng Trị , ga đầu tiên của nửa quê hương bên này: cũng vẫn mang một vẻ nghèo nàn xác xơ nào đó, nhưng không ai có thể lầm lẫn được đó là một phần đất tự do, dù chỉ trong quá khứ. Nhìn cách kiến trúc nhà cửa, y phục và nhất là cái phong độ, dáng dấp của con người, ta có thể đoán được điều đó... Buổi trưa, nắng hanh đổ xuống trên những cây cỏ dại hai bên đường, trông thật thanh bình, những bông hoa vàng nhỏ li ti như cúc áo. Cỏ cây hoa lá vẫn bình an, vẫn vô tư, vẫn hiền hòa; em tự hỏi trong đám người em đã gặp ở làng của ba, trên tàu lửa này, trước mặt em, có mấy người còn giữ được nét bình an vô tư như những bông hoa dại.

Thoáng thấy tháp nhà thờ La Vang, hồn em bỗng chùng xuống. Em bị huyễn hoặc bởi một kỷ niệm mơ hồ nào đó...một chuyện tình buồn. Vâng, em đã có một chuyện tình buồn nơi đây, bây giờ chàng đang điêu linh trên một vuông đất nào đó, có kẽm gai bao quanh, có đòn vọt súng ống. Chàng ở giữa những thứ đó với tất cả sự cùng cực đói lạnh của thể xác, và sự dày vò tuyệt vọng trong tâm hồn ,còn em thì đang ở đây, trôi lênh đênh trên niềm khổ đau của chàng và của đồng loại.

Nguyễn Thị Ngọc Lan

Hạ Quốc Huy

Từ nước mất em xa

Em cắp nón theo chồng
Thả trôi lời hẹn ước
Đành rằng ta đã biết
Nhưng nào có ngờ đâu

Theo gió gửi nỗi niềm
Bay đi và bay mãi
Để lòng ta nằm lại
Khóc cười với hư vô

Tay nâng niu miếng tóc
Chút kỷ niệm năm nào
Của thề xưa còn đó
Mà giờ, người phương nao

Trên rừng xanh củi mục
Đất đá vẫn lạnh lùng
Ta mê hay ta sảng
Gọi nàng suốt lao lung

Ta hôn từng ngọn cỏ
Dưới vết roi quân thù
Thân ta như đã bỏ
Từ nước mất, em xa

Theo gió trải nỗi niềm
Bay đi và bay mãi
Để lòng ta nằm lại
Khóc cười với hư vô

Tổng tại 2 Kỳ Sơn Quảng Nam ,1978

Phạm Duy

Thời kỳ thành lập :

Xu hướng nhạc hùng

Những bài ca hướng đạo.

tiếp theo kỳ trước

Chúng ta đã thấy rõ sự *chuẩn bị* và *thành hình* của *nhạc cải cách* với *xu hướng nhạc tình* trong những nhạc phẩm vừa được đem ra để thử thách và có thể nói là đã thành công một phần nào trên cả hai lĩnh vực nội dung và hình thức. Nhưng vì *nhạc cải cách* Việt Nam được sinh sôi nẩy nở trong một bối cảnh lịch sử rất sinh động cho nên nó cũng mang ngay vết tích của thời đại. Thời đại của những năm cuối cùng của những thập niên 30 bước qua thập niên 40 còn là cái thời mà cuộc Đại Chiến Thứ Hai đã khởi sự, một mặt thực dân Pháp muốn o bế dân thuộc địa khi chính quốc bị Đức chiếm đóng, một mặt người Việt Nam muốn lợi dụng cơ hội này để lật đổ chế độ thực dân. Tinh thần ái quốc được nung nấu từ lâu, bây giờ lại được nâng lên rất cao. Tân Nhạc đã đóng góp vào việc đề cao lòng yêu nước của người Việt Nam trong thời đại , bằng một xu hướng khác với xu hướng *nhạc tình*. Đó là *xu hướng nhạc hùng*.

*
* *

Trải qua gần 100 năm sống dưới ách thực dân, dường như không lúc nào không có những bài thơ , bài ca nung nấu lòng yêu nước và chí quật khởi của người mình trước cảnh bị đô hộ. Tôi có thể nói rằng lòng yêu nước của tôi sau này đã bùng nổ ra khi gặp cuộc Cách Mạng năm 1945, cũng chỉ vì suốt thời thơ ấu, tôi đã được nung nấu bằng bài thơ *Tiễn Chân Anh Khoá* của Cụ Á Nam Trần Tuấn Khải . Bài thơ được phổ biến mạnh mẽ trong dân chúng Việt Nam vì nó được truyền tụng qua một điệu "*ngâm*" mà người

ta đặt hẳn cho cái tên là *Điệu Anh Khoá.*

Trong lĩnh vực âm nhạc, ngoài những bài thơ ngâm như bài *Anh Khoá*, hoặc câu hò Huế như câu :

..Chiều chiều trước bến Văn Lâu
Ai ngồi ai câu ? Ai sầu ai thảm ?
Ai thương ai cảm ? Ai nhớ ai mong ?
Thuyền ai thấp thoáng bên sông
Đưa câu mái đẩy động lòng nước non !!!

của Thúc giạ thị Ưng Bình ,cũng đã có những cuộc *mai phục* đây đó để nung nấu tình yêu nước rồi. Chẳng hạn việc các nhà giáo dùng các điệu hát cổ truyền để kể truyện lịch sử Việt Nam và dùng điệu *Frère Jacques* để thức tỉnh người dân bị trị mà tôi đã đề cập trong phần đầu của sách này...

Trong tiến trình của *nhạc cải cách*, cái mầm mống của xu hướng nhạc hùng là những bài hát hướng đạo (chants scouts). Các huynh trưởng trong Phong Trào Hướng Đạo Việt Nam như Hoàng Đạo Thúy, Ngô Bích San...đã lợi dụng sự có mặt hợp pháp của tổ chức hướng đạo để phổ biến những bài hát yêu nước.

Trước tiên, cũng như cái lối soạn *Bài ta theo điệu Tây* của anh Huỳnh Thủ Trung Tư Chơi , các huynh trưởng làm lời ca tiếng Việt cho những bài có sẵn của Pháp. Ví dụ bài *La Joie Scoute* đã có lời ca tiếng Việt soạn bởi nhà thơ Thế Lữ với nhan đề *Trên Đường Vui* :

...Anh em ơi cùng nhau bước lên đường
Ta hát bài ca thiên nhiên
Dù mưa gió bão bùng ta cứ tới
Cùng hát lên cho đời sáng tươi
Dù khó nguy chúng ta đừng lui...

Bài *Joyeux Aurevoir* bài hát tạm biệt của hướng đạo sinh cũng có lời ca của Thế Lữ ,khởi đầu bằng câu :

...Giờ đây anh em chúng ta...

Mới đầu thì còn nhờ thi sĩ có cảm tình với Phong Trào Hướng Đạo soạn lời ca, sau rồi các huynh trưởng tự soạn lấy, chẳng hạn một bài hát kêu gọi đoàn kết của Ngô Bích San, dùng điệu dân ca của Hoa Kỳ là bài *Clementine*:

...Một cây tiêu điều
Hai cây tiêu điều
Trời mưa cuốn, ắt tan tiêu !
Cùng chung góp sức
Trong cuộc sống hùng
Lập chiến công dài với nước non...

Những điệu hát hướng đạo của Pháp hay của Anh , Mỹ...đâu có chứa đựng tinh thần yêu nước, đâu có phải là những bài xưng tụng các vị anh hùng, *lập chiến công, cùng nước non*? Nhưng các huynh trưởng trong tổ chức hướng đạo Việt Nam đã không ngần ngại trong việc làm có tính chất *mai phục* đó. Một bài hát nhỏ cho sói con mà cũng đã chứa đựng tinh thần yêu nước chống xâm lăng rồi.

BÀI HÁT CHO SÓI CON

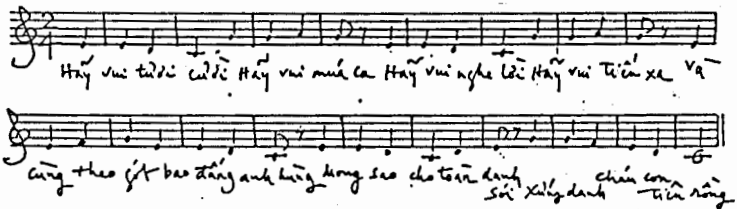

Bài hát khuyên các sói con *"vui tươi cười"*, *"vui múa ca"*, *"vui nghe lời"*, *"vui tiến xa"*, nhưng mục đích là phải *"theo gót bao đấng anh hùng"*để *"xứng danh cháu con Tiên Rồng"*.Bài ca hướng đạo nhưng cũng là bài ca ái quốc nữa.

*

Ngay trong năm 1938, khi phong trào *Nhạc cải cách* đang rầm rộ với hàng loạt nhạc phẩm xu hướng tình cảm được ra đời, hai tập nhạc hướng đạo ca cũng đã được xuất bản. Đó là tập *Đời Vui Sướng* của Phạm văn Xung và *Tiếng Chim Ca* của Lưu ngọc Văn và Đào văn Thiệt, tất cả đều là các điệu hướng đạo ngoại quốc với lời ca tiếng Việt, xưng tụng sự *vui sống* và đã có mai phục *Tình yêu nước yêu nòi* của người Việt Nam rồi.

Giống như tiến trình của loại *Nhạc tình* trong những năm thử thách, *Nhạc hướng đạo* sẽ không vay mượn các điệu Tây phương nữa, và sẽ là những bài rút âm hưởng từ các bài hát cải lương của gánh Trần Phèn, như bài *Vui Ca Lên*

VUI CA LÊN

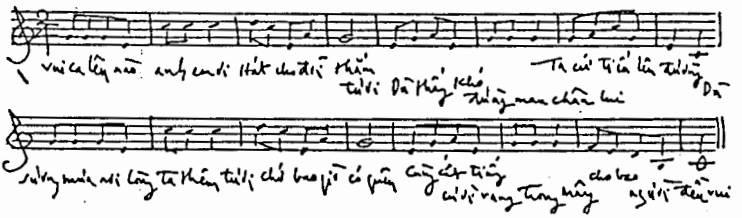

Vui ca lên nào anh em ơi
Hát cho đời thắm tươi
Dầu thấy khó đừng mau chân lui
Ta cứ tiến lên đường...
Dầu sương mưa rơi lòng ta thêm tươi
Chớ bao giờ có quên
Cùng cất tiếng cười vang trong mây
Cho bao người đều vui...

Vui ca lên nào anh em ơi
Chớ đau buồn khóc than
Đời tươi thắm vì trong sương mai
Vui ca hát vang lừng
Kìa chim trên cây
Kìa ong trên hoa
Bướm tung trời thiết tha
Cùng ham sống và vui quanh năm
Tô thắm tươi đời hoa...

Từ chủ đề vui sống, những bài hát hướng đạo sẽ xoáy vào chủ đề yêu nước với những bài hát xưng tụng các anh hùng xưa :

ANH HÙNG XƯA

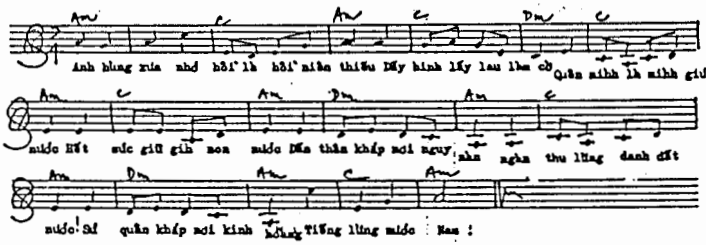

Anh hùng xưa nhớ hỡi là hỡi niên thiếu
Dấy binh lấy lau làm cờ
Quên mình là mình giúp nước
Dấn thân khắp nơi nguy nàn
Ngàn thu lừng danh đất nước
Sứ quân khắp nơi kinh hoàng
Tiếng lừng nước Nam...

Bài hát hướng đạo trên đây ,mà có người cho rằng đã do Hoàng Đạo Thúy soạn, sẽ vượt ra khỏi lĩnh vực hướng đạo để trở thành một trong những bài *anh hùng ca* đầu tiên của Tân nhạc Việt

Nam. Bài hát xưng tụng Đinh Bộ Lĩnh này sẽ kéo theo một số lớn những bài tôi gọi là *Thanh Niên Lịch Sử Ca* để từ đó sẽ tiến tới *Nhạc Cách Mạng, Nhạc Kháng Chiến.*

Nhạc hướng đạo khởi sự từ những bài tương tự như *"bài ta theo điệu Tây"* do Tư Chơi Huỳnh Thủ Trung khởi xướng, hay khởi sự từ những âm hưởng của điệu cải lương dùng trên sân khấu của gánh hát Trần Phềnh Hà nội, qua tới năm 1939 thì đã có những bài hát hoàn toàn Việt Nam mới.

Những bài này không còn do các hướng đạo sinh soạn nữa, mà là của những người tiên phong trong phong trào âm nhạc cải cách, ngoài những bài có xu hướng *nhạc tình cảm* thường thường là những bài hát buồn, còn muốn đưa ra những bài hát vui, vô hình trung tạo cho Tân nhạc một xu hướng mới gọi là *Xu Hướng Nhạc Hùng*

Trước hết năm 1939 là lúc Pháp bị thất trận ngay lúc khởi đầu cuộc thế chiến hai. Nước Đức Quốc xã của Hitler chiếm một phần lớn của nước Pháp, và chính phủ bù nhìn của Thống chế Pétain vẫn còn nắm được các nước thuộc địa ,bèn đưa ra một phong trào gọi là *Phục Hưng*, vận động các thanh niên nam nữ ở các thuộc địa tham gia các tổ chức thể thao, hướng đạo...với hi vọng có thể dùng họ để có ngày sẽ giải phóng *"mẫu quốc"*. Một số bài hát của Pháp được tung ra để suy tôn thống chế Pétain như *Maréchal Nous Voilà* hay kêu gọi thanh niên như *Debout Belle Jeunesse , Relèvement.*

Nhưng tại Việt Nam, giữa lúc tân nhạc đang được thành lập, sự phản ứng của thanh niên đối với thái độ của nhà cầm quyền Pháp là đưa ra những bài hát không phải để xưng tụng *Mẫu quốc* đang thất trận, mà là để nung nấu lòng yêu nước và chí quật khởi của tuổi trẻ.

Trong giới sinh viên có Hoàng Gia Lịnh viết bài *Việt Nam Bất Diệt* ,có Lưu Hữu Phước viết *Tiếng Gọi Thanh Niên*...Trong giới nhạc sĩ tài tử có Hoàng Quí viết những bài cho các cuộc lửa trại của hướng đạo như *Đêm Trong Rừng, Trên Sông Bạch Đằng*....

Thế là trong tổ chức hướng đạo cũng như trong giới sinh viên học sinh bỗng nổi dậy phong trào hát những bài tân nhạc vui tươi hùng mạnh, và loại *Nhạc Thanh Niên, Lịch Sử Ca* đã ra đời, vô cùng phong phú, đóng góp rất nhiều vào cuộc Cách mạng xẩy ra vào mùa Thu năm 1945.

(Còn tiếp kỳ sau)

Phạm Duy

Thái Tú Hạp

Những chặng đường quê hương

PLEIKU

Cao nguyên tin bỏ sững sờ
Đoàn quân chưa kịp hỏi chào nhau tan
Từng khu phố nhỏ kinh hoàng
Sao đành đoạn dứt chiến trường Pleiku
Để cao nguyên lại với thù
Trăm năm nghe giọt máu Cù Hanh đau
Hồn Gia Trung mở, kiếp sầu
Đời lưu vong khởi tuyến đầu rút lui
Mười năm chưa hết ngậm ngùi
Kontum thương mãi nụ cười thảo nguyên

BAN MÊ THUỘT

Cái buôn cái bản về đâu
Cái đau để lại cái sầu mang theo
Ngựa chùn đá dựng Cheo Reo
Bóng em sơn nữ qua đèo từ ly
Nỏ tên nung nấu từ khi
Lửa oan khiên đốt biên thùy Tây nguyên
Đàn ta-lư bỏ rừng thiêng
Suối tim còn chảy trăm miền đất khô
Em đi mờ mịt Buôn Hô
Đường lên bụi đỏ chiều xơ xác lòng

QUẢNG TRỊ

Nhớ xưa Thành Cổ cờ bay
Giờ nghe Quảng Trị bay thây đòn thù
Gio Linh Mẹ dựng chiến khu
Hoàng Liên Sơn đã tiếp thu lửa hùng
Ba Lòng Nhật Lệ kiên trung
Dù gươm súng vẫn không sờn La Vang
Cửa Tùng sóng gọi hân hoan
Thuyền vui Thạch Hãn chuyển quân trở về
Trên Thành Cổ tiếng quân reo
Nửa đêm chợt tỉnh quê nghèo tịch liêu.

HUẾ

Lòng ta ngậm ngải thương hoài
Nắng trôi giạt nắng sông đày đọa sông
Biết mai mốt có tao phùng
Người em Vỹ Dạ một phương đợi chờ
Huế bây giờ- Huế còn thơ
Em như lá trúc đôi bờ Hương giang
Nội Thành chim bỏ đời trăng
Cõi khuya nghe rụng tiếng đàn Nam ai

ĐÀ NẴNG

Cửa Hàn thở khói chiêm bao
Mây Non Nước mộng trôi vào Huyền Không
Sơn Chà nguyệt động canh sương
Mỹ Khê nhớ nắng chiêu dương hải tần
Phổ Đà chuông gọi từ tâm
Một mùa chim bỏ Ái Vân về trời
Tím hoa xưa cuộc rong chơi
Em Phan Thanh Giản bỏ đời theo anh
*Kỳ sơn * ơi, chí không thành*
Sá chi sương trắng vô danh giữa rừng
Mai về thăm lại quê hương
*Núi cao Tiên Phước * nhớ thương bạn tù.*

QUẢNG NAM

Dắt dìu nhau vượt Hải Vân
Đất thiêng xưa đổi Huyền Trân diễm kiều
Đá Dừng vượn hú chim kêu
Quế Sơn lũng thấp qua đèo tương tư
Trà Mi chiều nhớ biên khu
Đại Bình, Trung Phước hoài u uẩn tình
Tiên Sa sóng mở bình minh
Thuyền em Phố Hội trung trinh đợi chờ
Điện Bàn nghiêng nón ngây thơ
Câu Lâu con nước hững hờ chia hai
Ta đi ngàn dặm không phai
Nơi yêu dấu Mẹ bào thai tình người

BÌNH ĐỊNH

Nắng chiều xuyên quận Hoài Nhơn
Chiến chinh để lại Bồng Sơn điêu tàn
Dừa nghiêng ngả nhớ Tam Quan
Dòng thơ Mặc Tử mang mang mối sầu
Ma Hời Chiêm quốc về đâu
Mà nghe Thị Nại biển dâu nghẹn ngào
Mắt em Gành Ráng xanh xao
Qui Nhơn giữ lại chiến bào Quang Trung
Trên thành xưa trống Thăng Long
Còn âm vang mãi trong lòng người đi
Mưa Phù Cát khóc chia ly
Bình Khê heo hút bóng mây cuối trời

KHÁNH HOÀ

Nhớ khăn tang phủ Hòn Chồng
Trăm năm hồn gọi biển đông khuất mù
Mặt sầu đá chẻ Vọng Phu
Người đi ruột nát thiên thu Khánh Hoà
Giơi hoàng hôn động Tháp Bà
Hồi chuông Hải Đức nhớ Nha Trang tình
Rù Rì chim bỏ rừng xanh
Xe qua nghe tiếng Cam Ranh thở dài

ĐÀ LẠT

Mây Lâm Viên huyễn tích ngàn
Non cao ẩn dụ loài hoang thú về
Từ chim Lạc thoát cơn mê
Yersin khai lộ qua khe suối Chàm
Chân đèo ngựa nhớ thác Prenn
Mimosa nở suối Vàng Ái Ân
Bích Câu hò hẹn phù vân
Nghe hồ Than Thở bâng khuâng thông ngàn
Em về nhớ phố Đơn Dương
Tình khơi máu đỏ Liên Khương dậy thì
Lâm Đồng lưu luyến Cam Ly
Rừng Đa Mê vắng từ khi xa nguồn
Tiếng chuông chùa vọng Linh Sơn
Xuân Hương đào thắm sắt son Quân trường
Chí trai hồ thỉ tang bồng
Kiếm cung nguyện giữ nước non- trở về
Đệ huynh chung một lời thề
Nghìn năm bia đá không hề phôi pha.

SÀI GÒN

Đạp xe quanh phố Sài gòn
Sớm Trương Minh Giảng trưa vòng An Đông
Bạch Đằng thương nắng trôi sông
Hạnh Thông Tây có hoài mong người về
Lối xưa vàng dưới hàng me
Duy Tân lớp học còn se sắt lòng
Trăng bằng hữu nhớ Chương Dương
Em tan nát ngọc Viễn Đông u hoài
Tao Đàn chim hót lẻ loi
Chiều thu tượng đá sầu soi bóng mình
Sài gòn ngẩng mặt lặng thinh
Nắng mưa xin nguyện lòng trinh căm hờn
Trăm ngàn phố chỉ Sài gòn
Trái tim của Mẹ Việt Nam kiêu hùng
Cho nhau con phố yêu thương
Để mai mốt có quê hương trở về.

MIỀN TÂY

Tận cùng Đất Nước thân yêu
Cà Mâu con nước Bạc Liêu chung tình
Nẻo rừng thiêng lạc U Minh
Núi Bà Đen vẫn uy linh giữa trời
Chiều rừng vượn hú Đầm Dơi
Vàm Cỏ Đông nhớ mưa rơi Tháp Mười
Em Hà Tiên, vịnh trăng soi
Cửu Long mấy nhánh sông ngòi phu thê
Mùa đi lã ngọn Bến Tre
Chiến khu D muỗi lăm le giết người
Tây Ninh biên giới xa xôi
Mỹ Tho nghe vỡ tiếng cười thanh xuân
Ninh Kiều áo lụa bâng khuâng
Nắng trưa Mỹ Thuận mây lang thang buồn

Bên trời mắt dõi biển Đông
Nghe yêu dấu trổ Cành Nam đất lành.

---

* *Kỳ Sơn, Tiên Phước : Địa điểm trại tù binh ở miền cao nguyên tỉnh Quảng Nam — Đà Nẵng.*

Cali tháng Giêng 1986

NHẮN TIN VỀ CÁC SỐ BÁO CŨ

Sau khi thu hồi số báo cũ ở các hiệu sách xa về, hiện toà soạn còn 23 bộ Văn Học Nghệ Thuật và Văn Học từ số 2 VHNT đến VH số mới nhất. Bạn đọc nào cần mua tặng cho bạn bè, hoặc cần mua đủ bộ để sưu tầm tài liệu, xin gửi thư và chi phiếu về cho chúng tôi biết. Số VHNT 1 phải Xerox nên giá là $5.00, những số còn lại giá $2.00 (Mỹkim). Báo sẽ gửi đến quí bạn theo lối bookrate. Xin xem địa chỉ Văn Học ở bìa sau số báo này.

Trần Văn Tích

Nguyễn Hiến Lê sau 1975.

Tôi làm quen với Ông Nguyễn Hiến Lê nhân dịp đề tặng Ông cuốn sách nhỏ của tôi về y học cổ truyền phương đông và qua sự giới thiệu của Anh Lê Ngộ Châu, người chủ trương tạp chí Bách Khoa. Và cũng theo đề nghị của Anh Châu, tôi gọi Ông Nguyễn Hiến Lê bằng Anh.

Đọc xong cuốn sách của tôi, Anh Nguyễn Hiến Lê nhắn tôi đến gặp sau khi gửi cho tôi một bức thư ngắn. Đây là lần đầu tiên tôi đến ngôi nhà ở đường Kỳ Đồng. Chững chạc rành rẽ mà ôn nhu dung dị, Anh Lê trao đổi với tôi về những điều tôi viết qua từng chương hay từng trang sách một. Cũng may mà đứa con tinh thần của tôi sinh thiếu ngày thiếu tháng nên công việc nầy không đòi hỏi Anh Lê nhiều thì giờ, chứ nếu sách của tôi dày cỡ bằng quyển "Nguồn gốc Mã lai của dân tộc Việt Nam" của Ông Bình Nguyên Lộc chẳng hạn thì không biết Anh Lê sẽ phải ngồi với tôi hôm đó bao nhiêu lâu. Trước 1975, tôi không có nhiều dịp gặp Anh Lê, vì quá tham công tiếc việc. Tham đủ thứ công và tiếc đủ thứ việc. Thế rồi đảng và Nhà Nước ta cho tôi lên rừng học hậu đại học ba năm. Từ năm 1978 là năm tôi tốt nghiệp hậu đại học máu và nước mắt cho đến năm 1984 là năm tôi rời Việt Nam, mối giao tình giữa Anh Lê và tôi về định tính trở thành thắm thiết hơn dẫu rằng về định lượng thì tần số gặp gỡ không gia bội tương đương. Điều nầy cũng dễ hiểu. Trong tâm trạng chung của những người buộc lòng phải sống với cộng sản, chúng tôi tự nhiên cảm thấy gần gụi nhau hơn. Tôi ở tù về được khoảng hơn một tháng thì Anh Lê, cũng do Anh Lê Ngộ Châu chở trên chiếc xe môbylét cà tèng, đến chơi tôi sau khi ghé Bà Nguyễn Ngu Ý, ở cùng ngõ. Tôi đến chơi lại Anh Lê ngay cuối tuần lễ đó và những lần sau, khi được Anh Châu cho biết

là Anh Lê về Long Xuyên đã lên, tôi hầu như đều có đến chơi Anh, nhiều khi mang đến cho Anh những sách báo ngoại văn mà tôi dấm dúi mánh mung kiếm được, qua các phái đoàn chuyên viên nước ngoài (do Tổ chức Y tế Quốc tế gởi đến Việt Nam mà vì các "đồng chí" yếu tiếng Pháp quá nên bất đắc dĩ phải cử "ngụy" phụ trách tiếp đón và cộng tác) và các nhân viên tòa đại sứ Tây Đức, vẫn còn ở lại Sàigòn cho đến khoảng đầu năm 1980.

Tôi ghi lại sau đây vài mảnh vụn tâm tình của Anh Nguyễn Hiến Lê và các cảm nghĩ của tôi liên quan đến Anh qua những lần tiếp xúc đó.

• Sức đọc của Anh Lê thực là phi thường. Có lần tôi cho Anh mượn một số tạp chí La Recherche. Lúc đưa trả, Anh hỏi tôi về một loại vi trùng tương đối mới — vào những năm đầu thập niên 80 — là vi trùng nhóm *Legionella*. Bài viết trong La Recherche là một bài chuyên luận sâu, do một giáo sư ở Lyon đặc khảo về loại vi trùng nầy viết. Tất nhiên là chuyên gia nắm vững vấn đề, tác giả viết rất rõ ràng, hơn nữa, vị giáo sư nầy đã qua Việt Nam năm 1980 và tôi đã làm việc với Ông ta trong khóa Vi trùng học do Ông và phái đoàn tổ chức. Vậy mà tôi đọc cũng thấy khá vất vả. Nhưng Anh Lê vẫn đọc và vẫn hỏi được tôi những câu khiến tôi "đớ" người. Tôi chắc rằng các bài biên khảo khác trong các số La Recherche mà tôi cho Anh mượn, thuộc các lĩnh vực vật lý, hóa học, địa lý, thiên văn v.v... Anh đều đọc, nhưng chắc tôi dốt nát về các lĩnh vực nầy nên Anh chẳng bao giờ buồn bàn thảo về các bài viết đó với tôi. Gì Anh cũng muốn đọc và gì Anh cũng muốn biết. Những năm 80 vừa qua, chúng tôi ở Việt Nam bắt đầu làm quen với loại tiểu thuyết anticipation. Tôi xin được của phái đoàn Y tế Pháp hai cuốn. Lấy làm trân trọng và quí chuộng vô cùng. Một cuốn dự tưởng về kỹ thuật lắp ghép gen (genetic engineering). Anh Lê đọc xong, thú vị lắm và ân cần dặn dò tôi: "Anh nói với họ bất cứ thứ gì mà họ mang qua đây, khi về thì họ để lại cho mình. Họ mang về làm gì cho nặng ký?" Nhưng hình như Anh không thích xem báo và đọc sách về... túc cầu. Có lần tôi hỏi Anh có muốn xem mấy số tạp chí Onze của Pháp không thì Anh chỉ cười.

• Sức viết của Anh thì đã có nhiều người mô tả rồi. Nhưng Anh đáng phục ở điểm Anh vẫn có can đảm để viết, dẫu rằng không biết có được in ra hay không. Và nhất là Anh vẫn viết, dù biết rằng những điều Anh viết chỉ có thể được in ra sau khi anh không còn sống nữa. Tôi không rõ có tác giả nào trong lịch sử văn học cùng tâm trạng đó với Anh không, nhưng nếu có, chắc cũng không nhiều. Anh nói với tôi rằng Anh đang viết về văn học Việt Nam

trước và sau 1975, về hồi ký đời cầm bút của Anh. Tôi hỏi Anh vậy Anh có định in không, và sẽ in ở đâu. Anh bảo tất nhiên là in ở nước ngoài, và "chỉ in sau khi tôi chết, vì tôi viết đủ chuyện trong đó, tôi còn sống, không in được đâu." Vừa nói vừa cười, nói điềm đạm và cười thoải mái. Lời nhắn gửi đó hôm nay đã trở thành sự thực. Trong tình trạng kìm kẹp ghê gớm về văn học ở nước ta hiện nay, Anh Lê cần sự tiếp tay của nhiều người để viết, đánh máy và nhất là gửi các bản thảo ra ngoại quốc. Tôi đã có lần hỏi Anh xem có cần nhờ các giáo sư, bác sĩ người Âu mang giúp bản thảo ra nước ngoài không nhưng Anh bảo thư thả, vì Anh đã và đang có "mối". Tôi cũng đã có dịp gặp "mối" của Anh, trong lúc đến chơi Anh. Tôi tiếc không thể viết thêm về điểm nầy. Chỉ có thể nói rằng "mối" đó không hề có kháng thể văn học trong máu huyết. Mà làm một nghề hầu như đối cực với văn học. Và cũng không ở Việt Nam trước 1975. Ấy vậy nhưng vị nầy vẫn tích cực giúp Anh Lê mang được bản thảo ra nước ngoài trót lọt. Tất nhiên là phải mánh mung, móc ngoặc với đám Thuế quan ở phi cảng Tân Sơn Nhất. Anh Lê viết xong, có người sẵn sàng tiếp sức đánh máy cho Anh thành nhiều bản. Một đồng nghiệp của tôi chẳng hạn, vốn chuyên về ung thư, đã đánh máy cho Anh cuốn Kinh DỊch Anh mới viết xong sau 1975.

• Tôi được Anh Lê cho đọc cuốn nầy và một cuốn khác, toàn là bản đánh máy. Trước kia, tôi đã từng đọc một số tư liệu biên khảo về Dịch, của Việt Nam có (quốc gia và cộng sản), của nước ngoài có. Tôi chẳng thể cứ khen bừa đi rằng cuốn Kinh Dịch của Anh Lê là ngoại hạng. Và chắc hẳn Anh Lê cũng đâu có muốn viết một cuốn sách ngoại hạng về Kinh Dịch. Có vẻ anh chỉ làm công việc đúc kết và sàng đãi các tri thức liên hệ đến Dịch rồi trình bầy lại cho người đọc theo cung cách của Anh, theo luận giải của Anh bằng một lối hành văn sáng sủa, rành rẽ, mạch lạc. Đọc Anh, tôi có cái thú không tìm được ở các người biên khảo Dịch khác là: Anh đã đọc hộ dùm tôi một số lượng lớn tài liệu liên hệ đến Dịch và Anh ghi chép lại, sắp xếp lại, hệ thống hóa và cả chương trình hóa các tri thức thu góp được. Tôi dùng từ "chương trình hóa" vì đọc cuốn Kinh Dịch của Anh Lê, tôi thấy các tri thức, các kiến giải lần lượt xuất hiện theo một chương trình, một trình tự chặt chẽ và khoa học, trong một bố cục một phân đoạn linh hoạt và lôi cuốn. Cung cách trình bầy của Anh khiến cho người đọc liên tưởng đến lề lối giảng dạy chương trình hóa (enseignement programmé) của các thập niên gần đây. Tôi chắc Anh Lê đã đọc về lĩnh vực nầy. Cuốn biên khảo về Kinh Dịch của Anh không dầy. Đâu độ chừng 150

trang đánh máy. Bên cạnh phần đánh máy là phần tu chỉnh, nhuận sắc, cũng do chính Anh làm và ghi bằng bút nguyên tử. Các từ và đoạn Hán văn cũng do Anh ghi lấy. Chủ đích cuốn sách của Anh Lê về Dịch là trình bầy nội dung tư liệu kinh điển nầy của phương Đông cho kẻ hậu học dễ lĩnh hội. Do đó, Anh không đi sâu vào các chi tiết chuyên biệt. Chẳng hạn, tôi có cảm tưởng dường như Anh tạm chấp nhận thuyết "tác Dịch tam thánh" của Trịnh Huyền đời Đông Hán và gác qua một bên các dữ kiện khảo chứng về văn tự học và hoặc ngữ âm học của các học giả đời sau như Khổng Vĩnh Đạt, Âu Dương Tu, Diệp Thích, Harley, Quách Mạt Nhược, Lý Kính Trì v.v... Lối dàn trải tri thức của Anh trên trang giấy, lối giảng giải của Anh về các điểm khó giảng của Kinh Dịch, rõ ràng là Anh chỉ có thể đạt được các điều nầy một khi nắm rất vững vấn đề. Đọc Kinh Dịch của Anh lại có thêm cái thú đó nữa: Anh như một nhà nghiên cứu khoa học trình bầy về phát kiến của mình trước cử tọa phức tạp, đa dạng để nhận giải Nobel: trình bầy thế nào về một vấn đề chuyên khoa sâu mà một cử tọa "tay ngang" hiểu được. Đọc Anh Lê cảm thấy như đọc các bản Nobel price lectures.

• Tấm thân mảnh dẻ của Anh Lê tàng chứa một nghị lực đáng ngưỡng mộ. Anh mang nhiều chứng bệnh kinh niên, mà nặng nhất là chứng đau dạ dầy. Nhiều lần chúng tôi đã nói chuyện với nhau về chứng bệnh của Anh. Trước 75 Anh cũng đã từng phải nằm bệnh viện. Sau 75, thời gian bắt đầu lưu dấu ấn rõ trên cơ thể Anh: tôi nhận thấy trong khi đối thoại, Anh lắm khi phải chọn từ, Anh không vận dụng được ngôn ngữ lưu loát, linh hoạt như xưa nữa. Với một tình trạng sức khỏe như thế, Anh vẫn kiên trì làm việc đều đặn. Và nhất là làm việc theo một tinh thần hoàn toàn tự nguyện tự giác. Rõ ràng là Anh Lê, qua cung cách sinh hoạt của Anh, qua cơ ngơi sản nghiệp của Anh, có thể sống thoải mái mà không đến nỗi phải làm việc quá cần cù như Anh đã từng làm việc. Không do nhu cầu kinh tế chi phối, không do quyền lực chính trị ép buộc, không do tổ chức đoàn thể thôi thúc, Anh Lê vẫn đọc, vẫn học và vẫn viết rất liên tục. Viết cả trong khi bận những công việc khác. Sao cứ mỗi lần đến chơi Anh, ngồi ở bộ xa lông dưới nhà, nhìn lên cầu thang thấy Anh trong bộ áo quần bà ba mỏng nhẹ thung dung tự tại đi xuống, nụ cười thanh thản trên môi, tôi lại cứ liên tưởng đến Lê Quí Đôn. Anh NguyễnHiến Lê, theo tôi, giống nhà danh sĩ đất Duyên hà của chúng ta ở một số điểm, mà điển hình nhất là sự đóng góp to lớn cho kho tàng tư liệu văn học Việt Nam, đóng góp về nhiều lĩnh vực, về nhiều vấn đề. Nhìn các công trình biên khảo của Anh, sao tôi cứ muốn so sánh với Vân Đài Loại Ngữ, Kiến Văn

Tiểu Lục hay Phủ Biên Tạp Lục. Và tôi chắc rằng giờ nầy Anh Nguyễn Hiến Lê hẳn cũng đang nhâm nhi chén trà thơm nóng đàm đạo với nhà bác học thời Lê Trịnh của chúng ta. Cả hai đã có công lớn cùng vun xới, chăm bón cho gốc cây bàn đào văn học của Tổ Quốc.

Bonn, Mùa Xuân Bính Dần

ĐÃ PHÁT-HÀNH
KHẮP NƠI

truyện ngắn
nguyễn
ngọc
ngạn

giá 7 mỹ-kim—10,50 gia-kim
Hỏi mua tại các nhà sách gần bạn

hoặc gửi chi-phiếu về :
LANG VAN MAGAZINE
1346 Bloor St. West
Toronto, Ont. Canada M6H 1P2
ĐT: (416) 534-4857

Vũ Huy Quang

Bèo nước.

— "Chuyện tôi sắp kể cho các anh nghe đây, là một câu chuyện gây cho tôi một kỷ niệm trong tâm khảm mà có lẽ mãi mãi tôi đã chẳng bao giờ quên. Chuyện khởi đầu trong một ngày đặc biệt: ngày lễ kỷ niệm ông Tổng Thống Washington của nước Mỹ..."

Anh ta ngưng nói, húng hắng ho, tay quơ cái bật lửa châm lửa vào ống điều... Ngoài trời còn lất phất mưa... Bọn chúng tôi gồm bốn người đàn ông ngồi trong một quán cà phê nhỏ. Chúng tôi chơi thân với nhau đã trên ba mươi năm, từ hồi cùng trường cùng lớp với nhau ở những năm đầu trung học, trải qua bao thăng trầm cho đến khi tỵ nạn ở Mỹ lại được ở cùng một tiểu bang, cùng một vùng gần nhau, chúng tôi vẫn tìm cách củng cố sự thân ái bằng cách có dịp là hẹn hò nhau, thường là những buổi sáng cuối tuần ngồi cùng cà phê, thuốc lá với nhau như hồi đi học ngày xưa.

Trung, người kể chuyện vốn ít nói nhất bọn, nhưng hễ anh ta có ý kiến gì, thường được lắng nghe, khác hẳn bọn chúng tôi đều thích đùa, thích cười, xuề xòa trong mọi chuyện như những anh chàng dối già, vô tâm nhất đời...

Trung thở nhẹ một hơi thuốc, nhấp một ngụm cà phê, ngả người lên thành ghế, anh ta nói tiếp :

"Chuyện mà tôi sắp kể, gọi là chuyện tình cũng được, nhưng có lẽ là một chuyện tình ngắn nhất mà các anh chưa từng nghe, để tôi cố gắng kể lại đầu đuôi, các anh đừng có ngắt lời, đừng có "lời bàn", đừng có thắc mắc gì vội...

*
* *

Đầu đuôi thế này :

Buổi sáng ngày kỷ niệm sinh nhật ông Tổng Thống Mỹ Washington mới cách đây vài tháng, là một ngày lễ chính thức, vì

thế tôi được nghỉ sở, mà các con tôi cũng được nghỉ học đã mấy tuần rồi, hai đứa nhỏ đòi bố nó dắt đi mua sắm đồ chơi, tôi cứ lần lữa mãi nên cũng có phần áy náy, thế nên có dịp là tôi đưa con tôi đi chơi. Chúng nó suýt soát tuổi nhau,8, 9 tuổi nên ý thích giống nhau. Ở Mỹ đang là mùa chơi "stickers" cho con nít cỡ tuổi này, hoặc giả lại là những hình nhân bằng nhựa để tiện bày-binh bố-trận, tôi bèn sáng sớm lái xe đưa các nhi-đồng ra cái "Mall" gần nhà nhất.

Lâu lâu đóng vai một anh "bon-papa", nắm tay hai đứa con đi thơ thẩn nơi siêu thị, xem ra cũng an nhàn khinh khoái. Con trai tôi, mới cắt tóc hôm trước trông cũng tươm tất, con gái mặc đồ đầm, tay cầm cái ví cho giống người lớn, trông cũng có phần... oai vệ: Tôi cũng được chút vui lây. Lúc ấy là sáng sớm, cỡ 10 giờ, trong trung tâm siêu thị ở tỉnh Hawthorne lác đác có tiệm mở, có tiệm chưa, người đi mua sắm cũng vẫn còn thưa thớt. Cứ đến mỗi một cửa tiệm bán đồ chơi, hai đứa trẻ chạy ùa vào, ngắm cái này, đòi cái kia, tôi chiều chúng được qua hai cửa tiệm, mua sắm được ít đồ chơi con nít đã thấy mỏi.

Ba bố con tôi mang mấy cái gói đồ mua được ngồi trên một ghế trống trong khu nghỉ chân trong "Mall", mở từng món một ra... thảo luận, ngắm nghía với nhau. Trong khu ghế ngồi nghỉ mệt ấy, có một bà già người Mỹ ngồi gần đó trông cũng lịch sự, cười cười với hai đứa trẻ. Những gói đồ chơi được giỡ ra tạm thời trên ghế, tôi khom lưng, khuỵu chân chơi với con tôi thì bỗng thấy hai trẻ khác tóc vàng: một đứa cỡ 5, 6 tuổi, một đứa được cỡ 1 tuổi cũng xúm lại đùa với các con tôi. Trong lúc tôi cúi xuống mải chơi với các con tôi, những giọng Mỹ đối đáp nhau của hai người đàn bà sát cạnh, làm tôi nghĩ rằng đây là một gia đình người Mỹ cũng tình cờ ngồi nghỉ cùng nhau với bố con tôi. Đứa bé một tuổi trông rất khôi ngôi bò chập chững từ đầu đằng kia của chiếc ghế dài được nâng đỡ bởi đôi bàn tay nhỏ nhắn mềm mại trắng nuột của người mẹ, làm tia mắt tôi đôi lúc muốn nhìn ngược trở lên, bắt đầu từ cặp đùi dài trong cái quần jeans màu xanh... Nhưng, khoảng cách quá gần làm tôi sợ lộ sự sỗ sàng với người thiếu phụ đang dìu đứa con bò chơi trên cái ghế dài, nên tôi từ bỏ ý định tò mò ấy.

Đứa nhỏ vừa bi-bô bừa bò, cố với cái bật lửa của tôi, tôi cũng đùa lại với nó, kéo cái bật lửa khỏi tầm tay nó mỗi lần nó tiến đến gần. Tiếng cười khi vồ hụt của đứa trẻ, tiếng cười của tôi và của mẹ đứa bé cũng cùng một nhịp độ vài ba lần, làm tôi và người đàn bà ấy bắt chuyện với nhau.

Tôi biết nói thế nào về cái cảm tưởng đầu tiên của tôi khi tôi được nhìn thẳng vào mặt cô ta? Tôi đã nhìn thấy đôi tay cô ấy, tôi nhìn thấy cặp đùi cô ấy, có điều khi bà già người Mỹ kia cứ bắt

chuyện, tôi mải đùa với 3, 4 đứa bé một lúc mỗi lần ngước lên chỉ thấy không trọn khuôn mặt vì bị mái tóc che khuất. Mãi đến khi bà già Mỹ chào "Have a nice day!" rồi bỏ đi, tôi mới biết họ không đi cùng với nhau.

Tôi đứng thẳng người lên cho đỡ mỏi, và tôi nhìn trọn vẹn người đàn bà vừa đỡ con để chơi với tôi, vừa ngoảnh đầu đối đáp với bà già ngồi nghỉ ở chiếc ghế đàng sau lưng nãy giờ..."

Trung mơ màng một hồi, sau cùng anh ta nói :

"... Trong các câu chuyện tình, người đàn bà được tả bao giờ cũng là người đàn bà tuyệt đẹp. Tôi không tin vào văn chương cho lắm. Tôi nay tóc đã hoa râm, nhưng tôi nói cái này ra, xin các anh đừng có ngắt lời, đừng có cười.

Tôi vẫn tin rằng người đẹp đến đâu chăng nữa, chỉ đẹp ở lúc đó, ở khung cảnh đó thôi, cóc làm gì có tuyệt thế giai nhân bao giờ: cái lòng mình nó cảm động thì sắc đẹp lộng lẫy thêm lên. Tôi cứ cho rằng tôi là người "từng trải", vậy mà cảm giác lúc ấy của tôi nó lạ lùng quá: tôi chưa thấy một người đàn bà nào đẹp giản dị và thanh tú chừng ấy. Cô ta là người Á Châu, chắc không phải người Việt Nam — vì ít người Việt tỵ nạn nói tiếng Mỹ được như cô ta — cái kiều diễm của cô ta tới mức mà tôi nghĩ nếu cô ta không có đôi mắt hơi lé kim thì có thể sẽ không được hoàn toàn! Phải, nhìn kỹ thì cô ta hơi lé kim...

Tôi bồi hồi, xốn xang, rung động, nhưng vẫn đối đáp một cách thân mật suông sẻ được với cô ta .Tôi dần được cảm xúc của tôi trước một thân hình tuyệt diệu, một giọng nói thanh thoát sang cả, một khuôn mặt tuyệt vời..."

Trung giở quyển sổ nốt ghi số điện thoại trong ví ra, lật nơi trang vần F, có ghi địa chỉ, điện thoại và tên của một người đàn bà rồi chỉ cho các bạn: "Fumiko Aust... vân vân."

Anh ta nói: "Các anh xem nét chữ viết, cũng thấy đây là nét chữ thật đẹp, chắc chắn phải của người có học vấn chứ không phải loại chữ nguệch ngoạc... Phải..., cô ta là người Nhật lấy chồng Mỹ... Hoàn cảnh rất phiêu dạt: năm nay 31 tuổi, khoảng mười năm trước, cô ta từ Nhật qua Thụy Điển sống ở đó, sau qua Hawai, lấy chồng, trở về Bỉ, rồi qua Mỹ... mới được hai tháng nay. Cô ta có khả năng như nói tiếng Pháp rất lưu loát với đứa con trai 6 tuổi (vì đứa nhỏ học mẫu giáo ở Bỉ), bàn về ông nhà văn Mishima người Nhật với tôi (chứng tỏ cô ấy là người Nhật, nhưng am hiểu văn hóa Nhật, chắc chắn cô ấy yêu tiếng mẹ đẻ của cô ấy) và tài tiếng Mỹ của cô ta, tôi đã nói ở trên rồi! Khi tôi hỏi cô ấy có nói được tiếng Scandinavia không, cô ấy đã cười rất rạng rỡ, rằng tiếng ấy cô ta còn rành hơn tiếng Pháp mà cô ta vừa đối đáp với con cô ấy nữa...

Chúng tôi mặc ba đứa con nít chơi với nhau, đứng nói chuyện thân thiện tới mức mà đứa con thôi nôi của cô ấy, chúng tôi chuyền tay nhau bế cho đỡ mỏi...

Tôi chắc thời khắc trôi qua phải lâu lắm vì chúng tôi nói rất nhiều chuyện. Tôi chắc chắn rằng tôi có cảm phục về sắc đẹp, nhân dáng và kiến thức rộng rãi của cô ta. Tôi chắc sau đó có một luồng rung động rất mãnh liệt len lỏi vào sâu tâm hồn của tôi, bởi vì con gái tôi mới 8 tuổi, sau khi chúng tôi chia tay nhau ra về có nói với tôi "Bố! Con nghĩ là bố thích cô ấy, phải không?"

*
* *

Cho đến giờ này tôi vẫn không kể lại chuyện được cho có đầu đuôi: khi chia tay, cô ta cho biết vì vướng hai đứa con cô ta không được rảnh tay mua sắm, chiều nay 5 giờ cô sẽ trở lại "Mall" vì giờ đó đã có chồng cô ta trông con để cô ta có rộng thì giờ mua sắm quà sinh nhật. Đó có phải là lời hẹn không, tôi không biết, có điều trong cuộc đối thoại lúc nào cô ta cũng cởi mở, thân thiện một cách vô cùng dung dị không có hậu ý gì.

Dĩ nhiên buổi chiều, tôi đã trở lại "Mall", cái trung tâm mua sắm đó, và đúng lúc 5 giờ, tôi đã gặp cô ta cầm mấy cái túi xách gói đồ (chứng tỏ cô đã mua sắm xong) ngồi ngay nơi chỗ nghỉ chân buổi sáng tự hồi nào. Cô ta phục sức đổi khác, nhưng vẫn giản dị như hồi sáng? Một cái quần jeans trắng, cái áo chemise phồng kiểu đàn bà màu hồng sọc đen, mái tóc đen xõa dài ngang gáy, đôi mắt đen láy trên làn da trắng hồng và kìa, cô ta nhìn tôi mà cười!

Trung thở dài , nói tiếp :

Để ngắn gọn, tôi kể ngay rằng tôi đi ăn cơm tối với cô ta ở tiệm ăn Ý: "Two Guys from Italy" ngay chiều hôm đó.

Trong bữa ăn Fumiko khen tôi là một người nói chuyện rất có duyên (charming) và nói tiếng Anh rất là thạo (professional English speaking) khi tôi thắc mắc rằng không hiểu tôi có đủ tài diễn đạt hết những ý nghĩ của tôi bằng một ngôn ngữ không phải tiếng mẹ đẻ cho cô ấy hiểu hết không. Tôi có bảo rằng tôi không có ý tán tỉnh gì cô ấy, dù rằng tôi trong tình trạng độc thân tại chỗ (unmarried), và quả thật tôi có ngạc nhiên: phần vì sự thân mến cô ấy dành cho tôi, phần vì sắc đẹp của cô ấy (tôi có bảo từ xưa, đối với tôi, đàn bà Nhật chỉ có nữ tài tử Machiko Kyo là đẹp thôi . Nghe đến đây, Fumiko cười, thật mê hồn dưới ánh đèn hồng nơi tiệm ăn. Tôi cũng bày tỏ ngạc nhiên cả về kiến thức của Fumiko khi cô ta nói về vĩ tuyến 17 và tên vị vua cuối cùng của nước Việt Nam vân vân... Cái điều tôi ngạc nhiên nhất, tôi đã nhấn mạnh hỏi

Fumiko trong tối hôm ấy, là...là tại sao cô ấy lại muốn thân thiện với tôi ?

*
* *

Phải, tôi hỏi cô ta điều ấy. Cũng như các anh, các anh nghĩ lắm là tôi đã có ý khoe rằng tự nhiên, giữa giòng đời, một anh bá vơ, tầm thường, nhan sắc bậc trung, sinh ngữ ú ớ, chả giàu chả sang, với một cái xe cà tàng... lại "tán" được một cô Nhật đẹp đến thế, có một cuộc phiêu lưu tình cảm lãng mạn mà ai cũng mơ ước, trong một thời gian kỷ lục !

Khi tôi hỏi Fumiko như vậy, tôi cũng dùng hết cả vốn sinh ngữ tôi có để hỏi và dùng hết cả sự dịu dàng, sự chân thật để giải thích cho câu hỏi đượm ý sỗ sàng của tôi.

Fumiko, người-đàn-bà-đẹp-đến-thế, đã buồn rầu khi nghe tôi nói thêm :

"Phải, chính ra sáng nay ở trong Mall, cô đã lựa chọn tôi để làm thân! Chúng ta đã đứng nói chuyện với nhau tới hàng giờ! Phải, giá cô không có học, giá cô kém đẹp hơn, hoặc cô cũng chỉ bình thường..., tôi không hỏi câu ấy làm chi. Tôi biết tôi, tôi không trẻ, tôi đã có con, tôi không giàu (với bề ngoài này của tôi là bằng cớ) tôi không hấp dẫn, cũng không hào hoa. Lại nữa, tôi hoàn toàn là một người lạ mặt với cô. Vậy thì, cái may mắn được nói chuyện, được số điện thoại, lại được ngồi ăn với nhau ngay trong lần đầu thế này với một người đàn bà tuyệt vời về nhân sắc lẫn kiến thức thế này, không phải người đàn ông nào cũng may mắn được. Có phải điều tôi thắc mắc rất hợp lý hay không?

*
* *

Trung tiếp: Tôi vẫn thích người thông minh. Các bạn trai tôi chơi, đa số thông minh, nhạy cảm trên mức thường. Nhưng đàn bà, tôi vốn quen ít, tôi không có may mắn được dịp so sánh, tuy nhiên, trí thông minh của Fumiko cùng sự ứng đối của cô ta làm tôi sững sờ.

Fumiko trả lời :"Đáng lẽ anh phải đoán ngay ra. Anh đã muốn nghe, tôi sẽ nói với anh đầy đủ lý luận như... kiểu đàn ông..." Tôi còn nhớ như in, lúc ấy mắt cô ta (đen, to, với đôi lông mày bán nguyệt) tự nhiên sâu thăm thẳm. Cô ta cầm ly rượu vang trắng uống một hơi cạn rồi nói :"Tôi bỏ nước đã mười một năm nay, chắc cũng trùng hợp với hoàn cảnh thời gian của anh, nhưng tôi khác anh. Tôi đã là một mẫu người quốc tế *(tôi tạm dịch chữ cospomolitan)* tôi bị hội nhập mãnh liệt với đủ mọi sắc thái văn

hóa... từ Âu châu, Mỹ châu, Á châu... Lúc nào tôi cũng nhớ nước tôi, Nhật Bản, lúc nào tôi cũng nghĩ là tôi có thể trở về. Một vé máy bay tưởng như lúc nào cũng có trong tầm tay *(tạm dịch chữ affordable)* vậy mà vì hoàn cảnh gia đình, hoàn cảnh sinh sống... tôi lần lữa không phải từng năm, mà là từng tháng, từng ngày... Đến nay tôi đã 31 tuổi, trong đời sống hàng ngày gặp cho được một người Nhật còn khó chứ nói chi tới chuyện về thăm tỉnh nhà quê hương. Tôi đã ở Hawaii mà không hội nhập được vào cộng đồng da vàng ở đó. Nay tôi theo chồng về California mới có hai tháng... chồng tôi rất yêu tôi... nhưng lắm khi tôi vẫn thèm được nói tiếng Nhật... Từ lâu, lắm khi tôi nghĩ chỉ cần được nói chuyện với một người đàn ông Á Châu nào đó cũng đủ ! Tôi có một quê hương không ngăn tôi trở về mà tôi không trở về được... khi tôi biết anh còn tệ hơn tôi, có một quê hương không biết bao giờ mới trở về được..., tôi nghĩ... tôi với anh có thể sẽ hiểu nhau hơn... Thực ra, tôi với anh đều là những cánh bèo nước... trôi-dạt cả... Chúng ta, những người một khi đã ra nước ngoài sinh sống, ai cũng nghĩ sẽ có ngày trở lại, nhưng càng ngày tôi càng tuyệt vọng...Bởi vì tôi thấy rõ rằng mỗi người chúng ta chỉ là một cụm bèo nước thôi. Những cụm bèo nước lềnh bềnh, lâu lâu có dịp lại gom lại với nhau một lần thật bất ngờ mà không cần duyên cớ."

Trung nói, không cười "Cô ta dùng chữ Pháp, chữ "jacinthe d'eau" để chỉ chữ bèo nước..."

Cả bọn chúng tôi nhìn nhau. Có người hỏi Trung :

— "Tôi vẫn chưa thấy đoạn kết chuyện "tình" của anh ?

— "Tôi đưa cô ta về bãi đậu xe nơi trung tâm siêu thị vì cô ta để xe ở đấy. Khi chia tay, cô ta có dặn tôi gọi lại cô ta. Tuần sau tôi có gọi thử một lần, một giọng đàn ông rất lịch sự, nhã nhặn trả lời "hiện giờ Fumiko không có nhà, xin gọi lại". Tôi áy náy với người chồng mà tôi không hề gặp mặt ấy, nên đã quyết định không bao giờ gọi lại cô ta nữa".

Một bạn khác trêu "Nếu quả có vậy, chuyện của anh không đáng gọi là một chuyện tình".

Trung đáp: "Cũng được chứ! Chúng tôi có hôn nhau trong xe hơi khi chia tay. Ngay lúc ấy, cô ta có run rẩy trong tay tôi..."

Vũ huy Quang
Tháng 3. 1986

Nguyễn Phước Nguyên

Trận chiến.

Tôi đang xếp lại bàn ghế của phòng học nhà thờ cho ngay ngắn thì Hào bước vào. Vừa thấy tôi, Hào hỏi :

— Sao ?

Tôi mới dọn từ Idaho về đây được mấy tháng. Thấy tôi ở trên đó một mình, Hào rủ tôi xuống đây tìm việc làm để hai đứa được gần nhau. Bạn bè thân từ Việt Nam qua đây chỉ còn lại có hai người. Sau mấy tháng, Hào kêu tôi đi dạy Việt ngữ cho các em. Tôi với Hào cùng dạy lớp các em mười bốn đến mười sáu tuổi, các cô đã dành hết các lớp nhỏ tuổi vì sợ học trò lớn tuổi phá phách. Và bây giờ Hào đang hạch hỏi tôi về cảm giác đầu tiên sau hôm đầu đi dạy. Tôi cười :

— Khó nói quá, mày ơi. Hôm đầu mà.

— Mày thích thì nói đại cho rồi. Nhìn mặt mày cười tao cũng dư biết mà.

Mà Hào biết tôi thật. Bây giờ tôi cũng không hiểu tại sao tôi lại ngần ngại lúc đầu nó hỏi tôi muốn đi dạy không cách đây mấy tháng.

Ngồi xuống trên một chiếc ghế, Hào chỉ ra sân và nói :

— Chỉ chờ ba mẹ của mấy đứa nhỏ ngoài kia đến rước tụi nó nữa là xong.

Tôi ngó ra ngoài sân có hai đứa trẻ đang chơi với nhau. Và một đứa đứng riêng. Thằng Chương. Tôi nghĩ đến Chương, và một câu hỏi bật ra :

— Thằng Chương, mày nói cho tao nghe về thằng Chương, đi Hào.

Từ một thế ngồi thoải mái, Hào bật người thẳng dậy trố mắt nhìn tôi :

— Mày cũng nhận ra là nó lạ nữa sao? Tao tưởng chỉ có mình tao thôi chứ !

— Tao cũng không biết nữa. Thằng bé nó... làm sao ấy...

Hào nhìn thằng Chương đang đứng ở ngoài sân một mình, rồi thở dài. Hào chỉ chiếc ghế bên cạnh, tôi ngồi xuống trong khi giọng Hào cất lên thật nhẹ, thật đều :

— Mày thấy nó lạ hơn những đứa khác, phải không Nhân? Để tao kể cho mày nghe. Thằng Chương qua Mỹ cách đây sáu năm. Chỉ có hai mẹ con. Ba nó chết ở Việt Nam, nghe nói là ở trại cải tạo. Mẹ nó giữ nhà cho một gia đình nhà giàu người Mỹ. Hai mẹ con được cho ở trong một căn phòng, trong căn nhà đó. Cách đây nửa năm tao ra chợ Việt Nam thấy đó đánh lộn với một đứa bé Việt Nam khác. Tao nhào vô can. Bà mẹ của đứa bé kia la ó um sùm, chửi bới mẹ con thằng Chương bằng những lời lẽ thậm tệ. Nào là thằng Chương mất gốc, mẹ thằng Chương là thứ ở đợ, làm thuê. Tao đưa hai mẹ con về nhà. Dọc đường mẹ Chương mới kể cho tao nghe về cuộc sống của hai người. Ngừng lại trong giây lát, Hào chậm rãi mồi một điếu thuốc rồi kể tiếp:

— Mày biết không, mẹ Chương một tuần bảy ngày lo dọn dẹp nấu nướng cho chủ nhà. Đêm về lãnh đồ may phụ kiếm thêm tiền gửi về Việt Nam cho thân nhân. Thằng Chương qua đây năm vừa tám tuổi. Ngày ngày vô trường học với đám con chủ nhà cũng bằng cở tuổi nó. Mày thấy đó, đến như mình mà còn thỉnh thoảng nói chen tiếng Anh vào tiếng Việt. Huống hồ gì nó. Nhất là ở cái tuổi mười ba, mười bốn. Mẹ Chương cố gắng lắm đó chứ, cho nên đến hôm nay thằng Chương vẫn còn hiểu và nói được gần hết tiếng Việt, mặc dù nó viết và đọc khó khăn.

Hào đứng dậy và bước ra ngoài bậc thềm lớp học. Tôi bước ra theo. Ngồi xuống bên Hào, tôi hỏi :

— Và mày đã đề nghị cho thằng Chương đi học lớp Việt ngữ ở đây ?

Hào gật đầu. Có hai vị phụ huynh đến rước con về. Họ vẫy tay về phía chúng tôi. Chúng tôi chào lại. Thằng Chương còn lại một mình, nhưng có có vẻ hài lòng với sự một mình đó. Tôi hỏi tiếp :

— Nhưng tao thấy như vậy cũng chưa đủ để cắt nghĩa về thằng Chương. Tao thấy nó học chậm hơn những đứa khác, cố gắng nhiều hơn, nhưng nó lại xa lánh những đứa khác. Tại sao ?

Ánh mắt Hào nhìn về chỗ đứng cô đơn của thằng Chương thật hiền hòa :

— Mày phải hiểu nó. Sống bên những đứa trẻ nhà giàu, thằng Chương mang cái mặc cảm với sự thiếu thốn, dành dụm của mẹ nó. Nó đâu phân biệt được những gì gọi là quốc hồn, quốc túy. Nó chăm học là tại vì nó muốn học được và viết tiếng Việt để người ta không gọi nó là thằng mất gốc nữa. Thế thôi. Bởi mỗi lần như thế, nó biết mẹ nó buồn. Mày thấy đó, nó đâu có tha thiết gì với ngôn ngữ Việt Nam đâu. Trong thâm tâm, nó chỉ muốn được như mấy

đứa nhỏ con ông chủ nhà. Tao hiểu và thương nó. Ở nhà nó bị những đứa trẻ con ông chủ nhà đùa giỡn trên đầu, trên cổ mà cũng phải ráng nhịn vì sinh kế của hai mẹ con nó. Vô trường nó lại mang mặc cảm bị thua kém, chối bỏ bởi thái độ của những đứa trẻ Việt Nam khác. Nhưng dù sao, nó cũng là một đứa con có hiếu, mày đồng ý không?

Tôi gật đầu và nghĩ đến hình ảnh một người góa phụ nuôi con lớn lên nơi xứ người. Một mặt phải lo cho con ăn học, một mặt phải lo gửi tiền về bên nhà cho thân nhân duy trì cuộc sống — ngay cả lúc cuộc sống từng ngày của mình bên này cũng thật là bấp bênh. Trước 75, giữa chiến tranh, mẹ Chương cũng như bao người đàn bà Việt Nam khác phải gánh chịu thật nhiều thiệt thòi để thay chồng tảo tần nuôi con. Sau chiến tranh, qua xứ Mỹ là một nơi vật chất dư thừa, mà vai trò của người đàn bà Việt Nam vẫn không nhẹ đi chút nào cả, nếu không muốn nói là nặng nề hơn. Hình như định mệnh đã dành cho những người mẹ, người vợ Việt Nam thật nhiều bất hạnh, thiệt thòi. Đáng phục nhất là trải qua bao thăng trầm, họ đã vẫn vượt qua tất cả gian truân với một tình thương tuyệt đối cho chồng, cho con. Như mẹ Chương chẳng hạn. Lo cho con ăn học, lo cho thân nhân bên nhà nào phải là xong đâu. Thấy đứa con mình đang xa dần ngôn ngữ, sợ nó mất gốc, mà gần như là bất lực. Đi làm ban ngày, thêu mướn ban đêm. Sống từng ngày như một cơn sốt, giờ đâu mà dạy tiếng Việt cho con.

Giọng Hào trở nên thiết tha :

— Mày nhìn thằng Chương, mày có thấy gì không? Ở trong lòng nó là một trận chiến văn hóa thật là khốc liệt. Một bên nó muốn như những đứa Mỹ, nhưng chính những đứa Mỹ đó đã khinh khi nó và cứ mãi nhắc nhở cho nó về một sự khác biệt của màu da và tiếng nói. Một bên nó muốn xa lánh những đứa bé Việt Nam khác nhưng nó lại phải cố gắng học tiếng Việt bởi không muốn bị mắng vốn, bởi mẹ nó sẽ buồn. Những gì gọi là Việt Nam đối với nó là một sự ràng buộc xốn xang, mày thấy không ?

Tôi im lặng đồng ý. Hào nói tiếp :

— Mày xem. Tao với mày năm nay hai mươi lăm tuổi. Mình hơn thằng Chương có mười tuổi mà xét ra, có hơn gì nó đâu ngoài biết đọc và viết rành hơn nó. Mày với tao viết tiếng Việt nhiều khi dấu hỏi, dấu ngã còn trật tùm lum. Qua đây mười năm, mình cố gắng lắm mà thỉnh thoảng vẫn cứ chêm tiếng Anh vô tiếng Việt. Huống hồ gì những đứa trẻ như thằng Chương với cuộc sống hiện tại của nó.

Tôi gật đầu. Giọng Hào bỗng dưng xót xa :

— Tao với mày rời Việt Nam năm mười lăm tuổi. Mày thấy đó, tụi mình đâu đem theo được bao nhiêu điều trong lòng mà có

thể thực sự gọi là quê hương đâu. Cùng lắm là một vài hình ảnh mường tượng trong trí nhớ. Mày biết không? Tao bây giờ nhiều lúc chỉ thèm được một lần cúp cua đi chơi ở vườn Tao Đàn, một lần ăn bò bía bưu điện mà thôi. Nghe các anh chị lớn kể lại mình cũng đủ thấy thèm, nào cần gì phải mơ ước xa xôi chi đến đi thăm Huế, Quảng Trị, Hà Nội. Hình ảnh rõ ràng về quê hương nhất của tao là lần chạy giặc Tết Mậu Thân. Mẹ tao tay xách cái giỏ, tay kia dắt em tao chạy về phía lô-cốt. Tao tay nắm cái bị quần áo nhỏ chạy theo.Năm đó tao mới tám tuổi, nhưng đó là cái đêm tao nhớ rõ nhất. Súng nổ vang quanh mình, đại bác bắn ầm ầm. Trên trời hỏa châu cứ phực sáng, phực tắt. Mày cũng vậy. Có khác gì tao đâu. Mày thấy không, quê hương trong mình thật nghèo nàn. Tụi mình sống ngắt ngư trong đó. Đâu có học hỏi, thu thập được bao nhiêu. Vậy mà cũng đòi đi dạy. Trong khi chính mình cũng cần phải học hỏi rất nhiều, mà bây giờ phải tự học lấy. Các thầy các cô cũ chỉ muốn làm cố vấn. Mình hiểu, họ còn phải lo cho cuộc sống của riêng họ nữa. Đòi hỏi gì đây ? Hắn học dụi tàn thuốc xuống đất, Hào ray rứt nói, như với riêng mình :

— Mày thấy đó mình nói ra cũng thừa. Bởi nghĩ cho cùng đâu ai bắt mình làm đâu. Bầy chuyện ra làm, thì có đuối cũng ráng chịu. Ai biểu ngu, hăng tiết vịt làm chi mày thấy không. Mày biết, nhiều lần tao cũng muốn bỏ cuộc, vì nản, nhưng nhìn những đứa như thằng Chương thì tao bỏ cuộc không đành, mày ạ. Bởi tao nhìn nó, thương nó, vì thương mình trước đó. Cho nên tao nghĩ, nếu mình không thể cho nó một quê hương thì ít ra mình cũng nên chia cùng nó những gì quê hương mình có trong lòng, dù chẳng bao nhiêu. Nhưng tao đâu muốn dạy tiếng Việt để nó nói như một con vẹt mà không có một ý niệm gì về hảnh diện ngôn ngữ, màu da. Nên lớp học của mình không có nhiều bài làm mà nhiều sinh hoạt hơn. Biết đâu, qua những sinh hoạt đó mình có thể cấy vào hồn nó một chút gì gọi là quê hương, dân tộc. Để có một ngày lớn lên, nếu muốn nó có thể tự tìm về. Tao tin nó sẽ tìm về vì màu da của nó đã là định mệnh. Mình chỉ mong sao nó sẽ hảnh diện với cái định mệnh đó. Thằng Chương giống như một đứa bé đang hụt hơi giữa hai giòng văn hóa mày thấy không? Mình cũng vậy, có hơn gì nó đâu. Có khác là mình bơi khá hơn chút đỉnh thì cũng cố mà đeo nó theo để bơi về phía bờ văn hóa Việt. Mình phải tự cứu mình, Nhân ạ. Chờ phao người ta thả xuống, thì sợ lúc đó mình đã chết đuối rồi. Có thể tao tiêu cực, nhưng tao tin rằng tao thực tế. Mình đang chết khát, người ta hứa đem nước cho mình. Nhưng không lẽ không biết tự đi kiếm nước lấy mà uống. Đôi khi thực tế có nghĩa là tích cực cụ thể hóa những gì mình nghĩ, mày hiểu tao không Nhân ?

Tôi hiểu thằng bạn mình. Và ngạc nhiên, bởi chưa bao giờ tôi

hiểu nó như bây giờ. Và gần nó hơn ở những điều mà chúng tôi đang nhìn thấy. Lớp học nầy chẳng hạn. Ngoại trừ một số phụ huynh tha thiết cho con em mình đi học tiếng Việt đã tự động chở con em mình đến lớp thường xuyên, đa số các em là do Hào và các bạn "kiếm" lấy. Chữ kiếm nói thì nghe hơi... thảm, mà đúng. Giáo viên vốn bất đắc dĩ nên học trò cũng bất đắc dĩ luôn. Phải thông cảm các em nhỏ, một tuần vô lớp năm ngày, bài làm muốn bở hơi tai. Có em còn đi làm phụ gia đình. Cuối tuần lại phải đi học thì thật là một khó khăn cho các em thu thập. Giáo viên muốn có học trò để dạy, phải đi năn nỉ phụ huynh cho con em đi học lớp mình. Tình nguyện đưa đón luôn, nếu cần. Chúng tôi đang làm văn hóa đây sao? Nghĩ mà buồn. Nhiều cha mẹ cuối tuần phải đi chợ, đem con nhỏ theo khó coi chừng, sẵn "tiện" đường họ thả con cho đi học. Đi chợ xong lại rước con về, có khi giữa giờ học. Chúng tôi chỉ là những người giữ trẻ đối với họ - không hơn, không kém. Tôi hiểu Hào. Mình không trách phụ huynh được vì mỗi gia đình có một hoàn cảnh khác nhau. Hơn nữa, mình đang cần có học trò để dạy mà ăn nói lạng quạng mất học trò cũng nên. Bây giờ người ta lo sống trước đã, văn hóa cho con cái cần phải bảo tồn là chuyện phụ. Mang tiếng là giáo viên mà thật ra chẳng khác gì người giữ trẻ. Chúng tôi hiểu thế. Chấp nhận, và xót xa - mình giữ cho mình còn chưa xong, mà dám đi giữ con người khác. Nhưng chúng tôi cứ nghĩ rằng nếu mình tình nguyện giữ trẻ cho phụ huynh, biết đâu trong những lúc đó mình có thể mang đến cho nó một vài khái niệm về quê hương và dân tộc. Biết đâu được, chỉ mong thôi.

Tôi im lặng. Hào cũng vậy. Mỗi người theo đuổi một ý nghĩ của riêng mình. Của chung. Đến khi mẹ Chương đến rước Chương về, chúng tôi chào bà ấy. Xong, Hào đứng dậy bảo :

— Thôi, bây giờ tao ra hạ cờ. Mày đi khóa cửa các phòng học lại rồi mình về. Còn phải lo đóng bàn thờ tổ quốc nữa.

Cuối tuần tới là ba mươi tháng tư rồi.

Với lời nói đó, Hào bước về phía cột cờ giữa sân. Tôi nhìn theo bóng Hào. Thương nó. Thương chính mình. Hai đứa chúng tôi không cô đơn bởi biết còn nhiều người trẻ như mình lắm trên thế giới nầy. Nhưng chúng tôi lạc lõng. Và hụt hẫng. Nén một tiếng thở dài, tôi quay gót về phòng học.

*
* *

Quang cảnh đêm 30-4 thật cảm động, náo nhiệt. Bàn thờ tổ quốc nghi ngút hương, cờ xí biểu ngữ rợp trời. Và căng thẳng. Căng thẳng vì bên kia đường, một nhóm sinh viên Mỹ thân cộng chừng bảy tám đứa đang hô hào tôn vinh Lenin, Hồ Chí Minh, chủ

nghĩa cộng sản. Họ la lớn, đoàn người Việt Nam lại hô lớn hơn, át hẳn tiếng la của họ. Họ khiêu khích, nhưng tất cả ai ai cũng đều ý thức được sự quan trọng của hôm nay nên vẫn chưa có chuyện gì đáng tiếc xảy ra. Suốt cả buổi biểu tình diễn ra thật xúc động và phấn khởi đúng theo chương trình. Cho đến phút sau cùng.

Mọi người đã về gần hết. Chúng tôi ở lại dọn dẹp. Mẹ Chương và Chương cũng ở lại cho đến phút sau cùng để tiếp chúng tôi dọn dẹp chung quanh. Bọn sinh viên Mỹ thân cộng cũng còn đang tụ tập bên kia đường. Mỗi thằng cầm một chai bia, những lời nói bẩn thỉu lại vang lên rời rạc. Khi tất cả đồ đạc đã được gom lại một chỗ, tôi đi lấy xe trong khi Hào, mẹ Chương và Chương đứng giữ đồ. Tay Chương cầm một lá cờ Việt Nam nhỏ, ánh mắt nó ngó đám người Mỹ bên kia đường một cách lạ lùng.

Vừa đậu xe xong, tôi mở cửa bước xuống. Và tôi ngơ ngác trước bối cảnh trước mặt. Thằng Chương và mẹ nó đang đứng một bên đống đồ. Hào đứng chắn phía trước. Đám sinh viên Mỹ lúc này đang đứng trước mặt Hào, mặt đứa nào cũng đỏ gay với men bia. Lá cờ không còn trong tay thằng Chương nữa, nó đang nằm trong tay thằng Mỹ to con nhất. Tôi hiểu hết mọi sự và chạy lại. Tôi vừa đến nơi thì thằng Mỹ đó đã phun bọt mép một cách khinh bỉ và ném lá cờ xuống đất. Hào vừa cúi người xuống lượm, thì tôi la lớn :

— Hào, coi chừng !

Nhưng đã muộn. Tay thằng Mỹ đã vung thẳng một nắm đấm vào mặt Hào. Hào quị xuống. Lá cờ từ trong tay Hào lại rớt ra. Bàn chân thằng Mỹ nhấc lên tống mạnh vào bụng Hào. Hào hự lên một tiếng và nằm ra. Không chịu nổi nữa, tôi nhào lại, nhưng Hào đã la lớn :

— Đừng Nhân !

Tay nắm lại lá cờ, bằng hết sức lực mình Hào bậm môi nén đau từ từ đứng dậy. Mắt Hào nhìn thẳng vào thằng Mỹ trước mặt, không thách thức nhưng kêu hãnh. Lúc đó, đã có một số đông người Mỹ tụ lại chung quanh. Họ có thái độ bất mãn rõ rệt trước sự hung hăn của thằng Mỹ to con kia. Nhưng trước khi chuyện gì khác xảy ra, hai người cảnh sát viên tuần hành khi biểu tình lúc nãy đã trở lại. Cả đám đông lẫn tụi Mỹ thân cộng được giải tán thật nhanh. Hào đưa lá cờ trong tay cho thằng Chương và bảo mẹ Chương đưa nó về.

Nhìn theo dáng thằng Chương đang xa dần với lá cờ trong tay, Hào bước đến ngồi xuống bên lề đường ôm đầu, chán nản. Tôi ngồi xuống bên cạnh Hào, im lặng. Lại một tiếng thở dài. Tôi bực mình :

— Mày thở dài cái gì? Có gì thì nói ra, cứ giữ khư khư cho

mình cũng chẳng khá gì hơn.

Hào đưa tay lên xoa má, nơi bị đấm đã bắt đầu ửng vết bầm. Nén một hơi thở nhẹ, Hào nói:

— Tao sợ lần nầy tao mất thằng Chương thiệt tình, Nhân ơi!

— Tao không hiểu, mày nói rõ hơn.

Hào buông thõng đôi tay ôm vòng lấy gối, giọng thật buồn:

— Mày biết đó, tao muốn đem thằng Chương về gần với những gì gọi là Việt Nam. Tao nghĩ nếu nó có mặt đêm nay, có thể nó sẽ tìm thấy được những gì mà mình muốn chia với nó mà không thể được trong lớp học.

— Thì thằng Chương đã có mặt đêm nay, và những gì nó thu nhận được nó sẽ thu nhận. Mày sợ cái gì chứ. Vả lại, chuyện quê hương mình đâu thể ép uổng hay nhồi sọ nó được. Mày lo xa quá.

Hào bứt rứt:

— Cái lo của tao là thằng Chương thấy tao bị đánh mà không đánh trả, nó sẽ cho là tao hèn chịu nhục, mày hiểu không? Tao đem nó đến đây để cho nó thấy được một vài điều hãnh diện về Việt Nam mà hãnh diện đâu chưa thấy, nó đã thấy sự hèn nhát của tao rồi. Làm sao tao cắt nghĩa cho nó hiểu tại sao tao không đánh trả đây? Tao sợ sau lần nầy thằng Chương sẽ không đi học nữa, mày ạ. Chán quá Nhân ơi, chưa kéo nó về gần mình được bao nhiêu thì tự tao đã đẩy nó xa mình rồi.

Hào lại thở dài chán nản. Trước thái độ chào thua của bạn mình, bỗng dưng tôi nổi nóng:

— Tao tưởng mày lo cái gì, những điều mày lo nó chẳng đến đâu cả, nếu không muốn nói là nhỏ mọn. Mày sợ mất thằng Chương, cái đó tao hiểu. Mày nhịn thằng Mỹ kia đâu phải là tại mày nhát. Cái đó tao hiểu chứ, mà bao nhiêu người khác nữa. Kể cả mẹ thằng Chương. Mày thử nghĩ lại đi. Chuyện thằng Chương mày cho là lớn. Thế còn những công sức mọi người đã bỏ ra cho đêm nay thành công mày vứt đi đâu? Thằng Mỹ nó đấm mày một cái, mày đánh lại nó một cái. Rồi nhào vô đánh tùm lum. Để làm gì chứ? Bữa nay mình tổ chức thành công, truyền hình quay phim ào ào. Rồi có vụ đánh lộn, mày hiểu chứ. Báo chí Mỹ mà. Mình làm điều hay không biết ra sao, chứ có vụ đánh lộn là nó đem lên hàng đầu. Ngày mai báo đăng tin — quyền lợi người Mỹ bị người Việt tị nạn, tao nhấn mạnh chữ tị nạn mày nghe chưa, va chạm. Lúc đó, bao nhiêu công lao anh em bỏ ra, bao nhiêu đồng bào đi tham dự bỏ trôi sông hết sao? Thúi hoắc! Mẹ nó, tao nói mày đừng giận. Mày nghĩ lại đi. Chuyện thằng Chương, tao hiểu lắm. Nhưng hôm nay, nếu mình không làm gì được cho những người bên nhà sau mười một năm xa nước, thì ít ra mình cũng đem chút quyền tự do ngôn luận chia xẽ những người bên kia, nói dùm cho họ về những

gì gọi là tù đày cộng sản. Mày đấm thằng Mỹ đó một cái, rồi hậu quả đó ai chịu. Lúc đó, nói dùm cho bà con bên nhà chưa xong, lại phải lo đính chánh cho mình bên này. Rồi còn bao nhiêu cảm tình người Mỹ họ dành cho mình nữa. Không lẽ cũng còn nguyên hay sao ?

Hào vẫn nghe, đầu cúi thấp xuống gối. Bực quá, tôi nắm hai cổ áo Hào xốc mạnh cho đầu Hào ngước lên. Trừng thẳng vào mắt Hào, tôi nói trong cơn giận:

— Tao nói mày đừng tự ái. Đôi lúc mày đã vượt xa giới hạn thằng giữ trẻ của mày. Đến những lúc này là lúc mà mày phải trả lại cái quyền hướng dẫn và dạy dỗ lại cho mẹ thằng Chương. Tao nghĩ mẹ Chương đã chứng kiến những gì xảy ra từ đầu đến cuối để đủ hiểu tại sao mày nhịn. Và tao tin những hành động của mày sẽ được cắt nghĩa tường tận với thằng Chương, nhưng người cắt nghĩa phải là mẹ nó mày hiểu không. Mất thằng Chương, tao cũng tiếc như mày. Mày sợ thằng Chương cho mày nhục nhã không tự vệ, thế còn cái nhục mất nước mày để đi đâu. Không lẽ mình cứ ở lại bên này hoài để giữ mãi một khúc đường cùng. Phải phá con đường đó ra. Về! Mày hiểu không? Phải về. Vả lại, mình phải cám ơn những thằng Mỹ kia mày biết không. Vì với quả đấm đó, nó đã nhắc nhở cho mình là cái xứ nầy chỉ là một chỗ tạm dung thân mà thôi. Nên dẹp cái nỗi lo buồn của mày lại đi. Nó thúi hoắc hà! Còn nhiều chuyện khác đáng lo, đáng buồn hơn sao mày không nghĩ tới. Đôi khi mình phải tự ý thức để vươn lên từ thất bại, mày hiểu không.

Tôi nói say sưa. Buông cổ áo của Hào ra, tôi đứng dậy. Khi nhìn xuống, Hào đang nheo mắt nhìn tôi với nụ cười:

— Bây giờ tao mới thấy ba tao nói đúng lúc lấy tử vi cho mày.

— Ba mày nói cái gì ?

— Ba tao nói mày có khiếu làm...luật sư.

Và tôi ngượng, Hào đang khen tôi. Tôi lướt trên sự ngượng ngùng của mình :

— Thôi, tiếp tao dọn dẹp lẹ lẹ rồi đi về. Còn đi dạy học, đi làm ngày mai nữa.

Đứng dậy khoác tay lên vai tôi, Hào nói :

— Đi.

Tôi khoác tay lên vai Hào, và cứ thế chúng tôi bước về phía đống đồ còn nằm giữa công viên của tòa thị sảnh. Những người Mỹ chung quanh nhìn chúng tôi với con mắt ngờ vực. Ở cái xã hội văn minh nầy, nơi mà vấn đề sinh lý được đặc trên vấn đề tâm lý, hai người cùng phái đi khoác vai nhau ngoài đường là bị xem như mang bệnh đồng tình luyến ái. Chúng tôi biết thế, nhưng chúng tôi mặc kệ. Vì những người Mỹ đó đâu biết chúng tôi cũng đang làm

một cuộc xuống đường trước mắt họ. Một cuộc xuống đường âm thầm và ngạo nghễ cho quyền bày tỏ tình bạn bè giữa hai người Việt Nam — giữa Hào và tôi. Tuy ít oi, nhưng cũng không kém phần quan trọng trong mỗi đứa.

*
* *

*T*ất cả các giáo viên vừa chuẩn bị cho các em xếp hàng chuẩn bị chào cờ xong thì từ trong phòng học của chúng tôi, Hào và Chương bước ra. Tay Chương ôm lá cờ. Và tôi ngạc nhiên. Mỗi lần bắt đầu lớp học như hôm nay thì Hào cho một em tình nguyện ra kéo cờ, như chúng đã thường làm khi còn đi học ở Việt Nam. Thằng Chương không bao giờ tình nguyện cả, cho đến hôm nay. Và đó là điều làm tôi ngạc nhiên. Ánh mắt tôi đầy dấu hỏi khi Hào đi ngang qua. Hào ngó tôi cười nhẹ, và hất cằm về phía cổng nhà thờ. Ở đó, mẹ Chương cũng đang đứng nghiêm chỉnh để chờ lễ chào cờ bắt đầu với một thái độ hãnh diện khi nhìn đứa con mình đang bước trịnh trọng về phía cột cờ giữa sân.

Quốc kỳ được kéo lên. Tất cả mọi người cùng cất tiếng hát bài quốc ca. Có nhiều em không thuộc phải cầm giấy hát, nhưng chúng tôi dạy dần các em sẽ thuộc. Tôi nhìn lá cờ đang lên cao dần mà nhớ đến một lần Hào nói về một trận chiến trong nội tâm của những đứa bé như thằng Chương. Và tôi hiểu trong vô cùng cảm khái. Ở một Việt Nam bên kia bờ biển, trận chiến vẫn còn đang tiếp diễn cho tự do trường tồn thật âm ĩ và khốc liệt. Nhưng ở tại nơi đây, và bao nhiêu nơi khác trên thế giới, vẫn có những trận chiến khác đang xảy ra trong linh hồn thao thức của những thằng Chương, những thằng Hào, và những người cha mẹ của Chương. Trận chiến mà mỗi lần có một đứa bé tình nguyện đứng ra kéo cờ là một tất đất vừa chiếm lại được, mà huy chương cho kẻ chiến thắng là những niềm vui trong lòng khi nhìn nhau ở những giây phút như bây giờ. Không nhiều đâu, nhưng cũng đủ để chúng tôi giữ vững được niềm tin ngay những lúc chán nản nhất để vương tay với hoài một ước mơ, mà đôi lúc những niềm vui và những niềm tin đó hiện hữu thật chan hòa trong cuộc sống, ở một nơi chốn mãi xa lạ nầy. Không nhiều đâu, nhưng cũng đủ. Và cần thiết.

Nguyễn Phước Nguyên

Lê Diệp Cẩm

Cây hoa giấy và trái xoài.

Em ơi,

Bây giờ mùa xuân đang trở lại, còn sớm mà nắng đã chói chang, sương mù không sống lâu được với mặt trời. Tuần này, chắc người ta lại trồng lại các loại hoa trong công viên, trên một vài con đường mà người ta thấy dễ thương. Xa quê hương đã hơn chục mùa xuân, anh thèm kể cho em về mùa màng của kiếp lưu đầy. Nói làm chi cho văn vẻ, lưu đày thì làm gì có mùa màng, mùa nào cũng thấy lạnh lẽo. Tiếng Việt mình hay có chữ đôi; ở đây không chỉ là lạnh, lạnh về thể xác mà là lạnh lẽo vì thiếu vắng, cô đơn. Thiếu người thân, thiếu quê hương.

Nhưng cũng phải thấy vui khi mùa xuân tới, chớ không thì tội cho nó. Mùa xuân đang rạo rực tới thế mà không thấy nôn nao, háo hức thì nguy hiểm vô cùng. Sống lưu đày mà không biết xúc động trước vũ trụ thì dễ dắt tới điên, ghê thật.

Anh có thằng bạn, không biết em còn nhớ Bình không? nó bây giờ khó tính lắm. Mùa nào nó cũng than mà lý lẽ nó thì nhiều lắm, nào là: "hết lạnh rồi, thèm ra phố thế mà thấy tây đầm đứa nào mặt cũng lầm lì thấy ghét. Sao chúng nó lạnh lùng đến thế", "ở Việt Nam chán đời còn đi lang thang được, chớ ở xứ này không biết đi đâu", "lang bang ở Sài Gòn thế nào cũng gặp bạn bè, tiệm cà phê ở Sài Gòn ngồi suốt ngày không chán. Ở đây mới ngồi năm phút, uống xong là muốn đi",... thế đấy em; nó cứ cằn nhằn về những mẩu chuyện đời như vậy từ mười mấy năm nay, từ khi anh với nó còn năm đầu đại học cho tới giờ nó đã một vợ hai con. Sống để cằn nhằn. Bên nhà thì thế này sao bên tây thế khác. Lắm lúc anh bực nó lắm vì nó nói nhiều. Nhưng nó nói toàn điều anh nghĩ nên lâu lâu không gặp nó thì anh thấy như thiếu một cái gì, buồn thẫn thờ. Không có nó thì anh lại cằn nhằn một mình, khổ thế.

Trong cái đám bạn bè này của anh lạ lắm, đi học cùng trường cùng năm, ra đi làm cùng nghề, thậm chí leo trèo lên bậc thang nghề nghiệp cũng cùng lúc. Cuộc đời ở đây tự nó tẻ nhạt, máy móc.

Mấy đứa cứ hỏi nhau không biết mình đi tìm cái gì trên cuộc đời này. Không biết cái mình tìm thì làm sao thấy nó được. Đi qua đường thì mắt nhắm mắt mở, xe chạy ào ào mà đường thì hai chiều, thế nhưng cứ lù khù qua đường. Chậm chạp như vịt bầu mà đã có đứa nào bốn mươi đâu. Vô sở làm thì cứ kiếm chuyện gây gổ, để có cớ cằn nhằn. Về nhà thì mặt lầm lì với vợ con. Một lũ của bọn anh là như thế, đứa nào cũng giống giống nhau. Thấy chúng thế anh lo cho em... và cho cả cho anh nữa. Vì cứ viết thư thúc em qua đây sớm với anh; qua đây rồi mà em thấy một đám bạn như thế, hay gây gổ cằn nhằn, lại lù khù nữa, nếu em không biết trước những chuyện này thì anh biết ăn nói làm sao với em. Mấy chuyện này cứ tưởng nó "lặt vặt" chứ thật ra nó dễ sợ, là vì nó xảy ra hàng ngày. Thằng Chánh, em nhớ chứ, nó mời bạn bè ăn cơm nhà nó. Cả nhà và đám bạn xúm lại làm bếp vui vẻ lắm, đến lúc cả nhà ngồi vào bàn ăn, nó mới cầm bát cơm đưa lên miệng mà nước mắt đã rơi, rơi tầm tả làm anh và đám con của nó cứ trố mắt ra. Ngay lúc đó, nó bào chữa nghe "hay" lắm, "cảm động" lắm: "Tao nhớ nhà quá, cầm bát cơm đầy lên gắp bao nhiêu thịt cũng được, nghĩ tới người ta bên nhà đói, nuốt không trôi", nó lý luận nghe cũng "mạch lạc" lắm: "đồng bào ở bên nhà đâu phải ai xa xôi đâu, gia đình, cha mẹ, anh em, bạn bè cả". Nó nói thế thì anh chịu, nhưng tội cho vợ nó lắm, bà xã nó kể cho anh nghe: nửa đêm nó dậy khoảng ba bốn giờ sáng, không bật đèn không gây tiếng động làm phiền vợ con, đi nhè nhẹ ra sau bếp, hâm lại nồi phở rồi ngồi ăn một mình, nốc rượu whisky ừng ực. Tối nó không ngủ được, từ bao năm như vậy, thế mà sáng hôm sau đi làm rất bình thường, không có vẻ gì mỏi mệt.

Tại sao anh lại kể cho em những chuyện này? Anh muốn anh thành thật với em và với chính anh. Đó tình yêu trọn vẹn. Anh yêu em thì nhất định anh phải cưới em và làm đủ cách cho em qua đây với anh. Rồi sau này có thể chúng mình chết luôn ở xứ tây này, không biết chừng. Khi nào mình không có tự do trên đất nước mình thì mình còn phải sống lưu đày, giản dị chỉ có vậy. Nhưng cũng thật đau lòng.

Hiện tượng "cằn nhằn", "lù khù", hay "nhớ nhà", "nhớ này nhớ nọ" không phải chỉ có trong đám bạn của anh hay chỉ ở bên Pháp không đâu; ở đâu có người Việt là ở chỗ đó có hiện tượng này. Kim Thảo, em họ của em đấy, vừa mới tới Mỹ tuần rồi là đã gọi điện thoại cho anh ngay, la hoảng lên : "Anh Cẩm đó hả, sao khỏe không? Anh ơi bên này có hoa giấy, hoa giấy,... vui quá... nhưng nhớ nhà quá anh ạ". Thế đấy. Để anh kể cho em nghe chuyện này còn "ghê rợn" hơn chuyện Kim Thảo: Mùa đông qua ở xứ Pháp này lạnh quá, lạnh chịu không nổi. Ở Côte d'Azur, nơi cư

ngụ của gia đình anh như em đã biết, nổi tiếng là vùng ấm nóng nhất nước Pháp thế mà tuyết rơi phủ ngang các thân cây. Đây là vùng độc nhất của nước Pháp có hoa giấy. Trong vườn nhà anh có cây hoa giấy tuổi thọ cao nhất xóm ở đây, thế mà mùa đông qua nó chết. Nó chết thật chớ không giả vờ đâu. Nhưng lúc đầu anh không chịu tin, mỗi cuối tuần về thăm nhà cứ lấy thêm phân thêm đất bón cho gốc cây. Đào đào, xới xới. Bố anh nhắc đi nhắc lại là nó chết rồi, chỉ còn gốc không thôi, sẽ không sống trở lại được đâu. Thế mà anh cứ đào đào, xới xới. Mới tuần qua, ông bực quá, đem cưa ra cưa đứt ngang thân cây, gốc của cây hoa giấy bây giờ bằng ngang mặt đất; tức là nó chết thật rồi em ạ. Bố anh hôm đó làm ra vẻ bực bội lắm nhưng anh thấy ông rơm rớm nước mắt. Ngày xưa, em chỉ muốn anh dẫn em đi dạo trên những con đường nhiều hoa giấy, nhà nào nhiều hoa giấy mình đứng lại thật lâu. Anh giữ màu hoa đỏ thắm trong hồn như là chịu nhận kiếp lưu đày nhưng không bao giờ chịu nhận sự chia ly, xa em. Những chi tiết nhỏ của vũ trụ như vậy bây giờ biến thành biểu tượng tình cảm của người Việt lưu vong. Càng ngày càng nhiều bài thơ về hoa giấy, anh thích nhất là bài của Cao Tần :

tưởng ta nhớ chú lắm sao
này cây hoa giấy bên rào năm xưa
chẳng qua trời đổ cơn mưa
thương cho cành mọn đong đưa một mình

Em thấy không, những câu thơ nửa đùa nửa thật thế mà từ khi cây hoa giấy của nhà anh chết đi, bốn câu thơ trên như kim đâm vào tim óc của anh. Cuộc đời lưu đày nghĩ cũng lạ, như người hàng chục đứa trên chiếc thuyền mục cứ lo chiếc thuyền sẽ vỡ nát vì sóng dữ trước mặt, thế mà nó cứ phăng phăng lướt sóng đi. Đi vào cõi vô định mà không gây một tiếng động. Hoa giấy nó mong manh cứ như muốn tan vỡ trong gió trong mưa, thế mà màu đỏ thắm của nó cứ in thật sâu đậm trong đầu của anh, của Kim Thảo, của bố anh, của Cao Tần....

Em có nhớ Yên không, bạn chí thân của mình thời trung học cũng làm một bài thơ về hoa giấy. Nó sống lâu với ông tây bà đầm đâm ra khùng, ngày ngày đi nói chuyện với hoa giấy nhà nó... Chuyện hoa giấy của anh còn dài lắm, chỉ sợ nó làm em buồn ngủ. Thôi bây giờ qua một chuyện khác vui hơn, dễ chịu hơn vì thứ nhất là không có "cằn nhằn", "lù khù", thứ hai là có dính tới em. Chuyện trái xoài của em gởi cho anh, nhờ Thủy Tiên, bạn của em mang qua cho anh tuần qua. Tội Thủy Tiên lắm em ạ, nó cứ ngồi xin lỗi anh mãi mà chẳng chịu kể cho anh nghe về em, về Sài Gòn, về Việt Nam. Số là, em gởi cho anh gần mười trái xoài, thế mà máy bay của Thủy Tiên hỏng ở Pakistan mất ba hôm, khi tới Paris thì

xoài của em đã nhũn ra hết. Nó chọn ra một trái ít hư nhất đưa cho anh để anh đỡ "buồn tủi" và còn dặn: "Ông chỉ "hửi" thôi chớ đừng ăn, hình như chín quá rồi ăn không được đâu". Thế mà nó nói đúng, mùi hương từ trái xoài bây giờ cứ thoang thoảng trong phòng. Em hình dung được không, mùi hương kỳ diệu đó. Anh đang hình dung được đầy đủ cả quê hương. Anh thấy rõ từ quá khứ: anh đang dắt em đi trong những vườn xoài, nhãn, mít, măng cụt của Bình Dương, Lái Thiêu. Mùi hương lạ thật, từ bao năm bây giờ anh mới "hửi" lại được. Trái xoài như ngọn đèn thần không tỏa ra phép lạ mà tỏa mùi hương của quê hương chúng ta. Bên đây cũng nhiều xoài lắm em ạ, đến từ Phi Châu, có khi tới từ Nam Mỹ nhưng không có mùi. Hay có mùi nhưng không gợi nhớ. Không làm cho kỷ niệm trở về; không làm cho quê hương gần kẻ tha hương. Anh lại sắp dài dòng nữa rồi. Chắc làm em bực lắm, lại nạt anh "muốn nói gì thì vô đề thẳng đi cứ lòng vòng mãi đến bao giờ mới xong". Anh có đề tài gì đâu mà nói, mà kể cho em nghe. Mỗi lần cầm bút thì chuyện lòng vòng là chuyện chính. Đề tài độc nhất của anh khi viết thư là: anh yêu em, muốn em mau qua đây với anh. Và anh cũng không biết có em rồi thì những cây hoa giấy và mùi hương của trái xoài còn chi phối anh nữa không? Xa quê hương sao người ta hay tìm chỗ dựa vào dĩ vãng, vào quá khứ mà đó là những cái đang hư hao. Anh muốn dựa vào em, vào tình nghĩa vợ chồng Việt Nam, hình như là chỗ dựa lâu bền cho kiếp lưu đày ?

Từ ba hôm nay trái xào đã đổi qua màu thâm đậm. Mùi hương của nó vẫn còn, nhưng không ăn, nó sẽ hư em ạ. Mà để nó tự nhiên hư đi thì "tội" anh nặng lắm Khuya hôm qua, anh đã bổ trái xoài, màu nó đã vàng, nước mọng ra ngoài rơi đầy trên tay anh. Nhìn nó, anh biết là để lâu sẽ không thể được và có lý khi bổ nó ra. Lại một mùi hương khác từ trong tỏa ra, khác mùi hương của nó từ mấy hôm nay. Cây trái trên đất nước mình lạ thật, chúng cũng có nhiều mùi hương, nhiều cuộc đời như mỗi người Việt chúng ta. Một giờ sáng anh bổ trái xoài ra ăn. Nếu có ai thấy thì thế nào cũng kết luận ngay: "Thằng này bị điên". Lại vừa ăn, nước mắt vừa rơm rớm. Kể như vậy là đủ rồi, anh không muốn kể gì thêm nữa.

Da thịt người Việt xa quê hương chịu quy luật của bốn mùa nhưng tâm hồn thì chỉ có hai mùa: mưa và nắng.

Bây giờ chắc anh phải ngưng thật. Hôm qua bố anh có điện thoại, ông kể là ông vừa mới mua một cây hoa giấy, còn mỏng manh, chưa có hoa, chỉ có lá rất tươi xanh và ông mong nó sẽ sống lâu với những mùa đông tới. Ông nói trước khi gác điện thoại: "Trông cây hoa giấy này có vẻ chững chạc lắm!". Anh cũng loay

hoay chẻ hột xoài ra một đường dọc và ngâm vào trong nước để làm thử rễ xoài, xem ra sao. Làm thế chứ anh biết khí hậu bên đây xoài không thể nào sống được. Không có quê hương mà cứ nuôi dưỡng quê hương hàng ngày..!

Hôn em.

Phan Cung Nghiệp

Xuân về nào có hay

Hoa nào nở đêm qua
Tàn trong chiều viễn xứ
Tình vui đâu mấy thuở
Buồn rồi cũng phôi pha

Mưa lũ cuối một mùa
Đẫm trong hồn bao nỗi
Kỷ niệm chết trong ta
Chiều cuối đông hấp hối

Ta lạ xa quá đỗi
Sống giữa lòng lãng quên
Ta nửa đời đã lỡ
Mưa xứ người buồn tênh

Mấy đông rồi vẫn nhớ
Đoá hoa cũ tàn phai
Bên kia bờ dĩ vãng
Ai vẫn còn nhớ ai ?

Sương mấy mùa vẫn bay
Hoa mấy mùa vẫn nở
Ta mấy mùa vẫn nhớ
Xuân về nào có hay ?

Hoàng Liên

Ánh sáng và bóng tối

Tâm sự Võ Thành Minh và vụ chiêu dụ tướng Hoàng Xuân Lãm.

VI

Hai tuần sau, chúng tôi được chuyển đến một trại mới, trại thứ ba. Cũng lại một chuyến đi đột ngột, không được báo trước.

Sáng hôm ấy, trong lúc lấy phần cơm để đem theo ăn dọc đường, chúng tôi được nhà bếp cho hay:

— Các anh sẽ đến một trại khác lớn hơn, và là một trại tự túc.

— Tự túc nghĩa là thế nào?

— Trại này không sản xuất, phải nhờ các trại khác hoặc cơ quan khác cung cấp lương thực cho. Tại các trại tự túc thì có canh tác, chăn nuôi, nên có đủ lương thực. Thỉnh thoảng, chúng tôi có qua lấy lương thực ở bên đó.

— Trại ấy cách đây có xa không?

— Khá xa.

Chuyến đi này dài và khó khăn hơn các chuyến trước, và chúng tôi phải ngủ đêm giữa rừng, sau một cơn mưa bão lớn. Nhưng tối hôm đó, tôi lợi dụng tiếng mưa rơi nặng hạt trên cành lá để nói chuyện với ông Minh mà không sợ cán bộ nghe được. Chia nhau chiếc áo mưa mà ông Minh đem từ Huế lên, chúng tôi đứng trú mưa dưới một gốc cây lớn. Ông Minh tỏ ý tin tôi, và muốn trao đổi ý kiến với tôi:

— Như ông biết, tôi quê ở Nghệ An, huyện Yên Thành. Người Nghệ chúng tôi thẳng thắn ăn nói chắc như đinh đóng cột. Tôi lại là người Hướng Đạo. Và tôi biết có thể nói chuyện cởi mở với ông. Chắc ông còn nhớ, hồi năm 1945, Việt Minh muốn biến Hội Hướng Đạo Việt Nam thành Hội Hướng Đạo Cứu Quốc. Tôi không đồng ý, vì không muốn khép đoàn thể của mình vào trong

khuôn khổ của Cọng Sản. Thứ nữa, bây giờ lập ra Hội Hướng Đạo cứu quốc, tức là mặc nhiên công nhận rằng trước đây, Hướng Đạo không đặt vấn đề yêu nước. Mà chúng tôi, hồi đó thì muốn dùng phong trào Hướng Đạo để đào tạo một thế hệ thanh niên có sức khoẻ, lanh lợi, tháo vát, có óc thực tế và tinh thần xã hội, để sau này phục vụ cho quốc gia dân tộc.

Những hạt mưa vẫn lộp độp rơi trên cành lá, và, được tăng cường thêm lượng nước, con suối dưới chân núi gầm lên, chảy ào ào trong bóng hoàng hôn đang phủ dần xuống khu rừng rậm. Chúng tôi nhìn quanh: không có ai đến gần. Ở đằng kia, dưới một gốc cây, mấy người bộ đội đang co ro đứng sát vào nhau, miệng phì phèo điếu thuốc lá.

Ông Minh tiếp tục câu chuyện:

— Hồi đó tôi trở về Yên Thành, và trong cuộc sống hàng ngày, Cọng Sản đã gây nhiều khó khăn cho tôi. Sau cùng, nghĩ rằng giữa người Nghệ với nhau, có lẽ dễ thông cảm, tôi đã ra Hà Nội gặp Chủ Tịch Hồ Chí Minh. Ông Hồ tiếp tôi rất niềm nở, và — không biết có thật tâm hay không — yêu cầu tôi giữ một trọng trách trong chính phủ liên hiệp. Tôi đã từ chối, và sau đó tìm cách xuất ngoại. Tôi sống ở Thụy Sĩ nhiều năm, và năm 1954, tôi phản đối việc ký kết hiệp định Genève chia đôi đất nước. Tôi đã thất bại. Trong thời gian ở Thụy Sĩ, tôi nghiên cứu chế độ trung lập của nước này, và nảy ra ý kiến trung lập hóa Việt Nam, cả miền Bắc lẫn miền Nam. Có lẽ ông còn nhớ, những hoạt động của tôi gây được một ít tiếng vang tại Âu Châu, nhất là tại Pháp, nơi tôi đến cư ngụ sau khi rời Thụy Sĩ. Rồi tôi qua Mỹ, để cổ súy cho chủ trương của tôi tại Liên Hiệp Quốc. Cách đây ba năm, tôi trở về Việt Nam qua ngã Cam Bốt, vì phải nhờ Cam Bốt là một nước trung lập, dàn xếp cho tôi về nước.

— Khi về đến Việt Nam, ông có gặp khó khăn gì không?

— Không. Để điều tra, tôi chỉ bị giữ lại một tháng tại Tổng Nha Cảnh Sát ở Sài Gòn, và được đối xử tử tế. Sau đó, tôi về Huế, trông nom từ đường của Cụ Phan Bội Châu, và dạy học tư để sống. Khi Việt Cọng tấn công vào Huế được hai hôm, tôi cùng với một linh mục Công giáo và một nhà sư Phật giáo đến Bộ Tư Lệnh quân đội Mỹ, yêu cầu họ ngưng bắn để chúng tôi tổ chức chôn cất những người tử nạn vì bom đạn. Chúng tôi hành động rất minh bạch, và vì lý do nhân đạo, thế mà Việt Cọng buộc tội tôi đã đầu hàng Mỹ. Tất nhiên hôm đó, chúng tôi phải trương một lá cờ trắng để được an toàn đi gặp quân đội Mỹ trong lúc chiến tranh còn tiếp diễn, nhưng sử dụng cờ trắng trong trường hợp của chúng tôi không có nghĩa là đầu hàng. Việt Cọng đã gạt tôi, cho người đến mời tôi, nói là đến gặp một cán bộ cao cấp để thảo luận một vài vấn đề. Nhưng

tôi bị đưa từ nơi này đến nơi khác, và dần dần biến thành một tù nhân.

— Ông nhận định về biến chuyển vừa rồi ở Huế như thế nào?

— Việt Cọng, như ông có thể biết, không chỉ tấn công vào Huế mà thôi. Họ đã phát động một cuộc tổng tấn công trên toàn miền Nam. Mình ở đây không nhận được tin tức, nhưng tôi đoán là có sự phản công của quân đội Mỹ và quân đội quốc gia ở khắp mọi nơi.

— Ngay hôm đầu tiên đã có sự phản công, và mới đây, máy bay trực thăng Mỹ còn lên tấn công vùng này.

— Tôi tin rằng Việt Cọng không thể thắng được. Một chế độ tàn bạo, phi nhân phi nghĩa, chuyên phỉnh gạt dân chúng như chế độ Việt Cọng, thì không thể tồn tại được. Nhưng phía quốc gia chúng ta cũng có nhiều nhược điểm. Chúng ta chia rẽ nhau nhiều quá. Phải tạo ra được một tinh thần hợp tác chặt chẽ và chân thành giữa các tôn giáo, đảng phái. Và cũng cần xây dựng một nếp sống lành mạnh, có thể nói là khắc khổ nữa, một nếp sống phù hợp với hoàn cảnh chiến tranh.

Chúng tôi muốn trao đổi ý kiến với nhau nhiều nữa, nhưng cơn mưa đã chấm dứt. Người cán bộ bấm đèn pin, tiến đến gần chúng tôi, yêu cầu chuẩn bị nấu cơm. Chúng tôi dò dẫm bước ra bờ suối vo gạo và lấy lá che kín một đám đất dưới một gốc cây lớn để nhóm lửa. Mấy thanh củi nhặt được bị ướt nước mưa, không cháy được, chúng tôi loay hoay mãi mới gây nên một ngọn lửa yếu ớt chỉ muốn tắt. Mặc dù vậy, vẫn sợ máy bay phát hiện được. Người bộ đội đứng bên cạnh nói:

— Giá có cái bếp Hoàng Cầm thì tiện quá!

— Bếp Hoàng Cầm là bếp như thế nào?

— Đó là kiểu bếp do anh nuôi Hoàng Cầm sáng chế ra. Phải đào đất, làm một lối thoát cho khói, để khói tỏa ra xa, không tập trung lại, và vì vậy, máy bay địch không phát hiện ra được.

*
* *

*T*rại thứ ba này cũng không có qui mô lớn như người ta nói. Nằm trên một ngọn núi thấp, và nấp dưới bóng mấy cây cổ thụ, hai dãy nhà dài dùng làm nơi ở cho phạm nhân. Mặt đất không được san phẳng, hai dãy nhà nằm chênh lệch nhau, một ở trên cao, một ở dưới thấp. Một căn nhà bếp ở một góc, một căn nhà nhỏ cho nữ phạm nhân ở phía sau. Bệnh xá và hội trường bao quanh một mảnh sân khá rộng, dùng làm nơi tập họp phạm nhân, mỗi buổi sáng, để phân chia công tác, và cũng là nơi đan lát.

Nói chung, trại này được tổ chức quy củ hơn trại thứ hai, với số phạm nhân ước độ bốn mươi người, chia ra làm bốn tổ. Ngoài số anh em chúng tôi mới đến, trại gồm toàn những phạm nhân địa phương: ủy viên hội đồng xã, dân vệ, vài người Thượng. Đặc biệt, có một số nữ phạm nhân và hai người Mỹ. Hai người này không ở chung với nhau, mà ở chung với các phạm nhân khác, trong hai căn nhà khác nhau. Hình như họ không được liên lạc với ai cả.

Ngay ngày hôm sau, một số những người mới đến được bố trí vào các tổ. Anh Đệ đi làm rẫy, ông Minh sung vào tổ đan. Anh Tứ, anh Lộc và tôi đang phân vân, chưa biết sẽ nhận công việc gì, thì cán bộ quản giáo gọi chúng tôi "lên ban". Cùng lúc đó, tôi thoáng thấy bóng Bình ở cửa ra vào nhà cán bộ. Thì ra Bình theo chúng tôi về đến đây, và tôi chắc rằng Bình sẽ "làm việc" với chúng tôi. Anh Lộc nhăn mặt nói nhỏ:

— Lại gặp ác ôn nữa !

Được gọi lên trước, tôi thong thả bước lên mấy bậc cấp dẫn đến một cái chòi con, và dự đoán những gì có thể xảy ra trong cuộc tiếp xúc. Bình sẽ có thái độ như thế nào? Hắn theo đuổi chúng tôi đến đây với mục đích gì, và sẽ hỏi thêm những điều gì nữa ?

Cùng với một cán bộ khác- không phải người hôm trước đã tham dự cuộc hỏi cung- Bình tỏ ra lịch sự, có phần vồn vã nữa. Nhận xét cử chỉ của hai người, lối nói chuyện, hỏi thăm sức khoẻ, tôi thấy cần phải cảnh giác. Họ đang âm mưu gì đây?

Bình lật sổ tay xem qua, rồi hỏi tôi về một vài vấn đề chính trị. Như thường lệ, tôi chỉ đề cập đến một số điểm có tính cách tổng quát và đã được phổ biến qua báo chí, và tránh đi vào các chi tiết. Khi tôi nói xong, người cán bộ kia, mặt sạm nắng, tóc hoa râm cắt ngắn, mời tôi hút thuốc:

— Loại thuốc lá này do các đồng bào dân tộc ít người ở địa phương này bán ra, không được thơm ngon như thuốc lá miền Bắc. Không biết anh đã thưởng thức thuốc lá Tam Đảo do xí nghiệp thuốc lá Thăng Long ở Hà Nội sản xuất chưa? thơm và ngon lắm. Tuy nhiên, chuyên chở vào đến đây không phải đơn giản. Này, anh Bình, hôm nào được cung cấp, sẽ biếu anh bạn một gói.

Tôi hết sức ngạc nhiên. Cọng Sản phân biệt bạn và thù rất rạch ròi, sao họ có thể gọi tôi là bạn được. Có lần, một phạm nhân mới đến, chưa quen cung cách xưng hô, gọi một cán bộ là đồng chí, thì được trả lời đốp chát ngay:

— Ai mà đồng chí với anh !

Vì vậy, tôi thấy cần phải cảnh giác hơn nữa.

Người cán bộ tóc hoa râm hít một hơi thuốc lá dài, rồi ngã người ra phía sau nhả khói:

— Chắc anh cũng rõ, Cách Mạng miền Nam còn nghèo, không được như miền Bắc, nên còn thiếu thốn nhiều thứ. Ngay tại đây, nhà cửa, bàn ghế, dụng cụ đều mới tạo lập ra, bằng các vật liệu lấy tại chỗ, nên rất thô sơ. Ở miền Bắc thì không thiếu một thứ gì, dù ở trong tình trạng chiến tranh.

Bình khoanh tay trên bàn, yên lặng nghe người cán bộ kia và tôi trao đổi vài nhận xét vụn vặt về nền kinh tế thời chiến, và lúc tôi nói xong, Bình nhìn thẳng vào mắt tôi, giọng cố làm ra thân mật:

— Này anh, tôi có một ý kiến muốn đem ra thảo luận với anh.

Tiếng "anh" của Bình ngọt quá, người ngoài nghe được, chắc lầm tưởng một người em đang tỉ tê với người anh ruột. Bình nhìn người bạn đồng nghiệp, rồi nhìn tôi.

Một lát sau, như đã suy nghĩ kỹ rồi, Bình tiếp:

— Anh quen thân với Tướng Hoàng Xuân Lãm. Anh nên cố gắng lôi cuốn Tướng Lãm về với Cách Mạng.

Xử dụng ngôn ngữ của chính đối phương, tôi hỏi lại :

— Cụ thể là như thế nào ?

— Không phải Cách Mạng muốn Tướng Lãm rút quân ra vùng giải phóng, cũng không yêu cầu Tướng Lãm nổi dậy chống ngụy quyền trung ương ở Sài gòn. Cách Mạng chỉ có một đề nghị rất đơn giản: Tướng Lãm sẽ không hăng say chống Cách Mạng nữa, sẽ có một thái độ tiêu cực đối với Sài gòn, hay xa hơn nữa, sẽ giữ vị trí trung lập trong cuộc chiến.

— Là một cấp chỉ huy trong quân đội, Tướng Lãm phải thi hành các chỉ thị của bộ Tổng Tham Mưu và Chính Phủ, nên không thể đứng "trung lập" được.

— Hay là anh thuyết phục Tướng Lãm về hẳn với Cách Mạng. Được như vậy, anh sẽ lấy công chuộc tội, và sau này, Cách Mạng sẽ ghi công lớn cho Tướng Lãm.

Như vậy, Bình ngụ ý rằng rốt cuộc, Việt Cọng sẽ toàn thắng. Tôi đưa ra một lý do khác để từ chối:

— Tôi hiện ở trong tay Cách Mạng. Tôi nói ra không ai tin. Cũng không ai tin rằng một sớm một chiều, tôi có thể thay đổi chính kiến. Nếu tôi được phóng thích, mọi người sẽ thấy rõ chính sách khoan hồng của Cách Mạng, và lúc đó tôi mới lôi cuốn người khác được.

Cả hai người không trả lời ngay, và có vẻ đang cân nhắc lời phản đề nghị của tôi. Tôi cố tìm hiểu sự việc vừa xảy ra. Đề nghị của họ vừa rồi xuất phát từ hai tay cán bộ này, hay họ nhận chỉ thị từ Hà Nội? Tôi đoán rằng hai người này chỉ là cán bộ địa phương và như vậy không đủ thẩm quyền để quyết định về một công tác có tầm quan trọng lớn như việc chiêu dụ một tướng lãnh của đối phương.

Một lát sau Bình mới lên tiếng:

Được rồi, chúng tôi sẽ trao đổi với nhau, rồi sẽ cho anh biết quyết định sau.

Cán bộ thường thích dùng từ "trao đổi" thay cho từ "trao đổi ý kiến". Đó là một lối nói rút ngắn đôi khi khó hiểu và vô nghĩa như trong trường hợp họ nói "đồng bào dân tộc" thay vì nói "đồng bào dân tộc ít người".

Cuộc thẩm vấn chấm dứt. Tôi trở về phòng và suy nghĩ mãi về câu chuyện vừa rồi. Bình có thực tâm đưa ra đề nghị ấy không? Hay đó chỉ là một mánh khóe, một cái bong bóng tung ra để dò xét phản ứng của tôi. Mặt khác tôi không tin rằng họ có thể trả tự do cho tôi để thực hiện công tác "chiêu hồi" ấy. Tôi đưa ra phản đề nghị trên với mục đích đặt một điều kiện mà họ không thể thỏa mãn được. Nhưng rồi họ sẽ đưa ra "sáng kiến" nào khác nữa? Trong lúc chờ đợi, tôi chuẩn bị tinh thần để đối phó với mọi biến cố có thể xảy ra, và đồng thời muốn dò xem Bình có đưa ra đề nghị nào đối với hai anh Tứ và Lộc không. Cuộc tiếp xúc hôm nay với Bình chỉ là một buổi thẩm vấn bổ túc đối với anh Lộc. Nhưng anh Tứ kín đáo tránh né câu hỏi của tôi, hình như anh chưa tin hẳn tôi, hoặc vào lúc ấy, chưa tiện nói nhiều.

Tôi đợi đến ngày thứ ba, vẫn không thấy cán bộ gọi tôi "lên ban". Câu chuyện "chiêu hồi" đã kết thúc rồi chăng ?

VII

Cuộc sống trong một trại giam thuộc tỉnh Thừa Thiên

*T*rong số những người bị bắt tại Huế và được đưa lên vùng Trường Sơn, hầu hết các anh em Cảnh Sát và các học sinh Thượng đã được chuyển đi các trại khác từ trước. Lên đến trại thứ ba này, chỉ còn lại ông Minh, các anh Tứ, Lộc, Đệ, Hoàng và tôi. Anh Đệ tình nguyện đi lao động, tham gia làm rẫy, trồng lúa và bắp ở một khu đất ven suối, không xa trại giam. Anh muốn tỏ ra tích cực cải tạo. Vả chăng anh khai báo đã xong. Anh Hoàng, một nhân viên ban Tuyên Vận của Ty Cảnh Sát Thừa Thiên, sung vào tổ đi rừng lấy củi và kiếm thức ăn cho nhà bếp. Những người còn lại, ông Minh, các anh Tứ, Lộc và tôi thì còn tiếp tục khai báo. Chúng tôi viết lại bản khai báo theo lời yêu cầu của Bình và của một cán bộ khác đến gặp chúng tôi, sau khi Bình rời khỏi trại. Mục đích của họ chỉ là để kiểm tra xem chúng tôi khai có giống như mấy lần trước không.

Một buổi sáng, một cán bộ đến gặp tôi. Anh còn trẻ, có lẽ mới ngoài 30, dáng dấp như một thư sinh, và ăn nói khá lịch sự:

— Tôi nhờ anh dịch hộ mấy tờ này.

Lật qua mấy trang giấy với những dòng chữ xương xẩu, có phần vụng về, tôi nhận thấy rằng đây không phải là tự dạng của người Mỹ. Hơn nữa, ở một vài chỗ, có những lỗi chính tả rất sơ đẳng.

Ngồi vào bàn, khi người cán bộ đi rồi, tôi bắt đầu đọc: đây là những câu trích dẫn rút từ những bản khai báo, bị tách rời ra và chắp nối lộn xộn. Tôi chợt hiểu: người cán bộ, Thuần, sợ tôi biết được nội dung các bản khai báo của mấy phạm nhân Mỹ, nên đã xáo trộn các tờ khai, và chép lại từng đoạn rời rạc, không liên hệ gì với nhau.

Nhưng sau khi đọc kỹ và sắp xếp lại, tôi thu thập được một số chi tiết về hai người Mỹ, mà tôi đoán là hai phạm nhân tôi có thoáng thấy khi mới đến trại này. Một người là nhân viên ngoại giao, tên là Weaver, đã từng là đệ nhất tham vụ tại Tòa Đại Sứ Hoa Kỳ ở Đông Kinh, Nhật Bản, và sau đó được thuyên chuyển qua Việt Nam giữ chức Cố Vấn cho Ty Cảnh Sát Huế. Weaver bị bắt ở Huế cùng một lần với tôi, và được đưa lên vùng Trường Sơn, nhưng được đưa đến trại ba này trước. Người thứ hai là Godwin, một sĩ quan đóng tại căn cứ Mỹ ở phi trường Phú Bài. Đã hết hạn phục vụ tại Việt Nam, Godwin đang chuẩn bị hồi hương, nhưng vì chưa có người thay thế, nên còn nấn ná ở lại, rồi lên Huế ăn Tết, ở trong một khu gia cư gần Tòa Đại Biểu Chính Phủ, và bị bắt tại đó.

Tờ khai của hai người này ngắn gọn, lời lẽ rất nghiêm chỉnh, và gần như khô khan. Họ không giải thích dài dòng, cũng không tự biện hộ.

Ngày hôm sau, tôi thấy Weaver ngồi sưởi nắng ở trên thềm, trước dãy nhà ngủ. Anh cao, gầy, khỏe mạnh và rắn rỏi, trạc ngoài 40. Cách xa anh, ở góc sân bên kia, Godwin — tôi biết là chính anh, vì anh còn rất trẻ, 32 tuổi, đúng theo lời khai — mệt mỏi tựa lưng vào một gốc cây, gần mấy phạm nhân khác đang chăm chú đan lát. Gầy yếu, nước da xanh nhợt nhạt, anh có vẻ đang bị ốm.

Weaver và Godwin đều không phải lao động, và cùng chung một chế độ ăn uống như mọi người, nghĩa là ăn sắn và rau rừng, thường là rau tàu bay. Về sau, Godwin được bồi dưỡng thêm một ít thức ăn đóng hộp và sữa, khi anh đau nặng, phải vào nằm riêng trong "bệnh xá".

*
* *

Sống giữa vùng rừng núi ẩm thấp, thiếu quần áo, thiếu điều kiện vệ sinh, lao động nặng nhọc, ăn uống kham khổ – sắn không đủ cho ngày hai bữa --, nên phạm nhân bị đau ốm là điều không thể tránh được.

Tỷ lệ người bệnh khá cao. Trong tổng số 40 can nhân, thường xuyên có 7, 8 người đau nặng, phải nằm liệt giường. Họ bị lao phổi, sốt rét rừng, phù thủng, kiết lỵ... và được tập trung vào một căn phòng nhỏ gọi là bệnh xá. Những người ốm nhẹ vẫn phải đi làm. Muốn được miễn lao động trong ngày, phạm nhân phải được cán bộ y tá hay y sĩ cho phép: điều đó không phải dễ. Một hôm, tôi thấy một phạm nhân còn trẻ, khoảng ngoài 20, vác một thân cây lớn về làm củi để sấy lúa mới gặt về. (Ở đây, lúa không thể đem phơi nắng cho khô, vì sợ máy bay phát hiện, nên phải đốt lửa để sấy vào ban đêm). Vừa hạ khúc gỗ tươi xuống, anh đã loạng choạng đến tựa mình vào tấm liếp của hội trường, và thổ huyết, máu đỏ tươi phun ra trên mặt đất: anh ấy bị lao phổi từ lâu.

Để chăm sóc sức khoẻ của cán bộ, bộ đội, và phạm nhân, có một y sĩ người miền Bắc. Mỗi buổi sáng, anh đi một vòng qua hai dãy nhà ở, rồi xuống bệnh xá khám bệnh. Người y sĩ trẻ tuổi, mà khả năng chuyên môn cần phải được xét lại, luôn luôn phàn nàn về sự thiếu thốn thuốc men. Dĩ nhiên, số dược phẩm ít ỏi sản xuất một cách thô sơ ở miền Bắc, hoặc do các nước xã hội chủ nghĩa viện trợ, trước hết, phải để dành cho cán bộ, bộ đội. Người tù bị bệnh thì phải vào rừng kiếm lá, vỏ cây, rễ cây đem về sắc lên mà uống. Cũng không ai hướng dẫn cho họ một cách tường tận phương thức tìm và nhận định các loại thảo mộc, tính chất và công hiệu của những "dược liệu dân tộc" ấy. Họ truyền miệng cho nhau những kinh nghiệm hạn chế của bản thân, rồi mò mẫm tìm kiếm hầu mong cứu vãn được phần nào một tình trạng sức khoẻ đang sa sút dần, mà ngày về thì vô hạn định. Thế nhưng cán bộ luôn luôn ca tụng sự hữu hiệu của các loại dược phẩm ấy, cũng như họ đề cao mức độ dinh dưỡng của sắn và rau tàu bay, "căn cứ trên kết quả của nhiều năm nghiên cứu của các chuyên gia khoa học".

Trong những điều kiện và hoàn cảnh vật chất và tinh thần ấy, tử vong là một sự kiện thông thường, không phải là một biến cố quan trọng như ở ngoài xã hội. (Ở trong trại giam, từ ngữ "ngoài xã hội" được xử dụng để đối lập với "trong tù"). Trong tuần lễ đầu tiên của chúng tôi tại trại Ba này, đã có hai người chết, đều là những phạm nhân còn trẻ. Việc chôn cất lại quá đơn giản. Không có lấy một manh chiếu rách. Xác người bạc mệnh, trong bộ quần áo loang lổ những miếng vá, được đặt nằm trên một tấm liếp thường dùng để hốt rác, do hai người khiêng ra bìa rừng rồi vùi nông dưới một gốc cây. Không một con số, không một cái tên ghi

trên thanh nứa để đánh dấu nơi an nghỉ cuối cùng. Cây cỏ rừng già sẽ nhanh chóng xóa đi dấu vết của "ngôi mộ", để con người sớm trở về với cát bụi. Và tất nhiên, thân nhân người xấu số không bao giờ được thông báo.

Trong buổi sáng đưa người bất hạnh ra rừng ấy, không ai trao đổi cảm tưởng, hay lộ liễu bày tỏ cảm tình với người bạn cùng cảnh ngộ vừa nằm xuống. Không một giọt nước mắt, không một lời thương tiếc. Mà cũng chẳng có ai đưa tiễn: mọi người đều bận lao động. Nhưng trong thâm tâm, chắc hẳn ai cũng cảm thấy rằng một ngày gần đây, có lẽ rất gần, rồi sẽ đến lượt mình. Lúc hai người khiên thi hài đi qua chỗ tôi ngồi, tôi bỗng nhận thấy trong ánh mắt và trên nét mặt họ một nỗi xót thương và một niềm phẩn uất không che dấu. Mà không phẩn uất làm sao được, khi Việt Cọng, nấp dưới danh nghĩa "giải phóng", dùng vũ lực bắt những người dân lương thiện, đổ riệt cho họ cái tội làm tay sai cho địch, rồi buộc họ làm việc không công cho mình năm này qua năm khác, trong một chế độ lao tù khắc nghiệt chưa từng thấy, bóc lột họ cho đến hơi thở cuối cùng, coi sinh mạng người khác như cỏ rác, trong khi vẫn rêu rao bằng "con người là vốn quí"?

Tôi ngậm ngùi bước theo đám tang đang khuất dần sau những lùm cây bóng loáng mưa đêm, với những ngọn lá rưng rưng như những con mắt biếc đẫm lệ, mà chua xót nhớ đến tinh thần tôn trọng người quá cố trong những tang lễ cổ truyền, những tang lễ từng làm khởi điểm cho câu ngạn ngữ tân thời: "Ăn cơm Tàu, ở nhà Tây, lấy vợ Nhật, đưa đám Việt Nam."

*
* *

còn tiếp kỳ sau

Giới thiệu sách

Những trang văn xuôi lương thiện và giản dị về con người

Nguyễn Xuân Hoàng

Cuối tháng Giêng năm 1985, cùng với một số đồng bào may mắn muộn màng khác ở đảo Bataan, chúng tôi có tên trong danh sách rời trại tị nạn Phi luật tân, lên đường đi định cư ở một thành phố miền đông bắc Hoa kỳ, nơi tôi sẽ được gặp lại cô em út sau mười năm xa cách.

Cảnh vật mùa đông ở Springfield đẹp mà buồn. Cây cối trụi lá trơ cành khẳng khiu in mờ nhạt trên một bầu trời xám xịt. Mặt đất phủ đầy tuyết trắng lạnh giá. Tuy vậy, tôi còn nhớ rõ trong lòng tôi lúc đó tràn ngập một niềm hạnh phúc ấm áp. Giờ đây, khi bước sang mùa đông thứ hai, tôi nghiệm thêm một điều là không phải bao giờ tuyết cũng trắng sạch, cũng đẹp đẽ và cũng thú vị như cái cảm giác tôi đã có trong những ngày đầu. Dù sao, đó sẽ lại là một chuyện khác.

*
* *

Tôi muốn nói chính trong những tháng ngày thong thả tạm thời này, tôi có một niềm vui sướng là được đọc những trang viết đầu tay của một tác giả mà tôi chưa hề quen biết : *Tháng Ba Gãy Súng* của *Cao Xuân Huy*.

Tháng Ba Gãy Súng, hình như tên gọi của truyện kể là điều trước tiên lôi cuốn tôi. Tựa đề của một cuốn sách vốn đơn giản, *Tháng Ba Gãy Súng* là một sự đơn giản quyến rũ.

Tháng ba là tháng thọ nạn của Miền Trung, khi cơn lốc đỏ từ phía Bắc lao xuống miền địa đầu của chúng ta. Phải một thời gian sau nữa nó mới đổ ập tới Sài gòn yêu dấu cái Tháng Tư Đen hãi hùng và khốn khổ. Cao Xuân Huy đặt câu hỏi : Ai đã bẻ gãy súng của quân đội ta, những người lính dũng cảm có thừa mưu trí và

kinh nghiệm chiến trường ? Ai đã làm cho người lính chúng ta bó tay, khi súng còn đó nhưng đạn đã hết ở trong nòng ?

Tác giả cho thấy bên dưới những người và việc là sự mất niềm tin của người lính trận trước một số cấp chỉ huy, những đàn anh "khả kính" đã dứt bỏ hàng ngũ trong cơn quẫn bách để chạy lấy thân, còn thì sống chết mặc bay.

*

* *

Tháng Ba Gãy Súng vẽ lại cơn hồng thủy của một cuộc chiến không thương tiếc, phủ chụp và vùi dập số phận của cả một dân tộc. Trên bờ cát lạnh lẽo của biến cố, người ta nghe thấy tiếng động của những vòng xích sắt nghiến lạo xạo trên sọ người.

Đó là một cuốn sách chứa rất ít nụ cười nhưng rất nhiều máu và nước mắt; niềm vui thì khô cằn mà đau thương và bất hạnh thì mầu mỡ phì nhiêu; tàn bạo và căm phẫn thì bình thường, nhưng dịu dàng và thuần thảo là điều xa lạ.

Chữ nghĩa trong *Tháng Ba Gãy Súng* giản dị ,tự nhiên và trong sáng. Nhưng người đọc biết rõ một cách mười mươi rằng để có được những dòng chữ "tưởng chừng như dễ dàng" đó, Cao Xuân Huy đã phải trả một giá khá đắt: Sự thách đố của anh với Tử thần trong những đường tơ kẽ tóc để đổi lấy phẩm giá con người.

Có thể nói *Tháng Ba Gãy Súng* đã được viết bằng một trái tim nóng bỏng trước khi được gọt dũa và trau chuốt bằng một bút pháp nghề nghiệp. Nhưng điều này không hề làm hạn chế sức sống của tác phẩm.

Những ai ham đọc sách đều biết rằng các nhà văn lừng danh trên thế giới như Tolstoi, Dickens, Flaubert, Hemingway...đều đã viết bằng một thứ ngôn từ tự nhiên và giản dị.

*

* *

Trong một lần gặp gỡ tác giả, tôi hỏi anh tại sao lại xếp *Tháng Ba Gãy Súng* vào thể loại *hồi ký* mà không là *truyện kể* hay *truyện ký*. Cao Xuân Huy trả lời : *" Bởi vì tôi đã không lồng vào đấy bất cứ một hư cấu nhỏ nào. Tôi viết lại hoàn toàn sự thật những điều mắt thấy tai nghe. Chỉ tiếc một điều là tôi đã không đủ khả năng để viết được tất cả những gì tôi muốn viết"*

Thật vậy, văn chương vốn cần hư cấu, nhưng hiện thực tự nó cũng có thừa sự lớn lao và sâu sắc mà một trí tưởng tượng khiêm tốn đôi khi còn nghèo nàn và nông cạn hơn. Nói cách khác, hư cấu trong một tác phẩm tuy cần thiết, nhưng hiện thực bao giờ cũng vẫn là nền tảng để từ đó hư cấu có thể thành hình và đứng vững.

Chính cái hiện thực này đã khiến cho ngòi bút của Cao Xuân Huy có được cái vẻ sắc sảo đặc biệt, đồng thời cũng làm cho *Tháng*

Ba Gãy Súng giữ được cái vẻ tươi mát nóng bỏng mà mọi thứ hư cấu rắc rối không sao đạt tới được.

Và nghệ thuật của Cao Xuân Huy nằm ở chỗ làm cho tác phẩm của anh có được sức thuyết phục mạnh mẽ hơn so với cái nó vốn có trong thực tế.

*
* *

Thích nhất là những mẩu đối thoại trong *Tháng Ba Gãy Súng* . Nó nguyên chất nhưng không dư thừa và tầm thường. Nó chưa bị chảy qua cái máy lọc "văn chương triết lý" nào. Nó sống và chát. Và rất gần với chúng ta.

*
* *

Trả lời câu hỏi động cơ nào khiến anh viết *Tháng Ba Gãy Súng* ,Cao Xuân Huy nói :*"Không ai là không quay lại chỗ mình vừa ngã, và cũng không ai là không quay lại nhìn đống phân mình vừa thải. Ngã là lỗi của chính mình, và phân có thối cũng là phân của mình. Vậy mà tại sao cả chục năm nay vẫn không thấy ai dám quay nhìn lại cái lỗi đã làm cho mình ngã ngay trên đống phân của mình, ngoài những lời chửi bới và đổ lỗi cho người khác".*

Cao Xuân Huy nói thêm : *"Đất nước ta đâu phải là một bàn cờ mà hễ đánh thua ván này thì xoá đi xếp quân làm lại ván khác, mà tướng vẫn là tướng, quân vẫn là quân; đâu phải những con xe con mã con chốt đã chết đi đều có thể dựng đầu dậy để làm lại một trận đấu mới"*

Tất nhiên câu nói của anh còn có chỗ phải bàn thảo lại, suy nghĩ thêm, nhưng ở đây, trong khung cảnh đặc biệt của *Tháng Ba Gãy Súng*, câu nói ấy có cách lý giải riêng của nó.

Trước khi cầm bút viết lại những ngày tháng của lịch sử một trận chiến mà mình là một nhân chứng, Cao Xuân Huy đã là một sĩ quan chiến đấu thuộc một binh chủng cũng lừng danh chiến trường mà mọi người chúng ta đều nghe tiếng : Thủy Quân Lục Chiến.

Chiến trường, sống, và viết. Cao Xuân Huy có đủ những yếu tố đó để viết những trang văn xuôi nóng bỏng của mình.

*
* *

Khi trang cuối của *Tháng Ba Gãy Súng* được gấp lại, người đọc hình như vẫn cảm thấy còn một điều gì đó chưa xong, chưa hết. Cái dấu chấm của mệnh đề sau cùng vẫn còn là một lời hứa hẹn sẽ mở ra một trang sách khác.

Dù sao những hình ảnh tàn nhẫn và khủng khiếp, những nỗi lo âu và hãi hùng vẫn còn đọng lại trong ta.

Vẫn còn đọng lại trong ta những địa danh, địa hình, địa điểm quen thuộc của một vùng đất quê hương khô cằn ; cả những thời tiết của đất trời mà da thịt ta đã từng quen chịu đựng; và nhất là vẫn còn đọng lại trong ta cả những con người- trong đó có chúng ta- với số phận hẩm hiu cô quạnh bị bủa vây trong cơn cuồng nộ của những biến cố bạo tàn...

Tất cả những người và việc ấy chừng như mới xảy ra ngày hôm qua, vẫn còn lẩn quẩn đâu đây...

*
* *

Với *Tháng Ba Gãy Súng* , Cao Xuân Huy đã viết được *"những trang văn xuôi lương thiện và giản dị về con người"*, điều mà Ernest Hemingway gọi là *"trên đời này thật không có gì khó khăn hơn"*.

Nguyễn Xuân Hoàng
Santa Ana, tháng 4.1986

Tháng Ba Gãy Súng, hồi ký của Cao Xuân Huy, Văn Khoa xuất bản, tháng 5.1986 tại Orange County, Cali, USA.

Đã phát hành

ĐÁY ĐỊA NGỤC

của Tạ Ty

Một tác phẩm lớn, viết trung thực nhất về chế độ Tập Trung Cải Tạo dưới ách thống trị của cộng sản, từ Miền Nam tới Miền Bắc. Cuốn sách không những có giá trị chính xác về phương diện tài liệu, mà còn là một tác phẩm văn học. Tác giả đã trải qua nhiều trại cải tạo sau nhiều năm bị giam cầm và gánh chịu nhiều nhục nhằn dưới vùng trời Việt Nam ngất ngất oán thù, kể từ sau ngày 30.4.1975.

Tác phẩm mà mọi người mong đợi từ lâu, nay đã xuất hiện trên thị trường chữ nghĩa. Mỗi tủ sách gia đình tị nạn phải có một cuốn ĐÁY ĐỊA NGỤC do cơ sở THẮNG MÕ ấn hành.

Giá 15 Mỹ kim trng nước Mỹ
Giá 17 Mỹ kim ngoài nước Mỹ
Xin liên lạc với nhà văn Tạ Ty theo địa chỉ :
9152 Danby Ct, San Diego, CA 92 129

Nguyễn Văn phụ trách

Thời sự văn học nghệ thuật.

SINH HOẠT VĂN NGHỆ ĐÓ ĐÂY

Bắt đầu từ Văn Học số này, trong mục Thời Sự Văn Học Nghệ thuật, Ban Chủ Biên mở thêm phần SINH HOẠT VĂN NGHỆ ĐÓ ĐÂY để các nhà văn ở từng địa phương tường thuật lại không khí sinh hoạt văn nghệ nơi mình ở cho bạn đọc bốn phương biết. Lối tường thuật phải không khô khan như một bản tin, không dao to búa lớn, không nâng bi vứt bùn, không thù tạc ca cẩm lẫn nhau. Người viết tin sinh hoạt này lấy tất cả tâm hồn văn nghệ để nói về nơi mình sống, không khí mình thở, kể lể những vui buồn trong sinh hoạt văn nghệ của cộng đồng Việt tị nạn. Và vì bài viết có tính sáng tạo hơn là thông tin, có tính chủ quan hơn là khách quan, nên Văn Học tin rằng mục mới này sẽ trình bày được cái thần của những mảng đời lưu vong khắp mọi nơi trên thế giới.

Để mở đầu, kỳ này Văn Học giới thiệu bài viết của nhà thơ Nguyễn Bá Trạc hiện định cư tại thành phố San Jose, Bắc California, Hoa Kỳ. Số sau sẽ có bài viết về không khí sinh hoạt văn nghệ tại Orange County, Nam California, nơi vẫn được xem là Little Saigon, thủ đô tị nạn Việt tại hải ngoại.

THƯ GỬI BẠN TỪ SAN JOSE

San Jose ngày 29 tháng 3 năm 86

Văn sĩ Q thân mến,

Xin loan báo cho văn sĩ được biết : bằng một thời gian, trên này mùa văn chương lưu vong tưởng chừng tàn tạ, rút cục trở lại mạnh mẽ như mùa xuân.

Năm nay nó đến muộn. Ấy chỉ vì vùng Bắc Cali liên tiếp bị bão lụt. Hết bão lại mưa. Mưa lại bão. Bão rớt. Cam nho lê táo còn thối cả chứ nói gì đến văn chương.Nhưng may thay, cái gì vơi lại đầy. Hôm nay trời nắng to. Đêm qua trăng khuyết nhưng trăng đã

sáng. Sao hôm sao mai đã chiếu tỏ ngời. Cứ cái điềm này văn chương đang đơm hoa kết trái.

Miền Bắc Cali chuẩn bị kỹ. Mới tuần rồi người ta ra mắt đến ba cuốn sách Việt ngữ một lúc. Các văn, thi, hoạ sĩ, triết gia, biên khảo kiêm võ sĩ thay phiên đăng đàn nói chuyện trước máy phóng thanh. Họ đều chụp ảnh đăng báo Việt ngữ y hệt Miền Nam Cali hay là miền Texas, miền Washington D.C, Seattle, những miền có cộng đồng Việt Nam lớn mạnh, có tiệm ăn tiệm phở. Các nhạc sĩ đang lau chùi dây đàn. Các ca sĩ ậm ừ thử tiếng. Nhạc sĩ Phạm Duy vừa lên đây dắt theo cả ca sĩ Mỹ hát tiếng Việt. Ai nấy xếp hàng chuẩn bị xuất hiện trước công chúng biểu diễn tài khéo về mọi ngành thi ca vũ nhạc kịch Việt Nam. Kịch bản có người in rồi. Kịch sĩ tuyển lựa đủ rồi. Triển lãm hội hoạ Việt Nam khởi sắc lắm. Tất nhiên có cả tranh lụa. Xin nói rõ cho văn sĩ và thế giới được biết : San José đây mới đích thực là thủ đô văn hoá của người Việt lưu vong. Gia Nã Đại là đồ bỏ. Ba lê là đồ bỏ. Santa Ana, Orange County tục gọi là quận Cam dưới miền Nam Cali mặc dầu xuất bản nhiều báo Việt, xét cho kỹ chỉ là thủ đô thương mại. Thương mại là thế nào ? Nó là cái cân có đổ thủy ngân. Nó muốn lệch về bên nào cũng được.

Quận Cam ơi hỡi quận Cam
Buôn đi bán lại làng nhàng thế thôi

Buôn với bán ! Buôn gì ? Bán gì ? Quanh quẩn đua nhau mở tiệm cà phê hủ tiếu, phở bò phở gà, có lúc lời có lúc lỗ. Than ôi ! Quân tử thực vô cầu bão. San José đây không cần ăn uống bao nhiêu ! Dẫu vậy cũng đủ dăm tiệm cà phê hủ tiếu cho các văn nghệ sĩ Việt Nam lui tới đàm đạo với nhau về tất cả mọi vấn đề to nhỏ. Vấn đề gì ? Nói cho ngay có khi bí. Có khi chỉ ngồi đực mặt nhìn nhau rung đùi là la lá. Ấy chính là :

Một lũ văn veo túm tụm nhau
Đứa thì than khổ đứa than đau
Đứa ngồi đực mặt là la lá
Đứa ngẩn tò te đứa lắc đầu

Lắc chán tất phải gật. Chẳng biết gây sự với ai thì gây sự với nhau. Nhưng đó là dĩ vãng : Chửi rồi lại đồng ý. Không đồng ý biết giao du với ai ? Quan điểm chính trị ? Tương lai nước nhà ? Văn chương hải ngoại ? Sinh hoạt cộng đồng ? Bảo tồn văn hoá ? Bây giờ chúng tôi đồng ý : Chúng tôi chán cả cộng sản lẫn tư bản. Chúng tôi yêu nhau. Chúng tôi yêu mình lẫn người. Chúng tôi đi vào giai đoạn thảo luận cởi mở , yêu thương hết lòng, chắc sẽ có ngày đồng ý hết lòng .Thưa văn sĩ : Đồng ý chính là một cái tát vào mặt bọn xuyên tạc, hay nói xấu người Việt Nam là chia rẽ, là không biết gật gù với nhau.

Văn học nghệ thuật như thế mà mặt lễ lạc cổ truyền tỉnh San José cũng dẫn đạo. Giỗ tổ Hùng vương ? Hội Tết Nguyên đán ? Lễ nào cũng đủ, Tết nào cũng có. Gần đây lễ Hai Bà Trưng to đáo để. Chị em cầm kiếm cầm cờ, áo vàng áo đỏ ,chỉ thiếu hai con voi đi song đôi. Được cái chị em xếp hàng hát rất to. Họ hát gì ? Hát y như các nữ sinh Trưng vương ngày xửa ngày xưa. Mất phượng mày ngài quắc lên. Chị em hùng tráng quá làm cho các bà già xưa là nữ sinh Trưng vương thích chí nhịp chân đồm độp, các ông già nam sinh Chu văn An phải kín đáo kéo lưng: Xin làm ơn giữ trật tự. Có kỷ luật mới có sức mạnh.

Mục này tất nhiên phe tiêu cực có kẻ bàn ra tán vào. Có kẻ nại đến cả Đức thánh Khổng bên Tàu. Đức thánh Khổng nói cái gì ? Ngài nói :*Nhân nhi bất nhân, như lễ hà ? Nhân nhi bất nhân, như nhạc hà ?* Người đã bất nhân thì có lễ mà làm sao nên lễ ? Người đã bất nhân dẫu có nhạc mà làm sao nên nhạc ? Theo như lẽ trời mà bổ thêm vào tiết văn trật tự gọi là lễ. Gốc ở đạo người biểu hiện nơi tiết tấu thanh âm thời gọi bằng nhạc. Vậy nên làm lễ làm nhạc tất phải lấy gốc ở lòng Nhân mà tỏ rõ ra, vậy lễ mới nên lễ, nhạc mới nên nhạc. Đại khái như thế...như thế...Cho nên Đức thánh Khổng ngài còn nói ví dầu người ta đã bất nhân thì lẽ trời mất hẳn mà đạo người chẳng ra gì, lễ nhạc làm ra đó chỉ thấy ngọc lụa chuông trống mà thôi, có gì là lễ nhạc thiệt đâu ! Tức là : *Lễ vân, lễ vân, ngọc bạch vân hồ tai. Nhạc vân, nhạc vân, chung cổ vân hồ tai.*

Điểm này thiết tưởng San José ít phải e dè. Tỉnh chúng tôi là tỉnh chuyên sống nghề điện tử. Chúng tôi có thán phục tiến bộ kỹ thuật của người nhưng vẫn duy trì cái gốc Nhân của mình. Cộng đồng chúng tôi toàn chuyện tử tế : Không cãi cọ, không chửi bới, không cướp bóc bắn giết. Nói cho đúng lâu lâu cũng có nhưng chuyện ấy xẩy ra đã mấy tuần rồi. Ở đây đạo Nhân (có người dịch sang tiếng Mỹ là *đạo Man*) bao trùm khắp cả. Tại sao giỏi thế ? Ấy cũng một phần nhờ phim video Tầu phổ biến rộng rãi. Trẻ con có quên tiếng Việt chữ Việt ít nhiều nhưng vẫn đều đặn xem phim Tầu. Video tape mỗi bộ 15, 20 cuốn ,đầy đủ trung, hiếu, nhân, nghĩa, lễ, trí, tín. Nhờ mấy bộ phim này trẻ con Việt Nam vẫn đàng hoàng. Nhiều đứa bỏ quần jean mặc quần Tầu có dải rút. Nhiều đứa đi giày Tầu 2 đồng 99 xu một đôi. Như vậy kể cũng hơi quá, nhưng ta đâu cần ba cái chi tiết lẻ tẻ.

Ngoài ra, bọn hủ nho hay chấp nhất, kể làm gì. Lúc sinh thời, ngài Lý Bạch có bài thơ nhạo bọn họ như vầy :

Lỗ tẩu đàm ngũ kinh
Bạch phát tử chương cú
Vấn dĩ kinh tế sách
Mang như trụy yên vụ

Dịch nghĩa : Mấy ông đồ Lỗ nho đàm đạo năm kinh. Tóc bạc trắng với mấy đoạn sách chết. Hỏi đến mưu lược kinh tế thì hoang mang như lạc vào khói mù.

Tạm dịch nôm là :

Bạc đầu mấy bác hủ nho
Nhai đi gậm lại năm pho sách Tầu
Chợt nghe người hỏi đến câu
Kinh bang tế thế lắc đầu chịu thua

Tỉnh chúng tôi đây sáng suốt quyết định chỉ theo đường lối chính nho chứ tuyệt nhiên bỏ hẳn cung cách Tống nho, hủ nho. Chúng tôi lại còn biết rút tỉa cái tinh túy của Đông với Tây mà phối hợp với nhau như Âm với Dương. "Trước phải hiểu lịch sử nước nhà, sau phải coi phong trào thế giới. Đâu là dại ? Đâu là khôn ? Đâu là quốc túy phải giữ gìn ? đâu là cái hại phải cắt đứt ?"

Câu này có kẻ bảo là của cụ Phan chu Trinh, có người quyết là của cụ Nguyễn bá Học. Của ai cũng được miễn nội dung nó trúng thì thôi. Ấy thế bây giờ gặp nhau ở quán phở sau khi long trọng bắt tay theo kiểu Âu Mỹ nhiều kẻ còn kỹ càng chắp lại theo thế hoa sen hoặc thế quả đấm xá nhau cho đủ lễ. Dẫu sao những chuyện hiểu lầm, những hiềm khích lặt vặt từ 11 năm qua sáng tỏ rồi. Mùa này chúng tôi thiên về việc nói tốt. Có khi càng tốt càng hay. Tỉ như ai làm được một bài thơ thì được gọi là *thi sĩ*. Hai bài gọi là *thi hào*. Ba bài là *thi bá*. Từ bốn bài trở lên là *thi vương*. Trên trăm bài kể là *thi đế*. Thi đế có quyền gì ? Thi đế là những bậc có quyền ăn chịu ở các quán phở, được đi giày chân trái sang chân phải. Ngoài ra còn được mặc quần ngủ, tức là quần pyjamas dạo phố mà khỏi sợ ai nói gì.

Ngồi xuống với nhau là chúng tôi hiểu lập tức ta sai chỗ nào đúng chỗ nào? Người sai chỗ nào đúng chỗ nào ? Không phải cái gì của ta cũng đúng. Không phải cái gì của người cũng bảnh. Chúng tôi nghiêm chỉnh nghiên cứu thảo luận để đón chờ những ngày nắng ráo như ngày hôm nay mà xây đắp một tương lai tươi sáng. Càng ngày càng sáng.

Chúng tôi hiện rất bằng lòng với cộng đồng Việt Nam địa phương mình. Chúng tôi sẵn sàng tiếp tục các công cuộc sáng tác mới thuộc về mùa hạ mùa xuân. Lại nữa, thưa văn sĩ, Văn chương là cái gì ? Văn là vẻ đẹp, chương là vẻ sáng. Mùa hạ mùa xuân vừa đẹp vừa sáng. Tự nó đã là văn chương. Tự nó có nắng ấm. Tự nó có hoa nở. Nó có gửi thông điệp gì không ? Có thể có. Có thể không. Có có không không.

Ấy là chuyện chung ! Còn về phần mình, tiện đây xin tin văn sĩ biết : Hôm qua tôi đã cả gan nhận lời mời đi cưỡi ngựa với bạn của chúng ta , bà Cookie, mặc dầu cái chân còn hơi đau. Chân đau thì mặc chân đau, tôi cũng yêu thiên nhiên có kém gì ! Cho nên chúng

tôi đã dong ngựa lên những ngọn đồi xanh xem hoa mơ hoa mận.Nếu anh hỏi cưỡi ngựa có khó lắm chăng ? Không, cưỡi ngựa dễ lắm chứ ! Chỉ cần nhớ rằng lúc cưỡi ngựa phải hoà hợp với con ngựa. Đừng cứng ngắc trên lưng ngựa. Phải giữ lấy cái tâm điểm của sức mạnh và quyền lực lúc ngồi trên yên ngựa. Cái điểm ấy ở đâu ? Nó nằm ngay ở bụng, ở lỗ rốn của người cưỡi ngựa. Chẳng qua cái việc học cưỡi ngựa như việc học triết Đông. Học bằng trí lẫn tâm. Hãy nói với con ngựa. Hãy nói bằng lời. Hãy nói bằng cả tinh thần và tâm linh. Hãy giữ cái trung điểm. Khi ngồi trên lưng ngựa phải xem như để một cục cà rem trên đỉnh đầu, lúc cà rem chảy nó phải chảy dọc đều xuống tận gót giày. Cái đầu lắc theo nhịp ngựa để cục cà rem chảy xuống. Khi ngựa nhịp qua phải, ép qua phải. Nó qua trái, ép qua trái. Đi với nhịp ngựa như đi với nhịp đời. Muốn kiềm chế ngựa trước hết phải đi với nhịp ngựa trước đã.

Hãy ngồi sâu trên yên, nhưng hãy ngồi thoải mái.

Hãy thấy thế giới như thấy một toàn thể chứ không phải là một bộ phận cứng ngắc nhỏ bé vụn vặt.

Hãy giữ cho mắt mềm.

Đừng cau mắt như người hằn học. Đừng thâu nhãn quan vào một điểm như nhìn qua đường hầm.

Khi mắt mềm, thân mình người cưỡi ngựa cũng mềm mại thoải mái, con ngựa sẽ cảm được, biết được, sẽ đi theo hiệu lệnh như theo một bạn đồng hành thân ái.

Thưa văn sĩ Q ! Tôi có bị bong da nhưng hôm nay lại khoẻ khoắn thoải mái hơn mấy tháng thiếu vận động. Thiếu khí trời. Thiếu sinh lực. Ngoài ra tôi rất vui khi được biết rằng ở trại nuôi ngựa có nhiều người còn yêu cả mùi phân ngựa như ta yêu mùi phân bò . Họ bảo đó là mùi của thiên nhiên , mùi của đất, của cỏ, của rơm rạ, của đồi núi rừng cây chứ không phải như mùi xăng nhớt, mùi dầu máy ngột ngạt trên xa lộ và trong xưởng thợ.

Thư ngắn tình dài, đến đây tạm dứt. Gửi lời chào đoàn kết. Đoàn kết là sống, chia rẽ là chết.

Nguyễn Bá Trạc
San José, Bắc Cali

THỜI SỰ VĂN HỌC QUỐC TẾ

SIMONE DE BEAUVOIR ĐÃ MẤT

Hôm 14.4.86 vừa qua, văn học Pháp chịu một cái tang lớn : nhà văn Simone de Beauvoir, người bạn văn cũng là người bạn đời của Jean Paul Sartre, đã qua đời, hưởng thọ 78 tuổi.

Simone de Beauvoir và Jean Paul Sartre là hai cây bút hiện sinh ảnh hưởng lớn lao tới tư tưởng và nếp sống của thanh niên Pháp sau thế chiến thứ hai. Sartre mất năm 1980, và Simone de Beauvoir viết về cái chết của Sartre như sau : " Cái chết của Sartre đã làm hai chúng tôi phải xa nhau". Nhưng lần này sau khi lìa cõi đời Simone de Beauvoir có gặp được Sartre ở bên kia thế giới hay không ?

Bà chủ trương vô thần, không tin ở một thế giới nào khác ngoài cuộc đời này, nên bà đã viết trong cuốn hồi ký : " Nhưng dù tôi có chết đi, tôi cũng không thể gặp lại anh ấy. Sự thực là như vậy".

Theo bà, chết là hết. Là vĩnh cửu mất hút !

Nhưng tác phẩm của bà còn lại đó, như dấu vết của một thân phận phù du. Bà viết đủ mọi thể tài : tiểu thuyết, khảo luận, hồi ký, triết học...Cuốn tiểu thuyết Les Mandarins của bà từng được giải Goncourt năm 1954, giải thưởng văn chương có giá trị nhất của Pháp. Nhưng thế giới biết đến Simone de Beauvoir nhiều hơn nhờ cuốn sách khảo cứu về thân phận đàn bà nhan đề Le Deuxième Sexe. Nhờ cuốn này, bà được xem là người cổ động tiền phong cho phong trào đòi giải phóng phụ nữ trên thế giới.

Simone de Beauvoir không chịu nhận vai trò đó. Bà viết : " Trước đây, tôi từng nói rằng tôi không phải là người hô hào giải phóng phụ nữ, bởi vì giải pháp giải phóng phụ nữ theo tôi tùy thuộc vào tiến trình cách mạng xã hội chủ nghĩa".

Bà tự xem mình là người mác-xít, và chờ đón chủ nghĩa cộng sản giải phóng phụ nữ khỏi thân phận hẩm-hiu . Bà chờ 10 năm, 20 năm...cho đến lúc nhận ra rằng trên đất nước thực hiện chủ nghĩa cộng sản sớm sủa lâu dài hơn hết, trên đất nước Liên Xô, người phụ nữ chẳng những không được giải phóng mà còn chịu nhiều bi đát hơn. Bà "sáng mắt sáng lòng", thành thực thú nhận : " Tôi đã nhận ra rằng trong 20 năm qua, vai trò người phụ nữ tại Pháp đã không thay đổi chút nào, và chủ nghĩa xã hội ngay tại Liên Xô cũng không làm thay đổi chút nào địa vị người phụ nữ"

Sự "giác ngộ" đến có hơi muộn, so với André Gide, nhưng muộn còn hơn không. Có lẽ những lời thú nhận chân thành này là di chúc Simone de Beauvoir để lại cho đời , như một kinh nghiệm

đắng cay !

LẠI THÊM MỘT NGÔI SAO TẮT

Simone de Beauvoir mất hôm trước, thì hôm sau, Jean Genet một nhà văn lớn khác của Pháp qua đời.

Ông là một trường hợp đặc biệt trong lịch sử văn học Pháp. Vì xuất thân từ thành phần lưu manh trộm cắp của xã hội, đã từng vào tù ra khám nhiều lần, Jean Genet lấy ngay cuộc đời mình làm chất liệu sáng tạo ra một thế giới văn chương quái đản đầy dẫy kẻ cướp, kẻ sát nhân, ma cô đĩ điếm...Đây là thế giới hoả ngục trong đó tội ác trở thành chân lý. Những tiểu thuyết và kịch bản của ông dĩ nhiên bị công kích, cấm đoán ở khắp nơi, ngay tại Pháp cũng vậy.

Nhưng giới văn học Pháp xem Jean Genet như một thiên tài. Jean Cocteau, Jean Paul Sartre, André Gide và nhiều trí thức tiếng tăm khác ca tụng ông, vận động can thiệp cho ông mỗi khi ông bị tù vì tội lừa đảo, trộm cắp...

Trong một cuốn tự truyện, nhan đề *Nhật ký của kẻ cắp*, Jean Genet kể rằng lúc bé ông bị đổ vấy cho tội ăn cắp một cách oan uổng, và bị gửi đi trại cải huấn. Từ đó, ông thề chối bỏ cái xã hội đã kết tội oan cho ông, và quyết trở thành những gì xấu xa mà người ta gán cho mình.

Vì vậy, ông viết sách ca tụng những kẻ sát nhân, kẻ dối trá, những kẻ đồng tính luyến ái. Ông cho họ là những bậc thánh!

Ở Mỹ, nhà văn Susan Sontag cũng ca tụng Jean Genet, đặt ông ngang hàng với những văn hào cỡ như Frank Kafka, Marcel Proust.Thêm một chi tiết lẻ lẻ : Susan Sontag cũng đã từng lên tiếng ca ngợi cộng sản Hà Nội hết mình ! Sartre cũng vậy. Những người cầm bút cấp tiến ở Mỹ và Pháp thường giống nhau ở điểm : Họ thích chiêm ngưỡng thế giới hoả ngục, *từ xa*...

TIẾNG NÓI TỪ HOẢ NGỤC

Còn kẻ ở trong hoả ngục thì không chiêm ngưỡng nổi cảnh đàn áp, đoạ đày. Cho nên lời viết của những người như Alexander Solzhenitsyn khác hẳn !

Không được may mắn nhởn nhơ cắp sách đi học triết rồi viết sách ca tụng chủ nghĩa xã hội, không được cặp kè với bồ đi biểu tình chống chính phủ rồi thơ thới hân hoan ra về như Simone de Beauvoir, Solzhenitsyn gặp toàn rủi ro trên đời.

Xuất thân là một sĩ quan pháo binh, ông bị đày vào trại tập trung khổ sai chỉ vì trong lá thư gửi cho bạn, ông có viết vài câu động chạm đến lãnh tụ Stalin. Bị lưu đày mất tự do, ông tìm cách tồn tại bằng tự do nội tâm. Trong tù, ông lẩm nhẩm làm thơ, và cố

ghi vào óc. Dần dà ông lẩm nhẩm làm cả văn xuôi, và trí nhớ ông còn đủ rộng để ghi cả những đoạn truyện khá dài.

Thử thách của đời dành cho ông không dừng lại đó. Sau khi được chuyển từ trại khổ sai sang trại quản chế, người ta khám phá ra rằng ông bị ung thư. Cái chết sắp cướp đi kho văn chương phản kháng ông giấu trong óc. Làm sao đây ? Lợi dụng ba tuần ngắn ngủi ở bệnh viện ung thư,ông lén ghi hết những điều còn nhớ lên giấy, cuộn lại đút vào chai, đem chôn. Ông hy vọng dù có chết vì ung thư, lời chứng của ông vẫn còn đó. Nhưng may mắn là ông không chết vì ung thư, như nhờ một phép lạ ! Ông sống sót, được trả tự do . Bấy giờ ông lại phải cố gắng đối phó vớihai áp lực ghê gớm để giữ cho lời chứng trung thực và phổ biến cho đời. Với guồng máy công an sô viết lúc nào cũng theo dõi rình rập, ông giả vờ như một kẻ không còn thiết tha gì nữa, một kẻ nhút nhát biết sợ và sống ngoan ngoãn. Với mình, ông phải đấu tranh gay go hơn. Mặc dù ông biết mình tự do viết những điều đáng phẫn nộ, nhưng như ông nói :"Qui luật của thi ca đòi hỏi chúng ta phải vượt lên trên lòng phẫn nộ ,và gắng nhìn hiện tại dưới ánh sáng của vĩnh cữu".

Nhờ thế mà lần lượt những lời chứng giá trị của Solzhenitsyn thành hình, trở thành những danh phẩm tố cáo chế độ cộng sản sô viết như *Một ngày trong đời Ivan Denisovich, Khu ung thư, Tầng đầu địa ngục, Quần đảo ngục tù*...

Vì những tác phẩm đó mà ông bị đàn áp, bị lưu đày, hiện phải sống lưu vong tại Vernont, Hoa kỳ.

Đến đây chấm dứt màn một của tấn kịch đời ! Bây giờ sang màn hai :

Mới đây, tạp chí phụ trương Los Angeles Times có đăng lại một bài đã đăng trên New Yorker Magazine viết về thái độ của độc giả Mỹ đối với những sách của Solzhenitsyn.

Tác giả bài báo thuật rằng một hôm ông đến một hiệu sách lớn ở New York để tìm mua cuốn *Quần đảo ngục tù* (Gulag Archipelago) của Solzhenitsyn. Ông tìm không ra ở quầy sách bìa cứng thuộc loại Lịch sử thế giới, hoặc loại Các vấn đề thời sự. Bèn lần qua các kệ như Khoa học huyền bí, Tự học thực dụng, Máy điện toán, kệ nào cũng đầy những sách, nhưng không tìm đâu ra bóng dáng cuốn sách của Solzhenitsyn. Tìm qua kệ bày sách bìa mỏng phổ thông, cũng không thấy . Hỏi một người bán sách, anh này ngơ ngác hỏi :

— Cuốn đó nói thứ gì trong đó dzậy ?

Ký giả bảo nói về chuyện trại tập trung khổ sai tại Liên Xô. Anh bán sách do dự một chặp, rồi nói :

— Ông thử tìm ở kệ tiểu thuyết xem sao.

Ở kệ tiểu thuyết một hiệu sách lớn bậc nhất New York, không thể tìm ra *Gulag Archipelago*. Hỏi thêm ba người bán sách khác, không ai biết đến cuốn này. Cả đám túa nhau đi tìm, tìm không ra ! Di chúc viết sớm của Solzhenitsyn, máu và nước mắt của ông, lời cảnh giác của ông...dường như không được ai quan tâm.

Solzhenitsyn đã vượt qua được trại tập trung, sự khổ sai, cái chết, chế độ kiểm soát gắt gao, sự thoả hiệp yếu đuối...đến được bờ tự do, để rồi lại gặp một kinh nghiệm khá xót xa : ông đã gặp sự thờ ơ của những kẻ quen hưởng tự do nên không còn thấy tự do là quí nữa !

TIN TRONG LÀNG

* Mấy năm gần đây, trên tạp chí Nhân Văn và Hoa thịnh đốn Việt báo bạn đọc thấy xuất hiện nhiều truyện ngắn và nhiều bài thơ rất độc đáo của một cây bút trẻ: anh Phan Tấn Hải. Gần như Phan Tấn Hải đã thay Võ Hoàng để trở thành một trong những cây bút trụ cột của Nhân Văn. Đến nay, Phan Tấn Hải cho ra mắt tác phẩm đầu tiên : tập thơ *Ở một nơi gọi là Việt Nam*, gồm thơ của anh và thơ của một người bạn tù anh chưa tiện tiết lộ danh tánh. Trong *Lời thưa* ở đầu tập thơ, Phan Tấn Hải viết :

Bạn sẽ không gặp trong này những bài thơ tình say đắm của tuổi học trò. Tù Nhân và tôi đã xé tất cả những bài đó từ 75. Những truyện tình trong này đều rất đau khổ và ngang trái theo vận nước. Bạn sẽ không gặp những bài thơ thiền trong này, tôi đã có trí nhớ đủ tốt để quên tất cả từ khi Thầy tôi nổi giận vì hai câu :"Nhược đắc vạn niên an nhất niệm, Nhi thành diệu sắc tại bào thân", mà tôi đã khoái trá làm trong một bài bát cú tặng Thầy. Bạn cũng sẽ không gặp những bài khó hiểu trong này, vì mục đích chúng tôi là làm để đồng bào chúng tôi hiểu. Và có lẽ cũng không có một cố gắng kỹ thuật nào, chỉ trừ một cố gắng truyền đạt cảm xúc đến những người bạn đang làm việc và đồng bào đang hy vọng. Tất cả những bài thơ này đều được làm trong hoàn cảnh không mong đợi sẽ trở thành một nhà thơ.

Chủ trương sáng tác ấy ảnh hưởng lên nội dung và hình thức của toàn tác phẩm , tạo được một nét rắn rỏi ít thấy trong các thi phẩm xuất hiện lâu nay .

Tập thơ in đẹp, bìa đơn giản trang nhã. Giá bán mỗi tập : 4 MK. Thư từ chi phiếu xin gửi về :

Phan Tấn Hải
PO Box 215 Manassas, VA 22110

* Trên Văn Học số 3, Nguyễn Văn có loan tin nhà xuất bản Ức Trai ở San Jose cho tái bản tập kịch *Người giết Tần Cối* của Phan

Tùng Mai. Nay nhận được tác phẩm do nhà Ưc Trai gửi tặng, chúng tôi mới biết vở kịch này được viết lần đầu năm 1966 tại Sài gòn, từng được diễn đọc trên Đài Tiếng Nói Tự Do năm 1966 và trình diễn trên sân khấu rạp Thống Nhất năm 1967, Đài Sài gòn năm 1968 và Đài truyền hình Việt Nam năm 1970, chưa kể trên một số sân khấu đại học; nhưng ấn bản lần này là bản đã được Phan Tùng Mai viết lại năm 1986 tại San Jose.

Nhà xuất bản Ưc Trai in được ba tác phẩm ,và tác phẩm nào cũng được chăm sóc hết sức mỹ thuật, công phu.

Địa chỉ nhà xuất bản Ưc Trai :
3542 Pine Creek Dr, San Jose, CA, 95 132. ĐT: 408/ 272 8533

* Nhà xuất bản Văn Nghệ ở Orange County Nam Cali đã ấn hành xong tập *Tùy Bút I*, tập đầu trong toàn bộ 18 tập của văn nghiệp Võ Phiến. Sách sẽ được phát hành khắp nơi vào thượng tuần tháng 5.1986. Sau khi phát hành thành công cuốn *Đời viết văn của tôi* của *Nguyễn Hiến Lê*, nhà xuất bản Văn Nghệ được nhiều khích lệ của bạn đọc bốn phương nên sẽ lần lượt cho in nhiều tác phẩm giá trị khác của Võ Phiến, Bình Nguyên Lộc, Giản Chi, Nguyễn Mộng Giác, Hồ Trường An, Phan thị Trọng Tuyến...

* Nhà xuất bản Viet Publications ở Canada vừa cho tái bản cuốn *Truyện ngắn Nguyễn Ngọc Ngạn* trước đây do Nhân Chứng xuất bản lần đầu. Sau khi cho phát hành tập thơ *Hồng Trần* của *Cung Vũ*, nhà xuất bản này lại cho phát hành tập truyện ngắn *Kẻ đưa đường* của *Võ Kỳ Điền*. Trong các nhà xuất bản hoàn toàn "văn nghệ" ở hải ngoại, có lẽ nhà Viet Publications của Làng Văn là hoạt động qui mô và đều đặn nhất.

* Trong các tạp chí văn nghệ giáo dục sắp ra, có hai tờ hứa hẹn nhiều đóng góp cho sinh hoạt văn nghệ hải ngoại. Đó là tờ báo thiếu nhi *Cờ Lau* do Việt Dzũng sáng lập ở Houston, nay chuyển cho hoạ sĩ Mỗ ở Campell Bắc Cali tái ấn hành. Kính chúc *Cờ Lau thành công trong sứ mệnh giáo dục thiếu nhi tại đất người.*

Tờ thứ hai là Ý thức mới, một nguyệt san văn học do một nhóm anh em cầm bút trẻ chủ trương, đứng đầu là anh Trần Trúc Giang. Hy vọng *Ý thức mới* đem được một luồng khí mới cho sinh hoạt văn nghệ vốn hơi trì trệ hiện nay.

* Tin từ Miền Đông Hoa kỳ cho hay hôm 12.4.86 vừa qua, Đại hội thành lập Trung tâm Văn bút Việt Nam hải ngoại Miền Đông Hoa kỳ đã được tổ chức tại trường Kenmore thuộc quận Arlington, Virginia. Sau hơn hai tiếng đồng hồ bàn thảo, đại hội đã đồng ý với nhau về danh xưng, nội qui của tổ chức văn bút này, cùng bầu một ban phối hợp liên lạc trong giai đoạn chuyển tiếp, gồm nhà thơ Vi Khuê, nhà thơ Trương Anh Thụy và giáo sư Nguyễn Ngọc Bích. Được biết tổ chức văn bút này là tổ chức địa

phương sinh hoạt độc lập với tổ chức văn bút đã có tại Pháp và tại quận Cam.

CÁO LỖI

Do sơ sót của Ban biên tập, trên Văn Học số 3 vừa qua, bài *Tiểu thuyết gia Hoa kỳ hiện đại* đã không được Toà soạn khảo chứng lại kỹ lưỡng, đến nỗi lỡ để sót một số điểm sai trầm trọng. Chẳng hạn :

— Trang 39:* T.S Eliot, Ezra Pound, Robert Frost, William Carlos Williams , Wallace Stevens là các thi sĩ nổi danh của Hoa kỳ, không phải là tiểu thuyết gia.

* Sherwood Anderson là kịch tác gia, không phải tiểu thuyết gia.

— Trang 40: Trong bài viết " Các nhà nghiên cứu lẫn tiểu thuyết gia như David Riesman, C. Wright Mill, William H. Whyte". Thật ra, các vị trên là những nhà biên khảo, chưa hề là tiểu thuyết gia.

— Trang 41, dòng 23: trong bài viết : "Tại đạo quân"....Đúng ra phải viết là "tại đồn quân Schofields..."

— Trang 42: Gugenheim là tên một loại học bổng dành cho các nhà nghiên cứu,học giả, tại Hoa Kỳ, chứ không phải tên một hãng tàu.

Xin trân trọng cảm tạ lời chỉ giáo của một số văn hữu đã kịp thời thông báo cho Ban biên tập để đính chính. Đồng thời, chúng tôi cũng xin tạm hoãn phần tiếp theo của bài nói trên để khảo chứng lại kỹ càng hơn trước khi in.

Bài nhận được

Vài câu lục bát rời cho trăng, em và ta -thơ VDA; Biệt Xứ, Sầu lên ngút ngàn, thơ ĐH; Chín bài thơ của NHL; Mỹ Hương, Thùng quà nhỏ, Bờ tưởng nhớ, thơ ĐH; Một góc trời, thơ TT; Chiều hôm xịch bánh xe về cõi tiên, thơ ĐĐ; Nhớ nhà, Người điên trở về, thơ TC; Hai khuôn mặt, truyện HTA; Các bạn trẻ trước truyền thống dân tộc qua không thời gian , của PVT; Tay trái, Vô minh. thơ HXS; Giọt nước mắt tháng Giêng, truyện NGV; Một cảnh tù, truyện của VN; Tha kiếp, thơ LGT; Hôn lễ, thơ PNT; Đường đến Hàm Dương còn quá xa, Cuối cùng chỉ còn là mây bay, Sinh nhật thứ ba mươi, Gõ đàn trên xứ lạ, thơ NBS; Ngẫm ra, Giặt áo quần cho vợ, Thăm Ngũ Hành sơn, Khiêng nước, thơ LH.

Xin trân trọng cảm tạ các bạn. Những bài sẽ đăng, Văn Học sẽ xin có thư riêng.

Thư của ban quản lý

Kính gửi quí bạn đọc,

Đến Văn Học số này, Văn Học Nghệ Thuật và Văn Học đã đến với quí bạn được tròn một năm.

Bước sang năm thứ hai, Văn Học đã gặp rất nhiều khó khăn về mặt tài chánh , những khó khăn mà sau khi suy nghĩ, chúng tôi nhận thấy cần thưa rõ với quí bạn.

Vì tạp chí này nhằm giới thiệu những công trình nghiên cứu và sáng tác văn nghệ của người Việt hải ngoại, chú trọng phần giá trị của các công trình sáng tác và nghiên cứu hơn là phần sinh hoạt văn nghệ đó đây, nên chúng tôi biết trước số độc giả giới hạn rất nhiều. Ấn phí cho mỗi số báo chẳng khác nào ấn phí một cuốn sách mà giá thị trường tối thiểu cũng đến 4 Mỹ kim, trong khi mỗi số Văn Học giá chỉ 2 Mỹ kim. Dù có bán hết tất cả số báo in mỗi kỳ, sau khi trừ bưu phí, hoặc tiền hoa hồng dành cho các hiệu sách, Toà soạn vẫn không thể nào bù đắp đủ chi phí ấn loát và đánh máy. Trên nguyên tắc, số thu quảng cáo sẽ bù đắp số tiền lỗ này. Nhưng tạp chí Văn Học cố gắng hạn chế phần quảng cáo ,nên cuối cùng, tờ báo sống được hay không là nhờ sự hỗ trợ của quí bạn đọc.

Vì vậy, bắt đầu từ số này , ban quản lý xin đưa ra các biện pháp sau đây mong bạn đọc thông cảm :

1/ Báo sẽ tăng thêm trang để bài vở phong phú đầy đủ hơn, đồng thời giá bán mỗi số tại các hiệu sách sẽ tăng lên 2.50 Mỹ kim.

2/ Trừ các độc giả cũ tái đăng mua dài hạn sang năm thứ hai vẫn giữ y giá cũ, các độc giả mua dài hạn mới từ Văn Học số 4 sẽ trả theo giá biểu mới :

sáu tháng : 13.00 Mỹ kim
một năm : 25.00 Mỹ kim

Giá biểu này áp dụng cho các độc giả dài hạn tại Hoa kỳ và Canada, và báo gửi theo bưu phí hạng ba. Trong trường hợp các bạn đọc muốn nhận báo nhanh hơn thường lệ, xin thêm mỗi kỳ 1 MK để chúng tôi gửi theo bưu phí hạng nhất.

Báo gửi đi các nước khác ngoài Hoa Kỳ và Canada, bưu phí phụ trội tùy thuộc vào ấn định của bưu điện Hoa kỳ cho từng hạng.

Trên đây là những biện pháp bất đắc dĩ để cho Văn Học có thể tiếp tục đến với các bạn hàng tháng. Mong quí bạn thông cảm , và tiếp tục hỗ trợ cho Văn Học.

Phiếu mua báo dài hạn

(giá biểu mới kể từ tháng 5.1986)

Họ và tên bạn đọc.....
Địa chỉ :.....
.....
Zip Code.....

Đồng ý mua dài hạn Văn Học từ số:.....

*Sáu tháng.....$13.00 US
*Một năm.....$25.00 US
*Hai năm.....$45.00 US
*Mỗi số .....$2.50 US

*Báo gửi hạng nhất hay gửi ngoài Hoa kỳ và Canada trả thêm bưu phí theo giá tiền dưới đây:

*Giá bưu phí hạng nhất gửi trong Hoa Kỳ, Canada : $1.00 US cho mỗi số báo.

*Giá bưu phí gửi báo mỗi số đi các nơi khác:

BÁO GỬI ĐI ÂU CHÂU

Máy bay mỗi số.....$2.50 US
Tàu thủy mỗi số.....$1.02 US

BÁO GỬI ĐI ÚC VÀ Á CHÂU

Máy bay mỗi số.....$3.18 US
Tàu thủy mỗi số $1.02

PHIẾU TẶNG BÁO VĂN HỌC

Tôi muốn mua :

6 tháng báo Văn Học từ số.....
1 năm báo Văn Học từ số.....
2 năm báo Văn Học từ số.....

Để tặng cho:.....
Địa chỉ:.....
.....
.....
Yêu cầu ghi mỗi kỳ do :.....
gửi tặng . Chi phiếu và thư từ xin gửi về :

Tạp chí Văn Học
10104 Westminster Ave, Garden Grove, CA, 92 643
Chi phiếu xin đề : Văn Học

Lưu ý: Độc giả tái gia hạn vẫn trả theo giá biểu cũ.

● Nhiều nhà văn ca ngợi nghệ thuật viết tùy bút của Võ Phiến. Nhưng TÙY BÚT I không phải là một tác phẩm nghệ thuật. Nó còn là sách tùy thân của mọi người Việt nam.

● TÙY BÚT I giúp người Việt nam hiểu dân tộc Việt nam. Nó phát huy dân tộc tính Việt nam ngụ trong từng miếng ăn cái mặc, trong giọng nói dáng đi, trong khóe mắt nụ cười, trong tiếng chửi, trong kiểu nhà, câu ca giọng hát mỗi địa phương... Lâm Ngữ Đường làm cho Tây phương hiểu và quí dân tộc Trung hoa qua cuốn *Ngô quốc ngô dân (My country and my people). Tùy Bút I* là một cuốn *Ngô quốc ngô dân* của Việt nam.

● Chúng ta xa quê hương, hãy đọc *Tùy Bút I* để thấy gần với dân tộc. Đó là cuốn sách để đọc trong một tuần, cũng là cuốn sách để đọc lại một đời. Càng đọc càng thấm, càng kinh ngạc về dân tộc mình.

TÙY BÚT I

của Võ Phiến

Cuốn sách thứ 2 của nhà xuất bản
VĂN NGHỆ, phát hành vào tháng 5-1986.
Sách dày 340 trang. Giá: $12.00
Ngoài nước Mỹ thêm $2.00 cước phí.
Thư và chi phiếu xin gửi về :

Ông Võ Thắng Tiết
P.O. Box 2301
Westminster, CA 92683
Phone (714) 838-8432

ĐẶC BIỆT : BẠN ĐỌC NÀO MUỐN CÓ CHỮ KÝ CỦA TÁC GIẢ, XIN GỬI THƯ CHO NHÀ XUẤT BẢN BIẾT

ĐỜI VIẾT VĂN CỦA TÔI

Tập hồi ký đầy những tiết lộ bất ngờ
Tác phẩm cuối cùng của nhà văn
NGUYỄN HIẾN LÊ.

Trước ngày lâm chung, nhà văn phong phú nhất, nghiêm chỉnh nhất, khả kính nhất của Miền Nam tự do , tự kiểm điểm đời mình và :

* Kể lại từng bước một sự nghiệp đồ sộ nhất của lịch sử văn học Việt Nam đã được thành hình như thế nào ?
* Nhận xét về nền văn học Miền Nam trong khoảng thời gian 1954-1975
* Nhận xét về các khuôn mặt văn nghệ sĩ Miền Nam
* So sánh văn học Miền Nam và văn học Miền Bắc.
* Kể lại những tác phẩm ông đã viết, những hoạt động của ông, đời sống của ông sau tháng 4 năm 1975.

DO VĂN NGHỆ XUẤT BẢN

Sách dày 276 trang · Giá $10.00 US
Ngoài Hoa Kỳ ,thêm $ 1.50 US cước phí.

ĐẶNG TRẦN CÔN & PHAN HUY ÍCH

CHINH PHỤ NGÂM

THE SONG OF A SOLDIER'S WIFE

a bilingual edition
translated and annotated by ***HUỲNH SANH THÔNG***
illustrated by ***TRÙNG DƯƠNG***

The LẠC-VIỆT Series — No. 3

COUNCIL ON SOUTHEAST ASIA STUDIES
YALE CENTER FOR INTERNATIONAL AND AREA STUDIES

US$7.00 (including postage)
Please make your check or money order payable to Yale Southeast Asia Studies and send it to:

Yale Southeast Asia Studies
Box 13A Yale Station
New Haven, CT 06520 USA

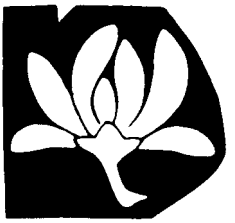

LÁ BỐI tại Bắc Mỹ Châu

P.O. Box 3687
San Jose, CA. 95156
Điện thoại : (408) 729-5440

Thư về : Cô Nguyễn thị Bích Thủy
Chi chiếu xin đề : Lá Bối

ĐÃ PHÁT HÀNH :

- ***Trái Tim Mặt Trời*** : từ chánh niệm đến thiền quán của Nhất Hạnh 5.00
- ***Am Mây Ngủ*** (truyện ngoại sử) của Nhất Hạnh 5.00
- ***Phép Lạ Của Sự Tỉnh Thức*** : Cẩm nang tu thiền của Nhất Hạnh 5.00
- ***Văn Lăng Dị Sử*** (truyện cổ tích nước Văn Lang của Nguyễn Lang 7.00
- ***Đi*** (truyện dài sáng tác quốc nội) của Hồ Khanh 7.00
- ***Tương Lai Văn Hóa Việt Nam*** (khảo luận) của Nhất Hạnh 3.00
- ***Tương Lai Thiền Học Việt Nam*** của Nhất Hạnh 3.00
- ***Bướm*** (tập truyện) của Nhất Hạnh 5.50
- ***Nẻo Về Của Ý*** (truyện dài tái bản lần thứ năm) của Nhất Hạnh 7.00
- ***Nói Với Tuổi Hai Mươi*** (hơn 50 ngàn ấn bản ở Việt Nam và Pháp) của Nhất Hạnh 4.00
- ***Bông Hồng Cài Áo*** của Nhất Hạnh 1.00
- ***Đạo Phật Ngày Nay*** của Nhất Hạnh 5.00
- ***Thiền Hành Yếu Chỉ*** của Nhất Hạnh 2.00
- ***Kinh Người Biết Sống Một Mình*** ..... biếu
- ***Tố*** (tập truyện) của Nhất Hạnh 6.00
- ***Đạo Phật Hiện Đại Hóa*** của Nhất Hạnh 6.00
- ***Từng bước nở Hoa Sen*** (Thi kệ Nhật tụng) của Nhất Hạnh 4.00

SẮP PHÁT HÀNH :

- *Việt Nam Phật Giáo Sử Luận I và II* của Nguyễn Lang

Y - NHA KHOA

14265 Brookhurst St.
(Giữa Westminster và Hazard)
Garden Grove, CA 92643

(714) 531-3263

Nữ Bác Sĩ Y Khoa
NGUYỄN THỊ NHUẬN

Tốt nghiệp chuyên môn Nhi Khoa tại UCI Medical Center
Bác Sĩ điều trị những bệnh viện lớn
vùng Long Beach và Orange County

CHUYÊN TRỊ BỆNH TRẺ EM
KHÁM BỆNH PHỤ NỮ

Giờ làm việc :
Thứ Hai đến Thứ Bảy : 10AM-6PM
Chủ Nhật : Theo hẹn

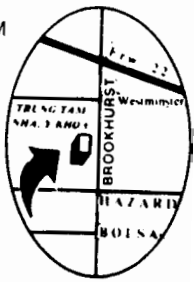

Nữ BAc Sĩ Nha Khoa
NGUYỄN THỊ NGỌC SƯƠNG

NHA KHOA TỔNG QUÁT
NHA KHOA NHI ĐỒNG
NHA KHOA THẨM MỸ
RĂNG GIẢ CÁC LOẠI

Ứng dụng máy móc kỹ thuật tối tân nhất

NHẬN BẢO HIỂM VÀ MEDI-CAL

Dành mọi điều kiện dễ dàng cho quý vị có bảo hiểm hoặc trả tiền mặt.

THAM KHẢO MIỄN PHÍ

Giờ làm việc:
Thứ Hai đến thứ Sáu : 10AM-7PM
Thứ Bảy : 10AM-5PM

BÁC SĨ

TRẦN NGỌC NINH

Phòng mạch chữa bệnh và giải phẫu
tại Trung Tâm Y Khoa Bristol
2720 South Bristol, Suite 206
Santa Ana, CA 92704

(714) 549-2252

Làm việc theo hẹn
từ thứ hai đến thứ sáu

— *Nguyên Giáo sư Y Khoa đại học Saigon*
— *Thạc sĩ Y Khoa Pháp*
— *Hội viên hội Chỉnh trực và thương khoa Pháp*
— *Hội viên Hội Chỉnh trực và thương khoa quốc tế*
— *Nguyên giảng viên khoa giải phẫu tiểu nhi đại học Pittsburg, PA.*
— *American Board of Orthopedic Surgery*
— *Hội viên hội Giải phẫu Tiểu nhi Anh và Pháp quốc*
— *Hội viên Hội giải phẫu Pháp.*

VĂN PHÒNG LUẬT SƯ DANH TIẾNG

SULLIVAN

ĐỒNG BÀO TẠI ORANGE COUNTY
Nói tiếng Việt xin gọi số:
(714) 895-6850

ĐỒNG BÀO TẠI LOS ANGELES COU
Nói tiếng Việt & Trung Hoa xin gọi số:
(213) 738-7327

Ở XA XIN GỌI TOLL FREE 1-800 -531-0020

9061 BOLSA Ave. #205
WESTMINSTER, CA. 92683
GIỜ LÀM VIỆC:
Từ 9:00AM đến 6:00PM
(Thứ Hai đến thứ Bảy)

2024 North BROADWAY #205
SANTA ANA, CA. 92706

2252 BEVERLY Blvd #207
LOS ANGELES, CA. 90057
GIỜ LÀM VIỆC:
Từ 9:00AM đến 6:00PM
(Thứ Hai đến thứ Bảy)

One MANCHESTER Blvd.
INGLEWOOD CITY HALL.#5
INGLEWOOD, CA. 90301

9 LÝ DO
Bị Tai Nạn Phải Tìm Cho Được
VĂN PHÒNG LUẬT SƯ DANH TIẾNG
SULLIVAN

1. Luật Sư lừng danh khắp nơi vì đã thắng nhiều vụ kiện trên 1 triệu dollar. Đặc biệt trong vụ cháy khách sạn MGM tại Las Vegas ông đã đem về 14 triệu cho thân chủ.
2. Đang thụ lý nhiều vụ kiện lớn như vụ rớt máy bay PAN AM tại New Orleans, KOREAN AIRLINE tại không phận Nga Sô. Riêng đối với cộng đồng Việt Nam, ông đang thụ lý vụ kiện hãng bào chế thuốc dưỡng thai Bendictin, và các vụ tai nạn chết người
3/ Văn Phòng Luật Sư chuyên về tai nạn lớn thứ ba tại California với hơn 40 luật sư và nhân viên cộng tác,gồm cả những luật sư từng là chánh án, biện lý và công tố viện tại toà án Hoa Kỳ, và 8 văn phòng quốc nội và quốc ngoại.
4/ Kinh nghiệm 18 năm trong ngành luật. Đấu tranh tận tình cho thân chủ tại toà thương thẩm và Tối Cao Pháp Viện.
5. Biệt tài hùng biện trước toà và các cơ quan hoà giải. Uy tín với các hãng bảo hiểm. Mưu lược khi thương lượng để đạt kết quả tối đa.
6. Rất nặng nợ với người Việt Nam. Cựu đại úy Thủy Quân Lục Chiến tại chiến trường Việt Nam. Từng tham gia các trận đánh lớn và đã giải ngũ với anh dũng bội tinh vì bị thương tại chiến trường biên giới Việt Miên.
7. Là người bạn chân tình của cộng đồng Việt Nam. Phục vụ cộng đồng Việt Nam từ năm 1975 với hàng ngàn thân chủ hài lòng và qúi mến.
8. Là người giúp cho thân chủ được hưởng quyền lợi tối đa khi bị tai nạn.
9. Chỉ nhận thù lao khi thắng kiện.

THAM KHẢO LUÔN LUÔN MIỄN PHÍ

Bác Sĩ
VƯƠNG ĐỨC HẬU,
M.D, F.A.C.O.G
Diplomate American Board of Obstetrics and Gynecology

CHUYÊN MÔN CHỮA TRỊ:

- THĂM THAI VÀ ĐỠ ĐẺ.
- BỆNH ĐÀN BÀ, HUYẾT TRẮNG - KẾ HOẠCH HOÁ GIA ĐÌNH: CỘT HOẶC ĐỐT ỐNG DẪN TRỨNG - KINH NGUYỆT BẤT THƯỜNG.
- HIẾM MUỘN VÀ GIẢI PHẪU HIẾM MUỘN
- GIẢI PHẪU BỆNH PHỤ NỮ, BỆNH SA TỬ CUNG, VÀ SỬA ÂM ĐẠO
- TRUY TÌM VÀ CHỮA TRỊ UNG THƯ CỔ TỬ CUNG, TỬ CUNG...

PHÒNG MẠCH:
TRUNG TÂM Y TẾ CHUYÊN KHOA
14536 Brookhurst St. (góc Hazard)
Phòng 101, Westminster, CA 92683

NGÀY GIỜ KHÁM BỆNH:
Thứ Hai đến Thứ Sáu: 10:00 đến 6:00
Thứ Bảy: 9:30 đến 2:00 P.M.
Nghỉ sáng thứ tư và chủ nhật

Điện Thoại: ***(714) 531-5505***

NHẬN MEDICAL VÀ BẢO HIỂM, XIN HẸN TRƯỚC

TUẦN BÁO THỜI SỰ NGHỆ THUẬT
XUẤT BẢN MỖI THỨ NĂM
CHỦ BIÊN HOÀI ĐIỆP TỬ

mai

ĐEM NGUỒN VUI SỐNG ĐẾN KHẮP CÁC GIA ĐÌNH VIỆT NAM

TÒA SOẠN:
10708 Westminster Ave. ☐ Garden Grove, CA 92643
714.638.8798

Bác Sĩ HUỲNH HỮU CỬU

Diplomate, American Board of Ophthalmology

Trị bệnh mắt, Giải phẫu mắt, Làm kiếng, Soft Contact Lens

Làm việc theo hẹn

Nhận Medi-Cal và Bảo hiểm

9559 Bolsa Ave., Suite B, Westminster, CA 92683

(Góc Bushard, trên lầu Bolsa Mini Mall)

(714) 531-9401

Bác Sĩ BÙI ĐỒNG

Nguyên Giảng Huấn Trưởng Đại Học Y Khoa Saigon

Nguyên Sĩ chuyên môn Bệnh viện Binh Dân, Nhi Đồng và Sùng Chính

Hội viên Hội Hàn Lâm Viện Ngoài Da Hoa Kỳ

CHUYÊN TRỊ

— Bệnh ngoài da và hoa liễu (Skin Diseases & Veneral Diseases)
— Bệnh Dị ứng (Allergy)
— Giải phẫu da (Skin Surgery)

9559 Bolsa Ave, Suite A, Westminster, CA 92683

(714) 531-4616 / 4617

LONG'S

AUTO CENTER

101 Harbor , Santa Ana, CA, 92 703

(Góc First và Harbor Blvd)

(714) 554 3000 & 554 3001.

VISA MasterCard

CHÚNG TÔI MỞ CỬA 7 NGÀY TRONG TUẦN

STATE OF CALIFORNIA
LICENSED
SMOG CHECK
INSPECTION
REPAIR STATION

Chúng tôi nhận sửa tất cả các loại xe, hư hỏng dù nặng nhẹ.(Xin gọi trước để ước tính giá cả. Free Estimate.)

Giờ mở cửa : 8.30 sáng đến 7.00 chiều
Chủ nhật : 8.30 sáng đến 4.00 chiều.

Lê Đức Long kính mời.

Giá đặc biệt cho khách hàng của LONG'S AUTO

Cơ sở hiện đang chăm sóc
các dịch vụ ấn loát của
NGUYỆT SAN VĂN HỌC
THE VIETNAM FORUM
NHÀ XUẤT BẢN VĂN NGHỆ
TẠP CHÍ ĐƯỜNG SỐNG
NGUYỆT SAN TUỔI HOA

nhận in sách, báo, bản tin
xếp chữ (phototypesetting)
có dấu chữ Việt
thiệp mời, thiệp cưới,
danh thiếp, ấn chỉ, phong bì
. . . . . .
đẹp - đúng hẹn -
giá phải chăng

10104 Westminster Avenue
Garden Grove, CA 92643
(714) 636-7932

CHỦ ĐỀ VĂN HỌC SỐ 5

TƯỞNG NIỆM NHÀ VĂN THANH NAM
Nhân ngày giỗ đầu 2.6.1986

ĐÓN ĐỌC TRÊN CÁC SỐ SAU :

KIỆT TẤN
Giơ tay ngoắc nguyệt (truyện ngắn)

TÔN THẤT TUỆ
Gói măng khô (truyện ngắn)

TRỊNH GIA MỸ
Cõi Riêng (truyện ngắn)

THẾ GIANG
Cay đắng nở hoa (truyện ngắn)

VỤ BẢN
Truyện ngắn dịch của Lỗ Tấn

NGU YÊN
Thuật ký pháp của thơ

TÀi LIỆU
Kinh nghiệm các nhà văn lưu vong Nga tại Âu châu

BAN CHỦ BIÊN TẠP CHÍ VĂN HỌC

Hồ Trường An, Phạm Quốc Bảo, Quyên Di, Võ Đình
Nguyễn Mộng Giác, Nguyễn Xuân Hoàng, Nguyễn Đức Lập
Định Nguyên, Vô Ngã, Nguyễn Tất Nhiên, Hoàng Khởi Phong
Bùi Vĩnh Phúc, Vũ Huy Quang, Nhật Tiến, Nguyễn Bá Trạc
Kiệt Tấn, Võ Thắng Tiết.
Phụ trách bài vở và điều hành chung : ***Nguyễn Mộng Giác***
Phụ trách trị sự : ***Võ Thắng Tiết***

Địa chỉ toà soạn : 10104 Westminster Ave, Garden Grove
Cali(USA) 92 643. Phone : (714) 838 8432

Báo tăng lên 144 trang *Giá bán lẻ : US $ 2.50.*